

TÂN TRÒ ĐỜI

LA COMÉDIE HUMAINE
(Nhiều dịch giả)

1

BALZAC



vh Nhà xuất bản Văn Học

HONORÉ DE BALZAC

Nhiều người dịch



TẤN TRÒ ĐỜI

• LA COMÉDIE HUMAINE •

TẬP 1

scan

VC

text, e-book

absentMeow

TRI THỨC TRẺ & NXB VĂN HỌC

ebook©vctvegroupp | 03-2022

CÁC DỊCH GIẢ CỦA TẬP NÀY

Nguyễn Thị Bình

Nguyễn Văn Doan

Đào Duy Hiệp

Đỗ Đức Hiểu

Trần Hình

Trịnh Thu Hồng

Nguyễn Thúy Loan

Đỗ Phương Mai

Đường Công Minh

Đinh Thị Reo

Lê Hồng Sâm

Nguyễn Thị Thìn

Lộc Phương Thủy

Cao Vũ Trân

Lê Phong Tuyết

LỜI GIỚI THIỆU

Tấn trò đời tập hợp toàn bộ tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn của văn hào Honoré de Balzac (1799 – 1850), gồm trên 90 tác phẩm. Mỗi tác phẩm là một đơn vị hoàn chỉnh, độc lập, có thể đọc riêng rẽ, đồng thời là bộ phận của một tổng thể toàn vẹn và duy nhất.

Với phát kiến “nhân vật tái hiện”, Balzac miêu tả nhân vật trong nhiều mối quan hệ phức tạp, trong tính đa dạng và sự vận động. Cuộc sống của nhân vật không kết thúc cùng với sự kết thúc xung đột mà còn tiếp tục, với nhiều thắng lợi hay thất bại, bởi cuộc sống xã hội vẫn tiếp diễn. Theo dõi nhân vật qua nhiều tác phẩm, độc giả sẽ không bị giới hạn trong cảm thụ thẩm mỹ, sẽ cảm nhận được ba chiều không gian (André Wurmser) và cả chiều sâu thời gian (André Maurois) của *Tấn trò đời*.

Sự tiếp cận đó hiện nay gần như không thể thực hiện, bởi bộ *Tấn trò đời* gồm 16 tập, với những tác phẩm được dịch trọn vẹn hoặc tóm tắt, nhưng điều quan trọng là *được đặt trong hệ thống*, do Nhà xuất bản Thế giới ấn hành vào dịp kỷ niệm lần thứ 200 năm sinh của Balzac, cách đây đã gần hai mươi năm, đến giờ rất khó sưu tầm đầy đủ.

Bởi vậy, Nhà xuất bản Văn học liên kết với Công ty TNHH Sách và Truyền thông Việt Nam (Trithuctrebooks) tái bản bộ tiểu thuyết với hy vọng đáp ứng nhu cầu của người đọc được tiếp cận tác phẩm trong tổng thể, để như nhận xét của George Sand, nữ tiểu thuyết gia cùng thời với Balzac “*mỗi phần, kể cả những phần ban đầu ta không ưa nhất, đều lấy lại được giá trị đối với ta*”.

Nhà xuất bản Văn học

THÀNH TỰU CỦA BALZAC★

Balzac là một huyền thoại: con người cũng như tác phẩm. Nếu như con người nhiều lần sạt nghiệp vì những việc kinh doanh rồ dại và rủi ro, thì thành tựu văn chương của ông vô cùng lớn lao từ thuở sinh thời, ngày nay thật trọng đại và khiến ông thành một trong những nhà văn được đọc nhiều nhất và được bình luận nhiều nhất trên thế giới.

Là phòng tranh sinh động lạ thường, là bức họa về một xã hội vận động và rạn nứt, Tấn trò đời cung cấp cho độc giả một phối cảnh kỳ lạ những tính cách, những đam mê, mãi mãi làm say lòng người. Trong sự vận động của những năng lượng, sự vận động thực sự dật nên các tác phẩm của ông, Balzac tỏ ra đồng thời là sử gia, là nhà phân tích, nhà tâm lý, nhưng trước hết ông là một nhà linh giác vĩ đại: ông là “nhà thơ của hiện thực” được Rodin thể hiện thật tài tình trong bức tượng ở đại lộ Raspail.

Là nhà sáng tạo thiên tài, người “ganh đua với hộ tịch” theo như câu nói nổi tiếng của ông, Balzac thuộc số rất ít văn hào toàn thế giới đã nâng nhân vật của mình lên tầm huyền thoại, và các hình tượng Rastignac, Nucingen, đại tá Chabert hoặc lão Goriot đã thành những mẫu người, chỉ cần nêu tên là miễn phải miêu tả tính cách. Nhà văn và tác phẩm của ông giờ đây thuộc về di sản của nhân loại.

Như vậy cần nhiệt liệt hoan nghênh sáng kiến của Nhà xuất bản Thế Giới, nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của văn hào, đã tiến hành xuất bản có hệ thống, bằng tiếng Việt, các tiểu thuyết trong Tấn trò đời. Nếu như một số cuốn đã được dịch riêng rẽ ở Việt Nam thì cả bộ tiểu thuyết còn chưa được xuất bản một cách tổng quát và hệ thống. Công trình rất lớn lao có thể nói là “mang tính chất Balzac” này, xứng đáng với văn hào và sẽ tiến hành trong nhiều năm. Dĩ nhiên công trình lập tức được cơ quan văn hóa thuộc Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội hưởng ứng và ủng hộ. Đây là một công trình tập thể, hợp tác giữa Pháp và Việt Nam: Tổ chức Quốc tế Nghiên cứu về Balzac, do bà Nicole Mozet phụ trách đã động viên và giúp đỡ. Nhưng nếu không có

lòng nhiệt tình của các nhà nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học ở Việt Nam, trước hết là bà Lê Hồng Sâm và nhóm dịch giả do các nhà nghiên cứu trên tập hợp, thì kế hoạch này sẽ chẳng bao giờ được thực hiện. Tôi tin rằng, cùng với sự cảm tạ hết sức lớn lao của Cơ quan văn hóa Pháp, sẽ là sự cảm tạ của độc giả Việt Nam trong khi phát hiện, hoặc tái phát hiện công cuộc “đi tìm tuyệt đối” này.

François GAUTHIER

Tham tán Văn hóa và Hợp tác

Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội

BALZAC VÀ TẤN TRÒ ĐỜI

I. THÀNH BALZAC HOẶC KHÔNG GÌ CẢ (Nicole Mozet, Lê Hồng Sâm dịch)

Honoré de Balzac là ai? Là một người trước hết ý thức được rằng mình thuộc về một thời đại mà dòng dõi gia tộc không còn đủ nữa để xác định một cá nhân. Toàn bộ Tấn trò đời dường như được tạo ra để minh họa một câu ông viết trong một bức thư: “Ngày nay quý tộc là 500.000 phớ-răng lợi tức hoặc một danh tiếng cá nhân” (Thư từ, II, tr. 710). Một người có cuộc đời riêng nhịp theo các đứt gãy chính trị: Đế chế, Trùng hưng, Quân chủ thánh Bấy, Cách mạng 1848. Con trai trưởng một gia đình khó xác định vị trí xã hội, lại thêm một ông bố tuổi rất cao và một bà mẹ rất trẻ. Một cậu bé đam mê. Một chàng trai không chịu trở thành công chứng viên như một ông anh họ tỉnh lẻ. Cuối cùng, một nhà văn, ở nhà văn này viết là tìm tòi bản sắc, và bản sắc không có nghĩa ngoài sự viết. Một nhà tiểu thuyết, nghĩa là một người, từ tác phẩm này sang tác phẩm khác, khẳng định và xác định qua việc ký tên tính độc đáo tác gia của mình, đồng thời khéo xoay trở đến vô cùng với những bản sắc vay mượn. Toàn bộ phần mở đầu Facino Cane nhắc tới, chỉ chuyển đổi chút ít, khả năng của chính ông, “khả năng sống cuộc sống” của một cá nhân khác: “Trong khi nghe những người ấy nói, tôi có thể hòa theo cuộc sống của họ, tôi cảm thấy áo quần rách rưới của họ trên mình tôi, chân tôi đi đôi giày thủng của họ; mong muốn của họ, nhu cầu của họ, tất cả chuyển sang tâm hồn tôi, hay là tâm hồn tôi chuyển sang tâm hồn họ. Đó là giấc mơ của người thức.”

Tuổi thơ: từ Tours đến Paris

Balzac ra đời ở Tours ngày 20 tháng 5 năm 1799 và hình như không chịu lễ rửa tội. Về sau nhà văn sẽ ghi ngày tháng tương ứng này ở lần tái bản thứ hai Những người Chouans, tác phẩm đầu tiên ký tên khai sinh của ông. Vào thời đó, Tours có 20.000 dân và nước Pháp, xứ sở nông nghiệp, còn tắm mình trong một nền văn hóa truyền khẩu. Nền Đốc chính, sắp bước vào cuộc đảo chính ngày 18 tháng

Sương mù, đang trên đường tiến tới Đế chế. Đường phố nơi Balzac ra đời mang tên Armée d'Italie, trước khi đổi thành Indre-et-Loire, rồi Napoléon, rồi Royale và cuối cùng là Nationale. Bố mẹ của Balzac, dù không có quan hệ thân tộc ở địa phương, vẫn thuộc hàng danh gia trong thành phố. Ông bố, phụ trách binh lương quân khu 22, được quận trưởng Pommereul che chở, quận trưởng cử ông làm chủ sự viện cứu tế. Ông cũng là bồi thẩm trợ tá cho pháp quan tạp tụng và từ 1803 đến 1808 là phó thị trưởng. Bởi vậy, ta có thể bần khoản khó nghĩ khi đọc điều người con viết, trong một bài tựa Bông huệ trong thung, cho rằng cha mình “bị cách mạng làm cho tan nát”.

Dù sự nghiệp của Bernard-François đã được Roger Pierrot thuật lại và được những bài viết gần đây làm sáng tỏ, dòng dõi bên nội vẫn bí ẩn, cho đến cả cái họ mà nhà văn rất lấy làm tự hào. Con người xuất thân nông dân miền Tarn này, sinh năm 1746, thực ra mang họ Balssa nhưng sớm đổi thành Balzac, một họ quý tộc, họ Balzac d'Entraigues. Về sau, trong Áo mộng tiêu tan, con trai ông cũng đã nhớ lại rằng đó là tên một thành phố nhỏ gần Angoulême và tên họ một nhà văn, “Guez danh tiếng, được biết nhiều hơn dưới tên Balzac”. Cả tiểu phẩm từ De cũng không nguyên gốc.*

Vậy là ngẫu nhiên Balzac ra đời ở Tours, và theo em gái ông, ngẫu nhiên ông được gọi là Honoré, cái tên không có tiền lệ ở một họ bản thân nó cũng cắt đứt với họ của tổ tiên, dường như ông bố muốn tái diễn cho con trai động tác định lại tính danh mà ông đã từng áp đặt cho họ gốc của mình. Hai cô con gái – Laure (20 tháng 9 năm 1800) và Laurence (18 tháng 4 năm 1802) – theo tên thánh của mẹ. Còn Henri-François, ra đời năm năm sau, ngày 21 tháng 12 năm 1807, có lẽ Bernard-François biết mình không phải là bố. Anh cả của Henri cũng biết điều đó, không hiểu bằng cách nào, và sau này sẽ đề cập trong một bức thư viết cho bà Hanska, ngày 19 tháng 6 năm 1848.

Trong huyền thoại Balzac, miền Touraine giữ một vị trí thiên đường, cần rời bỏ để trở nên người trưởng thành. Và, còn hơn cả Tours, chính Saint-Cyr-sur-Loire, ở bên kia sông, được coi như khởi điểm. Cậu bé sống tại đó, ở nhà vú nuôi, cho đến bốn tuổi, sát gần ngôi nhà nhỏ của Thạch lựu trang (La Grenadière), sau này được nhà văn tạo thành một nơi gần như thiêng liêng.

“Ở giữa lòng Touraine, nó là một Touraine nhỏ, nơi mọi loài hoa trái, mọi vẻ đẹp của xứ sở này đều được biểu trưng trọn vẹn”.

Sau đó Honoré sống với bố mẹ trước khi vào học trường Vendôme gần sáu năm, từ tháng 6 năm 1807 đến tháng 4 năm 1813. Ở ký túc xá là quy tắc đối với các học sinh thuộc môi trường của Honoré, nhưng chế độ tại Vendôme rất nghiêm ngặt: không được phép ra ngoài và rất ít được đến thăm. Trải nghiệm này cung cấp chất liệu cho các truyện kể về trường trung học trong Louis Lambert, song cũng không nên biến những điều đó thành tư liệu tiểu sử. Năm 1813, Honoré bị trả về nhà vì một lý do không được biết rõ, vô kỷ luật hoặc ốm đau. Đầu mùa hè năm ấy, cậu được gửi trọ tại Paris, trong tòa nhà phố Marais, nay là Bảo tàng Picasso, và theo học ở trường Trung học Charlemagne. Gửi các cậu bé tỉnh lẻ còn ít tuổi như thế đến Paris học tiếp không phải là thông lệ nhưng hình như Balzac đã trải nghiệm việc “búng đi” này như một sự khai tâm có lợi. Quả thực làm sao không nghĩ tới định thức trong Gaudissart trứ danh cho được?

“Hãy búng người dân Touraine đi nơi khác, các đức tính của anh ta sẽ phát triển và tạo nên những điều lớn lao (...) Người Touraine, ra ngoài thì xuất sắc đến thế mà ở nhà lại vẫn như người Ấn Độ trên chiếc chiếu, như người Thổ Nhĩ Kỳ trên trường kỷ của mình”.

Giống như Félix de Vandenesse ở đầu truyện Bông huệ trong thung, Honoré được mẹ đưa trở lại Tours vào tháng 2 hoặc tháng 3 năm 1814, vừa vặn trước khi Paris đầu hàng (ngày 30 tháng 3) và Napoléon thoái vị (ngày 10 tháng 4). Cậu học ngoại trú tại trường Trung học Tours, nhưng tháng 11 năm ấy lại rời Tours quay về Paris: trường Trung học Charlemagne rồi học luật. Việc lựa chọn dứt khoát trở thành nhà văn là vào năm 1819. Kể từ buổi đi vào văn chương ấy, tiểu sử và thư mục ngày càng ít tách bạch.

Người sáng tác tiểu thuyết

Khởi đầu Balzac giam mình trong “gác xép” nhà số 9 phố Lesdiguieres, tầng bốn. Ông viết một vở kịch, vở Cromwell, mà vì Viện sĩ Hàn lâm được nhờ đánh giá sẽ phán quyết là dở, và một cuốn tiểu thuyết sẽ không xuất bản: Sténie. Balzac hãy còn chưa là Balzac, nhưng các chủ đề lớn mang tính chất Balzac về quan hệ cha con, về

quyền lực, về sự trở lại Touraine đều đã hiện diện. Rồi đến ngôi nhà của bố mẹ tại Villeparisis và thời kỳ của các biệt danh: lord R'hoone, Horace de Saint-Aubin. Sau cảnh cô độc ở phố Lesdiguières, khởi đầu các mối kết giao và cộng tác văn chương. Cũng bắt đầu quan hệ yêu đương cùng Laure de Berny, với bà, Balzac được biết thế nào là tình ái đắm say, là lạc thú cùng chia sẻ và một sự đồng tình trọn vẹn về trí tuệ. Laure đóng một vai trò quyết định trong việc đào tạo Balzac, nhà văn thường tôn vinh điều đó. Ông tìm thấy ở Laure một người dìu dắt và một người tình, đồng thời là nữ độc giả lý tưởng, có khả năng khuyến khích trong khi phê phán. Suốt thời kỳ tiềm tàng và mò mẫm này, cho đến Những người Chouans năm 1829, Balzac – nhà văn tập luyện song chỉ nếm trải thất vọng. Làm xuất bản, ấn loát, lại còn tồi tệ hơn thế nữa. Ta chỉ có thể khâm phục sức sống giúp ông chống trả từ đáy sâu thất bại: “ở tuổi ba mươi sắp tới, tôi còn lại lòng can đảm và tên tuổi không hoen ố” (Thư từ, I, tr. 336). Ông viết điều đó ngày 1 tháng 9 năm 1828 cho tướng De Pommereul, ở Fougères, để xin lưu trú: “Tôi sẽ lại cầm bút và cánh bay linh hoạt* của chim quạ hoặc ngỗng cần phải giúp cho tôi sống và trả nợ mẹ tôi”. Đó là những năm vinh quang của tiểu thuyết lịch sử Pháp. Cuốn Cinq-Mars của Vigny, tái bản lần thứ ba do Balzac in, ra đời năm 1826, và chính Balzac cũng nghĩ tới điều này từ lâu. Trở lại văn chương, ông định sử dụng câu chuyện được nghe kể về “một sự kiện lịch sử năm 1798 có liên quan đến cuộc chiến của những người Chouans và người miền Vendée”, nghĩa là bên trong thể loại lịch sử, ông chọn một quá khứ rất gần. Thời kỳ của Tấn trò đời tương lai, về thực chất là truyện* về nửa đầu thế kỷ XIX, rốt cuộc đã tới. Viên đá đầu tiên của công trình lớn lao đến năm 1840 sẽ tìm được tiêu đề, được đặt vào tháng 3 năm 1829, với cuốn tiểu thuyết khi đó mang tên: Người Chouan cuối cùng hay là miền Bretagne năm 1800. Dù tác phẩm chỉ mới được hoan nghênh phần nào, một tác giả đã ra đời: ông Honoré Balzac, một thời gian rất ngắn không thêm tiểu phẩm từ.

Kể từ Sinh lý học hôn nhân (tháng 12 năm 1829) và Những cảnh đời tư vào tháng 4 năm 1830, cỗ máy Balzac ra sức hoạt động, mỗi tác phẩm sản sinh một hoặc nhiều tác phẩm khác, như đâm càn hoặc mọc mầm. Tăm vãi dẹt bắt đầu từ Lão Goriot nhờ biện pháp “nhân

vật tái hiện” là một hình ảnh hay về phương thức đan dệt sợi dọc sợi ngang lặp đi lặp lại với các biến thể, chuyển hóa và đảo ngược. Tôn ti đẳng cấp từ đó bị đảo lộn – một nhân vật trung tâm trong một tác phẩm, ở chỗ khác có thể bị ấn vào một xó –, và những sự tương phản thành ra tương đối: “người tỉnh lẻ ở Paris” được những “người Paris ở tỉnh lẻ” làm đối xứng, như Bianchon và Lousteau trong Nàng Thơ của quận, Vautrin lặp lại với Lucien de Rubempré mưu toan cám dỗ từng bị Eugène de Rastignac cự tuyệt, chàng trai này cũng từ Angoulême đến, các nữ công tước lộn xộn phóng túng còn các nhà tư sản ngày càng vênh vang dạn dĩ: dưới thời Louis-Philippe, nước Pháp đã chuyển từ một phu nhân De Beauséant sang một gã Beauvisage* tầm thường. Nên thêm vào các nhân vật trên cô nàng Nicole de Beupertuys của Truyện cười. Năng suất tài chính của phương thức viết này chẳng phải là xoàng, năng suất sáng tạo dù sao cũng thật lớn lao. Những lần tái bản và những lần tái sử dụng mang tính hệ thống, hầu như bao giờ cũng kèm theo một chiến dịch viết lại kéo dài nhiều hoặc ít khiến việc thu tiền về chậm hơn nhưng việc sản sinh ý nghĩa tăng thêm. Chính sự kiến tạo/tái tạo vận động liên miên bất tuyệt này làm nên tính độc đáo của tiểu thuyết Balzac: mỗi văn bản cứ bật lên khi ta ngỡ nó đã hoàn tất. Giống hình ảnh tác giả, tác phẩm có thể được ví với chim phượng hoàng luôn tái sinh khi tưởng như tuyệt diệt.

Bấy giờ Balzac sống một cuộc sống xã giao và yêu đương mãnh liệt. Laure de Berny, cho đến khi qua đời, năm 1836, vẫn giữ một vị trí ưu tiên bên nhà văn, tuy thế không thể ngăn ông yêu người phụ nữ khác. Năm 1832, Balzac nhận được một bức thư ký người đàn bà phương xa, bức thư sẽ hướng cả cuộc đời ông vào một quan hệ yêu đương xây dựng trên cơ sở vắng mặt trong một thời gian dài. Có một cái gì gây choáng váng trong mối tình say đắm xa vời đến mức nó để cho hai bên được hoàn toàn tự do, đồng thời cung cấp cho trí tưởng tượng của họ chất dinh dưỡng mà cả người này lẫn người kia rõ ràng cũng có nhu cầu. Ngoài bà Hanska, rất quý phái và rất giàu, những người đàn bà có ý nghĩa nhất đối với ông, sau Laure de Berny, có lẽ là nữ công tước d’Abrantès năm 1825, nữ hầu tước De Castries năm 1832 và nữ bá tước Guidoboni-Visconti năm 1835. Ông còn có những người tình khác nữa. Hình như ông không tìm lại được với một ai trong

những phụ nữ ấy, những người tuy thế đã ít hoặc nhiều yêu ông vì tài năng hay vì danh tiếng, vị ngọt ngào của tâm tình bọc bạch như thời Laure de Berny. Balzac là một người được sẵn đón, ân cần rất nhiều, nhưng rốt cuộc khá cô đơn.

Thời kỳ trước khi xuất bản dồn dập Tấn trò đời cũng là thời của những chuyến đi đầu tiên ra ngoài nước Pháp, về cuối đời Balzac bắt đầu phải du lịch rất nhiều, nhà du hành này năm 1832 mới ra khỏi biên giới lần đầu, để đến gặp bà De Castries tại Aix-les-Bains, lúc đó là một thành phố của Sardaigne (thuộc nước Ý – ND), rồi tại Genève: vụ này ông thất bại. Năm sau ông hai lần trở lại Thụy Sĩ để gặp bà Hanska. Ở Genève, vị phu nhân đãi các người Ba Lan và nhà văn đã nổi tiếng thành đôi tình nhân: đó là sự phục thù tốt lành. Những chuyến đi sau đó xác nhận danh tiếng Âu châu của Balzac: năm 1835, tại Vienne, ông được Metternich tiếp. Năm 1836, 1837 và 1838 tại Ý, ở Turin, Venise, Gênes, Florence và đặc biệt ở Milan, mọi cánh cửa đều mở đón ông. Dĩ thường hơn nữa là vụ làm ăn đại đột đen đủi dẫn ông sang Sardaigne tìm mỏ bạc để khai thác. Đồng thời ông tiếp tục dọc ngang khắp miền Trung nước Pháp mà ông rất quen thuộc. Với Touraine, ông sẽ thủy chung trọn đời. Ông cũng lưu lại nhiều lần tại gia đình Carraud ở Angoulême và năm 1838, nhân ở gần Issoudun, vẫn tại gia đình Carraud, ông lưu lại nhà George Sand ở Nohant một tuần lễ. Tình nhỏ trong Tấn trò đời cung cấp một ý niệm khá đúng về nước Pháp của Balzac, trừ ngoại lệ nổi tiếng là Douai trong Đi tìm tuyệt đối, ông không đến đó bao giờ.

Vào mùa thu năm 1840, Balzac đến ở Passy, khi đó còn là một làng, trong ngôi nhà hiện nay là số 47 phố Raynouard, nơi đặt Nhà Balzac (cũng là Bảo tàng Balzac – ND). Ông ở đó cùng một phụ nữ, Louise Breugnot, tức bà De Brugnol, là quản gia đồng thời là tình nhân của ông, bà Hanska sẽ rất ghen tuông với bà này. Từ khi rời Villeparisis, ông vẫn luôn ở Paris, nhưng thường là ngoại ô, và đôi khi ẩn danh, để thoát được các chủ nợ, các kẻ quấy rầy và sự trưng tập của quốc dân quân Paris. Mới đầu ông ở một căn hộ phố Tournon, rồi một căn khác phố Cassini từ 1828. Năm 1835, ông nấu mình dưới một tên giả tại làng Chaillot, phố Batailles, tại đó ông bố trí cho mình gian biệt thất xa hoa được mô tả trong Cô gái mắt vàng. Ông cũng sử

dựng một nhà nhỏ ở tạm, phố Provence, vào năm 1837, khi ông tậu cơ ngơi Jardies tại Sèvres, trên đường Versailles, ba năm sau ông buộc phải bỏ cơ ngơi này. Vừa ở vừa làm việc tại Passy, ông vẫn giữ nơi tạm trú phố Richelieu, trong nhà của Buisson, người thợ may được ông đưa vào làm nhân vật trong Tấn trò đời.

Người khởi xướng Tấn trò đời

“Thời điểm” của Tấn trò đời tương ứng với một biến chuyển khó đánh giá trong cuộc đời và sáng tác của Balzac. Dĩ nhiên ai nấy đều nhất trí công nhận rằng con người năm 1845 lập nên “mục lục” của Tấn trò đời vẫn là một nhà xây dựng vĩ đại, nhưng đôi khi ta tự hỏi phải chăng sức sáng tạo mãnh liệt của ông sắp nhụt dần đi do tác động phối hợp của tuổi tác, sự mệt mỏi, những chuyến đi xa và tình trạng mỗi tình của ông với Eve Hanska chuyển thành nỗi ám ảnh từ 1842 khi bà thành quả phụ. Chắc chắn là cái chết của Venceslas Hanski đã khiến đời Balzac xoay chuyển bất ngờ. Quả thực tất cả đều biến đổi kể từ mồng 5 tháng 1 năm 1842, ngày ông nhận được thư của bà Hanska từ năm 1835 chưa gấp lại, báo tin bà góa bụa. Mong ước kết hôn với bà lại nảy sinh và không rời ông nữa. Bà Hanska ít nôn nóng hơn. Sau một thời gian dài cưỡng lại, cuối cùng bà đồng ý để ông đến gặp tại Saint-Petersbourg vào mùa hè năm 1843. Chuyến đi bằng đường biển, lên tàu tại Dunkerque, mất 15 ngày. Ông lưu lại nhiều tuần, trong cảnh thân mật đầy hạnh phúc, rất ít thủ tục xã giao. Tuy vậy cuộc hôn nhân sẽ bị hoãn lại mãi vì Nga hoàng không cho phép bà Hanska lấy người ngoại quốc mà vẫn giữ đất đai điền sản, chưa kể niềm e ngại chính đáng có thể do tình hình tài sản của nhà văn gây nên. Kết thúc chuyến đi đầu tiên này, Balzac rời Saint-Petersbourg ngày 7 tháng 10 bằng xe trạm, trước khi có thể lên tàu hỏa ở Berlin. Ông thăm Berlin, Dresde và đầu tháng 11 mới về Passy, bị đau đầu nặng do một tai biến màng não có lẽ không phải lần thứ nhất. Ông chỉ thực sự làm việc lại vào năm 1844. Năm 1845, ông khởi đầu một loạt các cuộc du hành lớn qua châu Âu với bà Hanska, con gái bà và chàng rể tương lai, bá tước Georges Mnischev. Họ tự xưng là những người leo dây mùa rồi, Balzac là Bilboquet. Mùa hè ông đưa bà Hanska về Touraine, cuối năm đến Provence, trước khi sang Ý. Để bà và các con ở lại Ý, ông trở về Paris vào tháng 11, nhưng tháng 3 năm sau lại sang*

Rome gặp bà. Họ cùng nhau đi Thụy Sĩ. Tất cả những chuyến du lịch này đều có những cuộc viếng thăm các nhà bảo tàng và mua hàng tại các hiệu đồ cổ, từ đó sẽ xuất hiện Anh họ Pons. Người ta dễ dàng hiểu được rằng Balzac, con người của các danh mục và các sự phân bố, trở thành nhà sưu tập, với ông giữa sưu tập và sáng tạo không hề có mâu thuẫn. Ông về Paris vào cuối tháng 5 năm 1846 với hy vọng được làm cha, niềm hy vọng khơi lại mơ ước khi xưa về Thạch lựu trang, ước mơ tậu một ngôi nhà ở Touraine. Lần này, ông nghĩ tới lâu đài Moncontour, gần Vouvray. Đứa trẻ định mang tên Victor-Honoré song sẽ chẳng bao giờ ra đời. Moncontour không được tậu. Balzac lại sang Đức gặp bà Hanska cùng gia đình. Suốt thời kỳ này, Tấn trò đời vẫn tiếp tục và hai cuốn tiểu thuyết lớn, thuộc số tác phẩm mãnh liệt nhất mà Balzac từng viết, được khởi công và hoàn thành: Chị họ Bette, đăng làm bốn mươi kỳ trong báo Người lập hiến giữa tháng 10 và tháng 12 năm 1846, tiếp sau là Anh họ Pons, năm 1847. Cũng cần phải nêu Nghị viên miền Arcis và Hóa thân cuối cùng của Vautrin.

Từ năm 1845, nghĩ đến việc ở Paris cùng bà Hanska, Balzac lúng túng mua nhà. Tháng 9 năm 1846, ông tậu tòa nhà phố Fortunée, ông sẽ qua đời tại đó. Nhưng phải có thời gian để sửa sang sắp đặt ngôi nhà. Tháng 2 năm 1847, khi bà Hanska đến Paris, do cuộc hôn nhân vẫn chưa tiến hành, bà ở phố Neuve-de-Berry, nay là phố Berri. Balzac vẫn ở Passy, làm việc rất nhiều. Tháng 5, ông đưa bà đến tận Francfort rồi trở lại Paris ngay. Vào tháng 6 hoặc đầu tháng 7, bà Hanska về Wierzchownia. Tháng 9, Balzac sang đó gặp bà và ở lại đến tháng 1 năm 1848. Thất vọng vì bà Hanska vẫn không chịu thành hôn, ông rời Wierzchownia bất kể mùa đông và về tới Paris vài ngày trước cách mạng tháng Hai. Từ 19 tháng 9, ông lại sang Nga. Quá ốm yếu không thể du lịch trong mùa hè 1849, ông ở lại Wierzchownia lâu hơn dự định, tới tháng 4 năm 1850, viết các kịch bản và vẫn hy vọng cho công diễn các vở kịch của mình tại Paris. Đó là một người mang nỗi ám ảnh, và bị việc hôn nhân trì hoãn giày vò cũng nhiều như bệnh tật. Từ lâu ông đã mắc căn bệnh mà y học thời đó gọi là chứng “tâm khuếch trương”, tức là chứng thiếu năng động mạch vành sẽ dẫn tới bệnh phù phổi khiến ông qua đời năm sau. Ông đã đoán ra những gì? Ông có tin đến cùng là mình bất tử, như bố ông hay không? Với bác sỹ

Knothé, thầy thuốc của Wierzchownia, ông có niềm tin vững chắc như niềm tin ông phô ra trong các bức thư của mình hay không? Dù sao mặc lòng, thay vì chiến thắng bao lâu mong ước, việc trở về Paris sau khi kết hôn, chuyển thành tai họa như ngày tận thế: một cánh cổng đóng kín giữa đêm hôm phải nhờ thợ khóa mở ra, một gia nhân lên cơn mê sảng, một chị nấu bếp ốm nặng và một ông chủ hấp hối, gần như mù lòa, thở hết sức khó khăn. Điều này không ngăn được ông hề hời đỡ là phạm những điều bất cần, không ngăn được ông bông đùa cùng cô cháu gái, một tháng trước khi qua đời, kể với cô rằng người ta tiên đoán ông sẽ ốm rất nặng ở tuổi năm mươi nhưng sẽ chết ở tuổi tám mươi.

Balzac mất ngày 19 tháng 8 năm 1850. Lập tức người ta lấy tên ông đặt cho phố Fortunée, nơi Eve de Balzac, mà mọi người lên án là nguôi khuây quá nhanh, ở cho đến khi chết, năm 1882. Ông được tặng Huân chương Bắc đẩu, đó là vinh dự chính thức duy nhất ông đạt được khi còn sống, nhưng bù lại, câu chuyện thần kỳ về ông hình thành rất nhanh. “Trong cùng một ngày, ông đi vào vinh quang và vào cõi chết”, Victor Hugo sẽ nói điều đó trong điệu văn đọc tại nghĩa trang Père-Lachaise. Trong tờ La Mode ngày 24 tháng 8 năm 1850, Barbey d'Aurevilly viết: “Cái chết ấy là một tai họa tinh thần thực sự, chỉ có cái chết của Byron mới so sánh được [...]”.

Hạnh phúc lớn nhất của nhà văn sau khi qua đời có lẽ là niềm say mê ở một nhà sưu tập người Bỉ, nam tước Spoelberch de Lovenjoul (1836 – 1907), ông đã thu thập tất cả những gì có thể tìm lại được về các văn bản của Balzac – tác phẩm đã in, thư từ và bản thảo –, cũng như các tờ báo, tạp chí và các tư liệu khác của thời kỳ lãng mạn. Bộ sưu tập quý giá của ông được tặng cho Học viện Pháp quốc vào năm 1905.

II. TẤN TRÒ ĐỜI – “MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TRÌNH MÊNH MÔNG NHẤT MÀ MỘT CON NGƯỜI DÁM ĐƠN ĐỘC CẦU TỬ” (Lê Hồng Sâm)

Một số tiểu luận và ghi chép của Balzac từ trước tuổi hai mươi đã cho thấy một khát khao hiểu biết rất mạnh mẽ đối với triết học và khoa học. Bản thân Balzac từng muốn là triết gia, trước khi nghĩ đến

làm tiểu thuyết gia, và bộ tiểu thuyết của ông mang dấu ấn mỗi kỳ vọng “bao quát hết thấy, chế ngự hết thấy, lý giải hết thấy”^{}.*

Năm 1830, Những cảnh đời tư gồm sáu truyện vừa, là mầm mống của công trình sau này.

Năm 1833, khi đã xuất bản trên hai mươi tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn, ý định tập hợp các tác phẩm tản mạn vào một tổng thể rộng lớn hình thành rõ nét ở Balzac; ông phác họa Khảo luận phong tục thế kỷ XIX (được chia thành Những cảnh đời tư, Những cảnh đời tỉnh lẻ, Những cảnh đời Paris), nền móng đầu tiên của bộ tiểu thuyết.

Năm 1834, một đề cương rành mạch cho thấy nhà văn đã ý thức được tính thống nhất của công trình đang thực hiện, bao gồm ba bộ phận lớn Khảo luận phong tục, Khảo luận triết học, và Khảo luận phân tích. Trong bức thư đề ngày 26 tháng 10 năm 1834, gửi bà Hanska, ông xác định phần Khảo luận phong tục sẽ trình bày các hiện tượng xã hội “không bỏ sót một hoàn cảnh nào, một gương mặt nào, một tính cách nào của đàn ông hay đàn bà, một lối sống nào, một nghề nghiệp nào, một giới xã hội nào...”. Hiện tượng phong phú muôn vẻ, bởi thế phần này bao gồm một số lượng rất lớn tác phẩm. Trên cơ sở đó, Khảo luận triết học lý giải nguyên nhân và cuối cùng, Khảo luận phân tích đề xuất nguyên lý.

Cấu trúc tổng quát đã được tạo dựng, hệ thống đã xác lập, chỉ còn thiếu tiêu đề chung. Thoạt tiên, Balzac định chọn tiêu đề Khảo luận xã hội, nhưng cuối năm 1840, “cái tên tuyệt vời và sâu sắc”^{} Tấn trò đời được quyết định, biểu lộ rõ ý định thể hiện trọn vẹn một thực tế đang hoạt động, đang diễn tiến. Kiệt tác Thần khúc hẳn có gợi ý cho Balzac – năm 1835, mở đầu truyện Cô gái mắt vàng, ông viết rằng “địa ngục” Paris “một ngày kia, có lẽ sẽ có DANTE của nó”. Nhưng từ năm 1834, ông đã nhắc tới Shakespeare ở bài giới thiệu Khảo luận triết học, phát biểu tham vọng trình bày với người đương thời tấm gương soi thế gian: “Người ta bảo rằng xưa kia, trong các vở kịch của ông, Shakespeare từng tự đề ra một mục đích tương tự”. Và gần gũi hơn, trực tiếp hơn, là nhà hài kịch Pháp thế kỷ XVII, Balzac nói khi đã gần hoàn thành công trình: “Nếu như Molière sống ở thời chúng ta, hẳn ông sẽ viết Tấn trò đời”.*

Năm 1842, nhà văn viết Lời nói đầu cho cả công trình, một tuyên ngôn độc đáo biểu lộ nhiều quan điểm mỹ học, triết học, chính trị, với kết luận: “Một dàn ý mênh mông bao gồm cả lịch sử lẫn phê phán xã hội, cả sự phân tích những bệnh tật lẫn sự luận bàn những căn nguyên xã hội, thiết tưởng cho phép tôi đặt tiêu đề công trình xuất bản ngày hôm nay là Tấn trò đời. Liệu có đầy tham vọng không? Chẳng là chính xác hay sao? Đó là điều công chúng sẽ quyết định, khi tác phẩm hoàn tất”.

Tác phẩm sẽ không hoàn thành. Năm 1845, Balzac lập danh mục toàn bộ Tấn trò đời, bao gồm 137 đầu sách, trong số này 87 cuốn được thực hiện. Ngoài ra, còn 5 cuốn viết sau năm 1845, chưa ghi tên trong danh mục, có những kiệt tác như Chị họ Bette (1846), Anh họ Pons (1847), hay Nông dân, tác phẩm lớn xuất bản sau khi ông qua đời. Khiếm khuyết rõ rệt nhất, như ông đã nêu trong Lời nói đầu, là ở Những cảnh đời binh nghiệp: trong 23 tác phẩm dự kiến, chỉ có 2 tác phẩm được hoàn thành. Và nếu nhìn tổng thể, phần Khảo luận phân tích thật ít tương xứng với công trình đồ sộ. Nhưng, Tấn trò đời là “một trong những công trình bát ngát mênh mông nhất mà một con người dám đơn độc cấu tứ”^{}, và cái chết của Balzac lại đến sớm. Sở dĩ Barbey d'Aurévilly coi “cái chết ấy là một tai họa tinh thần thực sự, chỉ có cái chết của Byron mới so sánh được” vì theo D'Aurévilly, khác với Walter Scott tắt đi như vầng dương êm ả sau một ngày dài, với Goethe đã thành tượng hoa cương bất tử từ khi còn sống, Byron cũng như Balzac chết giữa lúc tài năng nở rộ, bỏ lại công trình dang dở...*

Danh mục năm 1845 dưới đây do Balzac soạn cho nhà in sắp chữ. Về sau, ông có thay đổi đôi chút trật tự các tiểu thuyết. Các tác phẩm Chị họ Bette, Anh họ Pons, Một tay làm ăn, Gaudissart II và Những phiên hà trong đời sống vợ chồng chưa có tên trong danh mục.

DANH MỤC

Các tác phẩm sẽ có trong TẤN TRÒ ĐỜI

Trật tự lập năm 1845 cho công trình xuất bản trọn bộ 26 tập.

Các tác phẩm in chữ nghiêng đang còn tiến hành.

PHẦN MỘT: KHẢO LUẬN PHONG TỤC

PHẦN HAI: KHẢO LUẬN TRIẾT HỌC

PHẦN BA: KHẢO LUẬN PHÂN TÍCH

PHẦN MỘT: KHẢO LUẬN PHONG TỤC

Sáu bộ sách: 1. Những cảnh đời tư; 2. Những cảnh đời tỉnh lẻ; 3. Những cảnh đời Paris; 4. Những cảnh đời chính trị; 5. Những cảnh đời binh nghiệp; 6. Những cảnh đời thôn dã.

NHỮNG CẢNH ĐỜI TƯ

(Bốn quyển, từ tập 1 đến tập 4)

1. *Những đứa trẻ*; 2. *Một ký túc xá nữ*; 3. *Bên trong trường trung học*; 4. Cửa hiệu Mèu-chơi-bóng; 5. Vũ hội ở Sceaux; 6. Hồi ký của hai người vợ trẻ; 7. Túi tiền; 8. Modeste Mignon; 9. Một bước khởi đầu trong đời; 10. Albert Savarus; 11. Thù truyền kiếp; 12. Một gia đình kếp; 13. Yên ấm gia đình; 14. Bà Firmiani; 15. Khảo luận về phụ nữ; 16. Cô nhân tình hồ; 17. Một người con gái của Eve; 18. Đại tá Chabert; 19. Lời truyền đạt; 20. Thạch lựu trang; 21. Người đàn bà bị bỏ rơi; 22. Honorine; 23. Béatrix hay Tình yêu gượng ép; 24. Gobseck; 25. Người đàn bà tuổi ba mươi; 26. Lão Goriot; 27. Pierre Grassou; 28. Lễ cầu hôn của người vô thần; 29. Luật Đình chỉ; 30. Khế ước hôn nhân; 31. *Chàng rể và mẹ vợ*; 32. Khảo luận khác về phụ nữ.

NHỮNG CẢNH ĐỜI TỈNH LẺ

(Bốn quyển, từ tập 5 đến tập 8)

33. Bông huệ trong thung; 34. Ursule Mirouët; 35. Eugénie

Grandet; – **Những người độc thân**; 36. Pierrette; 37. Cha xứ ở Tours; 38. Một gia đình trai chưa vợ ở tỉnh lẻ*; – **Người Paris ở tỉnh lẻ**; 39. Gaudissart trứ danh; 40. *Những người nhân nheo*; 41. Nàng Thơ của quận; 42. *Một nữ diễn viên trên đường du hành*; 43. *Người phụ nữ ưu việt*; – **Những sự đối địch**; 44. *Kẻ độc đáo*; 45. *Những người thừa kế họ Boirouge*; 46. Cô gái già; – **Người tỉnh lẻ ở Paris**; 47. Phòng cổ vật; 48. *Jacques de Metz*; 49. **Ảo tưởng tiêu tan**: Phần 1. Hai chàng thi sĩ; Phần 2. Một vĩ nhân tỉnh lẻ ở Paris; Phần 3. Những đau khổ của nhà phát minh.

NHỮNG CẢNH ĐỜI PARIS

(Bốn quyển, từ tập 9 đến tập 12)

Truyện mười ba người: (đoạn thứ nhất) 50. Ferragus; (đoạn thứ hai) 51. Nữ công tước De Langeais; (đoạn thứ ba); 52. Cô gái mắt vàng; 53. Những viên chức; 54. Sarrasine; 55. Bước thăng trầm của César Birotteau; 56. Nhà ngân hàng Nucingen; 57. Facino Cane; 58. Bí mật của nữ vương tước De Cadignan; 59. Vinh và nhục của kỹ nữ; 60. Hóa thân cuối cùng của Vautrin; 61. *Các bậc quyền quý, bệnh viện và dân chúng*; 62. Một ông hoàng của giới Lưu đãng; 63. Diễn viên hài nghiêm túc*; 64. Mẫu trò chuyện Pháp; 65. *Cảnh tòa án*; 66. Những người tiểu tư sản; 67. *Giữa các nhà thông thái*; 68. *Hiện trạng kịch trường*; 69. *Hội đoàn An ủi**.

NHỮNG CẢNH ĐỜI CHÍNH TRỊ

(Ba quyển, từ tập 13 đến tập 15)

70. Một chuyện nhỏ dưới thời Khủng bố; 71. *Lịch sử và tiểu thuyết*; 72. Một vụ âm mưu; 73. *Hai kẻ tham vọng*; 74. *Tù viên sứ quán*; 75. *Tạo ra một Nội các như thế nào*; 76. Nghị viên miền Arcis; 77. Z. Marcas.

NHỮNG CẢNH ĐỜI BINH NGHIỆP

(Bốn quyển, từ tập 16 đến tập 19)

78. *Những người lính của nền Cộng hòa* (ba đoạn); 79. *Bước vào*

chiến dịch; 80. Người xứ Vendée; 81. Những người Chouans; Người Pháp ở Ai Cập: (đoạn thứ nhất); 82. Nhà tiên tri (đoạn thứ hai); 83. Quan tổng đốc (đoạn thứ ba); 84. Một mối đam mê nơi sa mạc; 85. Đạo quân lưu động; 86. Tổng tài vệ binh; 87. Thời Vienne: Phần thứ nhất: Một trận đánh; Phần thứ hai: Đạo quân bị vây; Phần thứ ba: Đồng bằng Wagram; 88. Chủ quán; 89. Người Anh ở Tây Ban Nha; 90. Mạc Tư Khoa; 91. Giao chiến ở Dresde; 92. Những người rút lại phía sau; 93. Những người ủng hộ; 94. Một chuyến tuần tra; 95. Cầu nổi; 96. Chiến dịch Pháp; 97. Chiến trường cuối cùng; 98. Tù trưởng; 99. Pénissière; 100. Tên cướp biển người Algérie.

NHỮNG CẢNH ĐỜI THÔN DÃ

(Hai quyển, từ tập 20 đến tập 21)

101. Nông dân; 102. Thầy thuốc nông thôn; 103. *Thẩm phán hòa giải*; 104. Cha xứ làng quê; 105. *Vùng phụ cận Paris*.

PHẦN HAI: KHẢO LUẬN TRIẾT HỌC

(Ba quyển, từ tập 22 đến tập 24)

106. *Phédon thời nay*; 107. Miếng da lừa; 108. Jésus-Christ ở Flandre; 109. Melmoth quy thiện; 110. Massimila Doni; 111. Kiệt tác không người biết; 112. Gambara; 113. Balthazar Claës hay là Đi tìm Tuyệt đối; 114. *Chủ tịch Fritot*; 115. Nhà bác ái; 116. Đứa con bị nguyên rửa; 117. Vĩnh biệt; 118. Họ Marana; 119. Người trưng binh; 120. El Verdugo; 121. Thảm kịch bên bờ biển; 122. Tiên sinh Cornélius; 123. Quán đỏ; 124. Người tuần nạn thuộc giáo phái Calvin; 125. Lời bộc bạch của anh em Ruggieri; 126. Hai giấc mộng; 127. *Chàng Abeilard mới*; 128. Thuốc trường sinh; 129. *Cuộc đời và sự phiêu lưu của một tư tưởng*; 130. Những kẻ bị lưu đày; 131. Louis Lambert; 132. Séraphita.

PHẦN BA: KHẢO LUẬN PHÂN TÍCH

(Hai quyển, từ tập 25 đến tập 26)

133. *Giải phẫu học giáo giới*; 134. Sinh lý học hôn nhân; 135.

Bệnh lý học đời sống xã hội; 136. Chuyên luận về đức hạnh; 137. Đàm thoại triết học và chính trị về những điều hoàn thiện của thế kỷ XIX.

Mỗi tập ít ra phải gồm 40 tờ giấy khổ to (640 trang), cỡ chữ La Mã nhỏ, sao cho mỗi trang chứa ba nghìn chữ*.

Cuối thế kỷ XIX, Ferdinand Brunetiere, giáo sư và nhà phê bình văn học, nhận định: “Có thể nói về Balzac rằng ông không chỉ là nhà tiểu thuyết vĩ đại nhất, phong phú nhất, đa dạng nhất của chúng ta, mà là bản thân Tiểu thuyết”. Quả thực, với Balzac và Stendhal, tiểu thuyết Tây Âu được hoàn thiện. Những tìm tòi và đóng góp của Balzac cho nghệ thuật tiểu thuyết nhiều và cơ bản đến mức các điều đó thâm nhập tiểu thuyết sau ông một cách tự nhiên, tiểu thuyết Balzac đồng nghĩa với tiểu thuyết cổ điển và trở thành một cái mốc, một dẫn chứng bắt buộc đối với tất cả các tác giả đến sau ông, dù họ khâm phục hay phản đối.

Balzac đã khai thác và phát triển tính linh động, uyển chuyển kỳ lạ của tiểu thuyết, tổng hòa các khuynh hướng sử thi, trữ tình, kịch; cho đến nay sự tổng hòa này vẫn là nét tiêu biểu của thể loại tiểu thuyết. Ông đã khắc phục sự “tách đôi” thể loại thành hai xu hướng “khách quan” và “chủ quan” ở thế kỷ XVIII, kết hợp tính rộng rãi sử thi của Fielding với chiều sâu tâm lý của Sterne, Rousseau; tiểu thuyết Balzac là “thiên lịch sử phong tục” đồng thời là “lịch sử trái tim con người”. Cuộc sống thường ngày của nhân vật được hiểu thấu trong mối quan hệ với lịch sử đương thời, các vấn đề của cá nhân được đặt trong tình huống lịch sử, dưới sự vận động bề mặt của các tình tiết là sự vận động sâu xa của lịch sử. Sự miêu tả không gian, tổ chức không gian trong tiểu thuyết, ngoài chức năng trang trí, biểu cảm, tạo ảo tưởng về cái có thật, được Balzac cấp cho một chức năng mới; chức năng nhận thức, lý giải. Theo nhà nghiên cứu Eric Auerbach, thuật ngữ môi trường xuất hiện lần đầu tiên với ý nghĩa xã hội học là trong

Lời nói đầu của Tấn trò đời*.

Balzac đã mở rất rộng phạm vi đề tài: tiểu thuyết Balzac không chỉ thu hẹp vào chuyện tình duyên giữa những con người cao nhã mà bao trùm mọi hoạt động của mọi tầng lớp. Nhân vật của ông là nhà quý tộc, thương nhân, chủ ngân hàng, nhà công nghệ, điền chủ, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo, diễn viên, thẩm phán, luật sư, viên chức, linh mục, bác sĩ, quân nhân, thợ thủ công, thợ may, thợ mộc, chị hầu phòng, bác đánh xe, người gác cổng, nông dân, gái giang hồ... Việc đưa vào tiểu thuyết một khối lượng lớn các nghề nghiệp, các khoa học, kỹ thuật, dẫn tới mở rộng ngôn ngữ văn chương: với Balzac, các từ “bê-tông”, “máy hơi nước”, “cacbon ”... lần đầu tiên đi vào tác phẩm nghệ thuật.

Balzac đã trình bày một “thi pháp của tiểu thuyết” trong Lời nói đầu bộ Tấn trò đời. Ông khẳng định nghệ thuật phải thể hiện chân thật thực tế: “Tiểu thuyết sẽ không là gì cả nếu trong lời nói dối uy nghiêm ấy, nó không chân thực trong chi tiết”. Nhưng cái thật của nghệ thuật không đồng nhất với cái thật của tự nhiên mà “trường cửu hơn, đích thực hơn” và vấn đề này chỉ có thể giải quyết bằng điển hình. Balzac là người đầu tiên đưa ra một lý thuyết hoàn chỉnh về điển hình – tính cách điển hình “phối hợp các nét của nhiều tính cách đồng chất” và hoàn cảnh điển hình “có những hoàn cảnh có mặt ở tất cả các cuộc đời, những khoảnh khắc điển hình, và đó là một trong những điều chân xác tôi đã ra công tìm kiếm”. Sáng tạo nghệ thuật là một hành động nhận thức, khám phá tính quy luật, phá vỡ tính ngẫu nhiên bên ngoài của sự vật, nghệ sĩ không thể dừng lại ở hiện tượng mà phải thấu hiểu bản chất “nắm bắt được ý nghĩa ẩn giấu trong khối tập hợp mênh mang những gương mặt, những dự vọng và biến cố”.*

Kết cấu mang tính kịch quán xuyên toàn bộ công trình, từ tiêu đề chung Tấn trò đời (La Comédie humaine) đến các Cảnh (Scenes), mỗi cảnh gồm nhiều tác phẩm. Trong bố cục từng tác phẩm, phần mở đầu thường chậm rãi, với những sự trình bày chi tiết, miêu tả tỉ mỉ, nhằm gây không khí, chuẩn bị cho hành động và kịch biến đột ngột sau này vì “nguyên nhân giúp đoán ra kết quả, cũng như mỗi kết quả cho ta tìm lại được nguyên nhân”.*

Một phát kiến của Balzac, được ứng dụng lần đầu tiên năm 1834,

từ Lão Goriot, là “nhân vật tái hiện”. Thủ pháp mới mẻ này cho phép miêu tả nhân vật trong nhiều mối quan hệ phức tạp, trong tính đa dạng và sự vận động. Cuộc sống của nhân vật không kết thúc cùng với sự kết thúc xung đột, trong một tác phẩm, mà còn tiếp tục ở nhiều tác phẩm khác, với nhiều thắng lợi hay thất bại, bởi cuộc sống xã hội vẫn tiếp diễn. Tất nhiên, trong số hơn hai nghìn nhân vật của Tấn trò đời, chỉ có hơn năm trăm nhân vật tái hiện và phần lớn tái hiện ở bình diện thứ hai, thứ ba, làm nền cho nhân vật chính, nhưng “một câu, một từ, một chi tiết ở mỗi tác phẩm gắn cuốn nọ với cuốn kia” tạo mối liên hệ nội tại giữa các đơn vị của tổng thể toàn vẹn và duy nhất là Tấn trò đời. André Wurmser cho rằng nhân vật tái hiện khiến Tấn trò đời không chỉ giống một bức họa, mà gần với công trình điêu khắc, có ba chiều không gian như thế giới thực. André Maurois lại thấy biện pháp này cho nhân vật có thêm một chiều thứ tư là chiều sâu thời gian.

Mỗi cuốn tiểu thuyết là một đơn vị hoàn chỉnh, độc lập, nhưng nếu theo dõi nhân vật Rastignac qua Lão Goriot, Ảo tưởng tiêu tan, Vinh và nhục của kỹ nữ, Nhà ngân hàng Nucingen, Luật Đình chỉ, Nghị viên miền Arcis... người đọc sẽ thấy được quá trình chàng sinh viên nghèo dần trở nên trang phong lưu công tử, rồi bộ trưởng, bá tước, kết hôn với cô thừa tự triệu phú như thế nào, hoặc tên tội phạm Vautrin trong Lão Goriot, qua Ảo tưởng tiêu tan, sang Vinh và nhục của kỹ nữ, cuối cùng trở thành người chỉ huy ngành cảnh sát!

Giữa thế kỷ XX, “thế kỷ hoài nghi”, các nhà tiểu thuyết mới khước từ quan niệm truyền thống về nhân vật, về cốt truyện, về điểm-nhìn-thấu-suốt-mọi-sự của một người kể chuyện chỗ-nào-cũng-có-mặt, tóm tắt lại khước từ tiểu thuyết kiểu Balzac. Đặt lại vấn đề là điều rất bình thường, bởi nghệ thuật luôn phát triển. Eugénie Grandet, mà ngày nay ta coi như “mẫu gốc” của tiểu thuyết truyền thống, khi xuất hiện vào năm 1833, là một loại phản-tiểu thuyết, với những đổi mới quá táo bạo: nhân vật chính là con gái một bác phó thùng, lại không

xinh, khung cảnh là một ngôi nhà bình thường nơi tỉnh lẻ, kết thúc chẳng có gì đặc biệt, không máu đổ, không chết chóc bi thảm.

Mặc dù Tấn trò đời vẫn đòi hỏi ở mỗi độc giả ngày nay “thao tác đọc lại, ít nhất cũng đọc lại từng bộ phận, sao cho cuối cùng mỗi người tự vạch được hướng đi riêng” bởi đó là “một mê cung với các vách ngăn di động”, theo nhà nghiên cứu Nicole Mozet, hoặc một “công trình mở ra vô số ngõ vào”, theo nhà tiểu thuyết mới Michel Butor, song có lẽ chẳng nên coi hình thái tiểu thuyết Balzac là mẫu mực phi thời gian, bất biến. Bởi chính Balzac, gần hai trăm năm trước, đã nói về cách ông tiếp thu Walter Scott, nhà văn mà ông khâm phục: “Muốn bằng được Walter Scott, phải vượt ông”.

LỜI NÓI ĐẦU

HONORÉ DE BALZAC

Khi đặt tiêu đề *Tấn trò đời* cho một công trình, đã tiến hành từ mười ba năm nay, cần thiết phải nói rõ ý tưởng của nó, phải kể nguồn gốc, giải thích ngắn gọn bố cục và cố gắng nói những điều đó như thể tôi không liên quan gì đến chúng. Việc này không đến nỗi khó như mọi người nghĩ. Có ít tác phẩm thường nhiều tự phụ, bỏ nhiều công sức thường lại vô cùng khiêm tốn. Nhận định này được chứng minh qua cách Corneille, Molière và một số tác giả vĩ đại khác xem xét tác phẩm của mình; nếu không thể sánh ngang các nhà văn ấy về những quan niệm tốt đẹp của họ, thì người ta có thể mong giống họ về tinh thần này.

Ý tưởng ban đầu về *Tấn trò đời*, thoát tiên, giống như một giấc mơ trong tôi, như một trong những dự định bất khả thi, được nâng niu và để cho bay bổng; một ảo ảnh mỉm cười, phô gương mặt phụ nữ rồi lập tức giương cánh bay trở lại bầu trời hư ảo. Nhưng ảo ảnh ấy, cũng như nhiều ảo ảnh khác, chuyển biến thành hiện thực; nó có những mệnh lệnh và sức mạnh khắc nghiệt phải chấp nhận.

Ý tưởng ấy xuất phát từ sự so sánh giữa Nhân tính và Động vật tính.

Có lẽ là một sai lầm khi cho rằng cuộc tranh cãi dữ dội giữa Cuvier và Geoffroy Saint-Hilaire cách đây ít lâu, là dựa trên một cách tân khoa học. *Tính thống nhất về cấu tạo* từng được những đầu óc vĩ đại nhất của hai thế kỷ trước quan tâm, song được gọi bằng những từ ngữ khác. Đọc những tác phẩm phi thường của các nhà văn thần bí chuyên nghiên cứu các bộ môn khoa học trong các mối liên hệ với cái vô tận, như Swedenborg, Saint-Martin, v.v., đọc lại những bài viết của các thiên tài kỳ vĩ nhất về lịch sử tự nhiên, như Leibniz, Buffon, Charles Bonnet v.v., người ta thấy trong những đơn tử của Leibniz, trong những phân tử hữu cơ của Buffon, trong lực sinh dưỡng của Needham, trong nguyên tắc *lông ghép*

những bộ phận tương tự của Charles Bonnet, người đã khá táo bạo viết năm 1760 rằng *động vật cũng sinh trưởng như cây cỏ*, theo tôi, người ta thấy những khái niệm cơ bản của quy luật kỳ diệu *tự mình vì mình* làm chỗ dựa cho *tính thống nhất về cấu tạo*. Chỉ có một động vật. Tạo hóa chỉ sử dụng một, và cùng một khuôn mẫu cho mọi sinh thể được cấu tạo. Động vật là một khối nguyên có hình dạng bên ngoài, hay nói chính xác hơn là có những khác biệt về hình dạng bên ngoài tùy theo môi trường phát triển của nó. Các loài động vật là do các sự khác biệt đó sinh ra. Việc công bố và ủng hộ quy tắc trên, và chẳng quy tắc ấy lại hài hòa với những ý tưởng của chúng ta về quyền năng của Chúa, sẽ là vinh dự vĩnh cửu của Geoffroy Saint-Hilaire, người đã thắng Cuvier về điểm này trong khoa học cao siêu; thắng lợi của ông đã được bài viết gần đây của Goethe vĩ đại chào mừng.

Tôi đã thấm nhuần hệ thống lý thuyết này từ trước khi có cuộc tranh luận và tôi thấy rằng, về phương diện này, Xã hội giống như Tự nhiên. Chẳng phải là xã hội cũng làm cho con người trở thành bao nhiêu kiểu người khác nhau, tùy theo môi trường hoạt động của họ, giống như bấy nhiêu loài trong động vật học hay sao? Những sự khác biệt giữa một người lính, một người thợ, một quan chức, một luật sư, một kẻ vô công rồi nghề, một nhà bác học, một chính khách, một nhà buôn, một thủy thủ, một nhà thơ, một kẻ khó, một thầy tu, tuy khó nắm bắt hơn, song cũng to lớn chẳng khác gì những khác biệt giữa con sói, con sư tử, con lừa, con quạ, con cá mập, con chó biển, con cừu cái, v.v... Vậy thì, đã tồn tại và sẽ còn tồn tại, ở mọi thời điểm, những Giống loài Xã hội, cũng như những Giống loài Động vật. Nếu Buffon đã viết được một công trình tuyệt vời nhằm trình bày trong một tác phẩm toàn bộ giới động vật thì sao lại không có một công trình tương tự về Xã hội? Nhưng Tự nhiên đã đặt những mốc giới hạn cho các loài động vật, mà Xã hội thì không bị hạn chế trong các mốc đó. Khi Buffon miêu tả con sư tử đực, ông chỉ thêm vài câu là tả xong con sư tử cái; còn trong Xã hội, người phụ nữ không phải bao giờ cũng là con cái của con đực. Trong xã hội, một cặp vợ chồng có thể là hai con người hoàn toàn khác biệt. Vợ một lái buôn đôi khi có thể xứng đáng là vợ một vương công và vợ một vương công nhiều khi không bằng

vợ một nghệ sĩ. Thực trạng xã hội có những ngẫu nhiên mà Tự nhiên không thể có, bởi nó là Tự nhiên cộng với Xã hội. Vậy việc miêu tả những Giống loài Xã hội ít nhất phải nhiều gấp đôi việc miêu tả những Giống loài Động vật, đó mới chỉ là xét về hai giới tính. Sau cùng, giữa những động vật, có ít bị kịch; không có mấy sự hỗn đồng; chúng chỉ tấn công lẫn nhau; có thể thôi. Loài người cũng tấn công lẫn nhau nhưng trí thông minh hơn hay kém nhau khiến cho cuộc đấu tranh phức tạp theo kiểu khác. Nếu vài nhà bác học còn chưa công nhận rằng Động vật tính chuyển hóa sang Nhân tính do một luồng sự sống vô cùng, thì người chủ hiệu thực phẩm chắc chắn thành được nguyên lão nghị viên nước Pháp còn nhà quý tộc đôi khi tụt xuống tận cùng bậc thang xã hội. Buffon còn thấy cuộc sống cực kỳ đơn giản ở loài vật. Con vật có ít đồ đạc, nó chẳng có nghệ thuật, chẳng có khoa học; còn con người, thì do một quy luật còn cần phải tìm hiểu, có xu hướng biểu hiện phong tục, tư duy và cuộc sống của mình qua tất cả những gì nó làm cho thích ứng với những nhu cầu của nó. Mặc dù Leuwenhoeck, Swammerdam, Spallanzani, Réaumur, Charles Bonnet, Muller, Haller và những nhà động vật học kiên trì khác đã chứng minh rằng những tập quán của loài vật thật thú vị, song, ít nhất là theo con mắt chúng ta, những thói quen của mỗi con vật thời nào cũng giống nhau; còn thói quen, áo quần, lời ăn tiếng nói, nhà ở của một vương công, một chủ ngân hàng, một nghệ sĩ, một thị dân, một thầy tu và một kẻ nghèo, hoàn toàn khác nhau và biến đổi tùy theo trình độ văn minh.

Như vậy, công trình cần làm phải bao gồm ba hình thái: đàn ông, đàn bà và đồ vật, tức là những con người và sự thể hiện vật chất biểu đạt tư tưởng của họ, tóm lại là con người và cuộc sống.

Đọc những danh mục khô khan và chán ngắt của những sự kiện được gọi là *lịch sử*, ai mà không nhận thấy rằng các nhà văn đã quên nói đến, trong mọi thời đại, dù ở Ai Cập, Ba Tư, Hy Lạp hay La Mã, lịch sử những phong tục? Bài văn Pétrone viết về đời sống riêng tư của người La Mã chỉ kích thích hơn là thỏa mãn lòng hiếu kỳ của chúng ta. Sau khi nhận thấy khiếm khuyết to lớn ấy trong phạm vi lịch sử, tu viện trưởng Barthélémy dành cả đời

mình để viết lại những phong tục của Hy Lạp trong tác phẩm *Anacharsis*.

Nhưng làm thế nào để vở kịch có ba hay bốn nghìn nhân vật của một xã hội gây được hứng thú? Làm thế nào để hài lòng được cả nhà thơ, nhà triết học và quần chúng, những người này đòi hỏi thơ và triết lý dưới những hình ảnh đầy cảm kích? Nếu như tôi nhận thức được tầm quan trọng và chất thơ của pho lịch sử về trái tim con người, thì tôi lại không thấy một phương tiện nào để thực hiện, bởi vì, cho đến thời đại chúng ta, những nhà văn kể chuyện lừng danh nhất đã trở hết tài năng để sáng tạo một hay hai nhân vật điển hình, để miêu tả một mặt của cuộc sống. Tôi đã đọc những tác phẩm của Walter Scott với ý nghĩ trên. Walter Scott, nhà thơ kể chuyện thời hiện đại, lúc bấy giờ đã khiến cho một thể loại văn học, mang tên gọi bất công là thể loại thứ yếu, có một bước tiến khổng lồ. Ganh đua với Hộ tịch nhờ những Daphnis và Chloë, Roland, Amadis, Panurge, Don Quichotte, Manon Lescaut, Clarisse, Lovelace, Robinson Crusoe, Gil Blas, Ossian, Julie d'Etanges, ông cậu Tobie, Werther, René, Corinne, Adolphe, Paul và Virginie, Jeanie Deans, Claverhouse, Ivanhoe, Manfred, Mignon, chẳng phải thực sự khó khăn hơn là sắp xếp trật tự những sự kiện gần giống hệt nhau ở mọi quốc gia, tìm tòi tinh thần các luật pháp đã lỗi thời, soạn thảo những lý thuyết làm lạc hướng những dân tộc, hoặc như một số nhà siêu hình học, giải thích cái tồn tại hay sao? Trước hết, hầu như mãi mãi, các nhân vật ấy mà đời sống trở nên lâu dài hơn, thật hơn đời sống của những thế hệ trong đó chúng được sáng tạo ra, lại chỉ sống được với điều kiện chúng là hình ảnh lớn lao của hiện tại. Vì các nhân vật này được thai nghén trong lòng thế kỷ của chúng, nên toàn bộ trái tim con người xúc động dưới hình hài của chúng; và nhiều khi cả một triết lý ẩn giấu nơi đó. Vậy, Walter Scott đã nâng tiểu thuyết lên tầm giá trị triết học của lịch sử, tiểu thuyết là loại văn học từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, khảm những hạt kim cương bất tử lên vương miện thi ca của những xứ sở mến chuộng văn chương. Ông đã đưa vào tiểu thuyết tinh thần của những thời đại xưa, ông đã quy tụ trong tiểu thuyết các chất liệu kịch, đối thoại, chân dung, phong cảnh, miêu tả; ông đã đưa vào tiểu thuyết cái huyền diệu và cái

thật, tức là những yếu tố của sử thi, ông đã cho thơ ca chen vai thích cánh với cái bình dị hàng ngày của các ngôn từ mộc mạc nhất. Ông đã tìm thấy cách thức của mình mà ít quan tâm đến việc tạo ra một hệ thống, trong nhiệt tình hăng say của công việc hoặc là bởi cái lô-gích của công việc này, ông đã không nghĩ đến việc nối kết các tác phẩm của ông lại với nhau, để tạo nên một pho lịch sử hoàn chỉnh; ở đó, mỗi chương mục lẽ ra phải là một cuốn tiểu thuyết và mỗi cuốn tiểu thuyết là một thời kỳ. Do nhận thấy cái khiếm khuyết về sự liên kết ấy, điều khiếm khuyết cũng chẳng làm cho nhà văn xứ Écosse* này kém vĩ đại, tôi thấy được cái hệ thống thuận lợi cho việc thực hiện công trình của mình, đồng thời thấy khả năng thực hiện được công trình. Mặc dù có thể nói là tôi bị choáng ngợp trước tài năng phong phú đáng kinh ngạc của Walter Scott, lúc nào ông cũng là ông, và luôn luôn độc đáo, song tôi không tuyệt vọng, vì tôi thấy lý do của tài năng ấy, là ở sự đa dạng vô tận của bản chất loài người. Ngẫu nhiên là nhà tiểu thuyết vĩ đại nhất của thế gian; muốn được phong phú, chỉ việc nghiên cứu nó. Xã hội Pháp sẽ là nhà sử học, còn tôi chỉ là người thư ký. Lập bảng liệt kê những thói hư và những đức hạnh, tập hợp những sự kiện chủ yếu của các đam mê, vẽ nên các tính cách, lựa chọn những biến cố chính yếu của Xã hội, cấu tạo những điển hình bằng cách phối hợp các nét của nhiều tính cách đồng chất, thì có lẽ tôi có thể viết nên pho lịch sử mà biết bao nhà sử học đã bỏ qua, lịch sử các phong tục. Với rất nhiều kiên trì và can đảm, có lẽ tôi sẽ thực hiện được cuốn sách về nước Pháp thế kỷ mười chín, cuốn sách mà tất cả chúng ta đều lấy làm tiếc rằng La Mã, Athènes, Tyr, Memphis, Ba Tư, Ấn Độ, rủi thay, đã không để lại cho chúng ta, cuốn sách nói về các nền văn minh ấy; cuốn sách mà Monteil, nhà văn kiên trì và dũng cảm, theo gương tu viện trưởng Barthélémy, đã thử viết về thời Trung cổ, nhưng với một hình thức chẳng mấy hấp dẫn.

Công việc ấy chưa là gì cả. Một nhà văn bám chắc vào việc thể hiện nghiêm ngặt đó, có thể trở thành một họa sỹ ít hay nhiều trung thực, ít hay nhiều thành công, kiên trì hay can đảm, vẽ nên những điển hình nhân loại, có thể trở thành người kể về những tấn kịch của đời sống tâm tình, nhà khảo cổ về các vật dụng trong xã hội, nhà lập danh mục các nghề nghiệp, người ghi chép cái thiện

và cái ác; nhưng muốn xứng đáng với những lời khen ngợi, mà mọi nghệ sỹ hẳn đều mong muốn, phải chăng tôi cần nghiên cứu những lý do, hoặc cái lý do của những hệ quả xã hội ấy, cần nắm bắt ý nghĩa ẩn giấu của cái tập hợp mênh mông những khuôn mặt, những ham mê và những biến cố. Cuối cùng, sau khi tìm kiếm, chứ không phải tìm thấy, cái lý do ấy, cái động lực xã hội ấy, phải chăng cần suy ngẫm về những nguyên tắc tự nhiên và phải xem các Xã hội tách xa hoặc nhích gần nguyên tắc vĩnh cửu, cái thật, cái đẹp ở chỗ nào hay sao? Mặc dầu tầm sâu rộng của các tiền đề, tự chúng có thể là một tác phẩm, công trình muốn được hoàn chỉnh, còn phải có một kết luận. Xã hội được họa nên như vậy, ắt phải mang trong bản thân nó nguyên nhân sự vận động của nó.

Quy luật của nhà văn, – điều làm cho nhà văn trở thành nhà văn, và tôi chẳng ngại nói trắng ra, điều khiến nhà văn ngang bằng và có lẽ hơn chính khách, là phải có một quyết định nào đó đối với các điều thuộc về con người, có một sự hy sinh tuyệt đối cho những nguyên tắc. Machiavel, Hobbes, Bonnet, Bossuet, Leibniz, Kant, Montesquieu, các nhà văn đó là khoa học được chính khách ứng dụng. Bonald đã nói rằng: “Một nhà văn, về đạo lý và về chính trị, phải có những ý kiến quyết đoán, ông ta phải tự coi như người thầy của mọi người, bởi vì để nghi ngờ thì chẳng ai cần đến thầy”. Từ lâu rồi, tôi đã lấy những lời nói thâm thúy ấy làm nguyên tắc, những lời nói ấy chính là quy luật của nhà văn theo tư tưởng quân chủ, cũng như quy luật của nhà văn dân chủ. Bởi vậy, khi người ta muốn đối lập tôi với chính bản thân tôi, có thể người ta giải thích sai một lời trào phúng nào đó, hoặc là người ta vắn vẹo không đúng chỗ, gán cho tôi lời nói của một nhân vật của tôi, – đó vẫn là thủ đoạn riêng của những kẻ vu khống. Còn về ý nghĩ sâu kín, về linh hồn của tác phẩm này thì sau đây là nguyên lý làm cơ sở cho nó:

Con người không tốt, cũng không xấu; con người sinh ra với những bản năng và những thiên tư, Xã hội không hề làm hư hỏng con người, như Rousseau đã khẳng định, Xã hội hoàn thiện con người, làm cho con người tốt hơn; song, quyền lợi làm cho những khuynh hướng xấu của con người phát triển mạnh quá đáng. Kitô

giáo, nhất là Thiên chúa giáo, như tôi đã nói trong *Thầy thuốc nông thôn*, vốn là một hệ thống hoàn chỉnh để kiểm chế những khuynh hướng đồi bại của con người, là yếu tố quan trọng nhất của Trật tự xã hội.

Khi xem kỹ bức tranh, có thể nói là giống y đúc trạng thái thật của xã hội, với tất cả cái thiện và cái ác, ta sẽ được biết rằng, nếu tư tưởng, hoặc sự đam mê, bao gồm tư tưởng và tình cảm, là yếu tố xã hội, thì đồng thời nó cũng là yếu tố phá hoại – về điểm này, cuộc sống xã hội giống như cuộc sống con người. Chỉ khiến cho các dân tộc trường thọ được bằng cách tiết chế hoạt động sống của họ. Vậy, điều răn dạy, hay đúng hơn, sự giáo dục của các Đoàn thể Tôn giáo là nguyên tắc sinh tồn lớn lao cho tất cả các dân tộc, là phương sách duy nhất để giảm tổng số cái ác và tăng tổng số cái thiện trong mọi xã hội. Chỉ có tôn giáo mới chuẩn bị, chế ngự và hướng dẫn được tư duy, khởi nguyên của mọi điều thiện và mọi điều ác. Tôn giáo duy nhất có khả năng là Kitô giáo (xem bức thư viết từ Paris trong tác phẩm *Louis Lambert*, của nhà triết học thần bí trẻ tuổi, nhân nói về học thuyết của Swedenborg, đã giải thích vì sao mà từ khởi thủy thế giới, vẫn chỉ có một tôn giáo). Kitô giáo đã tạo ra những dân tộc hiện đại và sẽ bảo tồn những dân tộc ấy. Chắc hẳn, từ đó, cần thiết phải có nguyên tắc quân chủ. Thiên chúa giáo và Vương quyền là hai nguyên tắc song sinh. Còn việc các thể chế định ra những giới hạn đó để không cho những nguyên tắc đó phát triển một cách tuyệt đối thì mọi người sẽ cảm nhận rằng một bài Tựa buộc phải ngắn gọn như bài Tựa này không thể chuyển thành một chuyên luận chính trị. Bởi vậy, tôi không thể đi vào những bất đồng về tôn giáo cũng như những bất đồng về chính trị hiện nay. Tôi viết dưới ánh sáng le lói của hai Chân lý vĩnh cửu: Tôn giáo và Nền quân chủ, hai điều thiết yếu đang được những sự kiện đương thời nêu rõ và mọi nhà văn có lương tri phải cố gắng đưa đất nước chúng ta đến với hai điều thiết yếu đó. Tôi không thù địch với chế độ Tuyển cử, nguyên tắc tuyệt vời để thiết định luật, song tôi bác bỏ Tuyển cử *được coi như phương tiện xã hội duy nhất*, và nhất là vì nó được tổ chức tồi như hiện nay, bởi vì nó không đại diện cho những cộng đồng thiểu số rất quan trọng có những ý tưởng, những quyền lợi của thiểu số đó sẽ được một chính phủ quân chủ quan

tâm đến. Tuyển cử mở rộng đến toàn thể, sẽ đem đến sự cai trị của đám đông, sự cai trị duy nhất không hề có trách nhiệm và chuyên chế vô hạn, bởi vì ách chuyên chế ấy là *pháp luật*. Bởi thế, tôi cho rằng Gia đình mới là yếu tố xã hội chân chính, chứ không phải Cá nhân. Về phương diện này, mặc dù có thể bị coi là người có đầu óc lạc hậu, tôi vẫn đứng về phía Bossuet và Bonald, chứ không đi với những người canh tân hiện đại. Vì lẽ Tuyển cử đã trở thành phương tiện xã hội duy nhất, cho nên nếu tôi đã sử dụng nó cho chính bản thân mình, chớ nên suy luận ra rằng có chút gì mâu thuẫn giữa hành động và suy nghĩ của tôi. Một kỹ sư thông báo một cái cầu nào đó sắp đổ, ai đi qua sẽ gặp nguy hiểm; thế mà chính ông ta lại đi qua cầu, khi cầu ấy là lối duy nhất để tới thành phố. Napoléon đã làm cho Tuyển cử thích ứng tuyệt vời với tinh hoa của đất nước chúng ta. Bởi vậy, những đại biểu bé nhỏ nhất của cơ quan Lập pháp thời Napoléon là những nhà hùng biện danh tiếng nhất tại các Nghị viện thời Trùng hưng. Không một Nghị viện nào ngang tầm được với Cơ quan Lập pháp, khi so sánh từng người này với từng người khác trong các Nghị viện ấy. Vậy thì, hệ thống bầu cử dưới thời Đế chế tốt hơn, là điều không thể chối cãi.

Một số người có thể thấy rằng lời tuyên bố trên có phần cao ngạo và khoe khoang. Người ta sẽ gây chuyện với nhà tiểu thuyết về việc anh ta muốn là nhà sử học; người ta yêu cầu anh ta giải thích quan niệm của anh ta. Ở đây, tôi tuân thủ một nghĩa vụ, đấy là tất cả câu trả lời của tôi. Công trình tôi đã tiến hành, sẽ có chiều dài một pho lịch sử; cần phải trình bày lý do, còn ẩn giấu, những nguyên tắc và đạo lý của nó.

Buộc phải hủy bỏ các bài tựa đã in để trả lời những bài phê bình chủ yếu là nhất thời, tôi chỉ muốn giữ lại một nhận xét.

Những nhà văn có một mục tiêu, dù đó là quay lại những nguyên tắc thời quá khứ, chính vì những nguyên tắc ấy vĩnh cửu, bao giờ họ cũng phải dọn đường. Thế mà, ai đó góp phần vào lĩnh vực tư tưởng, ai đó báo tin một sự lạm dụng, ai đó điểm mặt kẻ xấu để gạt bỏ nó, bao giờ người ấy cũng bị coi là vô đạo đức. Lời chê trách là vô đạo đức bao giờ cũng nhằm vào nhà văn dũng cảm, và lại đó là việc cuối cùng người ta thực hiện, khi chẳng còn gì để nói

với nhà văn nữa. Nếu anh chân thực trong miêu tả, nếu anh mài miệt ngày đêm để viết được thứ ngôn ngữ khó nhất trần gian này, người ta sẽ ném vào mặt anh cái từ vô đạo đức. Socrate đã là vô đạo đức, Jésus-Christ là vô đạo đức; Nhân danh những xã hội bị hai vị lật đổ hoặc cải tạo, người ta truy kích cả hai vị. Khi muốn giết ai, người ta quy cho anh ta cái tội vô đạo đức. Thật là điều sỉ nhục cho những kẻ sử dụng cái thủ đoạn quen thuộc của các bè đảng ấy. Luther và Calvin biết rất rõ mình làm cái gì, khi các vị sử dụng Quyền lợi vật chất bị phương hại làm một lá chắn! Bởi vậy, các vị đã sống suốt cả cuộc đời mình.

Nhà văn, khi sao chép toàn bộ Xã hội, hiểu thấu nó trong vô vàn những náo động, có khi và tất nhiên phải như vậy, tác phẩm nào đó trình bày nhiều cái ác hơn là cái thiện, hoặc một phần nào đó của bức tranh thể hiện một nhóm người tội lỗi, thế là phía phê bình vội la lối là vô đạo đức, mà bỏ qua đạo đức ở một phần khác được xây dựng nhằm tạo nên một tương phản hoàn hảo. Bởi phê bình không biết bố cục tổng thể, nên tôi sẵn sàng tha thứ, càng tha thứ bởi không thể ngăn cấm phê bình cũng như không thể ngăn cấm người ta nhìn, người ta nói, người ta đánh giá. Thêm nữa, thời gian của sự vô tư chưa đến với tôi. Vả lại, tác giả nào chưa chịu đựng những ngọn đòn của phê bình, thì đừng có viết nữa, như thể một du khách chớ có lên đường, nếu cứ trông chờ vào một bầu trời lúc nào cũng quang quẻ. Về điểm này, tôi còn cần lưu ý rằng các nhà đạo đức có lương tâm nhất không hề tin rằng trong Xã hội có thể có những hành động tốt và những hành động xấu ngang bằng với nhau, thế mà trong bức tranh của tôi về xã hội, có nhiều nhân vật đức hạnh hơn nhân vật hư hỏng. Những hành động đáng trách, những lỗi lầm, những tội ác, từ những tội nhẹ nhất đến những tội nghiêm trọng nhất, bao giờ trong tác phẩm của tôi cũng bị con người hoặc Chúa trừng phạt, nhân tiền hay ngấm ngầm. Tôi đã làm hơn nhà sử học, tôi tự do hơn. Ở dưới trần thế này, Cromwell chỉ chịu mỗi một hình phạt của nhà tư tưởng. Song, còn có những tranh luận từ phái này đến phái khác. Ngay Bossuet cũng gượng nhẹ với kẻ giết vua vĩ đại ấy. Guillaume d'Orange, kẻ tiếm quyền, Hugues Capet, một kẻ tiếm quyền khác, chết ở tuổi già, chẳng hề có những nghi ngờ và những sợ hãi hơn vua Henri IV và Charles

Đệ nhất. Cuộc đời của Catherine II và của Louis XVI đem ra mà đối chiếu, sẽ dẫn tới kết luận trái với mọi đạo lý, xét về quan điểm đạo lý chi phối những người dân thường; bởi vì, với các nhà vua và các chính khách, như Napoléon đã nói, có đạo lý lớn và đạo lý nhỏ. Phần *Những cảnh đời chính trị* là dựa trên ý nghĩ rất hay này. Sử học không có quy luật hướng tới cái đẹp lý tưởng như tiểu thuyết. Sử học là hoặc lẽ ra phải là những gì đã như thế; còn *tiểu thuyết phải là thế giới tốt đẹp hơn*, như bà Necker đã nói, – bà là một trong những trí tuệ ưu tú nhất của thế kỷ trước. Song, tiểu thuyết sẽ không là gì cả nếu trong lời nói dối uy nghiêm ấy, nó không chân thực ở những chi tiết. Buộc phải thuận theo những ý tưởng của một xứ sở chủ yếu là đạo đức giả, Walter Scott đã không thật, xét về mặt nhân loại, khi miêu tả người phụ nữ, bởi vì các mẫu của ông đều là những người ly giáo. Người phụ nữ theo đạo Tin lành không có lý tưởng. Người phụ nữ ấy có thể trinh khiết, trong trắng, đức hạnh, song tình yêu thiếu dạt dào, bao giờ cũng lạnh lẽo và nền nếp như một bồn phận đã làm tròn. Có vẻ hình như Đức mẹ Đồng trinh đã làm nguội lạnh trái tim những người nguy biến, họ đã đuổi Người khỏi bầu trời, Người và tất cả châu báu của lòng từ bi. Ở đạo Tin lành, sau khi phạm lỗi lầm, người phụ nữ chẳng còn khả năng gì hết; còn ở Nhà thờ đạo Thiên chúa, hy vọng được dung thứ, khiến người phụ nữ trở thành cao thượng. Bởi vậy, với nhà văn theo đạo Tin lành, chỉ có duy nhất một người phụ nữ, còn nhà văn theo đạo Thiên chúa tìm thấy một người phụ nữ mới trong mỗi hoàn cảnh mới. Giả thử Walter Scott theo đạo Thiên chúa, giả thử ông tự nhận nhiệm vụ miêu tả chân thực những Xã hội khác biệt đã kế tiếp nhau ở Écosse, thì có lẽ khi thể hiện Effie và Alice (những ngày cuối đời, Walter Scott tự trách mình đã vẽ hai khuôn mặt này), nhà họa sỹ đã chấp nhận những say mê cùng những lỗi lầm và những hình phạt, cùng với những đức hạnh mà lòng hối hận khiến các nhân vật ấy nhận ra. Say mê là tất cả nhân loại. Không có say mê thì tôn giáo, sử học, tiểu thuyết, nghệ thuật đều là vô dụng.

Khi thấy tôi thu lượm bấy nhiêu sự kiện và thể hiện các sự kiện ấy đúng như chúng tồn tại, với say mê là nguyên tố, vài ba người đã tưởng tượng rất sai lầm rằng tôi theo trường phái duy cảm và duy

vật, hai mặt của cùng một sự kiện, thuyết phiếm thần. Nhưng, người ta có thể lầm và ắt phải lầm như vậy. Tôi không chia sẻ lòng tin vào một sự tiến bộ vô hạn, về các xã hội; tôi tin vào những tiến bộ của con người đối với bản thân nó. Vậy, những ai muốn thấy ở tôi ý định coi con người như một vật thể có hạn, là phạm một sai lầm kỳ lạ. *Séraphita*, học thuyết hành động của đức Phật Kitô giáo, có thể là câu trả lời đầy đủ cho lời buộc tội đưa ra một cách khá nông nổi ấy.

Ở một số đoạn trong tác phẩm trường thiên này, tôi định truyền bá những sự kiện lạ lùng, tôi có thể nói là những điều kỳ diệu của điện lực đã biến hóa ở con người thành một sức mạnh chưa ước lượng được; nhưng những hiện tượng trí não và những hiện tượng thần kinh chứng tỏ sự hiện hữu của một thế giới tinh thần mới, làm xáo lộn những mối quan hệ chắc chắn và tất yếu giữa các thế giới với Chúa như thế nào? Và những giáo lý đạo Thiên chúa do đó sẽ bị lung lay như thế nào? Nếu, bằng những sự kiện không thể chối cãi, một ngày kia, tư duy được sắp xếp vào các thể lưu chuyển chỉ phát lộ qua những hiệu quả của chúng và thực chất của tư duy mà những giác quan của chúng ta không nắm bắt được, những giác quan ngày càng mở rộng tầm do biết bao phương tiện máy móc, thì sự việc này cũng giống như việc trái đất hình tròn, do Christophe Colomb nhận xét, và như trái đất quay vòng, được Galilée chứng minh. Tương lai của chúng ta sẽ vẫn là như thế. Từ tính động vật, từ năm 1820, tôi đã làm quen với những điều huyền diệu của nó; những công trình nghiên cứu tuyệt hay của Gall, người tiếp nối Lavater, tất cả những người từ năm mươi năm nay, đã nghiên cứu tư duy, như những nhà quang học nghiên cứu ánh sáng, hai vật thể hầu như giống nhau, tất cả các sự việc trên, một mặt xác định các nhà theo thuyết thần bí, những đệ tử của Thánh tông đồ Jean, là đúng, và mặt khác tất cả các nhà tư tưởng vĩ đại đã thiết lập thế giới tinh thần, lĩnh vực biểu hiện những mối quan hệ giữa con người và Chúa, cũng là đúng.

Khi nắm vững ý nghĩa của tác phẩm này, người ta sẽ nhận ra rằng tôi trao cho những sự kiện thường kỳ, hàng ngày, âm thầm hay rõ rệt, cho những hành vi của đời sống cá nhân, cho các

nguyên nhân và nguyên lý của những hành vi đó, tầm quan trọng ngang với tầm quan trọng mà các nhà sử học đã dành cho những biến cố trong đời sống chung của các quốc gia. Cuộc đấu tranh không ai biết tới, diễn ra tại một thung lũng miền Indre, giữa bà De Morsauf với sự đam mê có lẽ cũng lớn lao ngang cuộc đấu tranh lòng lầy nhất mà mọi người đều biết (*Bông huệ trong thung*). Trong cuộc đấu tranh này, có vấn đề vinh quang của người đi chinh phục; trong cuộc đấu tranh trên, lại có Trời. Những bất hạnh của anh em nhà Birotteau, người tu sĩ và chủ hăng nước hoa, tôi thấy đó là những bất hạnh của loài người. Cô Fosseuse (*Thầy thuốc nông thôn*) và bà Graslin (*Cha xứ làng quê*) hầu như là tất cả người phụ nữ. Chúng ta ngày nào cũng đau đớn như vậy. Tôi đã hàng trăm lần phải làm cái việc Richardson chỉ làm có một lần. Lovelace có hàng ngàn hình thái khác nhau, bởi vì sự hư dối trong xã hội mang những màu sắc của mọi môi trường nó nảy nở. Trái lại, Clarisse, hình ảnh đẹp ấy của đức hạnh đầy ham mê, lại có những đường nét thuần khiết đến nỗi lòng. Muốn sáng tạo nhiều nàng trinh nữ, phải là Raphaël. Về mặt này, có lẽ văn học không thể bằng hội họa. Bởi thế, cho phép tôi được xin mọi người chú ý rằng có biết bao nhiêu khuôn mặt hoàn thiện (về đạo đức) trong các phần đã được xuất bản của công trình này: Pierrette Lorrain, Ursule Mirouët, Constance Birotteau, cô Fosseuse, Eugénie Grandet, Marguerite Claës, Pauline de Vilienois, bà Jules, bà De La Chanterie, Ève Chardon, cô D'Esgrignon, bà Firmiani, những khuôn mặt thứ yếu, tuy không nổi trội như những khuôn mặt dưới đây, nhưng vẫn cho người đọc thấy hành động của những đức hạnh trong gia đình. Joseph Lebas, Genestas, Benassis, cha xứ Bonnet, thầy thuốc Minoret, Pillerault, David Séchard, hai anh em Birotteau, cha xứ Chaperon, thẩm phán Popinot, Bourgeat, gia đình Sauviat, gia đình Tascheron và nhiều người khác, chẳng đã giải quyết được vấn đề khó khăn của văn học là viết cho hay một nhân vật đức hạnh?

Vẽ nên hai hay ba nghìn khuôn mặt nổi bật của một thời đại, đâu có phải là công việc nhỏ nhặt, bởi vì, tóm lại, đó là tổng số các điển hình của mỗi thế hệ, mà *Tấn trò đời* sẽ trình bày. Những khuôn mặt, những tính cách đông đảo ấy, vô vàn cuộc đời ấy đòi hỏi những khung cảnh và, xin các bạn bỏ qua cho cách nói này,

những phòng trưng bày hội họa. Vì vậy mà có sự phân chia rất tự nhiên, như mọi người đã biết, tác phẩm của tôi thành *Những cảnh đời tư, tỉnh lẻ, Paris, chính trị, binh nghiệp và thôn dã*. Trong sáu quyển trên, được sắp xếp tất cả các *khảo luận phong tục* hợp thành bộ thông sử Xã hội, bộ sưu tập tất cả các sự kiện và các hoạt động của xã hội, như ngày xưa ông cha ta nói vậy. Vả lại, sáu cuốn đó đáp ứng những ý tưởng chung. Mỗi quyển có ý riêng, có nghĩa riêng của nó, và thể hiện một thời kỳ trong cuộc sống nhân gian. Đây là tôi nhắc lại một cách ngắn gọn điều Félix Davin đã viết sau khi tìm hiểu bố cục tác phẩm của tôi, – ông là một tài năng trẻ mà cái chết quá sớm đã cướp đi của văn đàn. *Những cảnh đời tư* trình bày tuổi thơ và thời niên thiếu, với những lỗi lầm của những thời đó, cũng như *Những cảnh đời tỉnh lẻ* trình bày độ tuổi của ham mê, toan tính, quyền lợi và tham vọng. Rồi đến *Những cảnh đời Paris* đưa ra bức tranh về những thị hiếu, những thói hư và mọi điều cuồng loạn phóng túng được kích động bởi phong tục riêng của các chốn kinh kỳ, nơi gặp gỡ của cái cực thiện và cái cực ác. Mỗi phần trong ba phần trên đều có màu sắc địa phương: Paris và tỉnh lẻ, sự tương phản xã hội ấy, cung cấp những khả năng vô tận. Không chỉ những con người, mà cả các sự kiện chủ yếu của cuộc sống cũng thể hiện bằng những điển hình. Có những hoàn cảnh có mặt trong tất cả mọi cuộc đời, có những khoảnh khắc điển hình và đó là một trong những sự chính xác tôi đã ra công tìm kiếm. Tôi đã cố đưa ra một ý niệm về các miền khác nhau tại đất nước tươi đẹp của chúng ta. Tác phẩm của tôi có địa lý của nó, cũng như có phả hệ và các gia tộc, các nơi chốn và các sự việc của nó; cũng như có các gia huy, người quý tộc và người thị dân, thợ thủ công và nông dân, nhà chính trị và công tử bột, quân đội, tóm lại là cả thế giới của nó.

Sau khi thể hiện cuộc sống xã hội trong ba quyển trên, còn phải trình bày những cuộc đời đặc biệt tóm thâu những quyền lợi của nhiều người hay của tất cả mọi người, những cuộc đời có thể nói là ngoài quy luật thông thường: từ đó, có *Những cảnh đời chính trị*. Một khi bức tranh rộng lớn này của xã hội đã hoàn chỉnh, trọn vẹn, chẳng phải trình bày nó trong trạng thái dữ dội nhất, khi nó vươn ra ngoài phạm vi của nó, để hoặc tự vệ, hoặc chinh phục hay sao?

Từ đó, có *Những cảnh đời bình nghiệp*, cái phần thiếu hoàn chỉnh nhất trong tác phẩm của tôi, song sẽ được dành một chỗ trong kỳ xuất bản này; nó sẽ chiếm một phần, khi tôi hoàn thành tác phẩm. Sau cùng, *Những cảnh đời thôn dã* có thể coi là buổi tối của ngày dài dằng dằng ấy, nếu tôi được phép gọi như vậy tấn kịch xã hội. Trong quyển này, có những tính cách chân chất nhất và sự ứng dụng các nguyên tắc lớn về trật tự, chính trị, đạo lý.

Nền tảng là như vậy, đây áp những khuôn mặt, những hài kịch và bi kịch, trên nền tảng ấy, dựng lên những *Khảo luận triết học*, phần thứ hai của công trình bày tỏ phương sách xã hội dẫn tới mọi hậu quả chứng minh xã hội; ở đây, những tàn phá của tư tưởng, được miêu tả từ tình cảm này đến tình cảm khác; và, có thể coi truyện đầu tiên, *Miếng da lừa* nối liền phần *Khảo luận phong tục* với phần *Khảo luận triết học*, bằng mắt xích của một sự tưởng tượng phóng khoáng gần như có tính chất phương Đông, vẽ nên chính Sự sống đấu tranh với Ham muốn, khởi nguyên của mọi Đam mê.

Bên trên tất cả, sẽ là phần *Khảo luận phân tích*, về phần này, tôi sẽ chẳng nói gì, bởi vì tôi mới chỉ cho xuất bản một khảo luận duy nhất, *Sinh lý học hôn nhân*. Một thời gian ngắn nữa, kể từ nay, tôi phải viết hai tác phẩm khác thuộc loại này. Trước hết là *Bệnh lý học đời sống xã hội* rồi *Giải phẫu học giáo giới* và *Chuyên khảo về Đức hạnh*.

Thấy tất cả những gì tôi còn phải làm, có lẽ người ta sẽ bảo tôi, như các nhà xuất bản đã bảo tôi: “Cầu Chúa cho ông sống lâu”. Tôi chỉ ước mong bớt bị giày vò bởi các con người và các sự vật như tôi đã phải chịu đựng, từ khi tiến hành công việc đáng hải hùng này. Tôi có điều này cho riêng mình, và tôi xin cảm tạ Chúa, là những tài năng lớn nhất của thời đại chúng ta, những tính cách tuyệt vời nhất, những người bạn trung thành, vĩ đại trong cuộc sống riêng tư, cũng như những người trên vĩ đại trong đời sống công cộng, đều đã xiết tay tôi mà bảo: “Can đảm lên!”. – Và tại sao tôi không thú nhận rằng những tình bạn ấy, những biểu lộ nơi này nơi khác của những người không quen biết, tất cả đã nâng đỡ tôi trong sự nghiệp, đã giúp tôi đương đầu với chính bản thân mình và với những sự công kích bất công, sự vu khống thường vẫn theo đuổi

tôi, với sự chán nản, với một niềm hy vọng quá nồng nhiệt, với biểu đạt qua những ngôn từ bị coi là tự tôn quá đáng? Tôi đã quyết định lấy sự thân nhiên khắc kỷ để đối chọi lại những sự công kích và những lời thóa mạ, nhưng có hai trường hợp, những lời vu khống hèn hạ đã dẫn đến sự tự vệ bắt buộc. Nếu những người chủ trương tha thứ cho sự thóa mạ lấy làm tiếc vì tôi đã tỷ thí sự hiểu biết của mình trong cuộc độ sức văn chương, thì nhiều người Kitô giáo nghĩ rằng chúng ta đang sống ở một thời đại nên làm cho mọi người thấy rằng yên lặng đã bao gồm lòng quảng đại.

Nhân đây, tôi phải nói rõ tôi chỉ công nhận các tác phẩm nào mang tên tôi mới thật là của tôi. Ngoài *Tấn trò đời*, tôi chỉ có *Trăm truyện cười*, hai vở kịch và những bài riêng lẻ cũng có ký tên tôi. Tôi sử dụng ở đây một quyền không thể chối cãi. Nhưng việc không thừa nhận, nếu có liên quan đến những tác phẩm tôi đã cộng tác viết, thì không phải do lòng kiêu căng, mà vì đó là sự thật. Nếu người ta khẳng khẳng gán cho tôi những tác phẩm mà tôi không thừa nhận là do mình viết, song bản quyền được giao cho tôi, thì tôi cứ để mọi người nói, vì cùng một lý do là tôi đã để cho tha hồ vu khống.

Một dàn ý mệnh mông bao trùm cả lịch sử lẫn phê phán xã hội, cả sự phân tích những bệnh tật lẫn sự luận bàn những căn nguyên của xã hội, thiết tưởng cho phép tôi đặt tiêu đề công trình xuất bản ngày hôm nay là *Tấn trò đời*. Liệu có đầy tham vọng không? Chẳng là chính xác hay sao? Đó là điều công chúng sẽ quyết định, khi tác phẩm hoàn tất.

Paris, tháng Bảy 1842

Đỗ Đức Hiểu
dịch



Balzac và các nhân vật của ông (*Tranh của Prosper Mérimée*)

KHẢO LUẬN PHONG TỤC

NHỮNG CẢNH ĐỜI TƯ



GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM CỬA HIỆU MÈO-CHƠI-BÓNG

LÊ HỒNG SÂM

Thoạt tiên, tác phẩm giản dị này mang tiêu đề Vinh quang và bất hạnh, và là một trong sáu truyện vừa, làm thành hai tập Những cảnh đời tư, xuất bản năm 1830, mầm mống ban đầu của Tấn trò đời.

Cả sáu truyện đều đặt ra vấn đề hôn nhân, với ý định “dùng một nhành liễu đánh dấu các đoạn đường nguy hiểm trong đời như những người lái tàu thuyền trên sông Loire thường làm”^{} nhằm cảnh báo các thiếu nữ “non nớt ít kinh nghiệm” và các bậc cha mẹ có cách giáo dục con sai lầm. Thù truyền kiếp cho thấy xung đột giữa những tính cách cố chấp khiến cha con chia lìa, dẫn tới đau khổ và chết chóc; Những nguy cơ của sự vô hạnh, tên gọi ban đầu của truyện Gobseck, biểu lộ rõ ý định khuyên răn; Vũ hội ở Sceaux kể về cô tiểu thư cao ngạo, mang nặng thành kiến quý tộc, vì thế mà lỡ dở trong tình yêu và hôn nhân; Một gia đình kép chỉ ra đồng thời cả hậu quả tai hại của sự mộ đạo thái quá, cả thất bại của quan hệ yêu đương bất hợp pháp...*

Trong Vinh quang và bất hạnh (Cửa hiệu Mèo-chơi-bóng), mối tình sét đánh của chàng họa sĩ tài năng, quý phái Théodore de Sommervieux trước nhan sắc khiêm nhường trinh bạch của Augustine Guillaume nhanh chóng tàn lụi; cuộc hôn nhân “không tương xứng về tinh thần”, không phù hợp “về tập tục, địa vị” trở thành bi kịch với Augustine, trong khi cô chị xấu xí an phận bên người chồng vừa đôi phải lứa, thông dong tiếp nối nghề buôn dọ và “hạnh phúc bình thản” nơi cửa hiệu lâu đời.

Tự coi mình “là nhà sử học nhiều hơn là nhà tiểu thuyết”, nhận thức rõ ảnh hưởng của xã hội, của môi trường đối với cá nhân, Balzac cố tái hiện chính xác thực tại, dù biết rằng sẽ bị chê trách vì “những chi tiết bề ngoài có vẻ như vô dụng”. Truyện nổi bật ở tính chân thực của khung cảnh, nhân vật, cảm xúc. Tài quan sát, sức mạnh ký ức đã

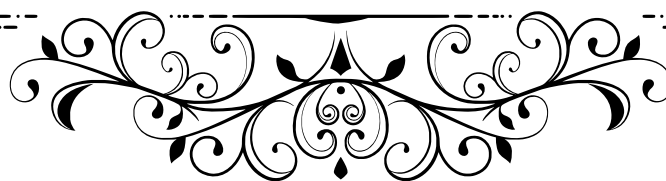
giúp nhà văn không ít: gia đình bên ngoại Balzac mấy đời buôn dọ, tính tình khe khắt hẹp hòi của mẹ, dì, bà ngoại... cung cấp nhiều nét sống động để miêu tả bà Guillaume. Và nỗi bồi hồi lay động “người bạn” mỗi khi đi ngang qua tấm bia mộ đơn sơ phải chăng chính là rung cảm xót xa ở Balzac trước cái chết của em gái? Như Augustine Guillaume, Laurence Balzac lấy chồng dòng dõi quý tộc và chết ở tuổi hai mươi ba, sau bốn năm hôn nhân bất hạnh. Nhưng thực tế chỉ là điểm xuất phát, ký ức chỉ cung cấp chất liệu để nhà tiểu thuyết sáng tạo một cái gì hoàn toàn mới, thậm chí trái ngược: chồng Laurence, khoác lác, nợ nần chồng chất, chẳng có gì chung với Théodore de Sommervieux, và chính gia đình Balzac đã hối thúc cuộc hôn nhân, do chuộng hư vinh.

Sự thật nghệ thuật “đích thực hơn” sự thật trong cuộc sống, vấn đề tác phẩm nêu lên cũng phong phú hơn, vượt xa hơn ý định khuyên nhủ ở lời Tựa. Những chủ đề cơ bản, sẽ xuất hiện thường xuyên trong cả Tấn trò đời, đã có ở đây: sự đối lập giữa vinh quang và hạnh phúc, giữa quá khứ và hiện tại, giữa nghệ sĩ và giới trưởng giả, giữa sự khôn ngoan thận trọng giúp tồn tại lâu dài và đam mê đầy sức mạnh hủy hoại. Hầu hết vấn đề được đề ngỏ: tưởng như truyện phê phán cách dạy dỗ tầm thường thiển cận của gia đình và việc “trèo cao” của các cô gái, nhưng về thực chất, lại trình bày mâu thuẫn giữa nghệ sĩ và người trưởng giả. Nghệ sĩ chẳng được ca ngợi, chính cô gái trưởng giả có tâm hồn cao thượng, cô thất bại phần nào cũng do điều đó. Và một Virginie “biết điều” liệu có nhiều sức thuyết phục hơn một Augustine say đắm “tự hào vì những buồn đau của mình”, ghê sợ “cuộc sống náo động mà không vận động, một kiểu sinh tồn máy móc và bản năng như của loài hải ly”? Sâu xa hơn, bao quát hơn sai lầm hay bất hạnh của cá nhân, chính là tình trạng đáng buồn của quan hệ giữa các con người, là bi kịch của sự không thể giao tiếp.

Trong tác phẩm đa thanh này, giữa các ngôn ngữ khác biệt chẳng có đối thoại, bởi không có khả năng tìm ra “mã”. Quan hệ vợ chồng, yêu đương là quan hệ thống trị và bị trị: “Người nào yêu nhiều hơn chính là người bị ngược đãi”, nữ công tước De Carigliano giải thích cho Augustine, như sau này, trong Lão Goriot, phu nhân De Beauséant khuyên Rastignac hãy giấu kín tình cảm thực sự – nếu có –

kẻo “sẽ không là đao phủ mà sẽ thành nạn nhân”.

Năm 1842, truyện được Balzac đặt tiêu đề mới Cửa hiệu Mèo-chơi-bóng và chuyển thành tác phẩm đứng đầu Những cảnh đời tư, mở ra công trình đồ sộ Tấn trò đời^{}. Việc thay đổi vị trí và tên gọi mang nhiều ý nghĩa: xác định tính chất tiêu biểu hơn cả của truyện, đồng thời “chuyển mối quan tâm từ nhân vật sang địa điểm, từ tâm lý sang khảo cổ, từ truyện tình cảm sang xã hội học”. Nhìn từ góc độ này, mọi chi tiết tưởng như thừa, mọi sự tỉ mỉ bông lộ rõ tính thiết yếu, trong công việc khám phá, ghi lại những mẫu, những tiêu bản của các “loài” xã hội đang trên đường mai một. Và tính chất vận động không ngừng, thường xuyên kiến tạo, rồi tái tạo, chính là nét độc đáo của tiểu thuyết Balzac: “mỗi văn bản cứ bật lên khi ta tưởng nó đã hoàn tất”^{*}.*



CỬA HIỆU MÈO-CHƠI-BÓNG

LA MAISON DU CHAT-QUI-PELOTE



Tặng tiểu thư Marie de Montheau

Giữa phố Saint-Denis, gần như ở vào góc phố Petit-Lion, cách đây không lâu còn có một trong những ngôi nhà quý giá giúp các sử gia dễ dàng dùng phương pháp loại suy để tái tạo Paris xưa. Những bức tường đáng ngại của căn nhà nhỏ này tựa như chẳng chịt chữ tượng hình. Thì người thần thơ đi dạo biết đặt tên nào khác cho những nét X nét V do những thanh gỗ ngang hoặc chéo vạch trên mặt tiền, các khe nứt nhỏ song song khiến những thanh gỗ ấy in hình vào lớp vôi. Hiển nhiên là khi cỗ xe nhẹ nhất đi qua, mỗi thanh rầm đó đều chuyển rung trong lỗ mộng. Bên trên công trình đáng kính này là một nóc tam giác chẳng bao lâu sẽ không còn thấy mẫu hình nào nữa tại Paris. Lớp mái cong vênh vì dải dầu thời tiết Paris thất thường, nhô ra mặt phố non một thước*, để tránh mưa cho bậc thềm, cũng để che cho bức tường của ngăn xếp áp mái cùng với khuôn cửa trở không có gờ. Ngăn gác trên cùng này được làm bằng những thanh ván đóng đánh ken vào nhau như những tấm đá lợp, chắc hẳn nhằm bớt gánh nặng cho ngôi nhà mỏng manh.

Vào một buổi sáng mưa tháng ba, một chàng trai, áo choàng quần kín người, đứng dưới mái hiên một cửa hiệu đối diện ngôi nhà cũ kỹ nọ, ngắm nhìn nó với nhiệt tình của nhà khảo cổ. Quả thật, di tích của giới trưởng giả thế kỷ XVI này đặt ra cho người quan sát nhiều vấn đề cần giải quyết. Ở mỗi tầng có một nét đặc biệt: tại tầng thứ nhất, bốn cửa sổ dài, hẹp, kề nhau, có những ô gỗ vuông bên dưới nhằm tạo thứ ánh sáng lơ mờ, nhờ vậy một thương nhân khôn khéo gán được cho vải vóc của mình màu sắc bạn hàng mong muốn. Chàng trai có vẻ hết sức khinh thị bộ phận chủ yếu này của ngôi nhà, chưa buồn để mắt tới nó. Chàng cũng chẳng chú ý gì hơn đến các cửa sổ tầng hai, mảnh cuốn lên để lộ những tấm rèm nhỏ bằng sa màu đỏ hoe thấp thoáng qua các ô kính Bohême khổ lớn. Chàng đặc biệt quan tâm đến tầng ba, đến những khuôn cửa sổ xuềnh xoàng chất gỗ đẽo tạc thô sơ đáng được đưa vào Viện Bảo tồn Nghệ thuật và Nghề nghiệp để biểu thị những nỗ lực đầu tiên của ngành mộc nước Pháp. Các cửa sổ này có những ô kính nhỏ màu lục, đậm đến mức ví thử chàng trai không tinh mắt thì sẽ chẳng nhận ra các tấm rèm vải kẻ ô vuông xanh lam giấu kín những điều bí ẩn của tầng gác trước mắt kẻ phàm tục. Thỉnh thoảng, buồn phiền vì ngắm nhìn mà không kết quả, hoặc vì ngôi nhà cũng như toàn khu phố chìm lấp trong thình lạng, người quan sát đưa mắt xuống phía dưới. Lúc ấy một nụ cười bất giác nở trên môi chàng, khi chàng thấy lại cái cửa hàng quả là có những điều khá nực cười. Một thanh gỗ cực to, dựa theo chiều ngang trên bốn cây trụ như còng xuống vì sức nặng của ngôi nhà lụ khụ, đã được trát đi trát lại bao lớp sơn khác nhau, nhiều ngang những lớp phấn hồng trên má một bà công tước già. Chính giữa cây xà lớn chạm trổ tỉa tót ấy có bức họa cổ thể hiện một chú mèo đang chơi bóng. Tranh vẽ này khiến chàng trai thấy vui vui. Nhưng phải nói rằng, người hóm hỉnh nhất trong các họa sĩ hiện đại cũng chẳng sáng tạo nên bức biếm họa hài hước đến thế. Một chân trước cầm cây vợt lớn bằng cả thân hình, con vật đứng thẳng trên hai chân sau nhằm nhằm nhìn quả bóng to tướng do một nhà quý phái vận y phục thêu đánh sang cho nó. Hình vẽ, màu sắc, các thứ phụ trợ, tất cả đều được xử lý như thể họa sĩ muốn giễu cợt thương nhân cùng khách qua đường. Thời

gian làm phai nhạt bức vẽ chất phác, khiến nó càng thêm thô kệch tức cười bởi mấy chỗ lờ mờ làm cho những người dạo chơi kỹ tính phải băn khoăn. Như cái đuôi lốm đốm của chú mèo được làm nổi lên thế nào mà ta có thể tưởng đó là một người đứng xem, bởi đuôi mèo thời các cụ tổ chúng ta to, cao và rậm quá thể. Bên phải bức tranh, trên một nền xanh da trời ngụy trang không hết được lớp gỗ mục, khách qua đường đọc thấy GUILLAUME; và bên trái, KẾ NGHIỆP ÔNG CHEVREL. Mưa nắng đã ăn mòn phần lớn chất vàng dát sên so trên các chữ của bảng hiệu, theo lẽ luật chính tả cổ, những chữ U thay cho chữ V và ngược lại. Để triệt thói kiêu ngạo ở những người cứ tưởng thế gian mỗi ngày một thêm tài tình hóm hỉnh, và tưởng trò phỉnh lừa hiện đại xuất sắc hơn hết thấy, cần lưu ý rằng các bảng hiệu kia, gốc gác dường như kỳ quặc đối với nhiều thương gia Paris, chính là hình ảnh chết của những cảnh sắc sống động nhờ đó các cụ tổ lấu lỉnh của chúng ta dụ được bạn hàng vào cửa hiệu mình. Như Cô Lợn-Kéo sợi, Chú Khỉ-xanh v.v., là những động vật nuôi trong lồng, có tài khéo khiến khách qua đường lạ lòng thích thú, và việc dạy dỗ chúng chứng tỏ lòng kiên nhẫn của nhà công nghệ thế kỷ XV. Những vật lạ này làm giàu cho các chủ sở hữu may mắn của chúng nhanh hơn là các tranh Thượng đế, Thiện-Ý, Ân phước-của-Chúa hay Chặt đầu Thánh Jean-Baptiste hiện còn thấy ở phố Saint-Denis. Tuy nhiên, chàng trai lạ mặt đứng đó hẳn không phải để ngắm chú mèo chỉ cần chú ý giây lát là đủ khắc vào trí nhớ. Chàng thanh niên cũng có những nét đặc biệt của mình. Áo khoác, xếp nếp theo kiểu tấm choàng thời cổ, để lộ đôi giày thanh nhã, càng đáng chú ý hơn nữa giữa cảnh bùn lầy Paris vì chàng đi tất lụa trắng, lấm tấm những vết bẩn xác nhận sự nôn nóng nơi chàng. Chắc hẳn chàng ra về từ chốn tiệc tùng hay buổi vũ hội, vì vào giờ sớm sủa này, chàng cầm trong tay đôi găng trắng, và những búp tóc đen đã hết nếp quăn buông xõa xuống vai cho thấy cách chải đầu theo kiểu Caracalla, được ưa chuộng nhờ trường phái David, và cũng do niềm mê say các hình thể Hy Lạp và La Mã đánh dấu những năm đầu thế kỷ này. Bất kể tiếng ồn do mấy bác trồng rau đi muôn phi ngựa nước đại qua để tới chợ lớn, khu phố rất náo động này giờ đây có một trạng thái yên tĩnh, chỉ một số người được biết ma lực của sự yên

tĩnh ấy, đó là những ai từng lang thang giữa Paris vắng ngắt vào giờ khắc khi sự huyền ảo, lắng dịu trong chốc lát, đang hồi sinh và vắng vắng đằng xa như âm thanh lớn lao của biển. Chàng trai lạ lùng này hẳn cũng kỳ dị đối với các thương nhân hiệu Mèochơi-bóng, như hiệu Mèochơi-bóng kỳ dị đối với chàng. Chiếc cà-vạt ngồi lên màu trắng khiến gương mặt bản khoản dần vật của chàng thành xanh xao hơn thực tế. Ánh lửa khi u tối khi lóng lánh lóe ra từ cặp mắt đen, hài hòa với đường nét kỳ lạ của gương mặt chàng, với khuôn miệng rộng, uốn lượn, đang chúm chím cười nụ. Vầng trán, nhẵn lại vì một mối bất mãn mãnh liệt, có nét gì đó định mệnh. Vầng trán chẳng phải là cái mang tính tiên tri hơn cả ở con người hay sao? Khi trán chàng trai lạ mặt biểu hiện mối đam mê, những nếp nhăn trên đó gây một thứ kinh hãi bởi chúng nổi rõ, đầy khí lực; nhưng khi trở lại trạng thái bình tĩnh, rất dễ bị khuấy động, vầng trán toát lên vẻ đẹp sáng ngời khiến diện mạo thành hấp dẫn, niềm vui, nỗi đau, tình yêu, cơn giận, sự khinh thị lộ lộ qua dung mạo một cách chan hòa đến mức người lạnh lùng nhất cũng phải cảm kích. Chàng lạ mặt đang quá bức tức lúc người ta hấp tấp mở cánh cửa trở ở ngăn xếp áp mái, nên không nhìn thấy ba gương mặt phô ra, tươi vui, tròn trĩnh, hồng hào, trắng trẻo, nhưng cũng tầm thường như các gương mặt Thương mại chạm khắc tại một số tượng đài. Ba bộ mặt, đóng khung trong khuôn cửa, gợi nhớ mặt các thiên thần bụi bặm lác đác trên những áng mây tháp tùng Thượng đế. Các chàng nhân viên tập sự hít thở làn hơi toát lên từ đường phố với nỗi thèm thuồng chứng tỏ không khí nơi gác xếp nóng và ô uế biết chừng nào. Sau khi trở anh chàng đứng gác kỳ dị nọ, cậu nhân viên có vẻ vui tính nhất biến đi rồi quay trở lại, tay cầm một dụng cụ vừa thay chất kim khí cứng bằng thứ da mềm; rồi cả bọn cùng ra ý tình quái nhìn chàng ngây, và phun lên chàng một màn mưa bụi trắng trắng có mùi thơm chứng tỏ ba chiếc cầm vừa được cạo râu xong. Kiễng chân lên, náu mình vào sâu bên trong gác xếp để thích chí thưởng thức nỗi tức giận của nạn nhân, ba cậu nhân viên bỗng thôi cười khi thấy chàng trai rũ rũa áo choàng với vẻ khinh thường bất cần, và lúc ngược nhìn lên ô cửa trống không, mặt chàng biểu thị niềm miệt thị sâu sắc. Lúc đó, một bàn tay trắng trẻo và mảnh mai đẩy

phần dưới một cửa sổ thô kệch tầng ba lên phía trên, nhờ những rãnh xoi có cái chốt xoay thường hay để rơi xuống bất thành linh tấm kính nặng nó phải chốt giữ. Thế là vị khách qua đường được thưởng công chờ đợi lâu dài. Một khuôn mặt thiếu nữ, tươi mát như đài hoa trắng nở giữa làn nước, xuất hiện dưới vành mũ xếp nếp tổ ong bằng sa mỏng nhàu nhàu khiến mái đầu có một vẻ thơ ngây tuyệt diệu, Tuy có lớp vải màu nâu nhạt che phủ, cổ và vai nàng vẫn lộ ra, qua những kẽ hở nho nhỏ do cử động trong giấc ngủ. Không một biểu hiện gượng gạo nào làm phai nét chân chất của gương mặt, cũng như vẻ điềm tĩnh của đôi mắt đã thành bất tử từ trước trong những bức họa tuyệt vời của Raphaël: cũng duyên sắc ấy, cũng sự bình lặng của những nàng trinh nữ đã đi vào ngạn ngữ. Có tình trạng tương phản dễ thương, do vẻ thanh xuân của đôi má, trên gương mặt như được giấc ngủ tôn thêm sức sống sung mãn, và sự già nua của khung cửa sổ nặng nề có đường nét thô kệch, bờ cửa màu đen. Giống những bông hoa nở ban ngày, buổi sáng còn chưa mở tà áo cuộn lại do khí lạnh ban đêm, thiếu nữ vừa tỉnh giấc, để cho cặp mắt xanh phiêu lãng trên các mái nhà lân cận và ngược nhìn bầu trời, rồi do một loại thói quen, nàng hạ mắt trông xuống những vùng mờ tối trên đường phố, và gặp ngay mắt của người say mê mình: chắc tính làm dáng khiến nàng phiền lòng vì để người thấy mình trong trang phục sơ sài, nàng lùi phắt về phía sau, cái chốt mòn xoay xoay, cánh cửa sổ lại hạ xuống rất nhanh, sự nhanh chóng khiến phát minh chất phác của tổ tiên chúng ta giờ đây phải mang một tên gọi khả ố, và ảo ảnh vụt biến. Với chàng trai nọ, ngôi sao mai rực rỡ nhất dường như đột ngột bị áng mây che.

Trong lúc các biến cố nho nhỏ kia diễn ra, những cánh cửa chớp nặng ở bên trong, bảo vệ lớp kính mỏng của hiệu Mèo-chơi-bóng đã được dỡ đi như ảo thuật. Một gia nhân, có lẽ cùng thời với bảng hiệu, mở ép vào tường phía trong cánh cửa ra vào cũ kỹ có chiếc búa gỗ, đoạn đưa bàn tay run rẩy buộc lên đó mảnh da hình vuông, bên trên thêu chỉ tơ vàng cái tên *Guillaume, kế nghiệp Chevrel*. Chắc nhiều khách qua đường khó đoán được ông Guillaume buôn bán loại hàng gì. Qua các thanh sắt to bảo vệ bên

ngoài cửa hiệu, người ta chỉ loáng thoáng nhìn thấy những bọc phủ vải màu nâu, nhiều vô số như cá mòi bơi qua Đại dương. Tuy mặt tiền kiểu gô-tích trông bề ngoài đơn sơ, trong tất cả các nhà buôn dạ thành Paris, ông Guillaume là người có cửa hiệu luôn nhiều hàng nhất, có các mối giao thiệp rộng rãi nhất, có đức chính trực trong kinh doanh không thể vương chút hiềm nghi. Nếu một vài đồng nghiệp ký kết bán hàng cho chính phủ, mà không có đủ lượng dạ mong muốn, ông luôn sẵn sàng cung cấp cho họ, dù số hàng họ nhận thầu lớn đến đâu chẳng nữa. Vị thương gia tinh ranh biết trăm mưu ngàn kế để thu về mình phần lãi cao nhất mà không phải chạy chọt như họ, phải đến nhà các quan thầy để hạ mình cầu cạnh hay biểu xén quà cáp quý giá. Nếu đồng nghiệp chỉ có thể trả ông bằng hối phiếu có giá trị song hơi dài hạn, thì ông giới thiệu viên công chứng của mình như một người dễ thỏa thuận và ông còn biết nhất cử lưỡng lợi, nhờ cái mưu chước khiến các thương gia ở phố Saint-Denis thường nói câu này như một ngạn ngữ: – Cầu Chúa phù hộ cho anh thoát được viên công chứng của ông Guillaume! để chỉ một khoản chiết khấu nặng. Vị thương gia già đứng trên thềm cửa hiệu, như do phép màu, vào lúc người đầy tớ rút lui. Ông Guillaume nhìn phố Saint-Denis, nhìn các cửa hiệu lân cận và tiết trời, như một người vừa cập bến Havre và thấy lại nước Pháp sau một cuộc viễn du. Tin chắc là không có gì đổi thay trong khi mình an giấc, lúc đó ông chợt thấy người khách qua đường đang túc trực, về phía chàng cũng ngắm vị trưởng lão ngành dạ, có lẽ giống như Humboldt quan sát con cá chạch phóng điện đầu tiên ông thấy ở châu Mỹ. Ông Guillaume mặc quần cộc rộng bằng nhung đen, đi tất dài ngũ sắc, giày mũi vuông có khâu bạc. Lưng ông hơi khòm, mình mặc bộ áo dạ màu lục nhạt vạt vuông, có đuôi tôm vuông, cổ vuông, khuy to bằng kim loại trắng nhưng dùng lâu đã ố đỏ. Tóc hoa râm chải mượt ép thật sát vào chòm đầu vàng vàng, khiến chòm đầu giống như một cánh đồng được cày thành luống. Cặp mắt xanh lục, nhỏ ti hí, sáng quắc dưới hai vành cung có màu đỏ thay thế lông mày. Lo âu đã hằn lên trán ông những vết nhăn theo chiều ngang, cũng nhiều như các nếp trên áo. Bộ mặt xanh nhợt ấy biểu thị lòng kiên nhẫn, tính khôn ngoan nơi thương

trường, và sự tham lam tinh quái do việc làm ăn đòi hỏi. Vào thời đó, dễ gặp hơn ngày nay những gia đình dòng dõi lâu đời vẫn còn duy trì, như những truyền thống quý báu, phong tục, phục trang đặc trưng cho nghề nghiệp của mình, những gia đình còn sót lại giữa nền văn minh tân kỳ như các di vật thời tiền hồng thủy mà Cuvier tìm lại được trong các hầm đá. Vị gia trưởng nhà Guillaume là một trong những người bảo vệ có tiếng cho các tập quán xưa: người ta bắt gặp ông nuôi tiếc Pháp quan của các Thương gia* và chẳng bao giờ ông nói đến một điều xét xử của Tòa án Thương mại mà không gọi đó là *sự phán quyết của các Chấp chính quan*. Chắc hẳn chiếu theo những tập tục trên đây nên dậy sớm nhất nhà, ông vững lòng chờ đợi ba nhân viên đến, để trách mắng họ trong trường hợp chậm trễ. Các đồ đệ trẻ này của thần Mercure thấy không gì đáng sợ hơn sự tích cực lạnh lẽ của ông chủ khi ông dò xét nét mặt và động tác của họ vào sáng thứ hai, kiểm tìm bằng chứng hoặc dấu vết cho thấy họ đã chuồn đi chơi. Thế nhưng, lúc này, ông già buồn dạ chẳng chú ý gì đến đám tập sự, ông đang bận tâm tìm hiểu lý do khiến chàng thanh niên đi tắt lựa khoác áo choàng cứ ân cần đưa mắt nhìn luân phiên hết bảng hiệu lại đến mạn sâu bên trong cửa hàng nhà ông. Ánh mặt trời, đã chói lọi hơn, cho thấy được văn phòng ở phía trong, có chấn song sắt, che rèm lụa cũ màu lục, tại đó có những cuốn sổ đồ sộ, các vị tiên tri câm lặng của cửa hiệu. Chàng lạ mặt quá tò mò như thèm muốn căn nhà nhỏ này, như ghi lấy địa đồ một phòng ăn ở ngách bên, được chiếu sáng do trần nhà lắp kính, và gia đình quây quần tại đây trong các bữa ăn chắc dễ dàng nhìn thấy được những sự cố nhỏ nhặt nhất có thể xảy ra trên thềm cửa hiệu. Với một thương nhân từng chịu đựng chế độ *Tối đa**, thì một sự mến yêu đến thế đối với ngôi nhà của mình, xem ra cũng khả nghi. Vậy ông Guillaume nghĩ ra một cách khá tự nhiên rằng nhân vật hiểm ác kia chỉ muốn cái kết bạc của hiệu Mèo-chơi-bóng. Sau khi đã kín đáo thưởng thức trận đấu câm lặng giữa ông chủ và người lạ mặt, anh nhân viên lớn tuổi nhất đánh bạo tiến đến phiến đá lát nơi ông Guillaume đang đứng, lúc anh thấy chàng thanh niên lén lút ngấm các ô cửa sổ tầng ba. Anh bước hai bước ra ngoài phố, ngẩng đầu lên, và cho là đã thoáng nhìn thấy cô Augustine

Guillaume đang hấp tấp lui vào. Không bằng lòng về sự sáng ý của chàng nhân viên số một, ông chủ hăng dạ liếc xéo anh chàng; nhưng đột nhiên, những mối lo sợ tương hồ trong tâm hồn nhà buôn và anh nhân viên si tình do sự hiện diện của người khách qua đường nọ bỗng dịu đi. Chàng lạ mặt gọi một cỗ xe thuê đang trên đường tới một địa điểm gần đấy, rồi trèo lên rất nhanh, vờ vĩnh làm bộ thờ ơ. Việc chàng ra đi phần nào an ủi mấy nhân viên kia, các cậu hơi ngại gặp lại nạn nhân vừa bị mình trêu chọc.

– Nào nào, các cậu, các cậu khoanh tay đứng đó làm gì thế? – Ông Guillaume bảo ba đồ đệ mới của mình. – Chà chà! Ngày xưa ấy à, khi còn học việc ở hiệu ông Chevrel, tôi đã xem xét xong hai tấm dạ là ít.

– Thế thì thời ấy trời rạng sớm hơn bây giờ ạ, – cậu nhân viên thứ hai nói, – việc trên thuộc phận sự của cậu.

Nhà buôn già không ghìm được nụ cười. Mặc dù trong ba chàng trai có hai chàng được các ông bố là những nhà công nghiệp giàu có ở Louviers và Sedan gửi gắm ông, và ngày nào đủ tuổi lập nghiệp, các cậu chỉ cần đề nghị là sẽ có ngay mười vạn phơ-răng, Guillaume vẫn cho rằng ông có bốn phận đặt các cậu dưới một ách chuyên chế cổ xưa, giờ đây không còn thấy ở các cửa hiệu tân tiến huy hoàng, nơi các nhân viên muốn nên giàu nên có ở tuổi ba mươi: ông bắt họ làm lụng quần quật. Chỉ có ba người thôi, song các cậu đảm đương một công việc có thể làm mệt lử mười gã nhân viên mà thói lười nhác kiêu sa khiến ngân sách ngày nay cứ phình ra. Không một tiếng ồn nào khuấy động niềm an bình của ngôi nhà trang trọng này, nơi các bản lề dường như luôn được tra dầu nhờn, nơi mỗi đồ đạc nhỏ nhất đều sạch sẽ tinh tươm, cho thấy một trật tự và một sự cẩn cơ nghiêm ngặt. Cậu nhân viên tinh nghịch nhất dám thường hay viết đùa lên tảng pho-mát Gruyère dọn cho các cậu vào bữa sáng, và các cậu khoái để nguyên không động tới, ngày tháng nhận nó lần đầu. Trò tinh quái ấy và vài trò khác tương tự khiến cô con gái thứ của ông Guillaume đôi khi cười nụ, chính là nàng trinh nữ xinh đẹp vừa hiển hiện trước người khách qua đường hân hoan. Tuy mỗi chàng tập sự, ngay cả anh chàng kỳ cựu nhất, đều trả hậu hĩ khoản tiền

ăn trọ, không anh nào đủ táo tợn ngồi lại bên bàn ăn của ông chủ vào lúc đồ tráng miệng được dọn ra. Hễ bà Guillaume nói đến việc trộn xà-lách, là các chàng trai tội nghiệp này run lên khi nghĩ rằng bàn tay thận trọng của bà biết cách rắc dầu ăn lên xà-lách sền so như thế nào. Họ chớ có tính chuyện đi ngủ nơi khác một đêm, nếu không nói trước từ lâu một lý do nghe được cho điều bất thường này. Mỗi chủ nhật, lần lượt theo phiên, hai nhân viên tháp tùng gia đình Guillaume đi dự lễ mi-xa ở Saint-Leu và đi nghe kinh văn khóa. Các cô Virginie và Augustine, mặc đồ vải bông giản dị, mỗi cô khoác tay một nhân viên bước phía trước, dưới đôi mắt sắc của bà mẹ đi sau rót đoàn diễu hành gia đình, cùng với ông chồng được bà tập cho quen cặp hai cuốn sách kinh dày cộp đóng bìa da đen. Nhân viên thứ hai không có lương. Còn anh chàng đã mười hai năm trời kiên trì và kín đáo học các bí quyết của hãng, thì được lĩnh tám trăm phơ-răng thưởng cho công sức. Vào một số ngày lễ trong gia đình, anh được ban vài thứ quà tặng chỉ có giá trị nhờ bàn tay khô héo và răn reo của bà Guillaume: túi đựng tiền bằng sợi thưa, được bà cẩn thận nhồi đầy bông để làm nổi các hình trang trí rua thủng, dây đeo quần làm thật chắc, hoặc tất lụa rõ dày. Thỉnh thoảng, nhưng cũng ít khi thôi, chàng trợ thủ số một này được phép tham dự các cuộc vui gia đình, chẳng hạn khi cả nhà cùng về quê, hoặc sau nhiều tháng chờ đợi, họ quyết định sử dụng quyền của mình, thuê một lô ở nhà hát và đề nghị một vở mà Paris chẳng còn để ý đến nữa. Còn về ba nhân viên kia, thì hàng rào tôn kính ngày trước ngăn cách một chủ hãng dạ với đồ đệ tập sự, nay được đặt thật vững chắc giữa họ và vị thương gia già, đến mức ví thử phải ăn trộm một tấm dạ họ thấy còn dễ hơn là xáo trộn nghi thức oai nghiêm ấy. Ngày nay sự giữ gìn đó có vẻ nực cười; nhưng những cửa hiệu lâu đời này là trường học về phẩm hạnh và đức chính trực. Các ông thầy coi người học việc như con nuôi. Quần áo thường ngày của các chàng trai được bà chủ nhà chăm sóc, sửa sang, đôi khi thay mới. Một nhân viên bị ốm ư, mọi người chăm nom anh ta như mẹ chăm con. Trường hợp nguy cấp, ông chủ bỏ tiền túi mời các bác sĩ trứ danh nhất; bởi ông không chỉ đảm bảo về phẩm hạnh và tri thức của các chàng trai này trước phụ huynh họ. Nếu như một người trong số nhân

viên tập sự, có tư cách đáng trọng, song gặp phải tai ương gì đó, các thương gia già biết đánh giá tài trí do mình mở mang, và chẳng ngần ngại giao phó hạnh phúc của con gái mình cho kẻ đã từ lâu được mình giao phó tài sản. Guillaume thuộc những con người cổ kính ấy, và nếu như ông có những nét nức cười của họ, thì ông cũng có mọi phẩm chất của họ; bởi vậy Joseph Lebas, nhân viên số một của ông, mồ côi và không tài sản, theo ông nghĩ, là người chồng tương lai cho cô con gái lớn Virginie. Nhưng Joseph không cùng chung ý tưởng tương xứng của ông chủ, ông này, giá có được một vương quốc, cũng chẳng bao giờ cho con gái thứ kết hôn trước con gái cả. Chàng nhân viên bất hạnh cảm thấy lòng mình hoàn toàn hướng về cô em Augustine. Để biện minh cho mối tình say đắm, đã phát triển một cách âm thầm này, cần đi sâu hơn nữa vào những động lực của chính thể chuyên chế thống trị trong nhà ông lão buôn dậu.

Guillaume có hai con gái. Cô cả Virginie giống hệt mẹ. Bà Guillaume, con ông Chevrel, ngồi cứ thẳng đuồn đuồn trên chiếc ghế nhỏ ở quầy hàng, thành thử nhiều lần bà đã nghe thấy những kẻ ưa khôi hài đánh cuộc rằng bà bị đóng cọc xiên vào ghế. Khuôn mặt gầy và dài biểu lộ một niềm mộ đạo thái quá. Vô duyên và chẳng có cung cách niềm nở dễ thương, bà Guillaume thường đội cho mái đầu xấp xỉ lục tuần một chiếc mũ tròn hình thù bất biến và có tua như mũ quả phụ. Hàng xóm láng giềng ai ai cũng gọi bà là bà nữ tu canh cửa. Lời lẽ của bà ngắn gọn, cử chỉ có cái gì đó giống như động tác giật cục của máy điện báo. Con mắt, nhạt màu tựa thể mắt mèo, dường như trách giận toàn thiên hạ về việc mình xấu xí. Cô Virginie, được nuôi dạy giống như em gái dưới luật lệ chuyên chế của mẹ, đã hai mươi tám. Tuổi trẻ giảm bớt vẻ vô duyên đôi khi lộ trên gương mặt, do giống mẹ; nhưng bởi mẹ hà khắc nên cô có được hai phẩm chất lớn có thể bù cho cân bằng mọi sự: cô dịu dàng và nhẫn nại. Cô Augustine, vừa xấp xỉ mười tám, không giống cha cũng chẳng giống mẹ. Cô thuộc số những người con gái, do không có chút liên quan gì về dung mạo với bố mẹ, khiến người ta tin vào câu ngạn ngữ của kẻ giả bộ nghiêm cần: Chúa ban những đứa con. Augustine bé nhỏ, hoặc, để miêu tả

cô cho đúng hơn, xinh xắn. Duyên dáng và hết sức ngây thơ, một người đàn ông thuộc giới thượng lưu chỉ có thể chê trách ở con người khả ái này những cử chỉ hèn mọn hoặc vài dáng điệu tầm thường, và đôi khi là sự ngượng ngập. Gương mặt lặng lẽ và bất động của cô toát lên nỗi sầu thoáng qua thường chi phối tất cả những thiếu nữ quá yếu đuối không dám cưỡng lại ý mẹ. Bao giờ cũng ăn vận giản dị, hai chị em chỉ có thể thỏa mãn tính làm dáng bẩm sinh ở phụ nữ nhờ sự tinh sạch cực kỳ, thích hợp tuyệt vời với các cô khiến các cô hài hòa cùng những quây hàng bóng lộn, những ngăn tủ mà lão bộc không cho vương lấy một hạt bụi, hài hòa cùng vẻ đơn sơ cổ kính của mọi thứ quanh các cô. Do nếp sống gia đình buộc phải tìm hạnh phúc trong những công việc kiên trì, Augustine và Virginie cho đến bảy giờ chỉ toàn làm cho mẹ hài lòng, bà ngấm ngấm tự khen mình về tính cách hoàn hảo của hai con. Cũng dễ hình dung kết quả của sự giáo dục hai cô đã tiếp nhận. Được nuôi dạy để theo nghề buôn, chỉ quen nghe rất những lý lẽ và những tính toán vụ lợi chán ngắt, chỉ được học có ngữ pháp, ghi chép sổ sách, một ít lịch sử Do Thái, lịch sử nước Pháp trong sách của Le Ragois, và chỉ đọc những tác giả được mẹ cho phép, tư tưởng của các cô không mấy mở mang: các cô thạo tề gia nội trợ, biết giá cả mọi thứ, hiểu được những khó khăn phải nếm trải để kiếm tiền, các cô tần tặn và hết sức tôn trọng những phẩm chất của thương gia. Tuy cha các cô giàu có, các cô may vá cũng khéo như thêu viền; bà mẹ thường hay nói đến chuyện dạy con nấu nướng để các cô biết sắp đặt một bữa tiệc tối, và có thể hiểu rõ ngọn ngành mà mắng mỏ một chị bếp. Chẳng biết những lạc thú của thế gian và nhìn bố mẹ sống cuộc đời mẫu mực như thế nào, các cô rất hiếm khi phóng tầm mắt vượt khỏi phạm vi ngôi nhà cũ của cha ông, với mẹ các cô, đó là vũ trụ. Những dịp hội họp vì nghi thức gia đình là toàn bộ viễn cảnh niềm vui trần thế nơi các cô. Khi phòng khách lớn ở tầng ba định đón tiếp bà Roguin, thuộc dòng Chevrel, trẻ hơn bà chị họ mười lăm tuổi và đeo đồ trang sức kim cương; chàng Roubourdin, vụ phó ở Bộ Tài chính; ông César Birotteau, chủ hãng nước hoa giàu có, và bà vợ thường được gọi là bà César; ông Camusot, thương gia giàu nhất ngành tơ lụa ở phố Bourdonnais và nhạc phụ là ông Cardot, hai

ba chủ ngân hàng già cả, và những người đàn bà đức hạnh vẹn toàn, thì công việc soạn sửa cần thiết do cách gói ghém các đồ dùng bằng bạc, hàng sứ Saxe, nển, đồ thủy tinh, là một sự giải khuây cho cuộc sống đơn điệu của ba người phụ nữ, họ đi đi lại lại tất bật chẳng khác các nữ tu chuẩn bị nghênh tiếp đức giám mục. Thế rồi, buổi tối, cả ba mệt nhoài vì đã lau chùi, kỳ cọ, mở các bao gói, sắp đặt những thứ trang trí cho buổi liên hoan, khi hai cô gái giúp mẹ đi nằm, bà Guillaume bảo các cô: – Ngày hôm nay chúng ta chưa làm được gì cả, các con ạ! Trong các buổi hội họp long trọng ấy, nếu bà nữ tu canh cửa cho phép khiêu vũ và đồn các nhóm chơi bài boston, whist, trictrac vào phòng ngủ của bà, thì sự chiêm chước này được kể vào số những hạnh phúc không ngờ nhất, và tạo nên niềm sung sướng ngang với khi được dự hai, ba cuộc khiêu vũ lớn mà ông Guillaume thường dẫn các con tới vào dịp lễ hội hóa trang. Cuối cùng, mỗi năm một lần, nhà buôn dạ chính trực mở một cuộc chiêu đãi, chi phí cho dịp này ông chẳng nề hà gì hết. Dù những người được mời có giàu sang và phong lưu lịch sự đến mấy, họ cũng không hề vắng mặt; bởi các gia đình có thế lực nhất trên thương trường cũng đều cầu viện đến uy tín lớn lao, đến của cải hay kinh nghiệm lâu đời của ông Guillaume. Nhưng hai cô con gái của vị thương gia đang hoàng này chẳng lợi dụng được nhiều như thiên hạ tưởng, từ những điều mà xã hội giao tế dạy cho các tâm hồn non trẻ. Trong các cuộc hội họp, đã ghi sẵn trên sổ kỳ nhật của hãng, các cô mang những đồ trang sức bản tiện đến xấu hổ. Cách khiêu vũ của các cô chẳng có gì đáng chú ý, và sự giám sát của mẹ không cho phép các cô tiếp chuyện bạn nhảy bằng lời lẽ gì khác ngoài tiếng Vâng và Không. Rồi luật lệ của bảng hiệu lâu đời Mèo-chơi-bóng phán bảo các cô phải ra về vào lúc mười một giờ, giữa lúc các cuộc khiêu vũ, các buổi hội hè bắt đầu khởi sắc. Bởi vậy mà những thú vui của hai cô, bề ngoài có vẻ khá phù hợp với tài sản của ông bố, thường thành ra vô vị do các hoàn cảnh liên quan đến tập quán và nguyên tắc của gia đình này. Còn về cuộc sống thường nhật, thì một nhận xét duy nhất đủ miêu tả hết. Bà Guillaume bắt hai con phải y phục chỉnh tề từ sáng sớm, ngày nào cũng xuống nhà đúng giờ, và công việc phải đều đặn quy củ như trong nhà tu. Tuy nhiên Augustine đã ngẫu

nhiên được phú cho một tâm hồn khá cao nhã để cảm thấy sự trống rỗng của cuộc sống này. Thỉnh thoảng cặp mắt xanh của cô ngước lên như muốn gạn hỏi chốn thẳm sâu của cầu thang âm u và các cửa hàng ẩm ướt nọ. Sau khi thăm dò sự thình lạng như trong nhà tu kín kia, dường như cô lắng nghe xa xa những tiết lộ mơ hồ về cuộc sống đắm say đặt tình cảm cao giá hơn đồ vật. Những lúc ấy mặt cô khởi sắc, hai bàn tay thần thờ để rơi lộp vãi sa trắng xuống mặt gỗ sồi bóng loáng của quầy hàng, và lập tức bà mẹ bảo cô bằng cái giọng bao giờ cũng chua eo éo ngay cả trong ngữ điệu êm ái nhất: – Augustine! Con đang nghĩ gì thế con yêu? Có lẽ *Hippolyte bá tước De Douglas* hay *Bá tước De Comminges*, hai cuốn tiểu thuyết mà Augustine tìm thấy trong tủ của một chị bếp vừa bị bà Guillaume cho thôi việc, có góp phần mở mang tư tưởng cho cô gái đã ngấu ngiến đọc trộm chúng trong những đêm dài mùa đông năm ngoái. Vậy là những vẻ khát khao mơ hồ, giọng nói dịu dàng, làn da như cánh hoa nhài, và cặp mắt xanh của Augustine đã nhen lên trong lòng chàng Lebas tội nghiệp một tình yêu mãnh liệt mà kính cẩn. Do một điều trở trêu dễ hiểu, Augustine chẳng có một chút cảm mến nào đối với chàng trai mồ côi; có lẽ vì cô không biết mình được anh yêu. Ngược lại, cặp giò dài, mái tóc hung đỏ, những bàn tay to và vóc dáng cường tráng của anh nhân viên số một được Virginie ngắm ngẫm ngưỡng mộ, tuy có năm mươi ngàn đồng ê-quy hồi môn, cô vẫn chưa được ai cầu hôn. Chẳng có gì tự nhiên hơn hai mối tình say đắm ngược chiều nảy sinh trong thình lạng nơi những quầy hàng mờ tối này như những bông đồng thảo nở trong sâu thẳm một khu rừng. Sự ngắm nhìn bền bỉ và câm lặng liên kết ánh mắt những người trẻ tuổi nọ do nhu cầu mãnh liệt được giải khuây giữa các công việc kiên trì và giữa niềm an bình mang tính chất tu hành, sớm hay muộn ắt phải khơi gợi tình cảm yêu đương. Quen nhìn một gương mặt khiến ta vô tình phát hiện dần những phẩm chất tâm hồn trên gương mặt ấy, và rốt cuộc xóa mờ những khiếm khuyết của nó.

– Cứ theo cái đà của con người này, thì chẳng bao lâu nữa, con gái chúng ta đến phải quỳ gối trước một vị hôn phu mất thôi! –

Ông Guillaume tự nhủ khi đọc bản sắc lệnh thứ nhất của Napoléon tuyển trước thời hạn các lớp thanh niên đến tuổi đăng lính.

Từ hôm ấy, thất vọng nhìn cô con gái lớn khô héo dần, nhà buôn già nhớ lại mình đã cưới cô Chevrel trong tình thế gần giống như tình thế hiện nay của Joseph Lebas và Virginie. Gả chồng cho con gái và trả được món nợ thiêng liêng, bằng cách trao lại cho một chàng trai mồ côi ân huệ xưa kia mình được bậc tiền bối ban cho trong những trường hợp tương tự, đó là một việc hay biết mấy! Đã ba mươi ba tuổi, Joseph Lebas nghĩ đến những trở ngại do mười lăm năm chênh lệch giữa anh và Augustine. Vả lại anh quá sáng ý nên đã đoán ra ý định của ông Guillaume, anh hiểu khá rõ các nguyên tắc không khoan nhượng nơi ông nên biết rằng chẳng bao giờ cô em lại lấy chồng trước cô chị. Vậy là chàng nhân viên tội nghiệp, có cặp giò dài bao nhiêu và thân hình vạm vỡ bao nhiêu thì tấm lòng cũng tốt bấy nhiêu, cứ lặng lẽ mà đau khổ.

Sự thể đang là như vậy, trong cái xã hội nho nhỏ này, ở giữa phố Saint-Denis song lại khá giống một chi nhánh của dòng tu Khổ hạnh. Nhưng để thuyết minh cho chính xác các biến cố bên ngoài cũng như các tình cảm, cần ngược trở lại vài tháng trước cảnh mở đầu câu chuyện này. Vào lúc chập tối, một chàng trai đi ngang qua cửa hiệu Mèo-chơi-bóng tối tăm, đã dừng chân chốc lát để chiêm ngưỡng một cảnh tượng có thể cảm chân tất cả các họa sĩ trên đời. Cửa hàng còn chưa tắt sáng, tạo một nền đen, phía trong cùng lớp nền này hiện ra gian phòng ăn của thương gia. Một ngọn đèn treo tỏa làn ánh sáng màu vàng từng đem lại bao duyên dáng cho các bức họa của trường phái Hà Lan. Khăn bàn trắng, đồ dùng bằng bạc, đồ thủy tinh tạo nên những phụ tùng rực rỡ, còn được sự tương phản mạnh mẽ giữa tối và sáng tôn thêm vẻ đẹp. Gương mặt của vị gia trưởng và của bà vợ, diện mạo các nhân viên và những đường nét trong sáng của Augustine, cách nàng hai bước là một cô gái to béo má phình đang đứng, tất cả hợp thành một nhóm thật kỳ lạ, những dung mạo ấy thật độc đáo, và mỗi tính cách có một vẻ thật trung thực, người ta đoán được thật rõ ràng niềm an bình, sự lặng lẽ và cuộc sống khiêm

nhường của gia đình này, thành thử, với một nghệ sĩ vốn quen thể hiện tự nhiên, có một điều gì như tuyệt vọng trong ước muốn diễn tả cảnh tượng không ngờ ấy. Người khách qua đường đó là một họa sĩ trẻ, bảy năm trước đây, đã đoạt giải thưởng lớn về hội họa. Chàng trở về từ Rome. Tâm hồn chứa đầy chất thơ, đôi mắt ngăm đã thỏa những Raphael và Michel-Ange, nay khát khao tự nhiên chân thực, sau một thời gian dài ở xứ sở tráng lệ, nơi nghệ thuật đã tung ra khắp chốn sự hùng vĩ của nó. Đúng hay sai, cảm xúc riêng của chàng là như vậy. Lâu nay thả tâm hồn theo niềm phấn khích của những đam mê nước Ý, giờ đây chàng mong mỗi một trình nữ khiêm nhường và trầm mặc mà, buồn thay, chàng chỉ tìm thấy trong hội họa ở Rome. Từ mỗi nhiệt hứng do cảnh tượng tự nhiên đang ngăm nhìn truyền vào tâm hồn phấn khích, dĩ nhiên chàng chuyển sang ngưỡng mộ sâu sắc nhân vật chính: Augustine ra chiều tư lự và chẳng ăn uống gì; do vị trí của ngọn đèn rọi toàn bộ ánh sáng xuống mặt nàng, nửa thân trên nàng dường như cử động trong một vòng lửa khiến dáng hình của mái đầu thêm nổi bật và sáng rực lên một cách hầu như phi phàm. Nghệ sĩ bất giác so sánh nàng với một thiên thần bị lưu đầy đang hoài niệm thiên đường. Một cảm giác gần như chưa từng biết, một tình yêu trong trẻo và sục sôi tràn ngập lòng chàng. Sau một lát như bị đè bẹp dưới sức nặng của các ý tưởng, chàng dứt ra khỏi hạnh phúc của mình, trở về nhà, không ăn, không ngủ. Ngày hôm sau, chàng vào xưởng họa và chỉ ra khỏi xưởng sau khi đã ký thác trên khung vải ma lực của cảnh tượng kia, chàng như mắc chứng cuồng tín khi nhớ lại cảnh ấy. Chẳng nào chưa có được một chân dung trung thành của thần tượng, hạnh phúc của chàng còn chưa trọn vẹn. Chàng đi qua đi lại nhiều lần trước cửa hiệu Mèo-chơi-bóng; thậm chí chàng còn dám bước vào đó một hai lần dưới lốt ngụy trang, để được nhìn gần hơn người đẹp mê hồn mà bà Guillaume xòe cánh chở che. Suốt tám tháng ròng, miệt mài với tình yêu, với bút vẽ, những người bạn thân nhất chẳng thấy được mặt chàng, chàng quên giới giao tế, thơ ca, sân khấu, âm nhạc, và những tập quán thân thiết nhất của mình. Một buổi sáng, Girodet, phá mọi lệnh cấm mà giới nghệ sĩ hiểu rõ và biết cách tránh né, gặp được chàng và thức tỉnh chàng bằng câu hỏi này:

– Cậu sẽ trưng bày gì ở Triển lãm? – Họa sĩ nắm lấy tay bạn, dặt vào xương vẽ, mở tấm che một bức họa khổ nhỏ và một chân dung. Sau khi từ tốn và háo hức ngắm nghía hai kiệt tác, Girodet nhảy lên ôm lấy cổ bạn mà hôn, không nói nên lời. Xúc động của anh chỉ có thể bộc lộ như anh cảm nhận, lòng hiểu lòng.

– Cậu đang yêu ư? – Girodet hỏi.

Cả hai đều biết rằng những bức chân dung đẹp nhất của Titien, của Raphael và Léonard de Vinci đều nhờ ở tình cảm hứng khởi, những tình cảm sản sinh ra tất cả các kiệt tác, trong những điều kiện không giống nhau. Họa sĩ trẻ chỉ gật đầu, thay cho mọi lời đáp.

– Cậu thật hạnh phúc là từ Ý về mà lại si tình được ở đây! Mình không khuyên cậu đem những tác phẩm như thế này đến Triển lãm, – nhà danh họa nói thêm. – Cậu ạ, hai tác phẩm đó sẽ không được thưởng thức ở Triển lãm đâu. Những màu sắc chân thực này, kỳ công này, chưa thể được tán thưởng, công chúng không còn quen với nhiều chiều sâu như vậy nữa. Anh bạn ơi, tranh chúng mình vẽ, là những tấm màn, những bức bình phong. Đây, thà rằng ta làm thơ đi, và dịch các tác gia cổ! Có thể trông đợi ở đó nhiều vinh quang hơn là ở những bức họa bất hạnh của chúng mình.

Bất kể lời khuyên nhân ái này, hai bức tranh vẫn được trưng bày. Bức vẽ cảnh trong nhà tạo nên một cuộc cách mạng trong hội họa. Nó làm nảy sinh những bức tranh phong tục với số lượng phi thường du nhập mọi cuộc triển lãm, khiến người ta có thể ngỡ chúng hình thành do những thủ pháp thuần túy cơ giới. Còn về bức chân dung, chẳng mấy nghệ sĩ không lưu giữ kỷ niệm về bức tranh sống động được công chúng, đôi khi đông đảo mà lại công bằng, trao tặng vòng hoa vinh quang do đích thân Girodet đặt lên. Quanh hai bức họa, người xúm xít đông vô kể. Theo cách nói của phụ nữ, thì thiên hạ chen nhau đến chết. Những tay đầu cơ, những nhà đại quý tộc rắc ra cơ man nào là tiền vàng vì hai bức tranh, họa sĩ vẫn khẳng khẳng chẳng bán, và từ chối làm các bản sao. Người ta trả chàng một khoản tiền khổng lồ để chàng cho làm bản khắc, song nhà buôn cũng chẳng may mắn gì hơn người chơi

tranh. Mặc dù sự kiện này được xã hội quan tâm, nó không thuộc loại sự kiện lọt tới nơi ẩn cư bé nhỏ phố Saint-Denis; tuy nhiên, nhân đến thăm bà Guillaume, bà vợ ông công chứng nói về cuộc triển lãm trước mặt Augustine, vốn được bà rất mến, và giảng giải cho cô mục đích của triển lãm. Lời trò chuyện riu rít của bà Roguin tất nhiên khơi gợi trong Augustine mong muốn xem tranh, và nàng bạo gan bí mật đề nghị bà dì họ cùng đi với mình đến Louvre. Bà này thành công trong cuộc thương lượng với bà Guillaume, để được phép rút cô cháu ra khỏi những công việc buồn tẻ của cô trong khoảng hai tiếng đồng hồ. Vậy là cô thiếu nữ đi xuyên qua đám đông, đến tận bức tranh được tán thưởng. Một cái rung mình khiến nàng run rẩy như chiếc lá phong, khi nàng nhận ra mình. Nàng thấy sợ và nhìn quanh quất để tìm bà Roguin bị làn sóng người tách khỏi nàng. Lúc ấy, cặp mắt hoảng hốt của nàng bắt gặp gương mặt bốc lửa của họa sĩ trẻ. Đột nhiên nàng nhớ lại diện mạo người khách đi dạo mà nàng thường hay tò mò để ý, vì ngỡ là một láng giềng mới.

– Nàng xem tình yêu đã xui khiến tôi làm được những gì, – nghệ sĩ nói khẽ bên tai con người bẽn lẽn, những lời này khiến nàng hết sức kinh hoàng.

Nàng tìm được niềm can đảm phi thường để rẽ đám đông đến với bà dì đang còn chen lấn xuyên qua khối người dày đặc ngăn cản bà tới bên bức tranh.

– Dì đến chết ngạt mất, – Augustine kêu lên, – ta đi thôi!

Nhưng có những lúc, trong Triển lãm, hai người phụ nữ không dễ gì điều khiển được bước chân mình tại các gian trưng bày. Cô Guillaume và bà dì họ bị xô đến cách bức tranh thứ hai vài bước chân, sau những dịch chuyển bất thường vì đám đông dồn đẩy. Sự tình cờ muốn cho họ được cùng nhau lại gần bức họa được thời thượng tôn vinh, lần này thời thượng đồng tình với tài năng. Tiếng reo kinh ngạc do bà vợ ông công chứng thốt lên chìm trong sự ồn ào và những tiếng râm ran của đám đông; còn Augustine, nàng bất giác khóc khi nhìn cảnh tượng tuyệt diệu ấy, và một cảm xúc gần như không giải thích nổi xui nàng đặt một ngón tay lên môi khi nhìn thấy cách mình hai bước gương mặt ngất ngây của họa sĩ

trẻ. Chàng gật đầu đáp lại và trở vào bà Roguin, như trở người phá đám, để cho Augustine biết rằng nàng được thấu hiểu. Màn kịch câm này như quăng lửa than hồng vào trong người cô gái tội nghiệp, nàng thấy mình phạm tội, vì hình dung rằng một giao ước vừa được ký kết giữa nàng và nghệ sĩ. Cái nóng ngọt ngào, những bộ y phục lộng lẫy nhất điều liên miên trước mắt, và nỗi choáng váng do sự chân thực của sắc màu, do vô số những gương mặt sống hoặc được vẽ trong tranh, do những khung vàng đầy rẫy, làm cho Augustine cảm thấy như một niềm say sưa khiến nàng thêm lo sợ. Có lẽ nàng sẽ ngất đi, nếu như, mặc dù bao nhiêu cảm giác hỗn độn, trong lòng nàng không dâng lên một lạc thú chưa từng biết, khiến toàn bộ con người nàng thêm sinh khí. Song nàng lại ngỡ mình bị chi phối bởi con quỷ có những cạm bẫy khủng khiếp từng được lời nói vang rền như sấm của các nhà truyền giáo tiên báo. Với nàng khoảnh khắc này tựa như một khoảnh khắc diên rồ. Nàng thấy chàng thanh niên rạng rỡ vì hạnh phúc và tình yêu kia đưa tiễn mình ra tận cổng xe của bà dì. Chịu tác động của một mối kích thích hoàn toàn mới mẻ, của một niềm say sưa như phốt pho nàng cho bản tính tự nhiên, Augustine liền nghe theo tiếng nói hùng hồn của trái tim, nàng nhìn họa sĩ nhiều lần và để lộ sự bối rối nơi mình. Chưa bao giờ màu hồng trên má nàng lại tương phản mạnh mẽ đến thế với làn da trắng. Lúc này họa sĩ được thấy nhan sắc kia trong toàn bộ tinh hoa của nó, niềm e lệ kia trong toàn bộ hào quang của nó. Augustine cảm thấy như một niềm vui xen lẫn kinh hãi, khi nghĩ rằng sự hiện diện của mình tạo nên hạnh phúc cho con người mà ai ai cũng nhắc đến tên, mà tài năng khiến cho những hình ảnh nhất thời được thành bất tử. Nàng được yêu! Nàng chẳng thể hồ nghi điều đó. Khi không nhìn thấy họa sĩ nữa, những lời giảo dị này vẫn còn vang vọng trong lòng nàng: – “Nàng xem tình yêu đã xui khiến tôi làm được những gì”. Và những mối hồi hộp sâu sắc thêm, dường như một nỗi đau, bởi khí huyết nồng nhiệt làm thức dậy trong con người nàng những sức mạnh chưa từng biết. Nàng vờ rất nhút nhát để tránh trả lời những câu hỏi của bà dì có liên quan đến các bức họa; nhưng về đến nhà, bà Roguin không kìm nổi mình, đã kể cho bà Guillaume về chuyện hiệu Mèo-chơi-bóng được nổi tiếng, và

Augustine bủn rủn cả chân tay khi nghe mẹ nàng bảo rằng bà sẽ đến Triển lãm để xem ngôi nhà của bà. Cô lại nói nữa rằng mình bị khó ở, và được phép đi nằm.

– Đây, cứ đi xem những cảnh ấy thì được thế đó, – ông Guillaume thốt lên, – được cơn nhức đầu. Nhìn trong tranh những cái ngày nào cũng nhìn thấy ở phố nhà mình, liệu có thú vị gì lắm không? Đừng có nói với tôi về các họa sĩ ấy, họ cũng giống đám nhà văn của các người, đều là bọn-chết-đói. Ai khiến họ lấy cửa hiệu của tôi để bêu riếu nó trong tranh của họ chứ?

– Chuyện này có thể làm ta bán thêm được vài thước dạ, – Joseph Lebas nói.

Nhận xét đó chẳng khiến cho nghệ thuật và tư tưởng khỏi bị kết tội một lần nữa tại tòa án Thương nghiệp. Chắc hẳn những lời lẽ trên không đem lại nhiều hy vọng cho Augustine, ban đêm nàng buông mình vào mối trâm tư đầu của tình yêu. Các biến cố ngày hôm ấy như một giấc mộng được nàng thích thú tái hiện trong tâm tư. Nàng học biết thế nào là lo sợ, hy vọng, hối hận, học biết mọi gợn sóng tình cảm ắt hẳn phải vỗ về một tấm lòng chất phác như lòng nàng. Nàng bỗng nhận ra ngôi nhà tối tăm này trống vắng biết mấy, nàng bỗng tìm thấy trong tâm hồn mình nhiều châu báu biết mấy! Làm vợ một con người tài năng, chia sẻ vinh quang cùng chàng! Ý nghĩ ấy phải phá phách đến thế nào trái tim người con gái được nuôi dạy trong gia đình này? Nó phải làm dấy lên biết bao hy vọng ở một thiếu nữ cho đến bấy giờ toàn được giáo dưỡng những tôn chỉ tầm thường, song từng ao ước một cuộc sống thanh lịch? Một tia nắng đã lọt vào nhà ngục này. Augustine đột nhiên yêu. Bao nhiêu tình cảm trong nàng được vượt ve cùng một lúc thành thử nàng xiêu lòng không hề tính toán. Ở tuổi mười tám, tình yêu chẳng tung lẳng kính của nó ra giữa thế gian và mắt nhìn của một thiếu nữ hay sao? Không có khả năng ước đoán những va chạm dữ dội do sự kết hợp một người đàn bà giàu yêu thương với một người đàn ông giàu tưởng tượng, nàng ngỡ mình có số mệnh đem lại hạnh phúc cho con người đó, mà chẳng nhận thấy điều gì không hài hòa giữa mình và chàng. Đối với nàng, hiện tại là toàn bộ tương lai. Ngày hôm sau,

khi cha mẹ nàng từ phòng Triển lãm về, vẻ mặt họ ảm đạm báo hiệu điều thất ý nào đó. Trước hết, họa sĩ đã rút đi hai bức họa; thế rồi bà Guillaume đánh mất tấm khăn choàng ca-sơ-mia. Tin hai bức họa vừa biến đi sau khi mình đến xem triển lãm phát lộ cho Augustine một sự tế nhị về tình cảm mà phụ nữ bao giờ cũng biết tán thưởng, ngay cả khi tán thưởng theo bản năng.

Buổi sáng mà Théodore de Sommervieux, cái tên nhờ tiếng tăm đưa tới được lòng Augustine, từ vũ hội về, bị cậu nhân viên hãng Mèo-chơi-bóng phun nước vào người trong lúc chàng chờ đợi cô bạn ngây thơ xuất hiện, hẳn cô không biết chàng đang ở đó, đôi người yêu chỉ mới gặp nhau lần thứ tư kể từ buổi trong phòng Triển lãm. Những trở ngại do phép tắc gia đình Guillaume đối kháng với tính cách hăng say của nghệ sĩ, khiến niềm đam mê Augustine có một tính chất mãnh liệt dễ lý giải. Làm thế nào tiếp cận được một thiếu nữ ngồi tại quầy hàng giữa hai người đàn bà như cô Virginie và bà Guillaume, làm thế nào liên lạc được với nàng, khi bà mẹ chẳng bao giờ rời nàng ra? Như mọi người đang yêu, khéo tạo cho mình những nỗi bất hạnh, Théodore tự sáng tác ra tình địch là một cậu nhân viên, và xếp các nhân viên khác vào phe gã tình địch nọ. Nếu như chàng thoát được vô số Argus* kia, thì chàng lại thấy mình thất bại dưới con mắt nghiêm khắc của vị thương nhân già hay của bà Guillaume. Đâu đâu cũng là trở ngại, đâu đâu cũng là thất vọng! Chính sự mãnh liệt trong đam mê khiến chàng họa sĩ không tìm ra những mưu chước khéo léo, với người tù cũng như với người đang yêu, dường như đó là nỗ lực tận cùng của lý trí được hun đốt bởi nhu cầu man rợ muốn tự do hoặc bởi lửa tình. Thế là Théodore cứ đi quanh đi quẩn trong khu phố chẳng khác người điên, dường như sự vận động có thể khơi gợi mưu mẹo cho chàng. Sau khi nghĩ ngợi nát óc, chàng có sáng kiến mua chuộc đấng giá cô hầu má phính. Vậy là vài lá thư thỉnh thoảng được trao đổi trong hai tuần lễ tiếp theo cái buổi sáng rủi ro ông Guillaume và Théodore quan sát nhau kỹ lưỡng đến thế. Tại thời điểm ấy, hai người trẻ tuổi đã hẹn gặp nhau vào một giờ nào đó ngày chủ nhật, ở Saint-Leu, trong buổi lễ mi-xa và nghe kinh văn khóa. Augustine đã gửi cho chàng Théodore thân yêu danh sách

họ mạc và bạn hữu của gia đình, họa sĩ tìm cách lui tới những nhà này, mong sao có thể làm cho một trong những tâm hồn mãi lo toan chuyện tiền bạc, buôn bán kia, quan tâm đến mối tình si của chàng, những tâm hồn như thế ắt phải coi một đam mê đích thực như vụ đầu tư quái dị nhất, một vụ đầu tư lạ đời chưa từng thấy. Vả chẳng, chẳng có gì thay đổi trong tập quán của hãng Mèo-chơi-bóng. Nếu Augustine lơ đãng, nếu nàng không tuân thủ luật lệ trong hiến chương gia đình, mà lại lên phòng riêng để dùng một chậu hoa làm ám hiệu; nếu nàng thờ dãi, nói tóm lại nếu nàng suy nghĩ, thì chẳng người nào, ngay cả mẹ nàng, nhận ra những điều ấy. Tình huống này sẽ khiến những ai am hiểu tinh thần của cửa hiệu có phần ngạc nhiên, ở đây một ý nghĩ vương chất thơ hẳn phải tương phản với người và vật, ở đây không người nào có một cử chỉ, một ánh mắt mà lại không được nhìn thấy, không được phân tích. Tuy thế chẳng có gì tự nhiên hơn: con tàu hết sức bình yên lênh đênh trên biển động của thị trường Paris, dưới lá cờ Mèo-chơi-bóng, đang lâm vào một trong những trận bão có thể gọi là bão miễn xích đạo, do tính chất định kỳ của chúng. Từ hai tuần nay, năm người đàn ông trong thủy thủ đoàn, bà Guillaume và cô Virginie cùng vùi đầu vào cái công việc bận rộn quá chừng mang tên *kiểm kê*. Họ lục mọi bao, gói và đo lại các tấm dạ để biết chắc chắn giá trị đích xác những mảnh còn lại. Họ xem xét kỹ tấm thẻ treo ở bục hàng để nhận rõ thời điểm mua dạ vào. Họ xác định giá cả hiện nay. Luôn luôn đứng, thước đo trong tay, bút giắt sau tai, ông Guillaume giống như một thuyền trưởng chỉ huy tàu vận hành. Giọng ông the thé, lọt qua một lỗ nhỏ đục vào cửa để hỏi vọng xuống tầng sâu kho hàng bên dưới, phát ra những lời thoại thô dã của cuộc trao đổi toàn bằng ẩn ngữ: – Bao nhiêu H-N-Z? – Nhẫn. – Q-X còn mấy? – Hai thước. – Giá nào? – Năm-năm-ba. – Đưa lên ba A toàn bộ J-J, toàn bộ M-P, và chỗ V-D-O còn lại. Hàng ngàn câu khác cũng dễ hiểu y như thế ngâm nga qua các quầy hàng, như những câu thơ của thi ca hiện đại mà các nhà lãng mạn dẫn ra với nhau nhằm duy trì niềm hâm mộ đối với một trong số các nhà thơ của họ. Buổi tối, đóng cửa ngôi riêng với bà vợ và anh nhân viên, Guillaume thanh toán các khoản, chuyển mục mới, viết thư cho những người chậm kỳ hạn, lập hóa

đơn. Cả ba cùng chuẩn bị cho công trình to tát, kết quả công trình nằm trong một tờ giấy khổ 44x34, và chứng minh cho hãng Guillaume là có chừng này tiền mặt, chừng này hàng hóa, chừng này hồi phiếu và tín phiếu; là hãng không mắc nợ một xu, là người ta nợ hãng một trăm hay hai trăm ngàn phơ-răng; là vốn đã tăng thêm, là các trại ấp, các ngôi nhà, các lợi tức sắp được mở rộng, hoặc sửa chữa, hoặc nhiều gấp đôi. Do những điều trên mà cần phải bắt đầu lại hãng hái hơn bao giờ hết nhật nhạnh những đồng tiền mới, và chẳng bao giờ những con kiến dựng cảm kia nghĩ đến chuyện tự hỏi: – Để làm gì nhỉ? Nhờ cảnh náo động hàng năm này, nàng Augustine may mắn thoát được sự soi mói của các Argus. Cuối cùng, vào một tối thứ bảy, kiểm kê kết thúc. Các con số tổng cộng tài sản tích cực mang khá nhiều số không, thành thử trong trường hợp này Guillaume xóa lệnh cấm nghiêm khắc ban hành suốt năm về khoản trắng miệng. Nhà buôn dạ tinh ranh ngâm bèn xoa xoa hai bàn tay và cho phép các nhân viên ngồi lại bên bàn ăn. Mỗi người đàn ông trong thủy thủ đoàn vừa mới nhấp xong cốc rượu mùi gia dụng, thì có tiếng xe ngựa. Gia đình sẽ đi xem vở Lọ Lem ở rạp Tạp kỹ, hai nhân viên còn lại mỗi người được một đồng sáu phơ-răng và được phép đi đâu tùy thích, miễn là về nhà vào lúc nửa đêm.

Dù có vụ du hí nọ, sáng chủ nhật, nhà buôn già vẫn cạo râu từ sáu giờ, khoác lên người bộ y phục nâu sẫm có những ánh tuyết đẹp luôn làm ông hài lòng, ông thắt các khâu vàng vào đai chiếc quần lụa rộng; rồi khoảng bảy giờ, khi tất cả trong nhà còn yên ngủ, ông tiến về phía văn phòng nhỏ tiếp giáp cửa hàng ở tầng thứ nhất. Ánh sáng lọt vào phòng qua một cửa sổ nhỏ có chấn song sắt to, mở ra một khoảnh sân vuông con, quanh sân là những bức tường tối đen thành thử sân gần giống như giếng. Vị thương nhân già tự tay mở các cánh cửa lắp tôn hết sức quen thuộc với mình, rồi đẩy cửa kính theo rãnh soi, nâng lên một nửa. Gió lạnh giá ngoài sân làm mát bầu không khí nóng ẩm trong căn buồng tỏa mùi quen thuộc của các văn phòng. Thương gia vẫn đứng, bàn tay đặt lên tay vịn cầu bản của một ghế bành mây lót đệm da đã phai hết màu sắc ban đầu, dường như ông do dự chưa muốn ngồi

xuống ghế. Ông nhìn ra chiều cảm động cái bàn giấy hai ngăn, có chỗ cho bà vợ ngồi, đối diện với ông, nhờ một khung bán nguyệt nho nhỏ trở vào tường. Ông ngắm các hộp giấy được đánh số, các dây dợ, dụng cụ, sắt để ghi dấu lên dạ, kết bạc, những đồ vật có gốc gác xa xưa không sao nhớ nổi, và ông tưởng như thấy mình đứng trước hương hồn ngài Chevrel đang được triệu về. Ông đẩy lên đúng chiếc ghế đầu mình đã ngồi xưa kia trước ông chủ. Mặt ghế đầu bọc da đen, lông ngựa nhồi bên trong thò ra các góc đệm từ lâu nhưng không mất đi, ông đưa bàn tay run run đặt ghế đúng chỗ vị tiên bối từng đặt nó; rồi với niềm xúc động khó tả, ông kéo dây chiếc chuông mắc ở đầu giường Joseph Lebas. Làm xong điều có tính chất quyết định này, ông lão, chắc hẳn thấy kỷ niệm xưa quá nặng nề, bèn cầm lấy ba, bốn tờ hồi phiếu mọi người đã trình với ông, nhìn mà chẳng thấy gì trên đó, vừa lúc Joseph Lebas đột ngột xuất hiện.

– Anh ngồi xuống kia, – Guillaume vừa nói vừa chỉ cho Joseph chiếc ghế đầu. Bởi ông già chủ hãng chưa bao giờ bảo nhân viên ngồi trước mặt ông, Joseph Lebas giật mình.

– Anh nghĩ thế nào về các hồi phiếu này? – Guillaume hỏi.

– Chúng sẽ không được thanh toán.

– Sao vậy?

– Chẳng là ngày hôm kia cháu được tin Étienne và công ty đã thanh toán bằng tiền vàng.

– Ô! Ô! – Nhà buôn dạ kêu lên, – phải lâm bệnh nặng mới phò ra chất mật vàng. Joseph này, ta nói sang chuyện khác đi, kiểm kê đã xong.

– Vâng, thưa ông, và phần lời thuộc loại mỹ mãn nhất xưa nay đấy ạ.

– Anh chớ dùng những từ ngữ mới ấy. Hãy gọi là thu nhập, Joseph nhé. Đây chàng trai, anh có biết rằng nhà ta đạt được kết quả như vậy phần nào nhờ anh hay không? Bởi thế, ta không muốn anh lĩnh lương nữa. Bà Guillaume đã gợi ý cho ta tặng anh một phần lợi tức. Hừ, Joseph! Guillaume và Lebas, những từ này chẳng thành một hội danh hay đấy sao? Ta có thể bổ sung và công

ty để mở rộng thêm danh hiệu.

Joseph rơm rớm nước mắt song cố che giấu. – Ôi, ông Guillaume, cháu làm sao xứng với lòng tốt đến như vậy? Cháu chỉ làm phận sự của mình thôi mà. Ông đã quá tốt rồi khi quan tâm tới một kẻ mồ c...

Anh dùng ống tay áo bên phải phủi phủi lại tay áo trái, và chẳng dám nhìn ông lão, ông đang mỉm cười nghĩ rằng chắc hẳn chàng thanh niên khiêm tốn này cũng cần được động viên như ông ngày trước, để chuyện được giải bày đến nơi đến chốn. Ông bố của Virginie nói tiếp:

– Tuy vậy, anh chẳng xứng đáng với sự ưu đãi ấy đâu, Joseph ạ! Anh không tin cậy ta bằng ta tin cậy anh. (Chàng nhân viên ngẩng phắt đầu lên). – Anh thông tỏ điều cơ mật về ngân quỹ. Từ hai năm nay ta đã bảo cho anh hầu hết công việc làm ăn. Ta đã cử anh đi đến các nơi sản xuất. Tóm lại, đối với anh, ta chẳng để bụng điều gì. Còn anh?... Anh có một mối tơ vương, thế mà anh không hề hé răng với ta (Joseph đỏ mặt). Á! À! – Guillaume reo lên, – anh tưởng lừa nổi một con cáo già như ta ư? Anh đã thấy ta đoán trước được vụ phá sản Lecoq kia mà!

– Thế nào ạ, thưa ông? – Joseph Lebas vừa đáp vừa quan sát ông chủ cũng chăm chú như ông chủ quan sát anh, – thế nào, ông biết cháu đang yêu ai ư?

– Ta biết hết, đồ vô lại ạ, – vị thương nhân đáng kính và tinh quái vừa trả lời vừa véo tai Joseph. – Và ta tha thứ, trước kia, ta cũng vậy mà.

– Và ông sẽ gả nàng cho cháu?

– Phải, với hồi môn năm mươi ngàn ê-quy, ta cũng để cho con bằng chừng ấy nữa, thế rồi chúng ta sẽ tiến hành theo vốn mới và với hội danh mới. Chúng ta sẽ còn quơ lấy nhiều vụ làm ăn, chàng trai ạ, – nhà buôn già vừa reo lên vừa khua tay đứng dậy. – Rể của ta, con thấy đó, chỉ có buôn bán mà thôi! Những kẻ tự hỏi buôn bán thì thú vị nổi gì là những kẻ ngu ngốc. Lặn tìm công việc, biết chỉ huy tại chỗ, lo âu chờ đợi như khi đánh bạc, xem Étienne và công ty có phá sản hay không, nhìn một đoàn ngự lâm quân đi

qua, mặc đồ dạ của hiệu mình, ngáng chân chủ hăng bên cạnh, dĩ nhiên là ngáng một cách trung thực! Sản xuất rẻ hơn những nơi khác; theo dõi một công việc do mình phác họa, việc ấy khởi đầu, phát triển, chao đảo rồi thành công, am tường như một bộ trưởng cảnh sát mọi thủ đoạn của các hãng buôn để mình khỏi lầm lẫn; đứng vững trước mọi thất bại; có bạn bè, qua thư từ trao đổi, ở mọi thành phố công nghiệp, chẳng phải là một cuộc chơi bất tận hay sao, Joseph? Nhưng thế mới là sống chứ! Ta sẽ chết đi giữa những mối lo phiền ấy, như ông già Chevrel, song ta chỉ còn gánh vác tùy theo ý mình mà thôi. Mãi hăng say với bài ứng tác giỏi nhất của mình, ông lão Guillaume hầu như chẳng nhìn thấy anh nhân viên đang khóc sụt sụt.

– Này! Joseph, chàng trai tội nghiệp, con làm sao vậy?

– Ôi! Cháu yêu nàng biết mấy, thưa ông Guillaume, thành thử cháu chẳng đủ can đảm, cháu tưởng...

– Này! Chàng trai, – vị thương gia cảm động nói, – con hạnh phúc hơn con tưởng đấy, vì nó yêu con. Ta biết điều đó mà!

Và ông lim dim đôi mắt nhỏ màu lục, nhìn cậu nhân viên.

– Cô Augustine, cô Augustine! – Joseph Lebas reo lên trong đà phấn khởi. Anh sắp lao ra khỏi phòng thì cảm thấy một cánh tay sắt giữ mình lại, và ông chủ kính ngạc lôi mạnh anh trở về trước mặt ông.

– Augustine thì liên quan gì đến chuyện này hử? – Guillaume hỏi bằng một giọng khiến Joseph Lebas lạnh buốt người tức thì.

– Chẳng phải cháu yêu... nàng... hay sao? – Anh nhân viên ấp úng.

Chứng hứng vì mình kém sáng suốt, Guillaume lại ngồi xuống, hai bàn tay ôm lấy mái đầu hay suy tính tỉ mỉ, để ngẫm nghĩ về tình thế kỳ quặc của mình. Joseph Lebas, hổ thẹn và thất vọng, vẫn đứng.

Vị thương gia nói tiếp với vẻ đường hoàng lạnh lùng:

– Joseph ạ, ta vừa nói với anh về Virginie. Ta hiểu rằng tình yêu không chỉ huy được. Ta biết anh kín đáo, tế nhị, chúng ta sẽ quên

chuyện này đi. Ta không bao giờ gả chồng cho Augustine trước Virginie. Lợi tức của anh sẽ là mười phần trăm.

Chẳng hiểu tình yêu khiến chàng nhân viên can đảm và hùng hồn đến mức độ nào, mà chàng chấp tay lại, cất tiếng, nói suốt một khắc đồng hồ với Guillaume, hết sức nồng nhiệt và xúc động, thành thử tình thế xoay chuyển. Giả sử là chuyện làm ăn buôn bán, thì vị thương gia sẽ quyết định theo những nguyên tắc bất di bất dịch; nhưng bị quăng ra xa chốn thương trường hàng ngàn dặm, trên biển cả tình cảm, lại chẳng có la bàn, ông vật vờ bất định trước một sự kiện quá ư độc đáo, ông tự nhủ vậy. Bị cuốn theo bản chất nhân hậu, ông nói lung tung đôi chút.

– Ồ, quái thật, Joseph, cháu biết là ta có hai đứa con gái cách nhau mười tuổi mà! Tiểu thư Chevrel xưa đâu có xinh đẹp, ấy thế nhưng bà chẳng phải phàn nàn về ta. Cháu hãy làm như ta ấy. Rốt cuộc, đừng có khóc, cháu ngốc thế? Làm sao bây giờ? Xem nào, có khi thu xếp được cũng nên. Bao giờ cũng có cách tháo gỡ. Đàn ông chúng ta không phải lúc nào cũng như những chàng Céladon* đối với vợ mình. Cháu hiểu ta chứ? Bà Guillaume mộ đạo, và... Nào, chà chà, con ạ, sáng nay con hãy đưa tay cho Augustine khoác để đi dự lễ mi-xa.

Đó là những lời lẽ ông Guillaume buông ra hú họa. Cái câu kết thúc khiến anh nhân viên si tình hân hoan: anh đã nghĩ đến một người bạn của mình, cho Virginie, lúc anh siết tay nhạc phụ tương lai bước ra khỏi văn phòng đầy hơi ẩm, sau khi đã bảo ông với về am tường rằng mọi việc sẽ ổn thỏa đâu vào đấy.

– Bà Guillaume sẽ nghĩ ra sao đây? – Ý tưởng này làm vị thương gia trung hậu vô cùng bất rút khi ngồi lại một mình.

Trong bữa ăn sáng, bà Guillaume và Virginie, mà nhà buôn dạ tạm thời chưa cho biết nỗi thất vọng của ông, cứ nhìn Joseph Lebas một cách khá ranh mãnh, anh chàng vô cùng lúng túng. Sự bẽn lẽn nơi chàng nhân viên khiến nhạc mẫu mẩn anh. Bà trở lại vui tính đến mức mỉm cười nhìn ông Guillaume và dám buông ra vài câu đùa nho nhỏ được vận dụng từ xưa từ xưa trong các gia đình hiền lành như thế này. Bà nêu vấn đề xem chiều cao của

Virginie và Joseph có bằng nhau hay không, để bảo họ đo thử xem. Những trò vớ vẩn có tính chất chuẩn bị này khiến vầng trán vị gia trưởng u ám đôi chút, và ông còn tỏ ra trọng lễ thức đến mức hạ lệnh cho Augustine khoác tay chàng nhân viên số một trên đường đến Saint-Leu. Ngạc nhiên vì sự tế nhị ở nam giới, bà Guillaume gật đầu tán thưởng đức ông chồng. Vậy là đoàn người tiến ra khỏi nhà theo một trật tự không thể khiến xóm giềng hiểu theo cách ranh ma nào hết.

Anh nhân viên run run nói:

– Cô Augustine, cô có thấy rằng vợ một thương gia có uy tín vững vàng, như ông Guillaume chẳng hạn, có thể vui chơi nhiều hơn bà nhà một chút, có thể đeo kim cương, đi xe ngựa hay không? Ôi! Trước hết, nếu tôi lập gia đình, tôi muốn nhận hết phần khó nhọc, và nhìn vợ mình hạnh phúc. Tôi sẽ không để vợ ngồi ở quầy hàng. Cô thấy đó, trong ngành dạ, ngày nay không cần đến phụ nữ như xưa kia nữa. Ông Guillaume xử sự như ông đã làm là có lý, vả lại bà nhà ta thích như vậy. Nhưng một phụ nữ biết đỡ dần đôi chút công việc kế toán, thư từ, bán lẻ, đặt hàng, nội trợ, để khỏi ngồi chơi không, thế là đủ. Bảy giờ tối, đóng cửa hiệu rồi, là tôi sẽ vui chơi, sẽ đi xem hát, đến nơi giao tế. Nhưng cô có nghe tôi nói đâu.

– Có chứ, anh Joseph. Anh nghĩ thế nào về hội họa? Đó là một nghề nghiệp tốt đẹp.

– Phải, tôi có quen một thợ cả trang trí nhà cửa, ông Lourdois, giàu có lắm.

Cứ chuyện trò như thế, cả nhà đi tới nhà thờ Saint-Leu. Đến đó rồi, bà Guillaume lấy lại quyền hành, và lần đầu tiên, bảo Augustine ở bên cạnh mình. Virginie ngồi ghế thứ tư, cạnh Lebas. Trong lúc nghe thuyết giảng, mọi sự diễn ra êm đẹp giữa Augustine và Théodore, chàng đứng sau một cây cột, nhiệt thành cầu nguyện Thánh mẫu của mình; nhưng đến mục dâng Thánh thể, bà Guillaume nhận ra, hơi muộn một chút, là cô con gái Augustine cầm ngược quyển kinh. Sắp sửa mắng cho con một trận nên thân, bỗng bà buông tấm mạng trùm đầu xuống, ngừng

đọc và dõi theo hướng được mắt nhìn của con ưu ái. Nhờ cặp kính to, bà trông thấy chàng họa sĩ, coi vẻ lịch sự phù hoa ra dáng một đại úy kỵ binh nào đó đang nghỉ phép hơn là một thương nhân trong khu phố. Khó tưởng tượng nổi trạng thái dữ dằn ở bà Guillaume, vốn tự hào đã giáo dục tuyệt hảo hai cô con gái, nay nhận ra trong lòng Augustine một tình yêu giấu giếm, do dốt nát và làm bộ nghiêm cần, bà cường điệu nguy cơ của mối tình này. Bà cho là con mình đã bại hoại đến tận tâm can.

– Đây cô, trước hết hãy cầm sách cho xuôi, – bà bảo con khe khẽ nhưng run lên vì tức giận. Bà giật phắt lấy cuốn Kinh cáo giác, xoay lại để các chữ được đúng chiều, và nói thêm:

– Đừng có vô phúc ngược nhìn đi đâu khác ngoài những lời nguyện, không thì liệu hồn đấy. Sau lễ mi-xa, cha cô và tôi sẽ nói chuyện với cô.

Những lời này như sét đánh ngang tai nàng Augustine tội nghiệp. Nàng cảm thấy mình lả đi; nhưng bị giằng xé giữa nỗi đau và niềm sợ hãi gây náo loạn trong nhà thờ, nàng có can đảm che giấu âu lo. Tuy nhiên, cũng dễ đoán được trạng thái dữ dội của tâm hồn nàng, khi nhìn quyển kinh rung rung và những giọt lệ rơi xuống từng trang nàng lật giở. Thấy bà Guillaume đưa con mắt nẩy lửa nhìn mình, họa sĩ hiểu rằng tình yêu của chàng đang lâm nguy, và giận dữ bước ra, quyết tâm liều mọi sự.

Về đến nhà, bà Guillaume bảo con: – Đây cô, vào phòng riêng đi! Chúng tôi sẽ cho gọi cô, và nhất là đừng có định ra khỏi phòng.

Cuộc hội đàm giữa hai vợ chồng quá bí mật, thành thử ban đầu chẳng điều gì tiết lộ. Tuy thế, Virginie, đã dùng bao lời khuyên bảo dịu dàng để khích lệ em gái, còn chiều em đến mức lên tới gần cửa phòng ngủ của mẹ, nơi cuộc thảo luận đang diễn ra, để nhật hạnh lấy đôi điều. Trong chuyến đi đầu tiên từ tầng ba xuống tầng hai, cô nghe thấy cha mình kêu lên:

– Đây bà, bà định giết con gái bà chắc?

– Em bé tội nghiệp, – Virginie nói với cô em đang rầu rĩ khóc than, – bố bênh em đấy!

– Mà bố mẹ định làm gì Théodore đây? – Cô gái ngây thơ hỏi.

Thế là cô Virginie tò mò lại xuống lần nữa; nhưng lần này cô ở lâu hơn: cô được biết rằng Lebas yêu Augustine. Số phận đã định là trong cái ngày đáng ghi nhớ này, một ngôi nhà bình thường vẫn hết sức êm ả sẽ thành một địa ngục. Ông Guillaume làm Joseph Lebas tuyệt vọng khi bảo với anh là Augustine yêu một người ngoài. Lebas đã báo cho anh bạn đến cầu hôn cô Virginie, thấy hy vọng của mình sụp đổ. Cô Virginie, khổ tâm vì biết rằng Joseph có thể coi như đã khước từ mình, bèn lên một cơn nhức đầu. Mối bất hòa do cuộc tranh luận gây nên giữa ông bà Guillaume – lần thứ ba trong cuộc đời họ, họ khác ý kiến nhau – biểu lộ ra một cách khủng khiếp. Rốt cuộc, vào bốn giờ chiều, Augustine, nhợt nhạt, run rẩy, mắt đỏ hoe, ra trình diện trước bố mẹ. Cô bé tội nghiệp kể lại một cách chất phác câu chuyện tình quá ngắn ngủi của mình. An lòng vì bài diễn từ ngắn của ông bố, hứa sẽ yên lặng nghe con nói, nàng phần nào can đảm thốt lên trước bố mẹ tên tuổi của chàng Théodore de Sommervieux thân thương, và ranh mãnh nhấn cho kêu cái tiểu từ quý tộc. Buông mình theo niềm thú vị chưa từng biết khi nói về tình cảm của mình, nàng đủ bạo dạn để tuyên bố một cách kiên quyết ngay thơ rằng nàng yêu ông De Sommervieux, nàng đã viết thư cho ông, và nước mắt lưng tròng, nói thêm: – Hy sinh con cho một người khác là làm con bất hạnh.

– Nhưng này, Augustine, cô không biết thế nào là một họa sĩ ư?
– Mẹ cô kêu lên với vẻ ghê sợ.

– Kia bà Guillaume! – Ông bố buộc bà vợ im tiếng. Ông bảo: – Augustine ạ, nhìn chung, nghệ sĩ là đám-chết-đói. Họ tiêu sài quá hoang phí thành thử luôn là những gã chẳng ra gì. Ta đã cung cấp hàng cho ông Joseph Vernet quá cố, ông Lekain quá cố, và ông Noverre quá cố. A! Nếu con mà biết được cái nhà ông Noverre, ông hiệp sĩ De Saint-Georges, và nhất là ông Philidor, đã chơi ông lão Chevrel tội nghiệp những vỡ như thế nào! Đó là những kẻ kỳ quặc, ta biết rõ điều ấy. Cả bọn đều có lối tỏ thể lú lo, có những cung cách... A! Chẳng khi nào cái nhà ông Sumer... Somm...

– De Sommervieux, thưa cha!

– Thế à! Ừ thì De Sommervieux! Chẳng khi nào ông ta sẽ dễ

thương với con như ông hiệp sĩ De Saint-Georges đã dễ thương với cha, vào cái ngày cha đạt được sự phán quyết của các pháp quan đối với ông ta. Bởi thế đó mới là những nhà quý phái thời xưa.

– Nhưng, thưa cha, chàng Théodore là quý tộc, và chàng đã viết cho con rằng chàng giàu có. Cha của chàng là hiệp sĩ De Sommervieux trước cách mạng.

Nghe những lời này, ông Guillaume nhìn bà vợ ghê gớm của mình, bà nhón đầu bàn chân dậm dậm xuống sàn ra chiều phật ý và im lặng một cách ủ ê; thậm chí bà tránh không đưa cặp mắt phần nộ nhìn Augustine, và dường như bỏ mặc cho ông Guillaume gánh hết trách nhiệm về vấn đề nghiêm trọng đến như thế, bởi ý kiến của bà chẳng được nghe theo; tuy nhiên, bất kể về lãnh đạm bề ngoài, khi thấy chồng đành chịu một cách nhẹ nhàng như vậy trước một tai họa không đáng gì đến thương mại, bà vẫn kêu lên:

– Quả thực, ông ạ, ông thật là nhu nhược đối với con cái nhưng...

Tiếng xe ngựa dừng trước cửa làm gián đoạn đột ngột tràng quả trách mà vị thương gia già đã lo ngại. Giây lát sau, bà Roguin đứng giữa căn phòng, nhìn ba diễn viên của màn kịch trong nhà này. Bà nói ra vẻ che chở: – Em biết cả rồi, chị ơi.

Bà Roguin có một nhược điểm, đó là cứ tưởng vợ một công chứng viên có thể đóng vai bậc nữ lưu phong nhã. Bà nhắc lại:

– Em biết cả rồi, và em đến đây, trong con tàu của Noé, như con chim câu, với nhành ô-liu. Em đã đọc được tỷ dụ này trong *Tinh hoa đạo Thiên Chúa*, – bà vừa nói vừa quay về phía bà Guillaume, – cách so sánh này hẳn được chị ưa, chị nhỉ. Cháu có biết rằng, – bà mỉm cười với Augustine mà nói thêm: ông De Sommervieux ấy là người dễ thương hay không? Sáng nay ông ta đã tặng dì bức chân dung vẽ với tài nghệ bậc thầy. Ít ra cũng đáng giá sáu ngàn phơ-răng đấy.

Khi nói đến những từ này, bà vỗ nhẹ vào cánh tay ông Guillaume. Vị thương gia già không kìm nổi cái trề môi đặc biệt

của riêng ông. Chim bồ câu nói tiếp:

– Em biết ông De Sommervieux lắm. Khoảng hai tuần nay, ông ấy đến dự các buổi dạ đàm ở nhà em, ông ấy khiến cho các buổi này thật thú vị. Ông ấy đã kể với em mọi nỗi lo buồn và đã nhờ em làm người biện hộ. Sáng hôm nay em được biết là ông ấy yêu quý Augustine, và sẽ lấy được cháu. Chị ơi, chị đừng lắc đầu ra ý từ chối như thế. Anh chị nên biết rằng ông ấy sẽ được phong nam tước, và vừa được Huân chương Bắc đẩu do hoàng đế đích thân ban tặng, ở Triễn lãm. Roguin đã thành công chứng viên cho ông ấy, và am tường công việc của ông. Và này! Ông De Sommervieux có của cải đáng hoàng chắc chắn là mười hai ngàn phơ-răng lợi tức. Anh có biết rằng nhạc phụ của một người như ông ta có thể thành cái gì đó hay không, quận trưởng của quận mình chẳng hạn! Anh chẳng thấy ông Dupont được phong bá tước của đế chế, rồi nghị sĩ, vì đã đến với tư cách quận trưởng chúc mừng hoàng đế khi ngài vào Vienne đó sao. Ô! Cuộc hôn nhân này sẽ thành. Em thì em yêu quý chàng thanh niên trung hậu ấy. Cách xử sự của chàng ta đối với Augustine chỉ thấy được trong tiểu thuyết mà thôi. Nào, cháu gái, cháu sẽ hạnh phúc, và ai ai cũng mong được ở vào địa vị cháu. Trong các buổi dạ đàm của dì, dì được tiếp công tước phu nhân De Carigliano, bà ấy mê tíu ông De Sommervieux. Vài kẻ ác khẩu bảo rằng bà ấy đến nhà dì chỉ vì ông ấy thôi, cứ như thể một công tước phu nhân thời trước mà tới nhà một người họ Chevrel là rỗng đến nhà tôm vậy, họ Chevrel thuộc dòng dõi tư sản lương thiện đã một trăm năm nay rồi.

Ngừng một chút, bà Roguin nói tiếp: – Augustine này, dì đã được thấy bức chân dung. Chúa ơi! Đẹp làm sao chứ! Cháu có biết rằng hoàng đế muốn xem nó hay không? Ngài đã cười và bảo vị phó-nguyên súy rằng nếu như ở triều đình ngài mà có được nhiều phụ nữ như thế trong khi bao nhiêu vua chúa đến đó, thì ngài cam đoan duy trì mãi mãi hòa bình ở châu Âu. Thế có vẻ vang không cơ chứ?

Những cơn dông bão khởi đầu ngày hôm ấy hẳn giống như dông bão trong thiên nhiên, đưa lại một tiết trời êm đềm quang quẻ. Bà Roguin trở bao tài quyến rũ qua lời diễn thuyết, bà biết

bật lên cùng một lúc bao sợi tơ trong cõi lòng khô khốc của ông bà Guillaume, thành thử cuối cùng cũng tìm ra được một sợi để mà lợi dụng. Vào thời đại đặc biệt này, giới thương mại và giới tài chính mắc phải nhiều hơn bao giờ hết cái thói điên rồ kết thông gia với các nhà quý tộc, và các viên tướng thời đế chế lợi dụng được khá nhiều những khuynh hướng trên. Ông Guillaume đơn độc phản đối thói ham mê đáng tiếc này. Các định lý được ông ưa chuộng là, để được hạnh phúc, một phụ nữ phải lấy người cùng tầng lớp; ai trèo cao thì sớm muộn cũng ngã đau; tình yêu rất ít chống đỡ được những mối phiền lụy trong gia đình, bởi thế người này phải tìm thấy ở người kia những phẩm chất thật vững vàng mới có hạnh phúc; hai vợ chồng không nên có một người biết nhiều hơn người kia, vì trước hết cần phải hiểu được nhau; ông nói gà bà nói vịt, sẽ có nguy cơ chết đói. Ông đã sáng tác ra câu ngạn ngữ trên. Ông so sánh những cuộc hôn nhân như thế với loại vải xưa dệt len lẫn tơ, cuối cùng bao giờ tơ cũng cửa đứt len. Ấy thế mà, trong đáy lòng con người ta, có biết bao sĩ diện, đến nỗi sự thận trọng của người hoa tiêu chỉ huy giới giang đến thể hiệu Mèo-chơi-bóng chịu thua tài liến thoắng công kích của bà Roguin. Bà Guillaume hà khắc là người đầu tiên thấy tình cảm của con gái bà là lý do để vi phạm những nguyên tắc trên, và đồng ý tiếp ông De Sommervieux tại nhà, bà tự hứa sẽ xem xét con người này thật nghiêm ngặt.

Vị thương gia già đi tìm Joseph Lebas, và cho anh biết sự thể. Sáu giờ rưỡi chiều, gian phòng ăn, nổi tiếng nhờ họa sĩ, tập hợp dưới mái kính ông bà Roguin, họa sĩ và Augustine yêu kiều của chàng, Joseph Lebas đành chấp thuận hạnh phúc và cô Virginie đã hết đau đầu. Ông bà Guillaume thấy triển vọng các con thành gia thất và vận mệnh hiệu Mèo-chơi-bóng được giao phó vào những bàn tay khôn khéo. Hai người hài lòng tới cực điểm khi Théodore, vào lúc dùng món tráng miệng, trao tặng họ bức họa phi thường họ chưa được xem, thể hiện cảnh bên trong cửa hiệu lâu đời này, cái cửa hiệu đã tạo lập nên bao hạnh phúc. Guillaume reo lên:

– Dễ thương quá nhỉ! Nghe bảo họ định trả cái này ba mươi

ngàn phơ-răng kia đấy!

– Là vì họ thấy ở đó những tua mũ của tôi mà, – bà Guillaume tiếp lời.

Lebas nói thêm: – Và những tấm dạ được dỡ ra kia, cứ như thể cầm lên tay được.

Họa sĩ đáp: – Màn trướng dạ bao giờ cũng có hiệu quả rất hay. Giá mà nghệ sĩ hiện đại chúng tôi đạt được tính hoàn mỹ của màn trướng thời cổ, thì chúng tôi sẽ hạnh phúc quá chừng.

Ông Guillaume reo lên: – Vậy là anh yêu ngành dạ. Thế thì, chà chà! Hãy nắm lấy tay tôi nào, anh bạn trẻ. Bởi anh quý trọng nghề buôn bán, ta sẽ hiểu nhau. Này! Sao lại khinh nghề buôn chứ? Thế giới bắt đầu từ đó, bởi Adam đã bán thiên đường lấy một quả táo. Vụ đầu cơ ấy chẳng hay ho gì, nhỉ!

Vị thương gia già phá lên cười ha hả, do rượu sâm-banh kích thích, ông đãi rượu mọi người hậu hĩ. Giải khăn bịt mắt chàng họa sĩ quá dày thành thử chàng thấy ông bà nhạc tương lai dễ thương. Chàng chẳng nề hà mua vui cho họ bằng mấy câu khôi hài tao nhã. Bởi vậy nói chung chàng được ưa. Buổi tối, khi người đã vắng trong phòng khách bày biện rất sang, theo cách nói của bà Guillaume, trong lúc bà Guillaume đi từ bàn đến lò sưởi, từ cây đèn này đến giá nến kia, hấp tấp thổi tắt các ngọn nến, thì vị thương gia già, luôn biết nhìn tỏ tường mỗi khi động đến chuyện làm ăn hay tiền bạc, kéo cô con gái Augustine lại bên mình, rồi, sau khi đặt con ngồi lên lòng, ông nói với con những lời sau:

– Con thân yêu, con sẽ lấy anh chàng Sommervieux của con, vì con muốn như thế, con được phép đem vốn liếng hạnh phúc của con ra liều may rủi. Nhưng cha không để mình bị lừa vì ba chục ngàn phơ-răng người ta kiếm được bằng cách bôi vẽ làm hỏng những tấm vải tốt đâu. Tiền bạc đến quá nhanh cũng sẽ ra đi nhanh như thế. Tối nay cha chẳng đã nghe anh chàng đại dốt ấy nói rằng đồng tiền tròn là để lăn đó sao! Nếu đồng tiền tròn với những kẻ hoang tàn, thì nó lại bệt với những người căn cơ xếp nó thành từng chồng từng chồng. Vậy, con ạ, anh chàng đẹp trai ấy bảo sẽ tặng con xe ngựa, kim cương? Anh ta có tiền, anh ta cứ việc

tiêu tiền cho con, *tốt thôi!* Cha chẳng có quan hệ gì với chuyện ấy. Nhưng về những gì cha cho con, thì cha không muốn những đồng ê-quy tích cóp xiết bao vất vả tiêu tan thành xe ngựa hay những vật tầm phào. Ai tiêu xài quá nhiều thì chẳng bao giờ giàu có. Với mười vạn ê-quy hồi môn của con, chưa mua được cả Paris đâu. Tuy rằng một ngày kia, con sẽ được thừa hưởng vài chục vạn phơ-răng, song cha còn để con đợi lâu cơ, chà chà! Lâu được chừng nào hay chừng ấy. Vậy là cha đã kéo riêng vị hôn phu của con ra một chỗ, và một người từng điều khiển vụ phá sản Lecoq chẳng phải khó khăn lắm mới làm được cho một nghệ sĩ đồng ý kết hôn theo nguyên tắc tài sản vợ chồng riêng rẽ. Cha sẽ để mắt đến bản hôn ước, sao cho các khoản anh ta dự tính tặng con được quy định rõ. Nào, con ạ, cha hy vọng được làm ông ngoại, chà chà! Từ bây giờ cha đã muốn quan tâm đến cháu của mình: vậy con hãy thề với cha là chỉ ký cái gì liên quan đến tiền bạc khi cha khuyên nên ký; và nếu như cha đi gặp ông lão Chevrel quá sớm, con hãy thề là hỏi ý kiến Lebas, anh rể con. Hãy hứa với cha như vậy.

– Vâng ạ, thưa cha, con xin thề với cha.

Nghe những lời này thốt ra bằng một giọng dịu dàng, ông lão hôn lên hai má con gái. Tối hôm ấy, tất cả những người yêu nhau đều ngủ ngon giấc gần bằng ông bà Guillaume.

Mấy tháng sau ngày chủ nhật đáng ghi nhớ nọ, bàn thờ chính ở Saint-Leu chứng kiến hai cuộc hôn nhân rất khác biệt. Augustine và Théodore đến trước bàn thờ rạng rỡ hạnh phúc, đôi mắt chan chứa tình yêu, trang phục thanh lịch, có ngựa xe lộng lẫy đón đợi. Virginie đi một cỗ xe thuê loại tốt đến cùng gia đình, cô tựa mình vào cánh tay bố, khiêm nhường, theo sau em gái, trong y phục giản dị hơn, như một bóng mờ cần thiết cho sự hài hòa của bức tranh. Ông Guillaume đã chạy vạy cực kỳ vất vả để nhà thờ đồng ý cho Virginie được làm lễ cưới trước Augustine; nhưng ông đau lòng thấy các tầng lũ cấp trên cấp dưới lúc nào cũng đon đả với cô dâu thanh lịch hơn. Ông nghe thấy vài bạn láng giềng đặc biệt tán thành sự biết điều của cô Virginie, họ bảo rằng cô tiến hành cuộc hôn nhân vững chắc nhất, và cô thủy chung với khu phố; trong khi họ buông vài lời châm chọc do đố kỵ

với Augustine, đã lấy một nghệ sĩ, một nhà quý tộc; họ như kinh sợ nói thêm là nếu nhà Guillaume mà có tham vọng, thì ngành dạ nguy mất. Nghe một ông già buôn quạt bảo rằng cái gã phá-của kia chẳng mấy chốc sẽ khiến vợ lâm vào cảnh bần cùng, ông Guillaume tự khen *ngắm trong lòng* về sự thận trọng của mình trong các điều khoản hôn ước. Buổi tối, sau một vũ hội lộng lẫy, tiếp theo là một bữa tiệc đêm linh đình, hồi ức về những bữa tiệc như thế bắt đầu mai một trong thế hệ hiện tại, ông bà Guillaume ở lại tòa nhà trên phố Colombier, nơi tiến hành tiệc cưới, ông bà Lebas đi chiếc xe thuê trở về ngôi nhà cũ kỹ ở phố Saint-Denis để điều khiển con tàu Mèo-chơi-bóng, chàng họa sĩ say vì hạnh phúc ôm lấy nàng Augustine thân yêu, nhắc bóng nàng lên khi cỗ xe song mã của họ về tới phố Trois-Frères, và bế nàng vào một căn hộ được mọi nghệ thuật tôn thêm vẻ đẹp.

Niềm đam mê đầy phấn khích chi phối Théodore khiến gần một năm trời vùn vụt trôi qua đối với đôi vợ chồng trẻ, họ sống dưới bầu trời không hề có một gợn mây nhỏ làm vẩn sắc thiên thanh. Với đôi tình nhân ấy, cuộc đời chẳng có gì nặng nề. Mỗi ngày được Théodore ban phát những hoan lạc *điểm tô thêm thất* đến kỳ lạ, chàng thích đa dạng hóa các say mê bông bột, nhờ sự uể oải buông lơi của những lúc ngồi nghỉ khi tâm hồn được thả lên cao vút trong trạng thái xuất thần, đến mức như quên đi sự kết hợp thể chất. Không có khả năng suy nghĩ, Augustine buông mình theo đà dập dờn uốn lượn của hạnh phúc: nàng cho rằng mình còn chưa làm đủ khi hiến dâng trọn vẹn cho tình yêu được phép và thánh thiện của hôn nhân; vả lại nàng chất phác và ngây thơ chẳng biết khước từ để làm dáng, chẳng biết chi phối chồng bằng những trò trái tính trái nết khôn khéo như một tiểu thư trong xã hội thượng lưu; nàng quá yêu nên chẳng tính toán tương lai, và nàng không hình dung được một cuộc sống tuyệt diệu đến như thế lại có khi chấm dứt. Sung sướng vì lúc này đây mình là mọi niềm hoan lạc của chồng, nàng ngỡ tình yêu không thể nguội tắt này sẽ mãi mãi là đồ trang sức đẹp nhất cho nàng trong tất cả các đồ trang sức, cũng như lòng tận tụy và sự phục tùng nơi nàng sẽ là sức quyến rũ bất diệt. Cuối cùng, hạnh phúc yêu đương

khiến nàng thành cực kỳ lộng lẫy, thành thử nàng tự hào vì nhan sắc của mình và ý thức rằng mình có thể chi phối mãi mãi một con người dễ bốc lửa như ông De Sommervieux. Vậy là địa vị làm vợ chẳng chỉ bảo cho nàng biết thêm được gì ngoài những chỉ bảo của tình yêu. Ở giữa hạnh phúc ấy, nàng vẫn là cô bé dốt nát trong cảnh hàn vi phố Saint-Denis, và không hề nghĩ đến việc lĩnh hội cung cách, học thức, phong thể của cái xã hội trong đó nàng phải sống. Bởi lẽ lẽ của nàng là lẽ lẽ yêu đương, nên nàng có phát huy được một sự uyển chuyển nào đó trong tư duy, và một vẻ tế nhị nhất định trong diễn đạt; nhưng nàng lại sử dụng ngôn từ chung của mọi người đàn bà khi họ đắm mình trong mê say dường như là nơi chốn của họ. Nếu như tình cờ, Augustine phát biểu một ý tưởng không đồng điệu với các ý tưởng của Théodore, thì chàng họa sĩ cười như người ta cười các lỗi ban đầu ở một người ngoại quốc, nhưng lâu dần các lỗi ấy gây khó chịu nếu người kia không sửa. Tuy yêu đương nồng nàn đến thế, vào cuối cái năm êm đềm thú vị và cũng qua nhanh, một buổi sáng kia Sommervieux cảm nhận nhu cầu trở lại với công việc và các tập quán của mình. Và lại vợ chàng đang mang thai. Chàng lại gặp bạn bè. Suốt thời gian khổ não dằng dặc, trong cái năm một người vợ trẻ nuôi con, lần đầu, chắc hẳn chàng nhiệt tâm làm việc; nhưng đôi khi chàng quay về tìm vài thú tiêu khiển trong xã hội thượng lưu. Nơi chàng ưa lui tới nhất là dinh cơ của nữ công tước De Carigliano, cuối cùng bà đã lôi kéo được họa sĩ danh tiếng đến nhà mình. Khi Augustine hồi phục, khi con trai nàng không còn đòi hỏi những sự chăm sóc chuyên cần thường ngăn cản người mẹ hưởng lạc thú nơi giao tế, thì Théodore đã đi tới chỗ muốn được cảm nhận niềm thích thú do tự ái mà xã hội cho ta hưởng, khi ta xuất hiện ở đó cùng một người vợ kiều diễm, mục tiêu ganh ghét và ngưỡng mộ. Lui tới các phòng khách, xuất hiện với ánh rực rỡ mượn từ vinh quang của chồng, thấy mình được phụ nữ ghen, là một vụ gặt hái mới những thú vui cho Augustine; nhưng đó là ánh phản quang cuối cùng tỏa ra từ hạnh phúc lứa đôi của nàng. Nàng bắt đầu làm tổn thương lòng sĩ diện của chồng, khi mà, bất kể những cố gắng vô hiệu, nàng để lộ sự dốt nát, cách nói năng không thích hợp và những ý tưởng hẹp hòi. Gần hai năm rưỡi trời, để cho những phần

khích yêu đương ban đầu chế ngự, nay với tình trạng bình lặng của một sự chiếm hữu bớt tươi mới, tính cách De Sommervieux lại xuôi theo chiều của nó và theo những tập quán đã một thời chuyển hướng. Thi ca, hội họa, và các lạc thú tuyệt vời của tưởng tượng có những quyền vĩnh viễn đối với những đầu óc cao nhã. Trong hai năm vừa qua, các nhu cầu của một tâm hồn mạnh mẽ đã không bị thất vọng nơi Théodore, chúng chỉ tìm thấy một nguồn nuôi dưỡng mới mà thôi. Khi đã dọc ngang khắp các cánh đồng của tình yêu, khi chàng nghệ sĩ, giống như con trẻ, đã hái hoa hồng và hoa mua cực kỳ háo hức đến nỗi chẳng nhận ra rằng tay mình không cầm nổi hoa nữa, cảnh tượng bèn thay đổi. Nếu họa sĩ cho vợ xem phác thảo của những bức họa đẹp nhất, chàng liền nghe nàng reo lên như ông Guillaume chắc sẽ reo: – Xinh thật đấy! Sự ngợi khen chẳng có nhiệt tình này không do một cảm xúc có ý thức, mà do cứ tin tưởng theo tình yêu. Augustine thích một ánh mắt hơn là bức họa đẹp nhất. Sự trác tuyệt duy nhất nàng biết là sự trác tuyệt của trái tim. Cuối cùng, Théodore không thể không thừa nhận tính hiển nhiên của một sự thật tàn ác: vợ chàng không xúc cảm với thi ca, nàng không ở lĩnh vực của chàng, nàng không theo chàng trong mọi biến thiên thất thường, trong những ứng tác, những niềm vui, nỗi đau của chàng; nàng bước đi một cách phàm tục ở thế giới thực tế, trong lúc đầu óc chàng ở trên trời cao. Các trí tuệ bình thường không thể đánh giá được những đau khổ luôn tái sinh ở con người, kết hợp với một người khác do tình cảm thân mật nhất trong các tình cảm, lại buộc phải dồn nén không ngừng những thổ lộ thiết tha hơn cả của tư duy, phải xua trở lại cõi hư vô những hình ảnh do một sức mạnh thần diệu buộc mình sáng tạo ra. Với chàng, cực hình này càng ác nghiệt hơn, bởi tình cảm của chàng với người bạn đường, theo điều luật đầu tiên, phán bảo rằng người nọ không bao giờ giấu người kia điều gì, rằng hãy hòa đồng những suy tư tràn trề cũng trọn vẹn như hòa đồng những cảm xúc lai láng. Người ta không đánh lừa được một cách vô can các ý muốn của tính tự nhiên: nó khắc nghiệt không lay chuyển nổi, giống như tính Tất yếu, cũng là một kiểu tự nhiên tính của xã hội, chắc vậy. Sommervieux trốn vào sự an tĩnh và thảnh lơi nơi xưởng họa, hy vọng rằng việc quen sống cùng các

nghệ sĩ có thể đào tạo vợ mình, giúp phát triển nơi nàng những mầm mống trí tuệ cao siêu bị trì độn, một vài đầu óc ưu việt cho rằng những mầm mống này có sẵn ở mọi con người; nhưng Augustine quá thành tâm tín ngưỡng thành thử nàng hoảng sợ trước giọng điệu của các nghệ sĩ. Trong bữa tiệc tối đầu tiên do Théodore khoản đãi, nàng nghe thấy một họa sĩ trẻ nói với vẻ khinh suất trẻ thơ mà nàng chẳng biết nhận ra, cái vẻ khinh suất trẻ thơ khiến một câu đùa được miễn xá mọi tính chất vô tôn giáo: – Nhưng thưa bà, thiên đường của bà chẳng đẹp hơn bức Chúa Biến hình của Raphaël hay sao? – Ồ! Tôi đã chán ngấm cảnh ấy rồi! Vậy là Augustine đem vào cái giới tài tình hóm hỉnh này một thái độ nghi ngại chẳng thoát nổi mắt ai, nàng gây khó chịu. Nghệ sĩ bị khó chịu thì tàn nhẫn: họ xa lánh hoặc chế nhạo. Trong nhiều điều lố bịch, bà Guillaume có sự lố bịch là cường điệu phong thể đường hoàng được bà coi như của riêng người phụ nữ có chồng: dù Augustine vẫn thường chế giễu điều đó, nàng không khỏi hơi bắt chước lối làm bộ nghiêm cần của mẹ. Sự e lệ thái quá mà những phụ nữ đức hạnh không phải bao giờ cũng tránh được, gợi ý cho vài bức trào phúng vẽ chì, với cách giấu cợt hiền lành quá tao nhã thành thử Sommervieux không giận được. Thậm chí giá như những trò đùa này có tai ác hơn, thì rốt cuộc cũng chỉ là sự phục thù của bạn bè đối với chàng mà thôi. Nhưng chẳng cái gì là nhẹ nhõm được đối với một tâm hồn tiếp nhận ấn tượng bên ngoài dễ dàng như tâm hồn Théodore. Bởi vậy chàng dần dần cảm thấy một sự lạnh nhạt chỉ có thể theo chiều tăng tiến. Để đạt tới hạnh phúc lứa đôi, phải trèo lên một ngọn núi mà đỉnh cao chật hẹp lại sát kề mặt bên kia vừa dốc vừa trơn, và tình yêu của họa sĩ đang đi xuống phía đó. Chàng cho rằng vợ mình không có khả năng đánh giá các lý do tinh thần biện minh cho bản thân chàng khi chàng có cách xử sự lạ lùng đối với vợ, và chàng coi mình là hết sức vô tội khi giấu nàng những ý nghĩ mà nàng không hiểu và giấu những lầm lạc ít biện hộ được trước tòa án của một lương tâm trưởng giả. Augustine thu mình trong nỗi đau ỉn ê và lặng lẽ. Những cảm xúc thâm kín ấy giăng ra giữa hai vợ chồng một tấm màn ắt phải dày thêm lên mỗi ngày. Tuy chồng chẳng hề thiếu tôn trọng nàng, Augustine vẫn không khỏi run sợ khi thấy

chàng dành cho thiên hạ những kho báu tài tình và duyên dáng xưa kia chàng đem đặt dưới chân mình. Chẳng bao lâu, nàng hiểu một cách tai hại những lời lẽ hóm hỉnh lưu hành trong xã hội về tính hay thay lòng đổi dạ ở đàn ông. Nàng không than phiền, nhưng thái độ của nàng tương đương với những lời trách móc. Ba năm sau ngày cưới, người phụ nữ trẻ trung, xinh đẹp, lộng lẫy lướt qua trên cỗ xe lộng lẫy, sống trong thế giới vinh quang và tráng lệ gây thêm muốn cho bao kẻ vô tâm và không có khả năng đánh giá đúng những tình huống của cuộc đời, bị những đau buồn mãnh liệt giày vò; sắc tươi tắn nơi nàng phai nhạt, nàng nghĩ ngợi, nàng so sánh; thế rồi, nỗi bất hạnh cho nàng biết những trải nghiệm đầu tiên. Nàng quyết định can đảm ở lại trong vòng bốn phận, hy vọng cách xử sự cao thượng này sớm muộn sẽ khiến mình khôi phục được tình yêu nơi chồng; nhưng sự thể lại không như vậy. Khi Sommervieux mệt mỏi vì công việc, ra khỏi xưởng họa, Augustine chẳng giấu đi được thật nhanh đồ khâu, để Théodore khỏi nhìn thấy vợ đang vá đồ của gia đình và của nàng, một cách tỉ mỉ như người nội trợ giỏi. Nàng cung cấp tiền bạc cần thiết cho sự tiêu xài hoang phí của chồng, một cách rộng rãi, không phàn nàn; nhưng do mong muốn giữ gìn tài sản cho Théodore thân yêu, nàng tỏ ra can cơ hoặc với mình, hoặc ở vài tiểu tiết trong việc quản lý gia đình. Cách xử sự này xung khắc với sự phóng túng của các nghệ sĩ, khi sự nghiệp tới hồi kết thúc, thì họ đã vui hưởng cuộc sống quá nhiều, thành thử chẳng bao giờ tự hỏi lý do gì khiến mình lụi bại. Thiết tưởng chẳng cần phải đánh dấu mỗi bước phôi pha qua đó sắc màu rực rỡ của thời trăng mật lụi tắt và để họ trong bóng tối thâm u. Một tối kia, nàng Augustine buồn bã, từ lâu vẫn nghe chồng nhiệt thành nói về công tước phu nhân De Carigliano, được một bà bạn cho vài lời khuyên nhân ái một cách độc ác, về bản chất mới quyến luyến của Sommervieux đối với người đàn bà lẳng lơ đồng danh nổi tiếng tại triều đình đế chế. Ở tuổi hai mươi mốt, đang độ xuân sắc vô cùng rực rỡ, Augustine thấy mình bị phụ bạc vì một người đàn bà ba mươi sáu tuổi. Tự cảm thấy bất hạnh giữa thế giới giao tế và giữa những cuộc hội hè hiu quạnh đối với mình, cô bé tội nghiệp không còn hiểu gì nữa hết về niềm ngưỡng mộ mình khơi nên tại nơi đó, về lòng ganh

ghét do mình xui khiến. Gương mặt nàng mang một thần sắc mới. Nỗi u buồn truyền cho dung nhan vẻ dịu dàng của niềm cam chịu và sắc nhợt nhạt của một mối tình bị rẻ rúng. Nàng lập tức được những người đàn ông hấp dẫn nhất săn đón; nhưng nàng vẫn cô đơn và đức hạnh. Vài lời khinh thị, do chồng buột miệng, khiến nàng tuyệt vọng lạ thường. Một ánh sáng tai hại giúp nàng thoáng thấy được những khiếm khuyết trong giao tiếp, do tính chất nhỏ nhen hẹp hòi của nền giáo dục, chúng cản trở sự kết hợp trọn vẹn giữa tâm hồn nàng với tâm hồn Théodore: nàng có đủ tình yêu để xá miễn cho chàng và để qui tội về mình. Nàng khóc ra lệ máu, và nhận ra quá muộn là có những cuộc hôn nhân không tương xứng về tinh thần cũng như những cuộc hôn nhân không tương xứng về tập tục và địa vị. Nghĩ đến những lạc thú xuân tươi của hôn nhân, nàng hiểu hạnh phúc đã qua thật menh mang, và thừa nhận trong thâm tâm rằng một mùa yêu đương trắng lệ đến thế là cả một cuộc đời, và chỉ có thể được trả giá bằng bất hạnh. Tuy nhiên, nàng yêu quá chân thành nên không mất hết hy vọng. Bởi vậy ở tuổi hai mươi một nàng dám tiến hành học tập và làm cho trí não mình ít ra cũng xứng với trí não được mình ngưỡng mộ. Nàng tự nhủ: – Nếu ta không là thi sĩ, ít ra ta sẽ hiểu thi ca. Và thế là, phát huy sức mạnh của ý chí, phát huy nghị lực mà mọi phụ nữ đều có được khi họ đang yêu, bà De Sommervieux định thay đổi tính cách, tập tục và thói quen của mình; nhưng ngẫu nhiên bao cuốn sách, cam đảm học hành, nàng chỉ đạt tới chỗ bột dốt nát mà thôi. Tinh thần nhẹ nhàng khinh khoái, cách đàm đạo duyên dáng, là tài năng thiên phú hoặc kết quả của một sự giáo dục từ thuở trong nôi. Nàng có thể đánh giá âm nhạc, thưởng thức nhạc, nhưng không thể hát một cách tao nhã. Nàng hiểu được văn chương và hiểu cái đẹp của thi ca, nhưng đã quá muộn nên không sử dụng được những điều đó làm phong phú cho trí nhớ bất tri của mình. Nàng thích thú nghe thiên hạ đàm luận, nhưng chẳng tham gia được điều gì xuất sắc. Những ý tưởng tôn giáo và những thành kiến thuở thiếu thời cản trở việc giải phóng hoàn toàn trí tuệ nàng. Cuối cùng, một thành kiến chống lại nàng đã len vào tâm hồn Théodore, nàng không khắc phục nổi. Họa sĩ chế giễu những ai tán dương vợ mình, và những lời giễu cợt của chàng khá có cơ

sở: chàng có uy thế quá lớn đối với con người trẻ tuổi và đáng cảm động kia, thành thử khi chàng hiện diện hoặc khi hai người ngồi riêng với nhau, nàng run sợ. Do quá mong muốn làm vui lòng, đâm ra lúng túng, nàng cảm thấy trí tuệ và kiến thức của mình tan biến vào một tình cảm duy nhất. Ngay lòng chung thủy của Augustine cũng khiến người chồng không chung thủy chẳng ưa, chàng như khuyến khích nàng phạm lỗi khi chê đức hạnh nơi nàng là sự vô cảm. Augustine hoài công cố gắng từ bỏ lý trí, uốn mình theo tính nết thất thường, theo các ý ngông của chồng, cố gắng dâng hiến cho lòng chuộng hư vinh ích kỷ nơi chàng, nàng chẳng thu lượm được kết quả của những hy sinh ấy. Có lẽ cả hai đã để qua mất khoảnh khắc các tâm hồn có thể hiểu được nhau. Một hôm trái tim quá nhạy cảm của người vợ trẻ bị một trong những miếng đòn làm các dây liên hệ tình cảm oằn xuống mạnh đến mức tưởng như có thể đứt gãy. Nàng lánh mình đơn độc. Nhưng bỗng một ý nghĩ tai hại xui nàng đi tìm an ủi và lời khuyên nhủ trong lòng gia đình.

Vậy là một buổi sáng, nàng đi về phía mặt tiền thô kệch của ngôi nhà khiêm nhường và lặng lẽ nơi tuổi thơ của nàng từng trôi qua. Nàng thở dài khi thấy lại khung cửa sổ, ở đó hôm nào nàng đã gửi nụ hôn đầu cho con người giờ đây gieo rắc lên đời nàng bao nhiêu vinh quang cũng là bấy nhiêu bất hạnh. Chẳng có gì đổi thay trong ngôi nhà sâu hút, nơi việc buôn bán dạ tuy thế đang được thanh xuân hóa. Chị Augustine chiếm chỗ của mẹ tại quầy hàng cổ kính. Thiếu phụ sáu muện gặp ông anh rể bút giắt sau tai, anh có vẻ quá tất bật nên chỉ nghe nàng qua quýt; quanh anh là những dấu hiệu đáng sợ của một cuộc tổng kiểm kê; bởi thế anh bỏ đi và xin nàng thứ lỗi. Cô chị tiếp nàng khá lạnh nhạt, cô tỏ ra hơi giận nàng. Quả thật, Augustine lộng lẫy bước xuống từ một cỗ xe đẹp đẽ, trước nay chỉ tiện đường tạt qua thăm chị. Cô vợ của chàng Lebas thận trọng liên nghĩ rằng lý do cuộc viếng thăm sớm sủa này là tiền bạc, cô gắng giữ một giọng điệu dè dặt khiến Augustine nhiều lần phải cười mỉm. Vợ chàng họa sĩ thấy rằng, ngoại trừ các tua trên mũ, bà mẹ đã tìm được ở Virginie một người kế nghiệp bảo tồn danh dự cổ kính của hiệu Mèo-chơi-bóng.

Trong bữa trưa, nàng thấy chế độ trong nhà có một số thay đổi tỏ rõ Joseph Lebas là người biết lẽ phải chăng: các nhân viên không rời bàn ăn vào lúc dùng đồ tráng miệng, họ được trò chuyện, thức ăn phong phú biểu lộ cảnh phong lưu song không xa xỉ. Thiếu phụ thanh lịch nhìn thấy cuống vé một “lô” ở Nhà hát Pháp, nàng nhớ lại thỉnh thoảng đã gặp chị mình tại đây. Bà Lebas choàng trên vai một tấm khăn cachemire sang trọng chứng tỏ ông chồng quan tâm đến vợ một cách hào hiệp. Augustine bỗng bồi hồi cảm động nhận ra, trong quầng gần một ngày trời, hạnh phúc bình thản, quả thực là không hừng khởi, nhưng cũng không đông bão, mà cặp vợ chồng vừa đôi phải lứa này đang hưởng. Họ đã chấp nhận cuộc sống như một cuộc kinh doanh thương mại, ở đó vấn đề trước hết là tôn trọng công việc làm ăn. Không thấy được ở chồng mình một tình yêu cao độ, người vợ gắng sức làm nẩy sinh tình yêu ấy. Dần dà đi tới chỗ quý trọng, yêu thương Virginie, khoảng thời gian để hạnh phúc nẩy nở, đối với Joseph Lebas và vợ anh, là một đảm bảo cho sự vững bền. Bởi vậy, khi nàng Augustine ai oán giải bày tình cảnh đau thương của mình, nàng phải hứng chịu một tràng những điều sáo mòn do đạo lý phố Saint-Denis cung cấp cho bà chị.

Joseph Lebas nói: – Điều tệ hại đã xảy ra rồi, mình ạ, phải nghĩ cách khuyên em chúng ta những điều hay. Rồi, vị thương gia khôn khéo liền phân tích một cách nặng nề thô lậu các phương kế mà luật pháp và phong tục có thể giúp cho Augustine thoát khỏi cơn khủng hoảng này; có thể nói là anh đánh số thứ tự các lý do, xếp chúng vào các hạng mục tùy theo hiệu lực, như thể đây là những hàng hóa có chất lượng khác nhau; rồi đem ra so sánh, cân nhắc, và khi kết luận, anh triển khai sự cần thiết đối với em vợ hiện nay là phải có một quyết định mạnh mẽ, điều này không thỏa mãn được tình yêu Augustine còn cảm thấy đối với chồng; bởi vậy tình cảm ấy thức dậy mãnh liệt khi nàng nghe Joseph Lebas nói đến con đường tư pháp. Augustine cảm ơn anh chị, rồi trở về nhà còn lưỡng lự hơn khi chưa hỏi ý kiến họ. Nàng bèn cầu may thử đến tòa nhà cổ kính phố Colombier, với ý định tâm sự cùng bố mẹ về những bất hạnh của mình, vì nàng giống như con bệnh đã đến

tình trạng tuyệt vọng, vái tứ phương, thậm chí tin vào cả những thuốc men vớ vẩn. Hai ông bà già đón tiếp con gái với tình cảm chứa chan khiến nàng cảm động. Cuộc viếng thăm này đem lại một dịp giải trí đáng giá ngàn vàng đối với họ. Từ bốn năm nay, họ bước đi trong đời như người đi biển không có đích và không có la bàn. Họ ngồi bên lò sưởi, người nọ kể cho người kia mọi tai họa trong thời Tối đa, những chuyến mua dạ trước đây, cách họ tránh được các cuộc vỡ nợ, và nhất là vụ phá sản Lecoq lừng danh, nó là trận Marengo của ông lão Guillaume. Rồi khi đã dốc hết các hồ sơ cũ, họ tóm tắt lại tổng số những lần kiếm kê sinh lợi nhất, và còn thuật lại với nhau các chuyện cũ trong khu phố Saint-Denis. Hai giờ chiều, ông lão Guillaume đến liếc qua cửa hiệu Mèo-chơi-bóng; khi quay về, ông dừng chân ở mọi ngôi hàng, xưa kia là địch thủ, giờ đây các chủ nhân trẻ tuổi hy vọng lôi kéo vị thương gia già vào một vụ chiết khấu mạo hiểm nào đó, theo lệ thường, ông không bao giờ từ chối hẳn. Trong chuồng ngựa, một đôi ngựa tốt xứ Normandie chết mòn vì sưng phồng bụng dưới, bà Guillaume chỉ sử dụng chúng để ngày chủ nhật kéo xe cho bà đến dự lễ mi-xa của giáo khu. Mỗi tuần ba lần, cặp vợ chồng đáng kính bày tiệc sẵn, ai đến cũng khoản đãi. Nhờ thế lực của chàng rể Sommervieux, ông lão Guillaume được cử làm ủy viên hội đồng tư vấn về trang phục cho quân đội. Từ khi ông chồng có địa vị cao như vậy trong giới quan chức, bà Guillaume quyết định cư xử cho xứng chức vị: các gian phòng nhà bà bệ bộn vô số vật trang hoàng bằng vàng bằng bạc, và rất nhiều đồ đạc kém thẩm mỹ nhưng có giá trị chắc chắn, thành thử căn phòng đơn giản nhất cũng giống như một tiểu giáo đường. Tính căn cơ và sự hoang phí dường như tranh chấp nhau trong mỗi đồ đạc của tòa nhà này. Cứ như thế ông Guillaume dự kiến đầu tư tiền bạc ngay cả khi mua một cây đèn. Nhà giống một hiệu bách hoá, mặt hàng phong phú biểu lộ rõ tình trạng nhàn cư ở hai vợ chồng, giữa nhà, bức họa nổi tiếng của Sommervieux chiếm vị trí danh dự, và là niềm an ủi cho ông bà Guillaume, hàng ngày đến hai chục lần họ hướng đôi mắt đeo cặp kính to công kênh nhìn hình ảnh cuộc sống xưa kia của mình, đối với họ cuộc sống ấy tích cực và thú vị biết chừng nào. Bộ dạng tòa nhà và các gian phòng, nơi cái gì cũng có một hơi hướng già

nua và tâm thường, cảnh tượng hai con người dường như dạt vào một núi vàng xa thế gian và xa các ý tưởng giúp người ta sống, làm Augustine kinh ngạc; lúc này nàng đang ngắm phần hai của bức tranh mà đoạn mở đầu đã khiến nàng ngạc nhiên ở nhà Joseph Lebas, bức tranh về một cuộc sống náo động mà không vận động, một kiểu sinh tồn máy móc và bản năng như của loài hải ly; nàng liền cảm nhận điều gì tựa thể tự hào vì những buồn đau của mình, khi nghĩ rằng những buồn đau này bắt nguồn từ một hạnh phúc mười tám tháng, trong mắt nàng, hạnh phúc đó đáng giá gấp ngàn lần cuộc sống trống rỗng mà nàng thấy là gổm guốc. Tuy thế nàng giấu đi cảm nghĩ thiếu nhân ái ấy, và tỏ bày với bố mẹ già phong vận mới mẻ của trí tuệ nàng, sự âu yếm nũng nịu do tình yêu phát lộ cho nàng, và khiến họ sẵn lòng nghe nàng than thở chuyện chồng con. Người già thường ưa những tâm sự kiểu đó. Bà Guillaume muốn được tỏ tường những chi tiết lật vạt nhất trong cuộc sống lạ lùng ấy, đối với bà, nó có cái gì như hoang đường. Truyện hành trình của nam tước De La Hontan, lúc nào bà cũng bắt đầu đọc mà chẳng bao giờ đọc xong, không cho bà biết được điều gì kỳ quái hơn về những người rợ bên Canada.

– Thế nào con, chồng con ở một mình với những người đàn bà khỏa thân, mà con lại ngây thơ tin rằng nó vẽ họ ư?

Thốt lên như thế rồi, bà lão đặt kính xuống chiếc bàn khâu nhỏ, rũ váy, chắp tay để trên đầu gối kênh lên do có chiếc lông ấp, thứ bệ kê chân được bà ưa thích.

– Nhưng mẹ ơi, hết thấy các họa sĩ đều bắt buộc phải có người mẫu.

– Nó đã giữ không nói với chúng ta tất cả những cái đó khi nó hỏi con làm vợ. Nếu mẹ biết, mẹ chẳng bao giờ gả con gái cho người làm một nghề như vậy. Tôn giáo cấm những điều gổm guốc ấy, thế là không có đạo đức. Con vừa bảo rằng nó về nhà vào mấy giờ?

– Thì vào một giờ, hai giờ...

Hai vợ chồng nhìn nhau vô cùng kinh ngạc. Ông Guillaume bảo:

– Thế nó cờ bạc ư? Vào thời của bố, chỉ có các con bạc mới về khuya thế. Augustine khẽ trề môi gạt bỏ lời buộc tội ấy. Bà Guillaume nói tiếp:

– Hẳn nó phải để con đêm đêm vò võ chờ đợi nó. Nhưng không đâu, con đi nằm chứ? Mà khi nó thua bạc, đồ ác quái ấy đánh thức con dậy ư?

– Không, mẹ ạ, ngược lại đôi khi anh ấy rất vui. Thậm chí khá nhiều lần, khi thời tiết đẹp, anh ấy rủ con dậy để đi chơi trong rừng.

– Trong rừng, vào giờ ấy ư? Thế ra căn hộ của con nhỏ hẹp quá đến nỗi phòng ngủ của nó, các phòng khách của nó không đủ cho nó, và nó phải lang thang như thế để... Nhưng cái gã gian ác ấy rủ rê con như vậy là để làm con cảm lạnh đấy. Nó muốn rũ bỏ con. Có bao giờ người ta thấy một người đàn ông đã lập gia đình, giao du thuần hòa, lại chạy rong như ngựa vĩa thế*?

– Nhưng mẹ ơi, mẹ không hiểu rằng để phát huy tài năng, anh ấy cần hứng khởi. Anh ấy rất thích những cảnh...

– Mẹ ấy à, mẹ sẽ cho nó những cảnh, những trận ra trò, – bà Guillaume kêu lên ngắt lời con. – Làm sao con có thể nhẹ nhàng nể nang với một con người như thế? Trước hết, mẹ chẳng thích nó uống toàn nước lã. Như vậy là không lành mạnh. Tại sao nó lại thấy gớm không muốn nhìn phụ nữ khi họ đang ăn? Kiểu gì lạ vậy? Nó điên mất rồi. Những gì con vừa nói với bố mẹ là không dung được. Một người đàn ông không thể chẳng nói chẳng rằng đi khỏi nhà và mười hôm sau mới quay về. Nó bảo con là nó đã ở Dieppe để vẽ biển, ai vẽ biển bao giờ chứ? Nó bịa chuyện tầm phào đấy thôi.

Augustine mở miệng định bênh chồng; nhưng bà Guillaume khoát tay buộc nàng im tiếng, nàng tuân theo do thói quen còn sót lại, và mẹ nàng xẵng giọng kêu lên: – Này, đừng có nói với mẹ về người đó! Nó chỉ đặt chân đến nhà thờ để gặp con và để lấy được con thôi. Người không tín ngưỡng thì chuyện gì cũng làm được. Guillaume có bao giờ giấu mẹ điều gì, có bao giờ câm thín thít ba ngày ròng, rồi sau đó lại liến láu như con vẹt?

– Mẹ thân yêu ơi, mẹ phán xét quá nghiêm khắc những người ưu việt. Nếu họ có những ý tưởng giống những ý tưởng của người khác, họ sẽ không còn là người tài năng.

– Này! Thế thì những người tài năng cứ việc ở yên trong nhà họ và đừng có lấy vợ! Sao kia? Một người tài năng sẽ làm vợ mình khổ sở! Và bởi hắn có tài, thế là hay hử? Tài mới chẳng tài! Chẳng tài cán gì lắm cái trò lúc nói ngược lúc nói xuôi như hắn vào bất kỳ giây phút nào, rồi ngắt lời người khác, khua trống gõ chiêng trong nhà, chẳng bao giờ cho người ta biết đằng nào mà lần, ép buộc một người đàn bà không được chơi đùa khi ý tưởng của ông nhà ta chưa vui vẻ; phải rầu rĩ, nếu ông ta rầu rĩ.

– Này, mẹ ơi, đặc tính của những trí tưởng tượng ấy...

– Những trí tưởng tượng ấy là cái gì chứ? – Bà Guillaume ngắt lời con. – Hay ho nhỉ! Một người đàn ông chẳng hỏi han gì thầy thuốc, bỗng dưng nổi hứng ăn toàn rau, còn ra thế nào? Ừ thì nếu vì tín ngưỡng đi, việc ăn kiêng còn có ích cho hắn phần nào; nhưng hắn chẳng có tín ngưỡng gì hơn một gã tân giáo. Có bao giờ người ta thấy một người như hắn, yêu ngựa hơn yêu đồng loại, uốn tóc quần như kẻ tà giáo, đặt các pho tượng nằm dưới lớp vải sa, cho đóng cửa sổ giữa ban ngày để làm việc dưới ánh đèn hay không? Này, để đấy cho mẹ, nếu hắn ta không là kẻ vô đạo đức một cách thô lỗ, thì hắn chỉ có vào nhà thương điên là tốt. Con hãy xin ý kiến ông Loraux, trợ tế nhà thờ Saint-Sulpice, hỏi xem ông ấy nghĩ thế nào về tất cả những chuyện kia, ông ấy sẽ bảo con rằng chồng con không xử sự như người Cơ đốc giáo...

– Ôi! Mẹ ơi! Liệu mẹ có thể cho là...

– Phải, mẹ cho là như vậy! Con đã yêu nó, con chẳng nhận thấy chuyện gì hết. Nhưng mẹ, thì vào thời gian nó mới cưới con, mẹ nhớ là đã gặp nó ở đường Champs-Élysées. Nó đang cưới ngựa. Này! Có lúc nó phóng như bay, rồi nó dừng lại để đi bước một. Lúc ấy mẹ đã tự nhủ: – Đây là một con người không có trí phán đoán.

Ông Guillaume xoa xoa tay reo lên: – A! Cha đã làm đúng biết mấy khi cho con kết hôn theo nguyên tắc tài sản riêng rẽ với cái

gã kỳ dị ấy!

Khi Augustine đại đột kể lại những nỗi bất bình thực sự của mình đối với chồng, hai ông bà già cảm phần chẳng thốt nên lời. Rồi bà Guillaume nói ra tiếng ly dị. Nghe thấy tiếng ly dị, vị thương gia nhàn cư như thức tỉnh. Kích thích vì tình yêu đối với con gái, và cũng vì một vụ kiện sẽ làm cho cuộc sống không biến cố của ông thành tất bật, ông lão Guillaume bèn lên tiếng. Ông đứng ra chỉ huy việc đòi ly dị, điều khiển nó, gần như biện bạch, ông đề nghị với con để ông chịu mọi phí tổn, đi gặp các quan tòa, các thầy kiện, các luật sư, chạy vạy tìm mọi phương kế. Bà De Sommervieux, hoảng sợ, khước từ sự giúp đỡ của cha, bảo rằng mình không muốn bỏ chồng, dù có khổ gấp mười lần, và không nói về những lo buồn của mình nữa. Sau khi Augustine đã được bố mẹ ra sức chăm chút, hai ông bà già cố đem những sự chăm chút lặng lẽ và đầy an ủi này để đền bù cho con gái các nỗi đau lòng, nhưng vô hiệu, Augustine ra về, cảm thấy bất lực không thể làm cho những đầu óc kém cỏi xét đoán đúng được những con người ưu việt. Nàng hiểu ra rằng một phụ nữ phải giấu hết thảy mọi người, ngay cả cha mẹ mình, những nỗi bất hạnh rất khó được đồng cảm. Bão tố và đau khổ ở những lĩnh vực cao nhã chỉ được những trí tuệ cao thượng sống trong lĩnh vực đó đánh giá mà thôi. Trong mọi sự, chúng ta chỉ có thể được xét đoán bởi những người đồng đẳng.

Vậy là nàng Augustine đáng thương lại ở trong bầu không khí lạnh lẽo của gia đình riêng, buông mình theo những trầm tư hãi hùng ghê sợ. Việc học tập không còn ý nghĩa gì đối với nàng, bởi việc học tập không trả lại cho nàng con tim của chồng nàng. Biết được các bí ẩn của những tâm hồn bốc lửa kia, nhưng không có được năng lực như chúng, nàng tham gia mãnh liệt các nỗi thống khổ của chúng mà không chung hưởng các niềm vui. Nàng đã chán ghét xã hội, nàng thấy nó dường như ti tiện và nhỏ bé trước những biến cố của đam mê. Tóm lại, đời nàng lờ đờ. Một buổi tối, nàng bỗng sống sỡ vì một ý nghĩ rơi vào những ưu sầu u ám của nàng như một tia sáng từ trời cao. Ý tưởng ấy chỉ có thể hé ra với một tấm lòng thật trong trẻo, thật đức hạnh như lòng nàng. Nàng

quyết định đến nhà công tước phu nhân De Carigliano, không phải để đòi lại tình yêu của chồng, mà để học tập những kỹ xảo đã cướp đi của mình tình yêu ấy, để làm cho người đàn bà thượng lưu kiêu ngạo kia quan tâm đến mẹ những đứa con của bạn tình, khiến người ấy nao lòng và thành kẻ đồng mưu giúp cho hạnh phúc sẽ tới cũng như người ấy đang là lợi khí gây nên bất hạnh hiện nay. Vậy là một hôm, nàng Augustine nhút nhát, với một lòng cam đảm phi phàm, bước lên xe vào lúc hai giờ rưỡi chiều, hy vọng lọt vào được biệt thất của người đàn bà lẳng lơ đồng đánh trứ danh, xưa nay chẳng cho ai gặp trước giờ đó. Bà De Sommervieux còn chưa biết những biệt thự cổ kính và lộng lẫy ở khu Saint-Germain. Khi nàng đi qua những tiền sảnh uy nghi, những cầu thang tráng lệ, những phòng khách mênh mang, tô điểm hoa tươi bất kể mùa đông khắc nghiệt, và trang hoàng với khiêu thẩm mỹ đặc biệt ở những người phụ nữ sinh ra trong cảnh giàu sang hoặc sinh ra với tập quán cao nhã của giới quý tộc, Augustine thấy một nỗi se thắt ghê gớm trong lòng: nàng thêm muốn các bí quyết của sự thanh lịch kia, sự thanh lịch nàng chưa bao giờ quan niệm nổi, nàng hít thở một không khí cao sang quyền quý nó lý giải cho nàng sức hấp dẫn của tòa nhà này đối với chồng nàng. Vào tới tư thất của nữ công tước, nàng cảm thấy ghen và như tuyệt vọng, khi ngắm cách sắp đặt gợi tình của đồ đạc, màn trướng và rèm che. Ở đây vẻ lộn xộn là một cái duyên, ở đây sự xa hoa như ra dáng khinh thị cái giàu. Hương thơm lan tỏa trong bầu không khí êm dịu này mơn trớn khứu giác mà chẳng gây khó chịu. Các vật dụng trong nhà hài hòa với cảnh quan được nhìn qua các tấm gương không tráng thủy ngân, trông ra những thảm cỏ của một khu vườn trồng cây xanh. Mọi thứ đều quyến rũ, song không hề cảm thấy sự tính toán. Kỳ tài của nữ chủ nhân chốn này toát ra trọn vẹn trong gian phòng khách, nơi Augustine chờ đợi. Nàng cố phỏng đoán tính cách của tình địch qua dáng vẻ đồ vật phân tán đó đây; nhưng có một cái gì không sao dò nổi trong sự lộn xộn cũng như sự đả đố, và với Augustine chất phác, thật là điều bí hiểm. Qua đó nàng chỉ có thể thấy rằng, nữ công tước là một người đàn bà siêu việt với tư cách là đàn bà. Nàng liền có một ý nghĩ đau xót. Nàng tự nhủ:

– Than ôi! Phải chăng quả thật một tấm lòng yêu thương và chất phác không đủ cho một nghệ sĩ; và để cân bằng trọng lực của những tâm hồn mãnh liệt ấy, phải kết hợp chúng với những tâm hồn phụ nữ có sức mạnh ngang với chúng? Nếu ta từng được nuôi dạy giống ả tiên cá kia, ít ra vũ khí của hai ta cũng ngang nhau lúc giao đấu.

– Ta không cho ai gặp kia mà! – Những tiếng danh và sáng, từ gian biệt thất kể bên, dù nói khẽ vẫn lọt vào tai Augustine, tìm nàng hồi hộp.

– Bà ấy đang ở đây rồi ạ, – cô hầu phòng đáp lại.

– Chị đỡ thật, vậy mời vào đi, – nữ công tước trả lời, giọng nói dịu xuống, mang âm điệu niềm nở do lịch sự. Hiển nhiên là khi đó bà ta muốn mọi người nghe thấy.

Augustine rụt rè tiến lên. Phía trong cùng gian biệt thất tươi mát, nàng nhìn thấy nữ công tước nằm thật gọt tành trên trường kỷ phủ nhung xanh, đặt chính giữa một hình bán nguyệt do những nếp rủ mềm mại của lớp sa mỏng căng trên nền màu vàng tạo nên. Những đồ trang trí bằng đồng đỏ thếp vàng, sắp xếp một cách tuyệt vời tao nhã, làm nổi thêm thứ tán che này, ở dưới tán, nữ công tước an vị như một pho tượng cổ. Sắc nhung thẫm khiến bà không mất đi một phương tiện quyến rũ nào. Ánh sáng mờ mờ, thân thiết với nhan sắc bà, dường như phản quang hơn là ánh sáng. Vài loài hoa hiếm vươn ngọn bông thơm ngát lên trên những bình sứ thành Sèvres quý giá nhất. Khi cảnh tượng kia phô bày trước mắt nàng Augustine kinh ngạc, do đã bước đi thật rón rén, nàng bắt chợt được một ánh mắt của người đàn bà có sức mê hoặc ấy. Ánh mắt như bảo với một người mà thoát tiên vợ chàng họa sĩ chưa nhìn thấy: – Hãy ở lại, bạn sắp gặp một phụ nữ xinh đẹp, và bạn sẽ làm cho cuộc viếng thăm của bà ta đỡ chán ngắt đối với tôi.

Trông thấy Augustine, nữ công tước đứng dậy, bảo nàng ngồi xuống cạnh mình. Bà mỉm một nụ cười thật duyên dáng, và bảo:

– Thưa bà, vì đâu tôi có diễm phúc được bà tới thăm?

– Sao lại giả tạo quá như thế? – Augustine nghĩ, và chỉ nghiêng

đầu đáp lại.

Sự lạng lẽ ấy do bắt buộc. Thiếu phụ thấy trước mắt mình một chứng nhân thừa cho cảnh này. Nhân vật đó là chàng đại tá trẻ nhất, thanh lịch nhất và có vóc người đẹp nhất trong số các đại tá của quân đội. Trang phục bán dân sự làm nổi bật vẻ duyên dáng nơi chàng. Gương mặt đầy sức sống, rất trẻ trung, mà đã giàu ý vị, còn sinh động hơn lên nhờ hàng ria mép cong vút và đen nhánh, nhờ chòm râu rậm, nhờ bộ râu quai nón chải chuốt kỹ và mái tóc đen thật dày hơi bù rối. Chàng đang nghịch chơi cây roi ngựa, phong thái ung dung thoải mái rất hợp với vẻ mãn nguyện trên dung mạo cũng như với cách phục sức cầu kỳ; những dải huân chương nơi khuyết áo được thắt một cách hững hờ rủ rủ, và chàng có vẻ kiêu căng vì phong dạng mình tuần tú hơn là vì mình dũng cảm. Augustine nhìn nữ công tước De Carigliano, đưa mắt chỉ cho bà chàng đại tá, mọi lời khấn cầu trong ánh mắt này đều được thấu hiểu.

– Vậy tạm biệt nhé, D'Aiglemont, ta sẽ gặp lại nhau ở rừng Boulogne.

Những lời này được tiên cá thốt lên như thể do ước định từ trước khi Augustine tới, kèm theo một cái nhìn đe dọa có lẽ cũng đáng cho chàng sĩ quan bởi chàng tỏ ra ngưỡng mộ khi ngắm đóa hoa khiêm nhường hết sức tương phản với bà công tước ngạo mạn. Chàng trẻ tuổi hớm mình lạng lẽ nghiêng người, xoay gót ủng, rồi duyên dáng lao ra khỏi biệt thất. Trong lúc ấy, Augustine dò xét dịch thủ dường như đang nhìn theo viên sĩ quan hào hoa, bắt chợt được trong ánh mắt này một cảm xúc mà mọi phụ nữ đều hiểu được các tình ý thoáng qua. Nàng nghĩ với nỗi đau thấm sâu nhất rằng việc mình đến đây sẽ là vô ích: bà công tước giảo quyết này quá háo hức được tôn sùng thành thử có trái tim không thương xót. Augustine ghen ngào nói:

– Thừa phụ nhân, phụ nhân sẽ thấy việc tôi đến vận động phụ nhân lúc này đây dường như rất lạ lùng; nhưng nỗi tuyệt vọng có sự điên rồ của nó, khiến mọi điều chắc phải được tha thứ. Tôi đang hiểu ra quá rõ vì sao Théodore thích ngôi nhà của phụ nhân hơn bất kỳ nhà nào khác, và vì sao trí tuệ của phụ nhân có quyền

lực với chàng đến thế. Hỡi ôi! Tôi chỉ cần tự ngẫm đến mình là thấy được những lý do quá mức đầy đủ. Nhưng tôi yêu quý chồng của mình, thừa phu nhân. Hai năm trời nhỏ lệ không hề xóa hình ảnh chàng khỏi trái tim tôi, mặc dù tôi đã bị mất đi trái tim chàng. Trong cơn điên rồ, tôi đã dám có ý nghĩ đấu tranh với phu nhân; và tôi đến đây, đến hỏi phu nhân xem nhờ cách nào tôi có thể thắng được chính phu nhân. Ôi, thừa phu nhân! – Thiếu phụ kêu lên và nồng nhiệt nắm lấy tay kẻ tình địch, bà ta để cho nàng cầm tay. – Tôi sẽ chẳng bao giờ cầu Chúa cho hạnh phúc của bản thân tôi với nhiệt tâm như tôi khẩn nguyện cho hạnh phúc của phu nhân, nếu như phu nhân giúp tôi chinh phục lại, tôi không nói là tình yêu, mà là tình thân của Sommervieux. Tôi chỉ hy vọng ở phu nhân. A! Xin phu nhân hãy cho tôi biết bằng cách nào mà phu nhân làm được cho chàng ưa và khiến chàng quên đi những ngày đầu của...

Nói đến đây, ghen ngào vì những tiếng nức nở không kìm nổi, Augustine buộc phải ngừng lời. Hồ thẹn vì sự yếu đuối của mình, nàng giấu mặt trong chiếc khăn tay ướt dẫm nước mắt.

– Cô em kiêu diễm thân mến, em là trẻ con hay sao? – nữ công tước nói. Bị hấp dẫn vì tính mới lạ của cảnh tượng và mềm lòng khi được tôn vinh bởi con người đức hạnh vẹn toàn nhất Paris, có lẽ, bà cầm lấy chiếc khăn tay của thiếu phụ, vừa tự mình lau mắt cho nàng vừa dỗ dành nàng, thì thào, từng tiếng một với vẻ xót thương ân cần. Sau một lát thình lạng, con người đồng đánh, giữ hai bàn tay xinh xắn của Augustine đáng thương trong tay mình, những bàn tay có vẻ đẹp quý phái và tính chất quyền uy hiếm thấy, nói với Augustine bằng giọng âu yếm dịu dàng:

– Điều đầu tiên, tôi sẽ khuyên em đừng khóc như thế, nước mắt làm ta xấu đi. Cần phải biết quyết ý chống lại các nỗi buồn khiến mình phát ốm, vì tình yêu không lưu lại lâu trên một chiếc giường đau khổ. Sự u sầu thoát tiên cũng đem lại cái duyên nào đó được người ưa, nhưng dần dà nó khiến nét mặt thụt ra và làm tàn úa dung nhan mê hồn nhất. Thế rồi, các bạo chúa của chúng ta có thói tự ái muốn nô lệ của mình bao giờ cũng phải vui tươi.

– Ôi! Thừa phu nhân, chẳng phải tùy tôi định không cảm nhận

mà được. Làm sao có thể nhìn một gương mặt xưa kia rạng rỡ yêu đương và hoan hỉ, nay lơ đãng, vô khí sắc, đứng đưng, mà không cảm thấy mình chết đi ngàn lần cho được? Tôi chẳng sai khiến được lòng mình.

– Tiếc thật, người đẹp thân yêu, nhưng tôi cho là mình đã biết hết câu chuyện của em. Trước hết, em hãy nghĩ rằng nếu như chồng em từng thiếu chung thủy với em, thì tôi không phải là tòng phạm. Nếu tôi quan tâm muốn có chàng trong phòng khách của mình, tôi xin thú thật đó là vì tự ái: chàng nổi tiếng và chẳng lui tới nơi nào hết. Tôi mến em quá mất rồi nên chẳng nói cho em mọi điều điên rồ chàng đã làm vì tôi. Tôi sẽ chỉ tiết lộ với em một điều thôi, bởi điều ấy có lẽ sẽ giúp chúng ta đưa chàng về với em và trừng phạt chàng vì đã táo bạo trong cách cư xử với tôi. Rồi chàng sẽ làm tôi mang tiếng mất. Tôi biết thế gian quá rõ, em ạ, nên chẳng muốn phò thác mình cho một người quá ưu việt. Em hãy hiểu là nên để cho họ sẵn đón mình, nhưng còn lấy họ ư! Đó là một sai lầm. Phụ nữ chúng ta cần ngưỡng mộ những người đàn ông kỳ tài, thưởng thức họ như thưởng thức một cảnh quan kỳ lạ, nhưng chung sống với họ ư! Không bao giờ. Khiếp! Như thế là thích xem những máy móc của Kịch viện, thay vì cứ ngồi yên ở một “lô” mà tận hưởng những ảo ảnh rực rỡ của nó. Nhưng ở nhà em, cô bé tội nghiệp, chuyện chẳng lành đã xảy ra rồi, phải không? Này! Em phải cố trang bị vũ khí cho mình để chống lại sự áp chế.

– Ô, thưa phu nhân! Trước khi bước vào đây, vừa nhìn thấy phu nhân, tôi đã nhận ra được một số kỹ xảo trước nay tôi không ngờ tới.

– Thế thì, thỉnh thoảng em hãy đến thăm tôi, và chẳng phải lâu gì em mới nắm được khoa học của những trò vật tuy nhiên cũng khá quan trọng đấy. Những thứ bên ngoài là một nửa cuộc sống đối với người ngu; và về điều này, thì nhiều bậc tài năng là người ngu, bất kể toàn bộ trí tuệ của họ. Nhưng tôi cuộc rằng em chưa bao giờ biết từ chối Théodore điều gì?

– Thưa phu nhân, làm sao từ chối được điều gì với người mình yêu?

– Cô bé ngây thơ tội nghiệp, giá như tôi thì tôi sẽ yêu quý em vì sự ngốc nghếch của em. Vậy em cần biết rằng càng yêu, ta càng không được để cho người đàn ông, nhất là người chồng, nhận ra niềm say mê của ta rộng lớn đến đâu. Người nào yêu nhiều hơn chính là người bị ngược đãi, và, tệ hơn nữa, sớm muộn cũng bị bỏ rơi. Người nào muốn thống trị, phải...

– Sao cơ, thừa phu nhân, vậy ra phải giấu giếm, phải tính toán, trở thành giả dối, tự tạo một tính cách không thật và mãi mãi như thế? Ôi! Làm sao có thể sống như vậy được. Liệu phu nhân có thể...

Nàng ngáp ngừng, nữ công tước mỉm cười. Bậc mệnh phụ lại nói bằng một giọng nghiêm trang:

– Em thân mến, xưa nay hạnh phúc vợ chồng bao giờ cũng là một vụ đầu cơ, một công việc đòi hỏi phải đặc biệt lưu tâm. Nếu em cứ tiếp tục nói về tình yêu say đắm trong khi tôi nói với em về hôn nhân, thì chẳng mấy chốc ta sẽ không hiểu nhau nữa. Bà chuyển sang giọng tâm tình, nói tiếp: – Hãy nghe tôi, chính tôi đã từng gặp gỡ một vài bậc kỳ tài của thời đại chúng ta. Trừ ra vài ngoại lệ, những người đã kết hôn đều lấy vợ chẳng có tài cán gì. Này! Những người đàn bà ấy cai trị họ, như hoàng đế cai trị chúng ta vậy, và nếu không được họ yêu, thì ít ra cũng được họ kính trọng. Tôi khá thích các điều bí mật, nhất là những bí mật liên quan đến chúng ta, nên đã nghịch chơi tìm lời giải cho ẩn ngữ đó. Này! Cô em thiên thần ơi, những mục đàn bà ấy có tài phân tích tính cách chồng mình; chẳng thất kinh như em vì sự ưu việt của chồng, họ đã khôn khéo để ý thấy những phẩm chất mà chồng không có; và hoặc họ có các phẩm chất ấy, hoặc họ giả vờ có, họ tìm cách phô trương chúng thật âm ỉ trước mắt chồng thành thử rốt cuộc họ đi tới chỗ có uy thế với những người này. Cuối cùng, em nên hiểu thêm rằng những tâm hồn dường như kỳ vĩ nọ, tất thấy đều có chút đỉnh điên rồ mà ta phải biết lợi dụng. Quyết tâm chế ngự họ, không bao giờ rời xa mục tiêu, quy vào đó mọi hành động của chúng ta, mọi ý nghĩ, mọi sự đồng danh làm duyên, chúng ta chỉ phối được những đầu óc cực kỳ thất thường ấy, chính do trạng thái hay thay đổi trong tư tưởng, họ khiến chúng ta có

phương tiện tác động tới họ.

– Trời hỡi! – Augustine kinh hoàng kêu lên, – vậy ra đời là thế. Đó là một cuộc chiến đấu...

– Trong cuộc chiến đó phải luôn luôn đe dọa, – nữ công tước cười và nói tiếp. – Quyền lực của chúng ta hoàn toàn giả tạo. Bởi vậy không bao giờ được để cho một người đàn ông khinh miệt mình; bị rớt ngã đến như vậy rồi thì chỉ đứng lên được nhờ những thủ đoạn khả ố. Lại đây em, – bà nói tiếp, – tôi sẽ cho em phương tiện để xiềng chồng em lại.

Bà đứng lên, vừa mỉm cười với cô học trò trẻ ngây thơ đang tập sự các mảnh khõe của đời sống vợ chồng, vừa dẫn nàng đi qua mê lộ trong tiểu cung điện của mình. Cả hai đến trước một cầu thang kín, thông sang các phòng tiếp khách. Khi nữ công tước xoay cái chốt bí mật ở cửa, bà dừng bước nhìn Augustine với một vẻ tinh tế và duyên dáng không sao bắt chước nổi: – Em ạ, công tước De Carigliano say mê tôi, ấy vậy! Nhưng ông chẳng dám vào qua cửa này nếu tôi không cho phép. Mà đấy là một con người quen chỉ huy hàng ngàn hàng ngàn binh lính. Ông giỏi đối đầu với các pháo đội, nhưng trước tôi... ông sợ.

Augustine thở dài. Họ vào tới một phòng trưng bày tranh lộng lẫy, nữ công tước dẫn vợ họa sĩ tới trước bức chân dung cô Guillaume do Théodore vẽ. Trông thấy thế, Augustine thốt kêu lên. Nàng nói:

– Tôi biết rõ là tranh không còn trong nhà tôi nữa, nhưng... ở đây!

– Em thân mến, tôi chỉ đòi hỏi điều đó để xem một con người kỳ tài có thể đạt đến mức độ ngu dại như thế nào. Sớm hay muộn, tranh cũng sẽ được tôi trả lại cho em, vì tôi đâu ngờ mình có niềm vui được nhìn tại đây bản gốc trước mặt bản sao. Trong lúc ta nói nốt câu chuyện, tôi sẽ cho đem bức họa xuống xe cho em. Nếu như, có đạo bùa này rồi, mà em không làm chủ được chồng mình suốt một trăm năm, thì em chẳng phải là đàn bà, và đáng phải chịu số phận của mình!

Augustine hôn tay nữ công tước, bà ghì cô vào lòng, ôm hôn cô

với niềm âu yếm càng thêm nồng nhiệt bởi ngày mai niềm âu yếm ấy ắt bị quên khuấy đi. Cảnh tượng trên có lẽ sẽ hủy diệt vĩnh viễn niềm ngây thơ và sự trong trẻo ở một phụ nữ ít đức hạnh hơn Augustine, với nàng những bí mật do nữ công tước tiết lộ có thể đồng thời vừa bổ ích lại vừa tai hại, bởi quyền mưu quỷ quyết của những giới xã hội cao sang, cũng như lý trí hẹp hòi của Joseph Lebas, hay đạo lý ngây ngô của bà Guillaume đều không hợp với Augustine. Những điều hiểu sai nhỏ nhặt nhất ta trót lỡ trong đời, đưa tới những tình thế dở dang có tác động thật kỳ lạ! Lúc này Augustine giống như một mục đồng trên núi Alpes thành linh gặp trận tuyết lở: nếu anh ta do dự, hoặc nếu anh ta muốn nghe tiếng kêu của bạn, điều thường xảy ra hơn cả là anh ta chết. Trong những cơn đại khủng hoảng này, trái tim tan nát hoặc thành chai đá.

Bà De Sommervieux trở về nhà với tâm trạng bồn chồn rối loạn khó mà tả nổi. Cuộc trò chuyện với nữ công tước De Carigliano làm thức dậy trong đầu óc nàng vô số ý nghĩ mâu thuẫn. Như những con cừu trong ngụ ngôn, đây can đảm khi sói không có đấy, nàng tự diễn thuyết với bản thân, vạch ra cho mình những kế hoạch xử sự tuyệt diệu; nàng nghĩ ra ngàn mưu kế làm duyên làm dáng; nàng còn nói cả với chồng, xa chàng, nàng tìm lại được mọi phương kế của tài hùng biện chẳng bao giờ rời bỏ người phụ nữ; đoạn, nghĩ tới cái nhìn chăm chăm và trong suốt của Théodore, nàng đã run sợ rồi. Khi hỏi xem ông chủ có nhà hay không, nàng không cất nổi tiếng nói. Biết chàng không về ăn tối, nàng cảm thấy một niềm vui khó hiểu. Giống như phạm nhân đang xin chống án tử hình, thời gian tạm hoãn, dù ngắn đến mấy, với y dường như là cả một cuộc đời. Nàng để bức chân dung vào phòng mình và đợi chồng với nỗi phấp phỏng lo âu vì hy vọng. Nàng linh cảm quá rõ toan tính này sẽ quyết định toàn bộ tương lai của mình nên nghe bất kỳ tiếng động nào cũng rợn người, ngay cả tiếng đồng hồ tích tắc như đo đếm cho nàng những niềm kinh hãi khiến chúng càng thêm nặng nề. Nàng cố đánh lừa thời gian bằng ngàn xảo thuật. Nàng nảy ra ý tưởng trang phục cho mình giống hệt bức chân dung. Rồi, hiểu rõ tính chồng hay bồn chồn ấy

này, nàng cho thắp sáng nơi mình ở một cách bất thường, tin chắc là khi trở về, sự tò mò sẽ đưa chàng đến đây. Đồng hồ điểm mười hai giờ khuya thì nghe người đánh xe gọi, cổng tòa nhà mở ra. cỗ xe của họa sĩ lăn bánh trên mặt đá lát nơi khoảnh sân lặng lẽ.

– Chứng đèn sáng thế này là nghĩa làm sao đây, – Théodore bước vào phòng vợ, hỏi bằng giọng vui vẻ.

Augustine khéo léo nắm lấy khoảnh khắc hết sức thuận lợi này, nàng lao tới ôm lấy cổ chồng, và trở cho chàng bức chân dung. Họa sĩ đứng sững như một khối đá, đưa mắt lần lượt hết nhìn Augustine lại nhìn bức họa cáo giác. Người vợ rụt rè nửa sống nửa chết, dò xét vầng trán đang biến đổi, vầng trán ghê gớm của chồng, nhìn thấy những nếp nhăn diễn cảm chồng chất dần dần như những đám mây; rồi nàng ngỡ thấy máu mình đông lại trong huyết quản, khi bị chất vấn bằng một giọng nói trầm đục và một ánh mắt nảy lửa.

- Nàng tìm thấy bức tranh này ở đâu?
- Công tước phu nhân De Carigliano đã trả cho em.
- Nàng đã đòi bà ấy ư?
- Em đâu biết là bức họa ở nhà bà.

Âm điệu dịu dàng hay nói đúng hơn âm điệu du dương mê hoặc trong giọng nói của thiên thần kia tưởng có thể làm mềm lòng được cả bọn Rợ-ăn-thịt-người, nhưng chẳng làm mềm lòng một nghệ sĩ đang bị giày vò vì tổn thương sĩ diện. Họa sĩ thét vang như sấm:

– Điều này thật xứng với bà ta. Tôi sẽ trả thù. – Chàng vừa nói vừa xoắn những bước dài, đi đi lại lại. – Bà ta sẽ chết vì hổ thẹn: tôi sẽ vẽ bà ta! Phải. Tôi sẽ thể hiện bà ta dưới diện mạo Messaline* đang đem ra khỏi cung điện của Claude.

- Théodore! – Một giọng hấp hối khẽ nói.
- Tôi sẽ giết bà ta.
- Mình ơi!
- Bà ta yêu cái gã đại tá kỵ binh tâm thường ấy, vì gã cưỡi ngựa giỏi...

– Théodore!

– Nào! Hãy mặc tôi, – họa sĩ bảo vợ, giọng gần như gầm lên.

Sẽ là khả ố nếu miêu tả lại toàn bộ cảnh này, về cuối, say vì giận dữ, họa sĩ có những lời lẽ và hành vi, ví thử một người vợ già dặn hơn Augustine, sẽ cho là điên dại.

Khoảng tám giờ sáng hôm sau, bà Guillaume bắt gặp con gái người tái nhợt, mắt đỏ hoe, mái tóc bù rối, tay cầm chiếc khăn ướt dầm nước mắt, đang ngẩng nhìn trên sàn những mảnh tờ tả từ một bức tranh bị xé nát và những mảnh của chiếc khung lớn mạ vàng đã tan tành. Augustine, bị nỗi đau làm cho hầu như vô cảm, trở các tàn vật ấy với một cử chỉ thấm đượm nỗi tuyệt vọng. Bà già nhiếp chính hiệu Mèo-chơi-bóng kêu lên:

– Ồ, có lẽ thiệt hại to đấy. Tranh giống lắm, thật vậy; nhưng mẹ nghe nói trên phố có người vẽ những chân dung rất xinh giá năm chục ê-quy.

– Ôi, mẹ ơi!

– Tội nghiệp con gái bé bỏng, con nói rất đúng! – Bà Guillaume đáp, bà hiểu lắm ý tứ trong ánh mắt con. – Thôi con ạ, chẳng ai yêu mến mình bằng mẹ mình đâu. Con thương mến, mẹ đoán được hết; mà con cứ đến thổ lộ nỗi buồn cùng mẹ, mẹ sẽ an ủi con. Mẹ đã chẳng bảo con rằng người ấy điên ư? Chị hầu phòng của con đã kể cho mẹ những chuyện kỳ quặc... Nhưng đúng là một ác quái!

Augustine đặt một ngón tay lên đôi môi tái nhợt, như khấn cầu mẹ một khoảnh khắc thỉnh lặng. Trong cái đêm khủng khiếp ấy, nỗi bất hạnh đã khiến nàng tìm ra niềm cam chịu đầy nhẫn nại, ở những người mẹ và những người phụ nữ giàu yêu thương, điều này, về tác động, vượt quá nghị lực của con người, và có lẽ phát lộ trong cõi lòng người phụ nữ, có một số sợi tơ mà Chúa chẳng ban cho đàn ông.

Một lời khắc trên bia mộ tại nghĩa trang Montmartre cho biết bà De Sommervieux chết ở tuổi hai mươi bảy. Qua những dòng đơn sơ trên mộ chí, một người bạn của con người rụt rè ấy nhìn thấy cảnh cuối cùng của một tấn bi kịch. Hàng năm, vào cái ngày

trang trọng mỏng 2 tháng Mười một, chẳng bao giờ người đó đi qua tấm bia còn mới mà không tự hỏi phải chăng cần những phụ nữ mạnh mẽ hơn Augustine cho vòng ôm xiết mãnh liệt của thiên tài.

Người đó tự nhủ rằng, những bông hoa khiêm nhường nhũn nhặn, nở trong thung, có lẽ thường chết đi, khi búp hoa đem trồng tại những miền quá gần trời cao, nơi bão tố hình thành, nơi ánh mặt trời nóng bỏng.

Maffliers, tháng Mười 1829

LÊ HỒNG SÂM
dịch

GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM VŨ HỘI Ở SCEAUX

LÊ HỒNG SÂM

Vũ hội ở Sceaux xuất hiện lần thứ nhất năm 1830, trong Những cảnh đời tư. Đến năm 1835, truyện được đưa lên mở đầu cho Khảo luận phong tục thế kỷ XIX – tập hợp tác phẩm đầu tiên mang tính chất hệ thống, trước khi Tấn trò đời hình thành.

Xuyên suốt tác phẩm là câu chuyện hôn nhân của nữ nhân vật chính Emilie de Fontaine. Đương thời, vấn đề hôn nhân chiếm vị trí cực kỳ quan trọng trong đời tư các gia đình. Ở Cửa hiệu Mèo-chơi-bóng, thấy con gái cả hơi cứng tuổi, nhà buôn Guillaume vô cùng lo lắng tìm chàng rể; ở đây, bá tước De Fontaine hết sức buồn phiền bảo cô con út khó tính: “Con hai mươi hai tuổi rồi con ạ và lẽ ra con phải có gia đình từ ba năm nay rồi.”

Và cũng như Cửa hiệu Mèo-chơi-bóng, Vũ hội ở Sceaux cho thấy hậu quả tai hại của cách giáo dục sai lầm, trong đó người mẹ có trách nhiệm to lớn. Emilie không chỉ là một cô gái được nuông chiều thái quá, cô là một tiểu thư quý phái được nuông chiều, được mẹ tán thành các đòi hỏi cao ngạo, cực đoan. Thói đỏng dảnh kiêu kỳ ở cô mang tính đẳng cấp, “sự ích kỷ tự nhiên” của đứa con cứng không tách rời “lòng ham thích vô bờ các địa vị”, niềm khinh miệt sâu sắc những ai không thuộc nòi danh giá lâu đời. Thiên kiến quý tộc phá vỡ một cuộc hôn nhân lẽ ra tuyệt đẹp, làm lỡ một may mắn hiếm có: sự kết hợp vì tình yêu.

Kết thúc của truyện dồn dập, nhanh chóng, và hình ảnh cuối thật bất ngờ: Maximilien de Longueville xuất hiện với tư cách tử tước giàu có và nguyên lão nghị viên, tập trung đủ các tiêu chuẩn lý tưởng, nhân danh chính những tiêu chuẩn này, Emilie đã cự tuyệt chàng trước đây. Nhưng dù trở trêu đến mấy, câu chuyện của Emilie không hề bi đát; đặt cạnh bi kịch của Augustine (Cửa hiệu Mèo-chơi-bóng), nó chỉ là

một hài kịch nhẹ nhàng, đôi khi có gây rung động.

Như ở nhiều tác phẩm khác, Balzac nhà đạo đức chỉ có sức thuyết phục vừa phải, trong khi Balzac nhà sử học, nhà xã hội học lại có cái nhìn sâu sắc đáng khâm phục. Qua câu chuyện hôn nhân lỡ dở, ta thấy một sự phân tích thật sáng suốt tình hình chính trị, xã hội đương thời cũng như ảnh hưởng của các biến cố bên ngoài đến những cảnh đời tư. Lịch sử thời Trùng hưng của nước Pháp được thể hiện và nhận định một cách cô đọng qua cuộc đời bá tước De Fontaine.

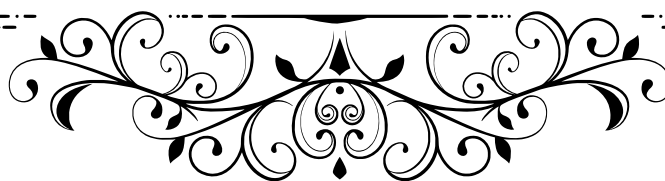
Vũ hội ở Sceaux cho thấy dòng họ Bourbon và giới quý tộc từ nơi lưu vong trở về không phải để nắm lấy một quyền lực bỏ trống mà phải giành quyền lực, và quyền lực giành được ấy, về cơ bản, khác với quyền lực trong tay họ, năm 1788. Chỉ có ngai vàng được trùng hưng, còn mọi sự đều biến đổi. Dưới thời Cách mạng, rồi nền Đế chế, đã hình thành những tài sản mới, những địa vị mới, những thể chế chính trị mới, một sự năng động về kinh tế dựa trên bước đầu công nghiệp hóa. Louis XVIII, “ông hoàng triết gia” hiểu rằng thực trạng này không thể đảo ngược. Ở đỉnh cao quyền lực, nhưng là một quyền lực đã trở thành bấp bênh, Louis XVIII áp dụng đường lối thỏa hiệp “dung hợp các phe phái”, chấp nhận chính thể lập hiến, thấy cần thiết phải “cách tân nền quân chủ”.

Là nhà bảo hoàng quyết liệt, mới đầu bá tước De Fontaine bất bình đến mức coi nhà vua là “một người phá cách mạng”, nhưng rồi do hoàn cảnh đưa đẩy, thành cận thần của Louis XVIII, bị thuyết phục dần, ông “tâm đắc với những tư tưởng của nhà vua”, bản thân “thay đổi quan điểm một cách đáng kể”. Lòng trung thành hợp nhất với tham vọng, ông thành người hòa giải thông minh, tích cực phục vụ “những trò quả lắc chính trị cho phép chủ của mình cai trị nước Pháp giữa các biến động”. Trong môi trường giao du quý tộc, ông “động viên các bà mẹ đưa con cái vào những nghề độc lập và nghề công nghiệp”. Trong đời tư, việc hôn nhân của các con ông – ba người anh, hai người chị của Emilie – với con cái những chủ ngân hàng, những triệu phú từng bán muối, buôn củi, cũng là sự thỏa hiệp, tiêu biểu cho mối kết hợp giữa tước hiệu và tiền bạc.

Và nhìn từ góc độ này, tên của tác phẩm bỗng mang ý nghĩa đặc biệt. Vũ hội ở Sceaux không chỉ là một lễ hội đồng quê thơ mộng, nơi

Emilie và Maximilien nhìn thấy nhau lần đầu trong khung cảnh mê hồn, mà đó chính là chốn gặp gỡ có tính chất biểu tượng giữa quá khứ và hiện tại, là cảnh “nhốn nháo thú vị” giữa quý tộc và bình dân, giữa những kẻ đến từ các lâu đài nơi cuộc sống ngưng đọng và những kẻ đến từ các cánh đồng, cửa hiệu, văn phòng... nơi con người hoạt động, giữa giai cấp đang suy tàn và những tầng lớp đang đi lên.

Đó chính là chủ đề thực sự quan trọng, quấn quýt với chủ đề hôn nhân, hòa quyện cùng nó, và quy định nó.



VŨ HỘI Ở SCEAUX

LE BAL DE SCEAUX



Tặng Henri de Balzac

Anh trai

Honoré

Bá tước De Fontaine, đứng đầu một trong những dòng họ cổ nhất ở tỉnh Poitou, đã phục vụ sự nghiệp nhà Bourbon với trí thông minh và lòng dũng cảm trong cuộc chiến do người xứ Vendée gây ra với nền cộng hòa. Sau khi thoát khỏi mọi hiểm nguy đe dọa các tướng lĩnh bảo hoàng trong thời kỳ bão tố này của lịch sử đương thời, ngài vui vẻ cho rằng: – Tôi ở trong số những người đã để người ta giết trên những bậc bước lên ngai vàng. Câu nói vui ấy không phải không có phần đúng đối với một người bị bỏ lại giữa những xác chết trong cái ngày đẫm máu ở Quatre-Chemins. Dù bị việc sung công làm cho cho sạt nghiệp, con người xứ Vendée trung thành này vẫn luôn từ chối những địa vị nhiều lợi lộc do hoàng đế Napoléon ban tặng. Không đổi thay trong truyền thống quý tộc của mình, ngài tuân theo một cách mù quáng các phương châm của truyền thống đó khi cho rằng đã đến lúc chọn cho mình một người bạn đời. Bất kể sự cảm dỗ của một người phái cách mạng mới nổi, rất giàu có, đặt giá cao cho

việc kết mối thông gia này, ngài cưới một tiểu thư nhà Kergarouët không có của cải, nhưng thuộc một trong những dòng dõi lâu đời nhất vùng Bretagne.

Nền Trùng hưng đến bất thần khi ngài De Fontaine đang nặng gánh gia đình. Cho dù nhà quý tộc cao thượng này không có ý xin xỏ ân huệ, ngài vẫn nhượng bộ mong muốn của bà vợ, rời lãnh địa mà thu nhập ít ỏi chỉ tạm đủ cho nhu cầu của con cái ngài, và đi Paris. Náo lòng vì bạn bè cũ hám xô giạt địa vị và phẩm tước hợp hiến, ngài sắp quay về vùng đất của mình thì nhận được một bức thư của bộ, qua đó một Đức ngài khá quen biết báo với ngài việc bổ nhiệm ngài làm thiếu tướng, căn cứ vào sắc lệnh cho phép các sĩ quan quân đội Thiên chúa giáo được tính hai mươi năm đầu chưa công bố của triều vua Louis XVIII như những năm phục vụ. Vài ngày sau, dù không hề thỉnh cầu mà là mặc nhiên, con người xứ Vendée này lại nhận được huân chương Bắc đẩu và huân chương Thánh Louis. Do tính quả quyết bị lung lay bởi những ân sủng liên tiếp mà ngài cho là vì đức vua còn nhớ tới, ngài không chỉ dừng lại ở việc vẫn thành kính làm vào mỗi chủ nhật, đưa gia đình tới Nguyên-sứy-đường ở điện Tuileries để hô Đức vua vạn tuế. Khi các ông hoàng tới nhà thờ, ngài cầu xin đặc ân được tiếp kiến riêng. Rất nhanh chóng được chấp thuận, cuộc yết kiến này chẳng có gì là riêng tư cả. Phòng tiếp của nhà vua đầy những bày tôi già đầu rắc phấn mà nhìn từ độ cao nào đó trông giống như một thảm tuyết. Ở đó ngài quý tộc gặp lại bạn hữu xưa, họ đón ngài với vẻ hơi lạnh nhạt, nhưng với ngài các ông hoàng có vẻ *quý hóa*, một từ phấn khích mà ngài buột nói khi người niềm nở nhất trong các ông chủ của ngài, mà ngài tin là mình chỉ được biết đến qua tên, tiến tới bắt tay và tuyên bố ngài là người Vendée thuần chất nhất. Dù có sự hoan nghênh này, không ai trong số những bậc uy nghi đó lại có ý hỏi ngài về con số những thiệt hại của ngài lẫn số tiền bạc đã được chuyển rất hậu hĩnh vào két của quân đội Thiên chúa giáo. Hơi muộn một chút, ngài nhận ra là mình đã chiến đấu mà lại tự tổn kém chi phí. Về cuối buổi tối, ngài cho rằng có thể liêu một câu bóng gió dí dỏm về tình trạng khó khăn của mình, tương tự như tình trạng của nhiều nhà quý tộc. Đức vua bèn cười khá vui

vẻ, mọi lời nói mang dấu ấn dí dỏm đều có thể làm vua thích thú, nhưng Người đáp lại bằng một trong những câu đùa vương giả mà vẻ dịu dàng còn đáng sợ hơn là sự giận dữ của một lời quở trách. Một trong các cận thần của vua không chậm trễ đến bên ngài, với một câu tinh tế và lịch sự cho con người xứ Vendée hay tính toán biết rằng vẫn chưa phải lúc chi li với chủ của mình: hiện đang phải xem xét những khoản thanh toán đọng lại lâu hơn khoản của ngài nhiều, và chúng dĩ nhiên là để phục vụ cho lịch sử của Cách mạng. Bá tước thận trọng rời nhóm người đáng kính đang kính cẩn quây trước hoàng gia, rồi, sau khi không khỏi khó nhọc gỡ được thanh kiếm vương vào những bắp chân khẳng khiu, ngài đi bộ qua sân điện Tuileries ra xe ngựa đỗ trên kè sông. Với đầu óc bướng bỉnh riêng của giới quý tộc xưa trong đó kỷ niệm về Liên minh hội và Phòng thủ còn chưa tắt, trong xe ngài lớn tiếng than vãn và có cơ lụy đến bản thân, về đổi thay bất thần ở triều đình. Ngài tự nhủ: – Trước kia, mỗi người đều thoải mái nói với vua về những khó khăn của mình, các công hầu có thể dễ dàng xin ân huệ và tiền bạc, thế mà nay người ta chẳng thể đòi lại được, mà không bị rày rà tai tiếng, khoản tiền ứng trước để phục vụ nhà vua sao? Chết tiệt! Huân chương Thánh Louis và chức thiếu tướng chẳng đáng giá ba trăm ngàn phơ-răng mà ta đã thực sự chi cho sự nghiệp của nhà vua. Ta muốn thưa chuyện lại với vua, trước mặt và trong thư phòng của vua.

Cái cảnh này lại càng làm nguội nhiệt tâm của ngài De Fontaine hơn nữa vì những yêu cầu tiếp kiến của ngài luôn không có hồi âm. Ngoài ra, ngài thấy những kẻ tiếm quyền ngoi lên một vài trọng trách mà dưới nền quân chủ xưa kia là dành cho những dòng họ danh giá nhất.

– Hồng cả, – một sáng ngài nói. – Rõ ràng nhà vua chỉ là một người phái cách mạng. Không có Đức ông là người chẳng mất đi tư cách quý tộc và là người an ủi các tội tổ trung thành của Ngài, ta không biết rồi vương miện của nước Pháp sẽ rơi vào tay ai đây, nếu cái chế độ này tiếp tục. Chế độ lập hiến đáng nguyên rủa của họ tồi tệ nhất trong tất cả các chính thể và sẽ chẳng bao giờ hợp được với nước Pháp. Louis XVIII và ngài Beugnot đã làm hồng cả

ở Saint-Ouen.

Ngài bá tước tuyệt vọng chuẩn bị quay trở lại đất đai của mình, cao thượng từ bỏ ý định đòi bất cứ khoản bồi thường nào. Khi đó, những sự kiện ngày 20 tháng Ba báo hiệu một cơn bão mới đe dọa nhấn chìm nhà vua hợp pháp và những người bảo vệ vua. Giống như những người rộng lượng không đuối tay vào lúc mưa gió, ngài De Fontaine thể chấp đất đai, vay mượn để đi theo nền quân chủ thất tán, mà chẳng biết liệu cái sự đồng tâm lưu vong này có thuận lợi cho ngài hơn sự tận tâm trước kia hay không; nhưng sau khi quan sát thấy những người cùng lưu vong được ưu đãi hơn những kẻ dửng dưng xưa kia, với vũ khí trong tay, đã chống lại việc thiết lập nền cộng hòa, biết đâu ngài lại chẳng hy vọng tìm thấy ở chuyến đi ra nước ngoài này nhiều lợi lộc hơn là việc phục vụ tích cực nhưng nguy hiểm ở trong nước. Những tính toán của con người triều thần ở ngài không phải là những điều tư biện hảo huyền hứa hẹn trên giấy những kết quả tuyệt vời, mà đem thực hiện thì gây tổn hại. Vậy là, theo lời người hóm hỉnh và khéo léo nhất trong các nhà ngoại giao của chúng ta, ngài là một trong năm trăm trung thần chia sẻ cảnh lưu vong ở Gand cùng triều đình, và là một trong số năm mươi ngàn từ đó trở về. Trong thời gian ngắn ngủi vương quyền rời đi này, ngài De Fontaine may mắn được Louis XVIII dùng, và có nhiều cơ hội cho nhà vua thấy bằng chứng về một tính trung thực lớn lao về chính trị và một sự gắn bó trung thành. Một tối, không có việc gì thú hơn để làm, nhà vua nhớ tới câu nói dí dỏm của ngài De Fontaine tại điện Tuileries. Ông già xứ Vendée không bỏ lỡ một cơ hội đúng lúc đến như thế và kể lại chuyện của mình một cách khá hóm hỉnh để nhà vua là người không quên cái gì cả sẽ nhớ đến nó khi cần. Đấng vương giả ưa làm văn chương nhận ra giọng điệu tinh tế trong một vài văn thư mà việc soạn thảo được giao cho nhà quý tộc kín đáo. Công trạng nhỏ này ghi ngài De Fontaine vào trí nhớ của nhà vua, trong số những bấy tôi trung thành nhất của ngài vàng. Lần thứ hai trở về, bá tước là một trong các đặc phái viên đi khắp các tỉnh, với sứ mệnh toàn quyền xét xử những kẻ phản nghịch; nhưng ngài sử dụng có chừng mực quyền lực ghê gớm này. Ngay

sau khi quyền xét xử tạm thời đó chấm dứt, vị đại pháp quan ngồi vào một trong các ghế của Hội đồng Nhà nước, trở thành nghị viên, nói ít, nghe nhiều, và thay đổi quan điểm một cách đáng kể. Một vài tình huống mà các nhà viết tiểu sử không được biết đã khiến ngài trở nên khá mật thiết với Đức vua, để rồi một ngày, khi thấy ngài bước vào, nhà vua tinh quái gọi: – Ông bạn Fontaine này, trăm sẽ chẳng tính đến chuyện bổ nhiệm ông làm tổng trưởng hay bộ trưởng đâu. Cả ông lẫn trăm, nếu là *viên chức*, sẽ chẳng ở yên tại chỗ vì quan điểm của mình. Chính phủ đại diện có cái hay là cất cho trăm cái khó trước kia là chính mình phải thái hời các tổng trưởng của mình. Hội đồng đúng là một lữ quán, là nơi mà công luận luôn gửi tới cho trăm những lữ khách đặc biệt; nhưng rốt cuộc trăm luôn biết đặt các bầy tôi trung thành của mình vào vị trí nào.

Khúc mở đầu bốn cột này được nối tiếp bởi một sắc lệnh đem lại cho ngài De Fontaine một chức vụ cai quản trong lĩnh vực tài sản đặc biệt của Hoàng gia. Do ngài chăm chú lắng nghe một cách thông minh những lời mỉa mai cay độc của người bạn vương giả, tên của ngài được Bộ hạ nhắc tới tất cả những lần cần lập một ủy ban mà các thành viên ắt sẽ được trả lương hậu hĩnh. Ngài khôn ngoan im đi đặc ân Đức vua ban cho và biết giữ gìn nó bằng cách, trong một cuộc trò chuyện thân tình được Louis XVIII cũng thích thú như thích các bức thư viết một cách dễ nghe, ngài kể một cách sắc sảo những giai thoại chính trị và, nếu được phép dùng từ này, cả những chuyện ngồi lê mách lẻo đầy rẫy trong giới ngoại giao hay trong nghị viện. Người ta biết rằng những tình tiết trong *chính thể hành pháp* của ngài, từ được đấng vương giả hay giấu cột dùng, khiến cho người vô cùng thích thú. Nhờ vào sự sáng suốt, dí dỏm và khéo léo của ngài De Fontaine mà mỗi thành viên trong gia đình đông đúc của ngài, dù ít tuổi đến mấy, cuối cùng, như ngài nói vui với chủ mình, cũng đậu như tầm đậu trên tờ ngân sách*.

Thế nên, nhờ lòng nhân từ của nhà vua, con trai cả của ngài đạt một chức vụ cao không thể bãi miễn trong đoàn pháp quan. Con trai thứ, một đại úy quen trước Trùng hưng, giành được một

quân đoàn ngay sau khi từ Gand trở về; rồi, nhờ những phong trào năm 1815 khi mà người ta không chú trọng các quy chế, chuyển vào đội thị vệ, chuyển sang cận vệ, trở lại hàng ngũ và là trung tướng với quyền chỉ huy phòng vệ sau vụ Trocadéro. Cậu út, được bổ nhiệm làm quận trưởng, chẳng mấy chốc thành thỉnh cầu ủy viên và chủ sự một nha của thành phố Paris là nơi anh ta tránh được những bảo tố pháp luật. Những chiếu cố không âm ỉ này, cũng kín đáo như ân sủng cho bá tước, đến dồn dập mà chả ai thấy. Dù cho ông bố và ba người con mỗi người đều có thu nhập ngân sách hầu như cũng đáng kể như của một tổng trưởng, thời vận chính trị của họ chẳng khiến ai ghen ghét. Trong thời kỳ đầu của chế độ lập hiến, ít ai có ý niệm đúng về những phạm vi yên bình trong ngân sách, nơi các sủng thần khôn khéo biết tìm ra điều tương đương với các tu viện bị phá hủy. Bá tước De Fontaine, mới đây còn tự hào là chưa đọc Hiến chương và tỏ ra hết sức tức giận thói háms lợi của các nịnh thần, nhanh chóng chứng tỏ cho chủ tể uy nghi của mình thấy ngài cũng hiểu rõ như vua tinh thần và các phương sách của chính thể *đại nghị*. Tuy nhiên, dù sự nghiệp rộng mở cho ba người con trai là an toàn, chỉ có những mối lợi về tiền bạc là kết quả tích góp của bốn chức vụ, ngài De Fontaine là chủ một gia đình quá đông nên không thể nhanh chóng phục hồi gia sản. Ba con trai đầy tương lai, ân sủng và tài năng; nhưng ngài có ba cô con gái và sợ làm nản lòng tốt của nhà vua. Ngài có sáng kiến là bao giờ cũng chỉ nói về một trong các cô gái còn tân đang nóng lòng muốn lấy chồng. Nhà vua quá phong nhã nên chẳng để công trình của mình dang dở. Hôn nhân của người con gái đầu với một quan tổng thu nhà Planat de Baudry được quyết bằng một trong những lời vương giả chả tốn kém gì mà giá trị hàng triệu. Một tối, nhà vua đang câu kinh thì lại mỉm cười khi biết còn một tiểu thư De Fontaine khác, mà người liền gả cho một pháp quan trẻ tuổi gốc gác tư sản, đúng vậy, nhưng giàu có, đầy tài năng, và được vua phong nam tước. Năm tiếp, khi con người xứ Vendée nói về tiểu thư Emilie de Fontaine thì, bằng cái giọng nhỏ the thé của mình, nhà vua trả lời: – Platon là thân thiết với tôi, nhưng Quốc gia còn thân thiết hơn*.

Rồi vài ngày sau, nhà vua đãi ông bạn Fontaine của mình một bài tứ tuyệt khá vô hại mà vua gọi là một bài trào phúng, trong đó vua đùa ngài về ba cô con gái khéo sinh ra dưới dạng Tam vị nhất thể. Theo tin thời sự thì nhà vua tìm ý khôi hài ở sự nhất thể của ba thần linh.

– Liệu Đức vua có hạ cố chuyển bài trào phúng của Người thành thơ chúc tụng cưới xin? – Bá tước tìm cách xoay chuyển lời dí dỏm này để có lợi cho mình.

– Nếu ta thấy có vấn đề trong đó thì ta lại chẳng thấy có lý do, – nhà vua trả lời sẵn, chẳng thích chút nào câu nói đùa này, dù nó nhẹ nhàng đến mấy, về thơ ca của ngài.

Từ hôm đó, thái độ đối xử của nhà vua với ngài bá tước De Fontaine kém thuận hậu đi. Vua chúa ưa mâu thuẫn hơn ta tưởng. Như hầu hết những đứa con sinh sau đẻ muộn, Emilie de Fontaine là một cô con út được tất cả mọi người cưng chiều. Vậy nên sự lạnh nhạt của nhà vua càng làm khó cho bá tước vì chưa có việc gì chồng nào lại khó hơn là gả chồng cho cô con út yêu dấu này. Để hiểu được tất cả những trở ngại đó, phải vào trong khuôn viên biệt thự đẹp để nơi vị quan hành chính sống nhờ vào phụ cấp hàng năm của Hoàng thất. Emilie đã trải qua thời thơ ấu trên đất của dòng họ De Fontaine, hưởng tại đó cảnh sung túc đủ cho những thú vui đầu tiên của tuổi trẻ; ở đó những mong ước nhỏ nhất của cô là luật lệ đối với các chị, các anh, với mẹ và cả cha cô. Tất cả họ hàng yêu quý cô. Ở tuổi bắt đầu có lý trí đúng vào khi gia đình ngập tràn đặc ân của số mệnh, sự mê ly trong cuộc sống của cô tiếp tục. Vẻ xa hoa của Paris với cô dường như cũng tự nhiên như cảnh nhiều hoa, sai quả và sự trù phú của đồng ruộng đã làm nên hạnh phúc trong những năm đầu đời của cô. Cũng như cô không hề bị một điều trái ý nào thuở nhỏ khi muốn thỏa mãn những ý thích vui vẻ, cô vẫn thấy mình được phục tùng khi lao vào sự quay cuồng của chốn giao tế lúc mười bốn tuổi. Quen dần từng bước như vậy với việc hưởng thụ cảnh giàu có, ăn mặc kiểu cách, vẻ thanh lịch của các phòng khách sơn son thiếp vàng và ngựa xe theo hầu trở nên cần thiết với cô như những lời khen thật khen giả nịnh bợ, như các cuộc hội hè và những hư

vinh của triều đình. Như phần lớn những đứa trẻ được nuông chiều, cô hành hạ những người yêu mình, và dành về làm đáng cho riêng những người thờ ơ. Nết xấu chỉ càng lớn thêm ở cô theo với tuổi, và cha mẹ cô nhanh chóng hái những trái đắng của cách giáo dục tai hại này. Vào tuổi mười chín, Emilie de Fontaine còn chưa muốn chọn ai trong số những chàng trai mà quyền mưu của ngài De Fontaine tập hợp trong các buổi hội hè của ngài. Dù hãy còn ít tuổi, cô sử dụng toàn bộ sự tự do tư tưởng mà một phụ nữ có thể có trong giới giao tế. Như các ông vua, cô không có bạn bè, và ở mọi nơi thấy mình là đối tượng của một sự chiều ý mà một bản tính tốt đẹp hơn bản tính của cô có lẽ cũng chẳng cưỡng lại được. Không người đàn ông nào, dù là người già, đủ sức phản bác ý kiến của một cô gái mà chỉ một cái nhìn cũng làm sống động lại tình yêu trong một trái tim nguội lạnh. Được giáo dục chu đáo hơn các chị, cô vẽ khá giỏi, nói tiếng Ý, tiếng Anh, chơi dương cầm khó ai sánh được; cuối cùng là giọng cô, được những thầy dạy tốt nhất luyện cho hoàn hảo, có một âm sắc khiến tiếng cô hát quyến rũ không cưỡng nổi. Tài trí và được nuôi dưỡng bởi tất cả các nền văn học, cô có thể khiến người ta tin rằng, như Mascarille nói, những người có tư chất tốt sinh ra là đã biết tất cả. Cô dễ dàng đàm đạo về hội họa Ý hay Flamand, về thời Trung cổ hay Phục hưng; đánh giá linh tinh về sách cổ hay sách mới, và, với một sự tài tình duyên dáng tàn nhẫn, làm nổi bật các thiếu sót của một tác phẩm. Câu nói thường nhất của cô cũng được đám đông tôn sùng đón chào, như người Thổ Nhĩ Kỳ đón chào một mệnh lệnh của Quốc vương. Cô làm lóa mắt như thế những kẻ nông cạn; còn những người sâu sắc, sự miễn cảm tự nhiên giúp cô nhận ra họ, cô trở tài duyên dáng đến nỗi, nhờ sự quyến rũ của mình, cô thoát được sự xét nét của họ. Về bề ngoài quyến rũ này che đậy một tâm hồn vô tư lự, một quan niệm chung của nhiều cô gái là không ai ở một lĩnh vực đủ cao để có thể hiểu được cái tuyệt vời trong tâm hồn cô, và che đậy một lòng kiêu hãnh dựa trên cả dòng dõi lẫn sắc đẹp. Thiếu vắng tình cảm mãnh liệt sớm muộn cũng giày vò trái tim người phụ nữ, cô hướng nhiệt tình trẻ trung của mình vào một lòng ham thích vô bờ các địa vị và biểu lộ một sự khinh thường sâu sắc giới bình dân. Rất xác xược với tầng lớp quý tộc

mới, cô cố hết sức để cha mẹ mình sánh ngang những gia đình danh giá nhất ở khu Saint-Germain.

Những tình cảm này không thoát khỏi con mắt quan sát của ngài De Fontaine, người đã nhiều lần, vào dịp cưới hai cô con gái đầu, phải rên rầm vì những lời chua cay và những lời khôi hài của Emilie. Người có đầu óc lô-gích sẽ ngạc nhiên thấy ông già xứ Vendée gả con gái đầu cho một quan tổng thư thực ra có sở hữu vài lãnh địa xưa nhưng tên họ lại không có ở đằng trước cái biểu hiệu quý tộc nhờ nó mà ngài vàng có biết bao người hộ vệ, và gả cô thứ hai cho một quan tư pháp được phong nam tước ngay mới đây nên không thể khiến người ta quên đi là người cha từng bán củi. Sự thay đổi đáng kể này trong tư tưởng của nhà quý tộc khi ngài bước vào tuổi sáu mươi, thời kỳ mà con người ít khi rời bỏ những đức tin của mình, không chỉ do việc cư ngụ tị nạn tại cái thành Babylone hiện đại là nơi rốt cuộc dân tỉnh lẻ sẽ mất đi sự thô thiển của họ, ý thức chính trị mới của bá tước De Fontaine còn là kết quả của những lời khuyên và tình thân của nhà vua. Ông hoàng triết gia này đã thích thú làm cho con người xứ Vendée quy theo những quan điểm mà bước tiến của thế kỷ XVIII và sự cách tân của nền quân chủ đòi hỏi. Louis XVIII muốn dung hợp các phe phái, như Napoléon đã dung hợp các sự việc và các con người. Nhà vua hợp pháp, có lẽ cũng tài trí như đối thủ của mình, lại hành động theo hướng ngược lại. Thủ lĩnh cuối cùng của dòng họ Bourbon cũng vội vã thỏa mãn đẳng cấp thứ ba và bầy tôi của vương quốc bằng cách kiểm chế giới tăng lữ, như người đầu tiên của dòng họ Napoléon hăm hở lôi kéo các đại lãnh chúa hay trợ cấp cho nhà thờ. Tâm đắc với những tư tưởng của nhà vua, ngài cố vấn chính phủ dần trở thành một trong những người đứng đầu có ảnh hưởng và khôn ngoan nhất của phái ôn hòa là phái ao ước, nhân danh lợi ích quốc gia, hợp nhất các quan điểm. Ngài thuyết giáo về những nguyên tắc đắt giá của chính phủ lập hiến, và hết sức tán đồng những trò quả lắc chính trị cho phép chủ của mình cai trị nước Pháp giữa những biến động. Có thể ngài De Fontaine hy vọng đạt được chức quý tộc nghị viên nhờ một trong những cơn gió lập pháp mà những hiệu quả hết sức kỳ dị lúc đó khiến

cho những nhà chính trị già đời nhất phải sống sót. Một trong những nguyên tắc bất di bất dịch của ngài là chẳng công nhận ở Pháp tầng lớp quý tộc nào khác ngoài Viện Nguyên lão quý tộc, chỉ các gia đình nguyên lão nghị viên đặc quyền đặc lợi mới có.

– Quý tộc mà không có đặc quyền đặc lợi, – ngài nói, – thì là cái cán không có công cụ.

Tránh xa cả phe của Lafayette lẫn phái của Bourdonnaye, ngài hăm hở tiến hành công cuộc hòa giải chung, từ đó phải sinh ra một kỷ nguyên mới và những vận mệnh xán lạn cho nước Pháp. Ngài tìm cách thuyết phục những gia đình thường lui tới phòng khách của ngài và những gia đình mà ngài thường lui tới, về số ít các cơ may thuận lợi do nghề quân sự và hành chính mang lại từ nay trở đi. Ngài động viên các bà mẹ đưa con cái vào những nghề độc lập và nghề công nghiệp, bằng cách cho họ hiểu rằng các chức nghiệp trong quân đội và những trọng trách trong chính phủ cuối cùng sẽ thuộc một cách rất hợp hiến về con em các gia đình quý tộc thuộc Viện Nguyên lão. Theo ngài, dân tộc đã chiếm được một phần khá rộng lớn trong nhà nước do quốc hội được bầu, do những vị trí trong đoàn pháp quan và giới tài chính, theo ngài nói, những vị trí này sẽ mãi là đặc hữu của những người có địa vị thuộc đẳng cấp thứ ba như xưa. Ý tưởng mới mẻ của người đứng đầu gia đình De Fontaine, và những cuộc hôn nhân khôn ngoan từ đó mà ra cho hai cô con gái lớn, gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ trong gia đình. Bá tước phu nhân De Fontaine vẫn trung thành với những tín điều xưa cũ mà một phụ nữ xuất thân họ Rohan về bên ngoài không được từ bỏ. Dù một thời đã chống đối hạnh phúc và của cải chờ đợi hai cô con gái lớn, bà thuận theo những suy tính sâu kín mà vợ chồng thổ lộ với nhau ban đêm khi kê đầu chung một gối. Bằng những tính toán chính xác, ngài De Fontaine lạnh lùng chứng minh cho vợ thấy rằng việc cư trú tại Paris, nghĩa vụ phải ăn tiêu cho xứng chức vị, gia cảnh hào hoa lộng lẫy đền bù cho họ những thiếu thốn đã được chia sẻ một cách rất can đảm ở tận cuối xứ Vendée, chi phí cho các con trai, làm tiêu tan phần lớn thu nhập ngân sách của họ. Vậy nên phải nắm lấy cái cơ hội đến với mình như một thiên ân để gả các con

gái vào những nơi giàu có như thế. Chúng chẳng phải sẽ được hưởng một ngày nào đó sáu mươi, tám mươi, một trăm ngàn pho-răng lợi tức niên kim sao? Hôn nhân lợi lộc như vậy không phải ngày nào cũng gặp được với những cô không có của hồi môn. Cuối cùng, đã tới lúc nghĩ đến chuyện tiết kiệm để tăng đất đai nhà Fontaine và chấn hưng lại lãnh địa cổ kính của dòng họ. Bá tước phu nhân nhượng bộ những lý lẽ thuyết phục đến vậy, như tất cả các bà mẹ chắc sẽ làm vào địa vị của bà và có thể còn vui lòng hơn, nhưng bà tuyên bố rằng ít nhất cô con gái Emilie của bà sẽ được gả chồng thế nào để thỏa mãn lòng kiêu hãnh mà đáng tiếc bà đã góp phần làm phát triển trong tâm hồn non trẻ này.

Như vậy, những sự kiện lẽ ra làm lan tỏa niềm vui trong gia đình này lại đưa vào đó một mầm mống chia rẽ nhỏ. Quan tổng thu và quan tư pháp trẻ phải chịu đựng vẻ lạnh lùng của một nghị thức xã giao mà bá tước phu nhân và cô con gái Emilie biết tạo ra. Nghi lễ của hai mẹ con còn tìm được chốn để tung hoành hơn nữa, thực thi sự áp chế trong gia đình: cậu trung tướng cưới tiểu thư Mongenod, con gái một chủ ngân hàng giàu có; cậu tổng trưởng kết hôn hợp lý với một tiểu thư mà ông bố,

tài sản có tới hai, ba triệu, trước buôn bán muối; cuối cùng cậu em thứ ba tỏ ra trung thành với giáo lý bình dân bằng cách lấy tiểu thư Grossetête, con gái duy nhất của quan tổng thu ở Bourges. Ba cô chị dâu, hai ông anh rể thấy việc được ở trong lĩnh vực cao sang của những thế lực chính trị và trong những phòng khách khu Saint-Germain có nhiều thú vị và lợi ích cho bản thân đến nỗi tất cả nhất trí với nhau tạo ra một triều đình nhỏ xu phụng Emilie cao ngạo. Tuy nhiên, hiệp ước quyền lợi và kiêu ngạo này không được củng cố vững chắc lắm nên nữ vương trẻ thường gây nên những cuộc cách mạng trong nhà nước nhỏ bé của mình. Những cuộc cãi cọ, mà phong thái tao nhã vẫn chấp nhận được, duy trì giữa các thành viên của cái gia đình có thể lực này tính hay chế nhạo, tuy chẳng làm phai nhạt rõ rệt tình thân phô ra trước thiên hạ, nhưng đôi khi bên trong lại biến thành những tình cảm ít tử tế. Vậy nên vợ của cậu trung tướng, trở thành nam tước phu nhân, coi mình cũng quý phái như một tiểu thư họ

Kergarouët và cho rằng hơn trăm ngàn phơ-răng lợi tức niên kim cho cô cái quyền cũng xác xược như cô em chồng Emilie mà thỉnh thoảng cô lại mĩa mai chúc một hôn nhân hạnh phúc, khi thông báo con gái vị nguyên lão nghị viên này vừa cưới ngài nọ, cụt lủn, không tước vị. Vợ của tử tước De Fontaine thích thú làm lu mờ Emilie bằng khiêu thẩm mỹ và vẻ giàu sang nổi rõ trong trang phục, đồ đạc và ngựa xe của mình. Vẻ chế giễu, mà đôi khi các chị dâu và các anh rể dùng để đón những tham vọng công khai của tiểu thư Emilie, gây ra ở cô một cơn giận chỉ dịu đi phần nào với một tràng châm chọc. Khi người chủ gia đình cảm thấy tình thân ngấm và bấp bênh của nhà vua có phần lạnh nhạt đi, ngài càng lo sợ vì do các cô chị chế nhạo thách thức, chưa khi nào cô con gái cứng của ngài lại nhăm cao như thế.

Trong những hoàn cảnh đó và khi mà cuộc chiến nhỏ trong gia đình trở nên quá nghiêm trọng thì nhà vua, mà ngài De Fontaine nghĩ là lại sủng ái mình, trúng căn bệnh vì nó Người băng hà. Nhà chính trị lỗi lạc biết lái con thuyền tài tình đến thế giữa cơn giông bão nhanh chóng qua đời. Không chắc chắn về ân sủng tương lai nên bá tước De Fontaine gắng hết sức tập hợp quanh con gái mình những chàng trai ưu tú cần lấy vợ. Những người từng cố giải quyết cái vấn đề khó khăn là gã chồng cho một cô con gái kiêu căng và ngông cuồng có lẽ sẽ hiểu những nỗi vất vả của con người xứ Vendée tội nghiệp. Giả thử được hoàn tất theo ý đứa con yêu, việc làm cuối cùng này hẳn sẽ hoàn thành một cách xứng đáng sự nghiệp mà ngài bá tước đeo đuổi từ mười năm nay ở Paris. Qua cái cách gia đình ngài xâm chiếm các khoản lương bổng đãi ngộ của các bộ thì gia đình này có thể sánh với dòng họ nước Áo với những mối liên kết của mình đang đe dọa xâm lấn châu Âu. Thế nên ông già xứ Vendée không nản trong việc giới thiệu hôn phu, vì ngài tha thiết với hạnh phúc của con gái; nhưng chẳng có gì buồn cười hơn cái kiểu mà con người xác xược này ra những phán quyết của mình và đánh giá tài cán của những người mê cô. Có thể nói là, giống như một nàng công chúa trong *Nghìn lẻ một đêm*, Emilie khá giàu có, khá xinh đẹp để có quyền lựa chọn trong số tất cả các hoàng tử trên đời. Những bắt

bề của cô thì ý này khôi hài hơn ý kia: người bắp chân quá to hay đầu gối cong, người lại cận, anh này họ là Durand, anh kia đi khập khiễng, hầu hết đều quá béo. Tươi tắn, đẹp, vui hơn bao giờ hết sau khi cự tuyệt hai, ba người cầu hôn, cô lao vào các lễ hội mùa đông, và tới các vũ hội nơi đôi mắt của cô để ý xem xét những nhân vật nổi tiếng đương thời, nơi cô thích thú khêu gợi những lời thỉnh cầu luôn bị cô bác bỏ.

Thiên nhiên đã ban cho cô vô số những nét hấp dẫn cần thiết cho vai Célimène này. Cao và mảnh dẻ, Emilie de Fontaine có dáng vẻ oai vệ hay tinh nghịch, tùy theo ý mình. Cái cổ hơi cao cho phép cô có những thái độ khinh thị hay xác xược yêu kiều. Cô tạo cho mình một kho phong phú những dáng đầu và những cử chỉ đầy nữ tính; chúng lý giải một cách thật tai ác hoặc thật tốt lành những lời ỡm ờ, những nụ cười. Mái tóc đen đẹp, lông mày đậm và rất cong khiến cho nét mặt cô có vẻ tự hào mà tính làm duyên cũng như chiếc gương dạy cho cô biết làm sao cho ghê gớm hay dịu đi bằng cách nhìn chăm chặp hay dịu dàng, bằng cách giữ môi bất động hoặc khẽ cong lên, bằng vẻ lạnh lùng hay duyên sắc của nụ cười. Khi Emilie muốn chiếm đoạt một trái tim, giọng nói trong trẻo của cô không thiếu nhạc điệu, nhưng cô cũng có thể truyền cho nó một vẻ rành mạch gãy gọn khi cô tìm cách làm tê liệt miệng lưỡi vô ý của một bạn nhảy. Gương mặt trắng trẻo và vắng trán ngọc ngà tựa như mặt hồ trong trẻo khi gợn lên dưới làn gió thoảng khi lại thanh bình tươi vui khi gió lặng. Nhiều chàng trai, nạn nhân bị cô coi thường, buộc tội cô đóng kịch; nhưng cô tự thanh minh bằng cách khiến những người nói xấu lại mong muốn làm cho cô ưa và phải chịu sự coi thường đồng đẳng của cô. Trong số những cô gái được hoan nghênh, không ai biết cách hơn cô làm vẻ kiêu kỳ khi nhận lời chào của một người tài hoa, hay tỏ rõ vẻ lịch sự lạnh nhạt biến những người bình đẳng với ta thành kẻ thấp hơn, và trút sự hỗn xược của mình lên tất cả những ai tìm cách sánh ngang với cô. Ở khắp những nơi cô có mặt, cô dường như nhận được niềm tôn kính hơn là sự khen ngợi, và thậm chí tại nhà của một công chúa, dáng vẻ của cô có thể biến chiếc ghế cô đang ngồi thành một ngai vua.

Ngài De Fontaine thấy ra quá muộn là việc giáo dục cô con gái mà ngài yêu nhất đã bị tình yêu thương của cả gia đình làm sai lệch đến thế nào. Sự ngưỡng mộ mà thoát đầu mọi người thể hiện với một cô gái, nhưng họ không chậm trễ trả thù điều đó, còn kích thích thêm lòng kiêu ngạo của Emilie và làm cô thêm tự tin. Sự chiều chuộng chung đã phát triển ở cô tính ích kỷ tự nhiên của những đứa trẻ được nuông chiều, xem khinh tất cả những gì lại gần chúng, giống như những ông vua. Vào lúc này, vẻ yêu kiều của tuổi trẻ và nét duyên dáng tài hoa che lấp trong con mắt mọi người những nhược điểm càng khả ố ở một phụ nữ vì phụ nữ chỉ khiến được người ta ưa bằng lòng tận tụy và sự quên mình; nhưng chẳng gì thoát được con mắt của một người cha hiền: ngài De Fontaine thường cố gắng giảng giải cho con gái những trang chủ yếu trong cuốn sách đời bí ẩn. Cố gắng vô ích! Ngài quá thường xuyên phải ca thán về tính ương ngạnh đồng đánh và sự khôn ngoan đầy chế nhạo của con mình nên không kiên trì được trong một nhiệm vụ khó khăn như việc uốn nắn một bản tính tai hại đến như vậy. Ngài đành thỉnh thoảng khuyên bảo thật dịu dàng và hiền từ; nhưng ngài đau lòng thấy những lời nói âu yếm nhất của mình trượt trên tim con như thể tim bằng đá. Một người cha sáng mắt ra muộn đến mức ông lão xứ Vendée phải nhiều bận khổ nỗi mới nhận ra thái độ hạ cố khi con gái ban cho ngài những vuốt ve ngọt ngào hiếm hoi. Cô giống như những đứa trẻ nhỏ có vẻ nói với mẹ mình: – Mẹ hôn con nhanh lên để con còn đi chơi. Tóm lại, Emilie hạ cố âu yếm cha mẹ mình. Nhưng lắm khi, với tính thất thường bất chợt dường như không thể lý giải nổi ở các cô gái, cô tách mình và chỉ hiếm khi mới lộ mặt ra; cô than là phải chia sẻ trái tim của cha, của mẹ với quá nhiều người, cô trở nên ghen ghét với tất cả, cả với các anh, các chị mình. Rồi, sau khi thực nhọc công tạo ra một hoang mạc quanh mình, cô gái kì quặc này lại buộc tội toàn thế giới về sự cô đơn giả tạo và những nỗi khổ tự nguyện của cô. Được trang bị kinh nghiệm của tuổi hai mươi, cô lên án số mệnh vì, không biết rằng căn nguyên đầu tiên của hạnh phúc là ở trong ta, cô đòi hỏi sự đời đem nó lại cho cô. Có lẽ cô sẽ trốn đến tận cùng trái đất để tránh những cuộc hôn nhân giống như của hai chị; và tuy thế, cô mang trong lòng một

mối ghen tuông khủng khiếp vì thấy họ có gia đình, giàu có và hạnh phúc. Tóm lại, đôi khi cô khiến cho bà mẹ, nạn nhân của những hành vi của cô như ngài De Fontaine, nghĩ rằng cô hơi bị điên. Sự lệch lạc này cũng khá dễ lý giải: không có gì phổ biến hơn là tính kiêu ngạo nảy sinh trong lòng các cô gái thuộc gia đình có địa vị cao trong xã hội và được tạo hóa phú cho nhiều sắc đẹp. Hầu hết họ tin rằng vào tuổi bốn mươi, năm mươi thì mẹ họ chẳng còn hòa hợp được với tâm hồn trẻ trung của họ cũng chẳng hiểu nổi những ý ngông cuồng trong đó nữa. Họ tưởng là phần lớn các bà mẹ, ghen với con gái, cho họ ăn mặc theo kiểu các bà với chủ định làm lu mờ họ hoặc cướp đi của họ sự ngưỡng mộ. Từ đó, nhiều khi các cô khóc thầm hay ngậm chống lại cái gọi là sự áp chế của các bà mẹ. Giữa những buồn phiền trở nên thực dù được đặt trên cơ sở tưởng tượng đó, họ còn có thói soạn một chủ đề cho cuộc sống của mình và lấy cho chính mình một lá số đẹp; ma thuật của họ là ở chỗ coi những mơ ước là hiện thực, trong những lúc đắm chiêu này, họ ngậm quyết là chỉ yêu và lấy người đàn ông nào có lợi thế này nọ, họ vẽ ra trong trí tưởng tượng một mẫu người mà dù muốn hay không chồng tương lai của họ phải giống thế. Sau khi đã trải nghiệm cuộc đời và có những suy ngẫm nghiêm túc nhờ năm tháng, cứ nhìn mãi thiên hạ và sự trôi chảy tầm thường của nó, cứ thấy mãi các tấm gương dờ, những sắc màu đẹp để ở hình bóng lý tưởng của họ tan biến đi; rồi, vào ngày nào đó, giữa dòng đời, họ hết sức ngạc nhiên vì có hạnh phúc mà chẳng cần cái chất thơ hôn lễ trong những giấc mơ của họ. Theo thi pháp này, tiểu thư Emilie de Fontaine đã xác định với sự khôn ngoan mỏng manh của cô một chương trình mà vị hôn phu phải thuận theo để được chấp nhận. Sự khinh thị và những lời châm chích của cô từ đó mà ra.

– Dù còn trẻ và gốc quý tộc cổ, – cô tự nhủ, – chàng sẽ là nguyên lão nghị viên nước Pháp hoặc trưởng nam một nguyên lão nghị viên! Mình sẽ chẳng chịu nổi nếu không thấy gia huy của mình được vẽ trên xe giữa những nếp phấp phới của tấm màn rủ màu thanh thiên, và không lượn lờ như những ông hoàng trên đại lộ Champs-Élysées vào những ngày có đua ngựa ở Longchamp.

Vả lại cha mình cho rằng một ngày nào đó, chức ấy sẽ là phẩm tước danh giá nhất nước Pháp. Mình muốn chàng là quân nhân, chờ dịp mới bảo chàng xin từ chức, và muốn chàng được thưởng huân chương để người ta bỗng sùng chào chúng mình.

Những phẩm chất hiếm hoi này sẽ chẳng ích gì nếu con người tưởng tượng đó chưa có tính tình thật dễ chịu, vóc dáng đẹp, có trí tuệ và nếu anh ta không dong dỏng. Sự mảnh dẻ, thân hình duyên dáng, dù có thể nhất thời đến mấy, nhất là trong chính thể đại nghị, là điều khoản bắt buộc. Tiểu thư De Fontaine có một tiêu chuẩn lý tưởng nào đó làm mẫu cho cô. Chàng trai nào thoát nhìn không thỏa mãn những điều kiện mong muốn, thậm chí chẳng được cô nhìn lần thứ hai.

– Ôi, lạy Chúa! Nhìn ngài kia béo biết bao, – là biểu hiện khinh miệt cao nhất ở cô.

Cứ theo lời cô thì những người vạm vỡ không thể có tình cảm, là người chồng tồi và không xứng đáng bước vào một xã hội văn minh. Dù đó là một vẻ đẹp được ưa chuộng ở phương Đông, tạng đầy đà với cô xem như là một tội lỗi ở phụ nữ, nhưng ở một người đàn ông thì đó là một tội ác. Những ý ngược đời này khiến người ta vui cười nhờ cách ăn nói hoạt bát nhất định. Tuy nhiên bá tước cảm thấy là sau này tính tự phụ của con gái, mà sự lơ lửng sẽ rõ rệt đối với một số phụ nữ vừa tinh ý vừa ít nhân từ, sẽ trở thành một chủ đề chế nhạo không tránh khỏi. Ngài sợ rằng những ý nghĩ kỳ cục của con gái sẽ chuyển thành phong cách dở. Ngài run sợ là thiên hạ tàn nhẫn đã chế giễu rồi một người ở quá lâu trên sân khấu mà chẳng đưa ra được chung cục cho vở diễn của mình. Có nhiều diễn viên, bất mãn vì một sự khước từ, dường như chờ một việc không may nhỏ nhất xảy ra để trả thù. Những người thờ ơ, những người rồi việc bắt đầu chán ngán: sự hâm mộ luôn là một nỗi mệt nhọc đối với loài người. Ông già xứ Vendée hiểu rõ hơn ai hết rằng nếu cần phải tài tình chọn lúc bước lên sân diễn trong xã hội thượng lưu, trong triều đình, bước vào một phòng khách hay lên sân khấu thì ra khỏi đó đúng lúc còn khó hơn. Thế nên, mùa đông đầu tiên sau khi Charles X đăng quang, ngài càng thêm cố gắng, kết hợp cùng ba con trai và các con rể, để tập hợp

trong phòng khách nhà mình những đám tốt nhất mà Paris và nhiều đoàn nghị viên ở các tỉnh có thể giới thiệu. Sự rực rỡ của những bữa tiệc, vẻ xa hoa của phòng ăn nhà ngài và những bữa tối thơm mùi nấm củ dưa được với những bữa ăn nổi tiếng qua đó các ngài bộ trưởng đương thời bảo đảm cho mình phiếu bầu của những người bảo vệ họ trong nghị viện.

Ngài nghị viên đáng kính khi đó nổi tiếng là một trong những người làm lung lạc mạnh nhất tính trung thực lập pháp của cái viện lừng danh dường như đang chết vì bội thực này. Chuyện kỳ cục! Những toan tính gả chồng cho con gái khiến ngài giữ vững được một niềm ái mộ công nhiên. Có thể ngài thấy ích lợi ngầm nào đó trong việc nhất cử lưỡng tiện của mình. Lời buộc tội này của vài người ưa chế nhạo theo chủ nghĩa tự do, lấy việc lảm lời bù cho sự hiếm hoi người cùng phái trong nghị viện, không có một kết quả nào. Cách xử sự của ngài quý tộc xứ Poitou nói chung cao thượng và đáng kính đến nỗi ngài không nhận được bài nào trong số các bài thơ trào phúng qua đó các tờ báo ác ý thời bấy giờ công kích ba trăm người biểu quyết của phái ôn hòa, các bộ trưởng, những người vận động, các tổng giám đốc, các tay cự phách ham ăn và những người bảo vệ mặc nhiên ủng hộ cho chính quyền Villèle. Cuối đợt chiến dịch trong đó nhiều lần ngài De Fontaine cho toàn bộ quân của mình xuất trận, ngài tin là việc ngài tập hợp các vị hôn phu lần này sẽ không là một cảnh huyền hoặc đối với con gái. Ngài cảm thấy một sự hài lòng nhất định trong thâm tâm vì đã hoàn thành tốt nghĩa vụ người cha. Rồi sau khi đã thử đủ cách, ngài hy vọng rằng trong từng ấy trái tim đang hiến cho Emilie đồng danh, có thể có ít nhất một trái tim được cô chú ý. Chẳng có khả năng nỗ lực lần nữa, vả lại chán ngán về cách xử sự của con gái, khoảng cuối tuần chay, vào một buổi sáng mà cuộc họp của nghị viện không quá nhất thiết đòi hỏi sự biểu quyết của ngài, ngài quyết định hỏi ý kiến cô. Trong khi một người hầu phòng khéo léo rắc phấn, vẽ trên đỉnh đầu mầu ngà của ngài phần giữa cùng hai cánh rủ tạo nên kiểu tóc đáng kính, thì người cha của Emilie, không khỏi thâm cảm động, lệnh cho bác hầu phòng già đi báo cho cô tiểu thư kiêu ngạo đến ngay trước mặt

ông chủ gia đình.

– Joseph, – ngài nói khi bác ta chải đầu xong cho ngài, – bỏ cái khăn này ra, kéo rèm, đặt ghế về chỗ, rũ chiếc thảm ở lò sưởi và trải nó thẳng thắn vào, lau chùi mọi nơi đi. Nào, mở cửa ra cho không khí vào thư phòng của ta một chút.

Bá tước tới tấp ra lệnh, làm một đút hơi Joseph, bác này đoán được ý định của chủ, bèn trả lại cho căn phòng vốn không được chăm chút nhất trong tòa nhà sự thoáng mát nào đó, và truyền được một vẻ hài hòa cho những đồng hồ, hộp, sách, đồ đạc của chốn thâm nghiêm nơi những lợi ích cơ nghiệp của hoàng gia được thảo luận. Khi Joseph đã sắp xếp gọn ghẽ một chút côi hỏn độn này và đặt vào chỗ dễ thấy, như trong một cửa hiệu bán hàng mới mới, những thứ có thể là ưa nhìn nhất hoặc là với màu sắc tạo ra một thứ thi vị bàn giấy, bác ta dừng lại giữa mớ giấy tờ đôi chỗ bày cả lên thảm, tự cảm phục mình một lát, gật gù và đi ra.

Vị quan chức nhàn hạ khốn khổ không cùng chung ý kiến tốt đẹp với người hầu của mình. Trước khi ngồi xuống chiếc ghế bành rộng có chỗ tựa đầu, ngài ngó vức nhìn quanh, xăm soi với vẻ không bằng lòng chiếc áo choàng trong nhà của mình, phẩy đi vài sợi thuốc lá, lau mũi cẩn thận, xếp gọn xềng và kẹp, cời lửa, kéo gót giày đi ở nhà lên, hất ra đằng sau cái đuôi tóc nhỏ nằm ngang giữa cổ áo gi-lê và cổ áo choàng trong nhà, khiến nó trở về vị trí thẳng đứng; rồi ngài phất một nhát chổi quét tro của chiếc lò làm chứng cho bệnh viêm niêm mạc dai dẳng của ngài. Cuối cùng ông già chỉ ngồi xuống sau khi duyệt lại thư phòng lần cuối, hy vọng không cái gì có thể là cớ cho những nhận xét vừa thú vị vừa vô lễ mà con gái ngài quen thói dùng để đáp lại những ý kiến khôn ngoan của ngài. Trong trường hợp này, ngài không muốn làm tổn hại phẩm cách người cha của mình. Ngài khéo léo lấy một nhúm thuốc, và ho hai ba lần cứ như sắp điểm danh: ngài nghe thấy bước chân nhẹ nhàng của cô con gái vừa vào vừa ngân nga một điệu trong vở *Il Barbiere*.

– Chào cha. Thế cha cần gì con mà sớm thế?

Sau những lời được phát ra như đoạn nổi vào điệu nhạc đang

hát, cô hôn ngài bá tước, không phải với cái vẻ thương mến thân quen khiến tình cảm con cái thành điều thật ngọt ngào, mà với vẻ hời hợt vô tư của một bà chủ tin rằng mình luôn khiến người ta thích dù có làm gì chẳng nữa.

– Con yêu quý, – ngài De Fontaine nghiêm trang nói, – cha cho gọi con tới để nói chuyện nghiêm túc với con về tương lai của con. Việc con cần làm hiện nay là chọn một người chồng sao cho hạnh phúc của con được lâu bền...

– Cha hiền của con, – Emilie trả lời, dùng những âm sắc mơn trớn nhất trong giọng nói để ngắt lời cha cô, – con có cảm tưởng là cuộc đình chiến mà chúng ta đã ký kết về các vị cầu hôn con vẫn chưa hết hạn.

– Emilie, hôm nay ta hãy thôi đùa cợt về một chủ đề quan trọng thế này. Từ bấy lâu nay, cố gắng của những người yêu con thực sự, con thân mến ạ, hợp sức với nhau nhằm đem lại cho con một cuộc hôn nhân thích hợp, và sẽ là mắc tội vô ơn nếu đón nhận hời hợt những dấu hiệu quan tâm mà cha chẳng phải là người duy nhất dốc lòng cho con.

Nghe những lời này và sau khi ném một cái nhìn dò xét tinh quái lên đồ đạc trong thư phòng của cha, cô gái tới lấy trong số những cái ghế chiếc ghế có vẻ ít phục vụ những người xin xỏ nhất, tự mang nó tới gần lò sưởi để ngồi đối diện với cha, lấy một thái độ nghiêm túc đến nỗi không thể không thấy ở đó dấu hiệu của một sự chế nhạo, và khoanh tay trên lớp trang trí diềm dứa của chiếc áo choàng xấp xỉ như tuyết mà vô số những nếp vải tuyền xếp hình tổ ong bị nhàu nát một cách không thương tiếc. Sau khi cười mà liếc nhìn bộ mặt lo âu của người cha già, cô phá vỡ sự im lặng:

– Con chưa bao giờ thấy cha nói, cha ạ, rằng chính phủ ra thông báo khi mang áo mặc trong nhà. Nhưng dù thế nào, – cô mỉm cười nói tiếp, – dân chúng không được khó tính. Vậy xem những dự luật và những điều trình bày chính thức của cha nào.

– Cha sẽ luôn chẳng dễ làm việc đó với con, con ngốc ạ. Nghe này, Emilie. Ý định của cha không phải là làm tổn hại lâu hơn nữa nghị lực của mình vốn là một phần tài sản cho con cái, bằng cách

tuyển lựa cái trung đoàn người khiêu vũ mà con làm cho thất bại vào mỗi mùa xuân. Thì con đã là nguyên nhân vô tội của biết bao mối bất hòa nguy hiểm với một số gia đình. Cha hy vọng là hôm nay con sẽ hiểu rõ hơn những khó khăn trong tình thế của con, của chúng ta. Con hai mươi hai tuổi rồi con ạ, và lẽ ra con phải có gia đình từ gần ba năm nay rồi. Các anh, các chị con đều được gây dựng giàu có và hạnh phúc. Nhưng con ơi, những chi phí mà cha mẹ phải trả cho những cuộc hôn nhân này, và sinh hoạt gia đình mà con khiến mẹ con phải giữ đã hút hết thu nhập đến nỗi cha chỉ cho con một trăm ngàn quan làm của hồi môn được thôi. Từ hôm nay cha muốn chăm lo đến số phận tương lai cho mẹ con, mẹ không phải bị hy sinh cho con cái mình. Ngộ nhỡ cha mất đi, Emilie ạ, phu nhân De Fontaine không thể bị phó mặc cho ai cả, và phải tiếp tục hưởng sự sung túc mà cha đã đền bù quá muộn màng sự tận tâm của mẹ con với vận rủi của cha. Con ơi, con thấy là hồi môn ít ỏi chẳng xứng với những ý tưởng danh vọng của con. Ít ra đây là một hy sinh mà cha chưa làm đối với đứa nào trong các con của mình, nhưng chúng đã hào phóng nhất trí rằng một ngày nào đó không lợi dụng phần hơn mà cha mẹ sẽ cho một đứa được yêu quý quá nhiều.

– Với địa vị của họ! – Emilie vừa nói vừa lắc đầu với vẻ châm biếm.

– Con ơi, đừng bao giờ nói xấu những người yêu mình như thế. Con hãy biết là chỉ có người nghèo mới hào phóng. Người giàu luôn có lý do chính đáng để không từ bỏ hai mươi ngàn phơ-răng cho một người bà con. Thế nên đừng dằn dỗi con ạ, và ta hãy nói chuyện cho hợp lẽ. Trong số các chàng trai phải lấy vợ, con không chú ý đến ngài De Manerville sao?

– Ô! Ông ta nói *trơi* thay vì *chơi*, ông ta luôn nhìn chân mình vì tưởng rằng nó nhỏ nhắn, và ông ta soi gương! Vả lại ông ta tóc vàng, con không thích những người tóc vàng.

– Thế ngài Beaudenord?

– Ông ta không phải là quý tộc. Vóc người ông ta xấu và béo. Tóc ông ta có đen thật. Hai người này cần hợp với nhau để góp tài

sản lại, và người thứ nhất phải cho người thứ hai thân hình và tên họ, người này giữ lại tóc của mình, và khi đó... có lẽ...

- Con có gì phản đối ngài De Rastignac nào?
- Phu nhân De Nucingen đã biến ông ta thành một chủ nhà băng, – cô cháu gái nói.
- Còn tử tước De Portenduère, người bà con với chúng ta?
- Một đứa trẻ khiêu vũ tồi, và còn chẳng có tài sản. Tóm lại cha ạ, những người đó không có tước vị. Con muốn mình ít ra là nữ bá tước như mẹ con.
- Vậy mùa đông này con không thấy có ai...
- Không, thưa cha.
- Vậy con muốn gì?
- Con trai một nguyên lão nghị viên nước Pháp.
- Con ơi, con điên rồi! – Ngài De Fontaine vừa nói vừa đứng dậy.

Nhưng ngài bỗng ngược mắt lên trời, dường như lấy một niềm nhẫn nại mới từ một tư tưởng tôn giáo; rồi với lòng thương cảm của người cha, ngài nhìn con gái, cô bỗng thấy xúc động, ngài cầm tay con, xiết chặt, và ái ngại nói: – Có trời làm chứng cho cha, hồi con người lầm lạc khốn khổ! Cha đã tận tâm hoàn thành nghĩa vụ người cha đối với con, cha nói gì nữa, tận tâm? Với tình yêu thương, Emilie của cha ạ. Đúng, Chúa biết điều đó, mùa đông này cha đã dẫn tới cho con nhiều người chính trực mà cha biết những đức tính, phẩm cách và tính tình, và tất cả đều có vẻ xứng với con. Con ơi, nhiệm vụ của cha đã hoàn thành. Từ hôm nay, cha để con tự định đoạt số phận của con, cha vừa sung sướng vừa đau khổ thấy mình trút bỏ nghĩa vụ nặng nề nhất trong những nghĩa vụ của người cha. Cha không biết liệu con còn nghe thấy lâu nữa không một giọng nói chẳng may là chưa khi nào nghiêm khắc; nhưng con hãy nhớ rằng hạnh phúc lứa đôi không phải do những phẩm chất chói lọi và của cải mà ra, mà do quý trọng lẫn nhau. Cái chân phúc này, về bản chất, là dung dị và không chói lọi. Thế con nhé, cha thừa nhận làm rể người mà con giới thiệu với cha,

nhưng nếu con bất hạnh, hãy nghĩ là con không có quyền buộc tội cha mình. Cha sẽ chẳng từ chối vận động và giúp con; chỉ có điều, con hãy lựa chọn nghiêm túc, dứt khoát: cha sẽ không làm tổn hại hai lần đến sự kính trọng đối với mái tóc bạc của cha.

Tình yêu thương mà người cha thể hiện và giọng nói trang nghiêm trong bài phát biểu dịu dàng của ngài khiến tiểu thư De Fontaine vô cùng cảm động, nhưng cô che giấu sự tủi lòng, sà vào lòng bá tước, người đã ngồi xuống mà vẫn còn run rẩy, vuốt ve ngài một cách dịu dàng nhất, và nũng nịu với ngài đáng yêu đến nỗi trán ông già giãn ra. Khi Emilie cho rằng cha mình đã hồi lại sau mỗi cảm động buồn phiền của ngài, cô nhỏ nhẹ nói: – Con cảm ơn cha về sự quan tâm ân cần, cha yêu quý. Cha đã sắp xếp phòng để tiếp con gái yêu của mình. Có lẽ cha không biết là sẽ thấy nó điên rồ và ngang ngược như thế. Nhưng cha ơi, lấy một nguyên lão nghị viện nước Pháp khó lắm sao? Cha vẫn khẳng định là người ta cử hàng tá người vào chức đó mà. Ôi, ít nhất thì cha đừng từ chối con những lời khuyên.

– Không, con tội nghiệp, không, và cha sẽ nhiều lần gào lên với con: Hãy cẩn thận! Hãy nghĩ rằng Viện Nguyên lão là một cơ quan quá mới trong hệ thống hành pháp của chúng ta, như Đức vua quá cố vẫn nói, nên các nguyên lão nghị viện chẳng thể có được những tài sản lớn. Người giàu muốn giàu hơn nữa. Người giàu nhất trong số các thành viên của Viện Nguyên lão nước ta không có được nửa số thu nhập của ngài nghị sĩ nghèo nhất trong Thượng nghị viện Anh quốc. Thế nên các nguyên lão nghị viện nước Pháp đều tìm các cô thừa kế giàu có cho con trai mình, dù các cô ở đâu. Cái việc hết thấy bọn họ cần phải kết hôn vì tiền bạc sẽ kéo dài hơn hai thế kỷ. Có thể là trong khi chờ đợi điều ngẫu nhiên may mắn mà con mong muốn, sự tìm kiếm có thể lấy mất những năm tháng đẹp đẽ nhất của con, thì duyên sắc của con (vì thời chúng ta, người ta lấy nhau nhiều vì tình yêu), cha nói, duyên sắc của con làm được điều kỳ diệu chẳng. Khi kinh nghiệm ẩn dưới một khuôn mặt tươi trẻ như của con, người ta có thể hy vọng ở đó những điều kỳ diệu. Trước hết con chẳng dễ nhận thấy đức độ trong kích cỡ lớn nhất hay nhỏ nhất mà cơ thể có hay sao? Đây

chả phải là một tài mọn dàu. Nên cha không phải báo trước cho một người khôn ngoan như con về tất cả những khó khăn của việc tìm hiểu. Cha chắc chắn con sẽ chẳng bao giờ cho là một người không quen biết có lương tri khi thấy anh ta có bộ mặt nịnh bợ, hay cho là anh có đạo đức khi thấy anh ta đáng dấp đẹp đẽ. Ở thì cha hoàn toàn đồng ý với con về việc các con trai nguyên lão nghị viên phải có vẻ riêng và cung cách đặc biệt. Dù là ngày nay chả có gì biểu lộ địa vị cao với con, những chàng trai đó có lẽ sẽ có một *cái gì đó chẳng biết* khiến con nhận ra họ. Ngoài ra con cầm cương trái tim mình như một kỵ sĩ có tài tin chắc không để con tuần mã của mình bước hụt. Con gái, chúc con may mắn.

– Cha giễu con đấy cha. Thế thì con cho cha rõ là con thà chết ở tu viện của tiểu thư De Condé còn hơn là không làm vợ một nguyên lão nghị viên nước Pháp.

Cô rời khỏi vòng tay cha, và tự hào vì làm chủ bản thân, cô vừa đi vừa hát điệu *Cara non dubitare* trong *Matrimonio segreto*. Tình cờ hôm đó gia đình tổ chức kỷ niệm một buổi lễ gia đình. Khi dùng món tráng miệng, bà Planat, vợ ngài tổng thu, chị cả của Emilie, nói khá rõ về một chàng trai người Mỹ, sở hữu một tài sản lớn, vì say mê em gái mình, chàng đã đưa ra với bà những đề nghị vô cùng thú vị.

– Đấy là một chủ nhà băng, chắc thế, – Emilie thờ ơ nói. – Em không thích giới tài chính.

– Nhưng Emilie này, nam tước De Villaine, – chồng chị gái thứ hai của tiểu thư Emilie trả lời, – em cũng chẳng thích ngành tòa án, thế nên nếu em gặt những nghiệp chủ không tước vị, anh chả rõ lắm là em sẽ chọn chồng trong tầng lớp nào.

– Emilie, nhất là với cái phương thức gầy mảnh của em, – ngài trung tướng tiếp lời.

– Em biết cái gì cần cho mình, – cô gái trả lời.

– Em tôi muốn một cái họ nổi tiếng, một chàng trai tuần tú, một tương lai tốt đẹp, – nữ nam tước De Fontaine nói, – và một trăm ngàn phơ-răng lợi tức niên kim, tóm lại ngài De Marsay chẳng hạn.

– Em biết, chị yêu quý ạ, – Emilie lại nói, – là em sẽ không thực hiện một cuộc hôn nhân ngu ngốc như em thấy đây ra. Hơn nữa, để tránh bàn cãi về cưới xin, em tuyên bố là em sẽ coi những người nói với em về chuyện hôn nhân như kẻ thù cho sự thư thái của em.

Một ông cậu của Emilie, một phó đô đốc mà tài sản vừa tăng thêm hai chục ngàn phơ-răng lợi tức niên kim do có luật đền bù, một ông lão bảy mươi có quyền nói những sự thật khó nói với đứa cháu mà ông yêu quý, kêu lên để xua tan tính gay gắt của cuộc đối thoại: – Thôi đừng quấy rầy Emilie tội nghiệp của ta nữa! Các người không thấy là nó đợi công tước De Bordeaux trưởng thành sao?

Một tràng cười chung đón chào câu đùa của ông lão.

– Cần thận, không cháu cưới ông đấy, ông già điên! – Cô gái đáp lại ngay, may mà những lời cuối bị tiếng ồn át đi.

– Các con, – phu nhân De Fontaine nói để làm dịu đi sự hỗn xược đó, – cũng như tất cả các con, Emilie chỉ hỏi ý kiến của mẹ thôi.

– Ôi, Chúa ơi! Con chỉ nghe bản thân mình trong một việc chỉ liên quan tới mình, – tiểu thư De Fontaine nói rất rõ ràng.

Thế là mọi ánh mắt đều hướng về người chủ gia đình. Mỗi người đều có vẻ tò mò xem ngài sẽ xử trí thế nào để giữ được phẩm cách của mình. Ông già đáng kính xứ Vendée không những chỉ được thiên hạ kính trọng, mà, sung sướng hơn nhiều người khác, ngài còn rất được coi trọng trong gia đình mà mọi thành viên biết nhận ra những đức tính vững vàng giúp ngài tạo ra vận hội cho con cái; thế nên ngài được vây bọc bởi sự kính trọng sâu sắc mà các gia đình người Anh và vài dòng họ quý tộc ở lục địa thể hiện đối với người đại diện cho phả hệ. Im lặng hết sức, và những người dự tiệc lần lượt nhìn bộ mặt dần đổi và kiêu kỳ của đứa con được cưng chiều và bộ mặt nghiêm khắc của ngài bá tước và phu nhân De Fontaine.

– Tôi để cho con gái Emilie của tôi làm chủ số phận của nó, – đó là câu trả lời mà bá tước buông ra bằng một giọng trầm.

Họ hàng và khách khứa bấy giờ nhìn Emilie một cách tò mò xen lẫn thương hại. Lời nói này dường như báo rằng lòng nhân hậu ở người cha đã chán việc chống lại một tính cách mà gia đình biết không thể sửa đổi được. Các con rể thì thầm, và các anh trai cười khẩy với vợ. Từ lúc đó, mỗi người thôi chẳng quan tâm tới việc hôn nhân của cô gái kiêu kỳ nữa. Ông cậu già của cô, với tư cách cựu thủy thủ, là người duy nhất dám ngang dọc cùng với cô và chịu đựng ngôn ngữ bất thường của cô mà không bao giờ phải lúng túng trong việc ăn miếng trả miếng với cô.

Khi mùa đẹp tới sau khi ngân sách được biểu quyết, gia đình này, kiểu mẫu thực thụ của những gia đình nghị viên ở bên kia biển Manche, có một chân trong tất cả các công sở và mười phiếu ở Hạ viện, bay đi như một bầy chim về những miền phong cảnh đẹp ở Aulnay, Antony và Châtenay. Ngài tổng thu giàu có vừa mua ở vùng này một ngôi nhà nghỉ nông thôn cho cô vợ vốn chỉ ở lại Paris vào những kỳ họp. Mặc dù Emilie xinh đẹp khinh thường tầng lớp bình dân, tình cảm này chưa đến mức để không thêm hưởng những lợi thế từ của cải do người tư sản gom góp, thế là cô đi cùng chị gái tới ngôi biệt thự xa hoa của chị, vì tình cảm đối với những người trong gia đình tránh hè tại đó ít hơn là bởi phong thái tao nhã khẩn thiết lệnh cho bất kỳ người phụ nữ tự trọng nào cũng phải rời Paris vào mùa hè. Những vùng nông thôn xanh ở Sceaux đáp ứng tuyệt vời những điều kiện đòi hỏi bởi phong thái tao nhã và lễ nghi công vụ.

Vì không chắc lắm là tiếng tăm của vũ hội đồng quê ở Sceaux có khi nào vượt ra khỏi vùng Seine chưa nên cần đưa vài chi tiết về lễ hội hàng tuần này mà, với tầm quan trọng của nó, có nguy cơ biến thành một thể chế. Các vùng lân cận thành phố Sceaux nhỏ bé được hưởng tiếng tăm nhờ phong cảnh đẹp được coi là mê hồn. Có lẽ chúng rất thường và chỉ nổi tiếng nhờ sự ngớ ngẩn của dân tư sản ở Paris, những người khi ra khỏi vực thẳm đá hòn nơi họ bị chôn vùi, sẵn sàng chiêm ngưỡng những đồng bằng ở Beauce.

Nhưng vì người ở những vùng râm mát nên thơ ở Aulnay, những ngọn đồi ở Anthony và thung lũng Bièvre là vài nghệ sĩ đã từng chu du, là những người ngoại quốc vốn rất khó tính, và một

số phụ nữ xinh đẹp không thiếu khiêu thưởng thức, nên phải tin là dân Paris có lý. Nhưng Sceaux có một nét quyến rũ khác không kém phần mạnh mẽ đối với người Paris. Giữa một khu vườn để lộ ra những quang cảnh tuyệt vời, có một cái đình tròn rộng mênh mênh, mở ra mọi hướng, mà mái vòm vừa nhẹ vừa rộng được đỡ bởi những chiếc cột thanh nhả. Chiếc vòm đồng nội này che cho một phòng khiêu vũ. Hiếm có những chủ sở hữu ra vẻ nghiêm trang nhất ở vùng bên lại không một đôi bạn trong mùa lui tới cái cung điện này của nữ thần Terpsichore thôn dã, hoặc đi thành đoàn cưỡi ngựa hào nhoáng, hoặc đi những chiếc xe nhẹ và thanh lịch, rắc bụi lên người đi bộ an phận. Nỗi mong gặp tại đây vài phụ nữ trong giới thượng lưu và được họ nhìn tới, rồi cái hy vọng ít uống công hơn, là thấy ở đó những cô gái nông dân cũng quý quýệt như các quan tòa, khiến cho hàng đàn thư ký đại tụng, môn đệ của thần Esculape và những chàng trai mà nước da trắng và vẻ tươi tắn được nuôi dưỡng bởi không khí ẩm ướt của những phòng sau các cửa hiệu Paris, đổ đến vũ hội ở Sceaux vào chủ nhật. Cho nên nhiều cuộc hôn nhân tư sản đã bắt đầu với âm thanh của dàn nhạc chiếm phần giữa căn phòng hình tròn. Nếu mái nhà mà biết nói, nó sẽ chẳng kể biết bao mối tình? Thế nên sự nhốn nháo thú vị này khiến cho vũ hội ở Sceaux lôi cuốn hơn hai, ba vũ hội khác ở ngoại vi Paris, mà so với chúng thì mái đình tròn, vẻ đẹp của phong cảnh và cảnh trí khu vườn đem lại cho nó những ưu thế không phải bàn cãi. Emilie là người đầu tiên tỏ ý muốn đi *đóng vai bình dân* tại vũ hội vui vẻ này trong khu, tự hứa hẹn một niềm thích thú lớn là được ở giữa đám hội hè đó. Mọi người ngạc nhiên là cô muốn lang thang giữa cái đám hỗn độn ồn ào đó; nhưng việc giấu tên đối với những người cao sang chẳng phải là một thích thú mãnh liệt sao? Tiểu thư De Fontaine thích hình dung ra tất cả những dáng dấp thị dân đó, cô thấy mình để lại trong nhiều trái tim tư sản kỷ niệm về một cái nhìn và một nụ cười quyến rũ, cô đã cả cười trước, về những cô nàng khiêu vũ có kỳ vọng, và vót bút chì cho những cảnh mà cô tính làm phong phú thêm những trang trong tập an-bom châm biếm của mình. Ngày chủ nhật chẳng bao giờ đến đủ sớm theo đà sốt ruột của cô. Hội nhà Planat cuộc bộ lên đường để không làm lộ địa vị của những nhân vật muốn làm

vinh hạnh cho vũ hội với sự có mặt của mình. Mọi người ăn tối sớm. Cuối cùng, tháng Năm ưu đãi cuộc đi bí mật kiểu quý tộc này bởi một tối đẹp trời nhất trong tháng. Tiểu thư De Fontaine vô cùng ngạc nhiên thấy ở dưới đình tròn vài nhóm nhảy bộ tứ gồm những người có vẻ thuộc tầng lớp có giáo dục. Cô thấy rõ đây đó vài chàng trai dường như dùng tiền dành dụm cả tháng để nổi trong một ngày và nhận ra nhiều đôi mà sự vui vẻ quá thành thực chẳng có gì tỏ ra họ là vợ chồng; nhưng cô chỉ lượm lặt được đôi chút thay vì gặt hái. Cô ngạc nhiên thấy niềm vui thú bận đồ vải bông sao giống niềm vui mặc hàng xa-tanh đến thế; và kẻ tầm thường khiêu vũ lại duyên dáng bằng, đôi khi còn hơn người quý tộc. Phần lớn các y phục đều giản dị và khéo mặc. Ở vũ hội này, những người tiêu biểu cho bá chủ địa hạt, có nghĩa là nông dân, đứng trong góc của họ với vẻ lịch sự khó tin. Thậm chí tiểu thư Emilie cần có sự tìm hiểu nhất định những yếu tố khác nhau tạo thành cuộc hội họp này để có thể thấy ở đó một đề tài trêu đùa. Nhưng cô không kịp tiến hành việc phê phán tinh quái, cũng chẳng đủ thời gian nghe được nhiều lời ăn tiếng nói lộ liễu mà các nhà biếm họa vui sướng thu lượm. Con người kiêu hãnh bỗng bắt gặp tại cánh đồng mệnh mông này một bông hoa, phép ẩn dụ đang hợp thời, bông hoa mà sự rạng rỡ và màu sắc tác động lên trí tưởng tượng của cô với uy thế của cái mới lạ. Chuyện thường xảy ra với ta là ta nhìn một bộ áo, một bức trường phủ, một tờ giấy trắng khá lơ đãng thành không nhận thấy ngay một điểm hay chấm sáng nào đó sau này bỗng đập vào mắt ta cứ như chúng chỉ nảy ra vào giây lát ta nhìn thấy chúng; bằng một loại hiện tượng tinh thần tương tự như hiện tượng này, tiểu thư De Fontaine nhận thấy ở một chàng trai kiểu mẫu của sự hoàn hảo hình thức mà cô mơ ước từ lâu lắm.

Ngồi trên một trong những chiếc ghế thô kệch vây quanh phạm vi bên trong của căn phòng, cô chiếm vị trí ngoài cùng nhóm gia đình mình để có thể đứng dậy hoặc tiến lên theo ý riêng, xử sự với những bức tranh sống động và các nhóm mà căn phòng phô ra, như tại cuộc trưng bày ở bảo tàng; cô xác xược giương ống nhòm vào một người ở cách cô hai bước, và suy ngẫm

cứ như cô phê phán hay ca ngợi một tượng đầu giả để học hay một cảnh sinh hoạt. Cái nhìn của cô sau khi vợ vẫn trên bức tranh lớn náo nhiệt đó bỗng bị thu hút bởi một gương mặt như là cố tình được đặt ở một góc tranh, dưới ánh sáng rực rỡ nhất, như một nhân vật không hề tương xứng với phần còn lại. Mơ màng và đơn độc, hơi tựa vào một trong những chiếc cột đỡ mái, người lạ khoanh tay và nghiêng mình như thể đứng đó để cho phép một họa sĩ vẽ chân dung mình. Dù đầy vẻ thanh nhã và kiêu hãnh, tư thế này không hề kiểu cách. Không một cử chỉ nào cho thấy chàng nghiêng ba phần khuôn mặt và hơi cúi đầu về bên phải, như Alexandre, như huân tước Byron và vài con người vĩ đại khác, với mục đích duy nhất là thu hút sự chú ý về phía mình. Cái nhìn đắm đắm của chàng dõi theo chuyển động của một cô gái đang khiêu vũ, để lộ một tình cảm sâu xa nào đó. Dáng người dong dỏng và thanh thoát gợi nhớ đến vẻ cân đối và đẹp đẽ của thần Apollon. Tóc đen đẹp xoắn búp tự nhiên trên vầng trán cao. Chỉ với một cái nhìn, tiểu thư De Fontaine đã nhận ra vẻ thanh nhã của quần áo chàng, vẻ tươi mới của đôi găng da dê hiển nhiên là lấy ở chỗ nhà sản xuất có tiếng và bàn chân nhỏ nhắn gọn khít trong ủng da Ai-len. Chàng không đeo một cái gì trong những thứ đồ vật vĩnh ghê tởm mà các công tử bột cựu vệ quốc quân hay những chàng phong lưu ở hãng buôn thường chất lên người. Chỉ có một dải băng đen đeo chiếc ống nhòm phát phơ trên áo gi-lê cắt kiểu tao nhã. Chưa bao giờ Emilie khó tính lại thấy mắt một người đàn ông rợp bóng dưới hàng mi dài và cong như thế. Vẻ ưu tư và say đắm biểu lộ trên khuôn mặt đặc trưng bởi nước da màu ô-liu và rất nam nhi. Miệng chàng dường như luôn sẵn sàng mỉm cười và nhếch lên hai khóe môi truyền cảm, nhưng khuynh hướng này không hề là vui vẻ, đúng hơn là biểu lộ một thứ duyên buồn bã. Có quá nhiều tương lai trong gương mặt đó, quá nhiều sự tao nhã trong con người đó nên người ta không thể nói: đây là một người đẹp trai hay một người xinh trai! Người ta mong muốn được biết anh ta. Khi nhìn thấy người lạ mặt, người quan sát sáng suốt nhất cũng chẳng thể dừng được việc coi chàng là một con người tài năng bị lôi cuốn tới vũ hội thôn xóm này bởi một mối quan tâm mạnh mẽ nào đó.

Chỉ mất một lúc chú ý, Emilie đã có một loạt những quan sát này, trong lúc đó người đàn ông được ưu ái, bị phân tích nghiêm khắc, trở thành đối tượng của một sự ngẫm cảm phục. Cô không tự nhủ: – Chàng cần phải là nguyên lão nghị viên! Mà: – Ôi, nếu chàng là quý tộc, và chàng ắt phải là quý tộc... Không nghĩ hết ý, cô bỗng đứng dậy, có người anh thiếu tướng theo sau, bước về phía chiếc cột đó, ra vẻ đang nhìn những nhóm nhảy bộ tứ vui tươi, nhưng với một mero nhìn quen thuộc ở phụ nữ, cô không để sót cử động nào của chàng trai mà cô đang tiến gần lại. Người lạ lịch sự dịch ra nhường chỗ cho hai người chột đến, và tựa vào một chiếc cột khác. Bực mình vì thái độ lịch sự của người lạ như thể bực mình vì một sự xác xược, Emilie bắt đầu nói chuyện với anh trai mà lại cao giọng hơn nhiều so với mức độ do phong thái tao nhã đòi hỏi. Cô nghênh đầu, khoa chân, múa tay và cười mà chẳng biết là cười gì, không phải để anh trai vui mà để thu hút sự chú ý của người lạ mặt điềm nhiên, lãnh đạm. Những kẻ nhỏ này chẳng có cái nào thành công. Thế là tiểu thư De Fontaine dõi theo hướng chàng trai đang nhìn và thấy nguyên nhân của sự vô tâm này.

Ở giữa nhóm nhảy bộ tứ phía trước cô, có một cô gái xanh xao, và giống các nữ thần xứ Ê-cốt mà Girodet vẽ trong tác phẩm đồ sộ về những chiến binh Pháp được Ossian đón tiếp. Emilie ngỡ nhận ra cô ta là một phu nhân nổi tiếng tới sống ở vùng nông thôn bên cạnh từ ít lâu nay. Cô này có bạn nhảy là một thiếu niên quăng mười lăm, bàn tay đỏ ửng, bạn quần vải Nam Kinh, áo xanh lơ, đi giày trắng, điều này chứng tỏ là lòng say mê khiêu vũ khiến cô không khó tính trong việc chọn bạn nhảy. Chuyển động của cô không mang dấu ấn của vẻ yếu ớt bề ngoài; nhưng một mầu hồng nhạt đã làm ửng đôi má trắng và sắc mặt cô bắt đầu bừng lên. Tiểu thư De Fontaine xích lại gần nhóm khiêu vũ để có thể quan sát cô gái lạ vào lúc cô ta về chỗ, trong khi những người đối diện lặp lại động tác do cô thực hiện. Nhưng chàng lạ mặt tiến lên, nghiêng đầu về phía cô gái khiêu vũ xinh xắn, và Emilie tò mò có thể nghe rõ những lời sau, dù chúng được thốt ra bằng một giọng vừa kiên quyết vừa dịu dàng:

– Clara, nào bé, đừng nhảy nữa.

Clara hơi bĩu môi hờn dỗi, gật đầu tỏ ý nghe lời và cuối cùng thì mỉm cười. Sau điệu nhảy đối, chàng trai cẩn thận như một người tình khoác lên vai cô gái một chiếc khăn choàng ca-sơ-mia, và dìu cô ngồi xuống sao cho tránh được gió. Rồi sau đó, thấy họ đứng lên và đi quanh sảnh như người sắp ra về, Emilie, lấy cớ ngắm các cảnh đẹp của khu vườn, tìm cách đi theo họ. Với vẻ chất phác tinh quái, anh trai cô chiều theo những biến thiên thất thường của việc đi lại khá vợ vắn này. Lúc đó, Emilie thấy hai người đẹp đôi này lên một chiếc xe mui trần thanh nhã do một gia nhân đi ngựa và mặc chế phục giữ. Vào lúc trên ghế ngồi chàng trai kéo dây cương cho bằng nhau, thoát tiên cô nhận được từ chàng một trong những cái nhìn mà người ta vẫn đưa vô định về phía đám đông; rồi cô hơi hài lòng thấy chàng quay đầu lại hai lần cách nhau, và cô gái không quen cũng làm theo chàng. Ghen ư?

– Anh cho là giờ em đã quan sát khu vườn đủ rồi, – anh cô nói, – ta về phòng khiêu vũ được rồi.

– Em rất muốn vậy, – cô trả lời. – Anh có cho đấy là một người bà con với phu nhân Dudley không?

– Phu nhân Dudley có thể có một người bà con ở chơi nhà, – nam tước De Fontaine nói tiếp, – nhưng một cô gái họ hàng thì không.

Hôm sau tiểu thư De Fontaine tỏ ý muốn cưỡi ngựa đi dạo. Dần dần, cô khiến ông cậu già và các anh trai quen đi cùng cô trong một số cuộc đi ngựa buổi sáng mà cô bảo là rất có lợi cho sức khỏe. Cô đặc biệt thích vùng xung quanh ngôi làng có phu nhân Dudley ở. Bất chấp những cuộc thao diễn cưỡi ngựa, cô không gặp lại người lạ nhanh như cuộc tìm kiếm vui vẻ mà cô tiến hành có thể khiến cô hy vọng. Cô quay lại vũ hội ở Sceaux nhiều lần mà không thấy chàng trai người Anh từ trên trời rơi xuống để chi phối những giấc mơ của cô và làm cho chúng trở nên đẹp dễ. Dù chẳng gì kích thích tình yêu chớm nở của một cô gái bằng một trở ngại, nhưng có những lúc tiểu thư De Fontaine suýt từ bỏ việc theo đuổi lạ thường và thâm kín của mình, hầu như không hy

vọng vào kết quả của một việc tìm kiếm mà tính kỳ cục có thể cho một ý niệm về nét táo bạo trong tính cách của cô. Quả thực cô có thể đi vòng rất lâu quanh làng Châtenay mà chẳng gặp lại người không quen. Cô gái Clara, vì rằng đó là cái tên mà tiểu thư De Fontaine đã nghe thấy, không phải là người Anh, và người được cho là ngoại quốc chẳng sống dưới những lùm cây nở hoa và thơm ngát ở Châtenay. Một chiều, khi cưỡi ngựa đi chơi cùng ông cậu, người, từ khi thời tiết tốt, đã khá lâu không bị bệnh thống phong gây chuyện, Emilie gặp phu nhân Dudley. Người phụ nữ ngoại quốc nổi danh có ngài Vandenesse ngồi kế bên trong xe. Emilie nhận ra đôi xinh đẹp đó và những giả định của cô phút chốc tan biến như các giấc mơ. Tức mình như mọi phụ nữ bị thất vọng trong sự trông đợi của mình, cô ngoặt cương nhanh đến nỗi ông cậu hết sức khó nhọc mới theo kịp, vì cô đã cho con ngựa tơ phóng lên.

– Ta hẳn đã quá già để hiểu được những đầu óc đôi mươi này, – người thủy thủ vừa tự nhủ vừa cho ngựa phi nước đại, – hoặc có lẽ tuổi trẻ bây giờ không giống ngày xưa nữa. Mà cháu ta sao thế nhỉ. Giờ nó đi chậm như một hiến binh đi tuần trong phố phường Paris ấy kìa. Chẳng phải nó muốn lung lạc cái anh chàng tư sản chính trực mà ta thấy có vẻ là tác giả đang mơ màng tới thơ của mình hay sao, vì anh ta cầm, ta nghĩ thế, một cuốn *an-bom* ở tay. Nói thực, ta là một đồ đại ngốc! Đấy không phải là chàng trai mà chúng ta đi tìm sao?

Nghĩ vậy, ông lão thủy thủ giảm bước ngựa để lạng lẽ tới bên cô cháu. Ngài phó đô đốc đã làm quá nhiều điều mờ ám trong những năm 1771 và tiếp đó, thời kỳ trong biên niên sử khi mà thói phong tình được ca tụng, thành thử đoán ngay ra là Emilie, do một ngẫu nhiên đặc biệt nhất, đã gặp người không quen của vũ hội Sceaux. Dù tuổi tác đã làm mờ đôi mắt xám của ngài, bá tước De Kergarouët vẫn nhận ra được những dấu hiệu của một sự xao động lạ thường ở cháu mình, bất chấp vẻ trơ trơ bất động mà cô toan gán lên gương mặt. Đôi mắt sắc của cô gái nhìn chằm chằm với vẻ như sống sờ người lạ đang bình thần bước đi phía trước cô.

– Đúng thế! – Người thủy thủ tự nhủ, – nó sẽ đi theo anh ta như

một tàu buôn theo một tàu cướp biển. Rồi khi thấy anh ta đã đi xa, nó sẽ tuyệt vọng vì chẳng biết là mình yêu ai, và chẳng rõ anh ta là một hầu tước hay một nhà tư sản. Quả thực những cái đầu trẻ phải luôn có ở bên một mái đầu già nua như ta...

Ngài bỗng thỉnh linh thúc ngựa để con ngựa của cô cháu chạy, và ngài phóng giữa cô và chàng trai đi dạo, nhanh đến nỗi buộc chàng phải lặn lên sườn cỏ xanh ven đường. Dừng ngay ngựa lại, bá tước kêu lên:

– Ngài không thể đứng dẹp vào à?

– A! Xin lỗi ngài, – người lạ trả lời. – Tôi không biết là chính mình phải xin lỗi ngài vì việc ngài suýt xô ngã tôi đấy.

– Này, anh bạn! Anh hãy thôi đi, – người thủy thủ gay gắt nói tiếp với một giọng mà điệu cười khẩy có cái gì đó xúc phạm.

Đồng thời bá tước giơ roi lên như để quất ngựa và chạm vào vai người đối đáp với mình, nói: – Tư sản tự do là người hay lý sự, người lý sự nào cũng phải biết điều.

Chàng trai đang leo lên sườn dốc bên đường thì nghe thấy lời châm chọc này, chàng khoanh tay và trả lời với một giọng rất xúc động: – Thưa ngài, nhìn mái tóc bạc của ngài, tôi không tin là ngài còn thích khích dẫu.

– Tóc bạc? – Người thủy thủ kêu lên ngắt lời chàng, – rõ ràng anh nói láo, chỉ hoa râm thôi.

Một cuộc cãi nhau bắt đầu như vậy chỉ trong vài giây đã trở nên sôi sục tới mức chàng đối thủ trẻ quên mất cái giọng ôn hòa mà chàng đã cố giữ. Khi bá tước De Kergarouët nhìn thấy cô cháu tiến tới chỗ họ với tất cả những dấu hiệu của một sự lo lắng ghê gớm, ngài cho địch thủ biết tên và bảo chàng hãy im lặng trước cô gái được gửi gắm cho ngài trông nom. Người lạ mặt không thể không mỉm cười và trao cho người thủy thủ già một danh thiếp, lưu ý ngài là chàng sống trong một ngôi nhà nông thôn tại Chevreuse, và lánh nhanh ra xa sau khi chỉ nhà cho ngài.

– Cháu suýt làm anh chàng dân thường tội nghiệp đó bị thương đấy cháu ạ, – ngài bá tước vừa nói vừa vội tiến lên đón Emilie. – Vậy ra cháu không còn biết kìm cương ngựa nữa. Cháu

bỏ mặc ta làm tổn hại phẩm cách của mình ở đây để che chắn những trò điên rồ của cháu, trong khi nếu cháu ở lại thì chỉ một ánh mắt hay một trong những lời lịch sự của cháu, một trong những lời mà cháu nói thật khéo khi cháu không xác xược, đã có thể hàn gắn được tất cả, dù cháu có làm anh ta gãy tay.

– Này, ông yêu quý! Đây là ngựa của ông, chứ không phải của cháu đã gây ra tai nạn này. Cháu nghĩ hẳn ông không thể lên ngựa được nữa, ông đã chẳng còn là người cưỡi ngựa giỏi như năm trước. Nhưng thay vì nói chuyện tầm phào...

– Gớm, tầm phào! Thế làm điều vô lễ với ông cậu của cháu là chuyện tầm phào à?

– Ta không phải đi xem chàng trai kia có bị thương không sao? Anh ta khập khiễng, ông ơi, nhìn kia.

– Không, anh ta chạy. Chà, ông đã mắng anh ta thậm tệ.

– Ôi, ông! Cháu biết ông mà.

– Thôi đủ rồi cháu, – bá tước vừa nói vừa ghìm cương ngựa của Emilie lại. – Ông chẳng thấy phải ngỏ lời trước với người chủ hiệu nào đó quá sung sướng được một cô gái yêu kiều hay thuyền trưởng tàu Belle-Poule xô ngã xuống đất.

– Sao ông cho rằng đó là một người bình dân hả ông yêu quý? Cháu thấy hình như anh ta có những kiểu cách rất tao nhã.

– Ngày nay thì thiên hạ đều kiểu cách hết cháu ơi.

– Không mà ông, chẳng phải ai cũng có cái vẻ và dáng dấp mà việc lui tới các phòng khách đem lại, và cháu sẵn lòng cá với ông rằng chàng trai này là quý tộc.

– Cháu đã không đủ thời gian quan sát anh ta.

– Nhưng không phải là lần đầu cháu nhìn thấy chàng.

– Và cũng chẳng phải lần đầu cháu tìm anh ta, – ngài đô đốc vừa đối đáp với cô vừa cười.

Emilie đỏ mặt, ông cậu cô thích thú để cô bối rối một lúc, rồi nói: – Emilie, cháu biết là ông yêu cháu như con, chính vì cháu là người duy nhất trong gia đình có lòng kiêu hãnh chính đáng do dòng dõi cao quý đem lại. Gớm, cháu bé bỏng của ông, ai mà tin

được là các nguyên lý tốt đẹp lại trở nên hiếm thế cơ chứ? Vậy nên ông muốn là người tâm phúc của cháu. Cháu yêu, ông thấy chàng quý tộc này chẳng thờ ơ với cháu. Suyt! Mọi người trong gia đình sẽ chế giễu chúng ta nếu chúng ta lên nhăm tào. Cháu biết thế là thế nào. Cho nên cứ để ông giúp cháu, cháu ạ. Cả hai ta hãy giữ điều bí mật này và ông hứa với cháu là sẽ đưa anh ta tới giữa phòng khách.

– Thế khi nào ông?

– Ngày mai.

– Nhưng ông này, cháu sẽ không buộc phải làm gì chứ?

– Không gì cả, và cháu có thể quậy phá, kích động anh ta, và mặc anh ta ở đó như một chiếc thuyền cũ, nếu điều đó khiến cháu thích thú. Đấy sẽ chẳng là người đầu tiên, đúng không?

– Ông, ông tốt quá!

Ngay sau khi bá tước bước vào, ngài đeo kính lên, kín đáo rút tấm thiệp từ túi ra và đọc: MAXIMILIEN LONGUEVILLE, phố SENTIER.

– Cứ bình tâm, cháu yêu, – ngài nói với Emilie, – cháu có thể hoàn toàn yên tâm tóm lấy anh ta, anh ta thuộc một trong những dòng họ lịch sử, và nếu không phải là nguyên lão nghị viện nước Pháp, chắc chắn anh ta sẽ thành như thế.

– Từ đâu mà ông biết nhiều điều thế?

– Bí mật.

– Thế ông biết họ của chàng?

Bá tước im lặng gật mái đầu hoa râm trông giống một thân cây sồi già xung quanh lá tả vài chiếc lá bị cái lạnh mùa thu cuốn lại; thấy dấu hiệu này, cô cháu của ngài tới thử nghiệm với ngài cái quyền lực nhõng nhẽo luôn mới mẻ của cô. Lão luyện trong việc khéo chiều nịnh ông lão thủy thủ, cô không tiếc ngài những ve vuốt trẻ con nhất, những lời nói dịu dàng nhất, thậm chí còn ôm hôn ngài để đạt được việc ngài tiết lộ một bí mật quan trọng đến thế. Đã cả đời khiến cô cháu gái diễn những cảnh này, và thường phải trả giá bằng một món đồ trang sức hay những khán đài

riêng ở Kịch viện Ý, ông lão định lần này cứ để cô van nài và nhất là vuốt ve. Nhưng vì ngài để sự thích thú kéo dài quá nên Emilie nổi nóng, chuyển từ ngọt ngào sang chua cay và dối, rồi cô quay trở lại, bị nổi tò mò chế ngự. Người thủy thủ khôn khéo trịnh trọng buộc cô hứa sau này sẽ từ tốn hơn, dịu dàng hơn, ít bướng bỉnh đi, bớt tiêu pha đi và nhất là nói hết mọi chuyện với ngài. Khi hiệp ước được thỏa thuận và ký kết bằng một chiếc hôn mà ngài đặt lên vầng trán trắng trẻo của Emilie, ngài dẫn cô vào góc phòng khách, để cô ngồi lên lòng mình, đặt tấm thiệp dưới hai ngón cái để che nó, hé dần từng chữ tên Longueville và nhất định khẳng khẳng từ chối cho thấy hơn. Sự kiện này làm mãnh liệt thêm tình cảm thâm kín của tiểu thư De Fontaine, gần hết đêm cô lần giở những bức tranh rực rỡ nhất của các giấc mơ nuôi dưỡng hy vọng trong cô. Cuối cùng nhờ vào ngẫu nhiên được khăn cầu thường xuyên đến thế, Emilie giờ đây thấy một điều khác hẳn một ảo tưởng, ở nguồn những điều phong phú tưởng tượng mà cô thường dùng để điểm tô cho cuộc sống vợ chồng. Cũng như mọi cô gái trẻ, không biết những mối nguy hiểm của tình yêu và hôn nhân, cô say mê vẻ ngoài lừa dối của hôn nhân và tình yêu. Thế chẳng phải cho rằng tình cảm của cô nảy sinh như nảy sinh hầu hết mọi tính khí thất thường của tuổi ban đầu, những sai lầm ngọt ngào và hà khắc tác động một cách rất nguy hại lên cuộc đời các cô gái khá ít kinh nghiệm nên chỉ phó thác vào chính mình việc chăm lo hạnh phúc tương lai của mình sao? Sáng hôm sau, trước khi Emilie tỉnh giấc, ông cậu cô đã chạy tới Chevreuse. Khi nhận ra ở trong một dinh thự lịch sự chàng trai mà hôm trước ngài đã xúc phạm kiên quyết đến thế, ngài tiến về phía chàng với vẻ lịch sự thân tình ở những ông già của triều đình trước kia.

– Này, ngài thân mến! Ai bảo là vào tuổi bảy mươi ba tôi lại gây chuyện với con hoặc cháu của một trong những người bạn tốt nhất của mình cơ chứ? Tôi là phó đô đốc thừa ngài. Chẳng phải là nói với ngài rằng tôi cũng ít bối rối vì một trận thách đấu như là hút diếu xì gà? Vào thời của tôi, hai thanh niên chỉ thành thân thiết sau khi nhìn thấy sắc máu của nhau. Nhưng, khỉ thật, hôm qua, với tư cách là thủy thủ, tôi đã đem lên tàu hơi quá nhiều rượu

rum, và tôi đã đâm vào ngài. Hãy nắm tay tôi! Tôi thích nhận trăm lời cự tuyệt của một người họ Longueville hơn là gây ra một nỗi buồn phiền nhỏ nhất cho gia đình anh ta.

Dù chàng trai cố tỏ ra lạnh nhạt thế nào với bá tước De Kergarouët, chàng cũng không cưỡng lại lâu được thái độ thân thiện chân thực của ngài và để ngài bắt tay.

– Ngài sắp lên ngựa, – bá tước nói, – ngài đừng ngại. Nhưng trừ phi là ngài đã có kế hoạch, hãy đi với tôi, tôi mời ngài hôm nay tới ăn tối tại dinh thự Planat. Cháu họ tôi, bá tước De Fontaine, là một người đáng biết. À này, chết chửa! Tôi định đền bù cho ngài việc làm thô bạo của tôi bằng cách giới thiệu với ngài năm trong số những phụ nữ xinh đẹp nhất Paris. Ồ, ờ, chàng trai! Trán ngài giãn ra kìa. Tôi yêu những người trẻ tuổi, và tôi thích thấy họ vui sướng. Hạnh phúc của họ làm tôi nhớ lại những năm tháng tốt lành thời trẻ của mình, thời chẳng thiếu phiêu lưu lẫn thách đấu. Khi đó người ta vui vẻ! Thời nay các ngài lý luận, và người ta lo lắng mọi sự, cứ như chẳng có cả thế kỷ XV lẫn thế kỷ XVI ấy.

– Nhưng thưa ngài, chúng tôi chẳng có lý sao? Thế kỷ XVI chỉ đem lại cho châu Âu tự do tôn giáo, còn thế kỷ XIX sẽ đem lại tự do chính...

– Này đừng nói chuyện chính trị! Tôi là một *lão khờ* cực đoan, ngài thấy đấy. Nhưng tôi chẳng ngăn cản thanh niên làm người cách mạng, miễn là họ để cho nhà vua tự do giải tán các đám tụ tập của họ.

Cách đó vài bước, khi bá tước và người đồng hành trẻ của ngài tới giữa rừng, người thủy thủ nhìn thấy một cây phong non khá khẳng khiu, liền dừng ngựa, lấy một trong các khẩu súng của ngài, và viên đạn bắn cắm vào giữa cây, ở khoảng cách mười lăm bước.

– Ngài thấy đó, thưa quý ngài, tôi không sợ một trận quyết đấu, – ngài vừa nói với vẻ nghiêm trang hài hước vừa nhìn ngài Longueville.

– Tôi cũng không, – người này vừa tiếp lời vừa mau lẹ lên cò súng, ngắm cái lỗ do viên đạn của bá tước khoét và bắn viên của

mình gần mục tiêu đó.

– Thế mới là một chàng trai có giáo dục chứ, – bá tước reo lên với vẻ như phấn khởi.

Trong khi đi dạo với người mà ngài đã coi như cháu mình, ngài tìm được hàng ngàn dịp để hỏi chàng về tất cả những điều tầm phào, việc thông thạo những điều đó, theo quy định riêng của ngài, tạo thành một nhà quý tộc toàn vẹn.

– Ngài có nợ nần không? – Sau nhiều câu, cuối cùng ngài hỏi.

– Không thưa ngài.

– Sao, ngài trả hết những gì được cung cấp cho ngài?

– Đúng vậy, thưa ngài, nếu không, chúng tôi sẽ mất uy tín và mọi sự tôn trọng.

– Nhưng chí ít ngài cũng có nhiều nhân tình chứ? A, ngài đỏ mặt ư, anh bạn? ... phong tục khác quá rồi; với những tư tưởng về trật tự hợp pháp, về chủ nghĩa Kant và về tự do, tuổi trẻ đã hư hỏng. Các ngài chẳng có Guimard, Duthé, lẫn chủ nợ, và không biết gì về gia huy; này anh bạn trẻ, ngài chẳng được dạy dỗ! Hãy biết rằng cái người không làm chuyện điên rồ vào mùa xuân thì sẽ là vào mùa đông. Nếu tôi có tám mươi ngàn phơ-răng lợi tức vào tuổi bảy mươi, đấy là vì tôi đã ăn mất vốn vào lúc ba mươi tuổi... Chà! cùng với vợ tôi, thành ý thành tâm. Tuy vậy, những sự không hoàn hảo của ngài sẽ chẳng ngăn tôi báo tin có ngài tới dinh thự Planat. Hãy nghĩ rằng ngài đã hứa với tôi là tới và tôi đợi ngài ở đó.

– Ông lão kỳ quặc biết bao! – Chàng Longueville tự nhủ, – ông ấy trắng kiện và hoạt bát, nhưng dù ông ấy muốn tỏ ra là người nhân từ, mình sẽ chẳng tin vào điều đó.

Hôm sau, khoảng bốn giờ, khi cả nhà đang tản mạn trong các phòng khách và phòng chơi bi-a, thì một gia nhân báo cho những người ở dinh thự Planat: Ngài De Longueville. Nghe tên người được bá tước De Kergarouët yêu quý, tất cả, cả người chơi sắp lỡ một quả, đều chạy tới, vừa để quan sát thái độ của tiểu thư De Fontaine, vừa để đánh giá con người vô song đã xứng được xếp hạng ưu, gây bất lợi cho biết bao địch thủ. Trang phục vừa lịch sự

vừa giản dị, cung cách thoải mái, nghi thức nhã nhặn, giọng nói êm dịu và có một âm sắc làm rung động tơ lòng khiến ngài Longueville tranh thủ được thiện ý của cả gia đình. Chàng không có vẻ xa lạ với sự tráng lệ nơi nhà ở của ngài tổng thu xa hoa. Dù việc chuyện trò của chàng là của một người xã giao, mỗi người đều có thể dễ dàng đoán ra là chàng đã được tiếp thu nền giáo dục trứ danh nhất và các kiến thức của chàng vừa vững chắc vừa rộng. Trong một cuộc bàn cãi khá vui vẻ do ông lão thủy thủ gợi ra về kỹ thuật đóng tàu, chàng tìm được từ thích đáng đến nỗi một trong số phụ nữ lưu ý rằng chàng có vẻ tốt nghiệp trường Bách khoa.

– Thưa phu nhân, – chàng đáp lời, – tôi cho rằng người ta có thể coi việc đã vào trường này như một danh hiệu vẻ vang.

Dù có sự nài nỉ thiết tha, chàng lịch sự nhưng kiên quyết từ chối mong muốn của mọi người giữ chàng ở lại ăn tối, và ngăn những lời trách cứ của các bà bằng cách nói rằng chàng là Hippocrate của một người em gái mà sức khỏe yếu đòi hỏi nhiều chăm sóc.

– Ngài chắc là thầy thuốc, – một trong các chị dâu của Emilie hỏi kháy.

– Ngài tốt nghiệp trường Bách khoa, – tiểu thư De Fontaine hảo tâm trả lời, mặt bưng lên những sắc tươi tắn nhất lúc cô được biết rằng thiếu nữ ở vũ hội là em gái ngài De Longueville.

– Nhưng em này, người ta vẫn có thể là thầy thuốc mà lại đã học ở trường Bách khoa, phải không ngài?

– Thưa phu nhân, không có gì cản trở điều đó, – chàng trai trả lời.

Tất cả mọi con mắt đều hướng về phía Emilie lúc đó đang nhìn với vẻ như tò mò lo lắng người lạ mặt đầy quyến rũ. Cô thở thoải mái hơn khi chàng nói thêm mà khỏi mỉm cười: – Tôi không có vinh hạnh làm thầy thuốc, thưa phu nhân, và thậm chí tôi đã từ bỏ việc vào ngành cầu đường để giữ cho mình được độc lập.

– Và ngài đã làm đúng, – bá tước nói. – Nhưng thế nào mà ngài có thể coi việc là thầy thuốc như một vinh dự được? – Ngài quý

tộc người vùng Bretagne nói thêm. – Chà, anh bạn trẻ, đối với một người như ngài...

– Thưa ngài bá tước, tôi vô cùng coi trọng tất cả những nghề có một mục đích hữu ích.

– Và chúng tôi đồng ý: ngài coi trọng những nghề đó, theo tôi nghĩ, như một chàng trai coi trọng một lão phu nhân.

Chuyến tới thăm của ngài Longueville không quá dài cũng chẳng quá ngắn. Chàng rút lui vào lúc nhận thấy mình đã làm tất cả mọi người thích và sự tò mò của mỗi người đã nảy sinh về mình.

– Đó là một gã xảo quyệt, – bá tước nói lúc về phòng khách sau khi đi tiễn chàng.

Là người duy nhất biết điều bí mật của chuyến viếng thăm này, tiểu thư De Fontaine đã ngấm vuốt khá kỹ càng để thu hút cái nhìn của chàng trai, nhưng cô hơi buồn thấy chàng không chú ý nhiều đến cô như cô tin là mình xứng đáng. Gia đình khá ngạc nhiên thấy cô khép mình trong im lặng. Thông thường với người mới đến, Emilie phô vẻ đĩnh đạc, kiểu thỏ thẻ hóm hỉnh và sự hùng hồn vô tận trong những cái nhìn và thái độ của cô. Hoặc giọng nói du dương của chàng trai và sự hấp dẫn trong cử chỉ của chàng đã khiến cô say mê, hoặc cô yêu nghiêm túc, và tình cảm này đã tạo nên một thay đổi trong cô, nên thái độ của cô mất hẳn vẻ kiêu cách. Trở nên giản dị và tự nhiên, chắc hẳn cô có vẻ đẹp hơn. Vài người trong số các chị của cô và một lão phu nhân là bạn của gia đình, thấy một cách làm duyên tinh vi trong lối cư xử này. Họ cho là, thấy chàng trai xứng với mình, Emilie có lẽ dự tính chỉ thể hiện từ từ các ưu điểm của mình để bỗng chốc làm chàng lóa mắt vào lúc chàng đã thích cô. Mọi người trong gia đình đều tò mò muốn biết cô gái đồng danh này nghĩ gì về người lạ; nhưng vào bữa tối, khi mỗi người thích thú ban cho ngài Longueville một phẩm chất mới, cho là duy có mình phát hiện ra nó, thì tiểu thư De Fontaine ngồi im lặng một lúc; một lời châm chọc nhẹ của ông cậu bỗng làm cô tỉnh khỏi sự lãnh đạm của mình, cô nói khá trào phúng rằng sự hoàn hảo tuyệt vời đó ắt phải che đậy một khiếm

khuyết lớn nào đó, và cô hết sức tránh việc thoát nhìn đã phán xét một người khôn khéo như thế; những người làm cho ai cũng thích như vậy thì chẳng được ai ưa, cô nói tiếp, và khuyết điểm lớn nhất trong các khuyết điểm là không có khuyết điểm nào. Như mọi cô gái đang yêu, Emilie nuôi hy vọng có thể che giấu tình cảm ở đáy lòng, đánh lừa các con mắt của Argus vây quanh mình; nhưng khoảng mười lăm ngày sau, không ai trong các thành viên của gia đình đông đúc này lại không được thông tỏ về một bí mật nhỏ của gia đình. Vào chuyến tới thăm thứ ba của ngài Longueville, Emilie cho là mình có can hệ rất lớn. Việc khám phá này tạo cho cô một niềm thích thú ngây ngất đến nỗi cô ngạc nhiên khi ngẫm nghĩ tới nó. Ở đây có cái gì đó khó chịu đối với tính kiêu kỳ của cô. Quen biến mình thành trung tâm của thế giới, cô buộc phải thừa nhận một sức mạnh kéo cô ra khỏi chính mình. Cô thử chống lại, nhưng không thể gạt khỏi tim mình hình ảnh quyến rũ của chàng trai. Rồi chẳng mấy chốc là những mối lo. Hai đức tính của ngài Longueville rất trái ngược với sự tò mò chung, và nhất là với sự tò mò của tiểu thư De Fontaine, là một tính kín đáo và một sự khiêm tốn không ngờ. Những trò tinh vi mà Emilie tung ra trong khi trò chuyện và những cái bẫy mà cô giương lên khi đó để moi ở chàng trai này những chi tiết về bản thân chàng, chàng biết làm trật đi cả với sự khéo léo của một nhà ngoại giao muốn giấu bí mật. Cô nói về hội họa ư, ngài Longueville trả lời rõ ràng người sành sỏi. Cô chơi nhạc ư, chàng trai không hề tự phụ chứng tỏ là chàng chơi dương cầm khá hay. Một tối chàng làm cả hội vui thích khi hòa giọng hay tuyệt của mình với giọng của Emilie trong một bài song ca thuộc loại hay nhất của Cimarosa; nhưng khi mọi người toan tìm hiểu xem chàng có phải là nghệ sĩ hay không thì chàng nói đùa vô cùng duyên dáng thành thử chẳng để cho những người phụ nữ rất thạo nghệ thuật phán đoán tình cảm này phát hiện được chàng thuộc lĩnh vực xã hội nào. Ông cậu già có can đảm đến mấy để ngoắc lấy chiếc tàu thì Longueville vẫn khéo léo lẩn tránh để giữ cho mình sức lôi cuốn của sự bí ẩn; và chàng càng dễ vẫn cứ là *người lạ tuấn tú* tại dinh thự Planat vì ở đây tính tò mò không vượt qua giới hạn của lịch sự. Bứt rứt vì sự kín đáo này, Emilie hy vọng lợi dụng được cô em hơn người anh về những

chuyện riêng tư như thế. Được ông cậu am hiểu thủ thuật này như am hiểu thuật vận hành của tàu trợ giúp, cô thử đưa lên sân khấu nhân vật cho tới lúc đó vẫn im lặng là tiểu thư Clara Longueville. Những người ở dinh thự Planat lập tức thể hiện mong muốn lớn nhất được quen biết một con người đáng yêu như thế và được mang lại cho cô một thú tiêu khiển nào đó. Một buổi khiêu vũ không cầu kỳ được đề xuất và được chấp thuận. Các bà không hoàn toàn mất hy vọng khiến một cô gái mười sáu tuổi nói chuyện.

Dù có những đám mây nhỏ tích tụ do ngờ vực và hình thành do tò mò, một ánh sáng rực rỡ xâm chiếm tâm hồn tiểu thư De Fontaine đang thú vị tận hưởng cuộc đời bằng cách gắn nó vào một người khác ngoài cô. Cô bắt đầu hiểu ra các quan hệ xã hội. Hoặc là hạnh phúc khiến ta tốt đẹp hơn, hoặc cô quá bận tâm nên không làm khổ những người khác, cô trở nên bớt chua cay, nhân từ hơn, dịu dàng hơn. Sự thay đổi trong tính cách của cô khiến gia đình cô đang ngạc nhiên phải hân hoan. Có lẽ, rốt cuộc, tính ích kỷ của cô biến thành tình yêu. Chờ đợi con người rụt rè và bí ẩn tôn thờ mình tới là một niềm vui lớn lao. Dù không thốt ra với nhau một lời say mê nào, cô biết mình được yêu và sao cô lại chẳng thích thú khéo léo làm cho chàng trai phô bày những kho báu của một nền học vấn phong phú cơ chứ! Cô nhận thấy cả mình nữa cũng được quan sát kỹ càng, và thế là cô gắng thẳng những khiếm khuyết mà cách giáo dục đã để cho nảy nở trong cô. Đó chẳng phải là sự tôn vinh đầu tiên đối với tình yêu và một sự trách cứ nghiệt ngã mà cô ngổ với chính mình sao? Cô muốn người đẹp lòng, cô đã khiến người say mê hoan hỉ; cô yêu, cô được tôn sùng. Biết cô được lòng kiêu ngạo trông nom gìn giữ, gia đình cho cô khá tự do để có thể tận hưởng những hạnh phúc trẻ thơ nho nhỏ đem lại biết bao say mê và mãnh liệt cho những mối tình đầu. Nhiều lần, chàng trai và tiểu thư De Fontaine đi dạo riêng trên những lối đi trong hoa viên nơi mà thiên nhiên điểm trang diêm dúa như một phụ nữ tới vũ hội. Nhiều lần họ có những cuộc trò chuyện không mục đích cũng chẳng có diện mạo gì, mà những câu vô nghĩa nhất lại là những câu tiềm ẩn nhiều tình cảm nhất.

Họ thường cùng ngắm mặt trời lặn và sắc màu rực rỡ của nó. Họ hái hoa cúc để bứt cánh và hát những bài song ca say đắm nhất, mượn những nốt nhạc do Pergolèse hay Rossini tìm ra để nói lên những điều thầm kín của mình.

Ngày khiêu vũ tối, Clara Longueville và anh trai, mà những người hầu cứ nhất định khoác cho cái tiểu từ quý tộc, là những nhân vật chính. Lần đầu tiên trong đời, tiểu thư De Fontaine vui lòng thấy một cô gái thành công. Cô thành tâm chiều chuộng ân cần và chăm lo tỉ mỉ cho Clara, những điều mà phụ nữ thường chỉ tỏ ra với nhau để kích thích lòng ghen của đàn ông. Nhưng Emilie có một mục đích, cô muốn dò lấy những bí mật. Nhưng với tư cách là con gái, tiểu thư Longueville tỏ ra tinh tế và sắc sảo hơn anh trai, cô thậm chí chẳng có vẻ kín đáo và biết trò chuyện về những chủ đề xa lạ với lợi ích vật chất, đưa vào đó một vẻ duyên dáng yêu kiều đến nỗi tiểu thư De Fontaine sinh vẻ như ghen tức, và đặt cho cô biệt hiệu *tiên cá*. Dù Emilie đã dụng tâm khiến Clara nói, chính Clara lại hỏi han Emilie; cô muốn đánh giá cô ấy, mà lại bị cô ấy đánh giá; cô thường bực bội vì để lộ tính nết của mình trong vài câu trả lời do Clara láu lỉnh moi được, vẻ khiêm tốn và ngây thơ ở Clara gạt đi mọi nghi ngờ là nham hiểm. Có một lúc tiểu thư De Fontaine có vẻ buồn bực vì đã khinh suất nặng lời về người bình dân, do Clara làm cô lỗ miệng.

– Thưa tiểu thư, – con người yêu kiều đó nói với cô, – em đã nghe anh Maximilien nói nhiều về tiểu thư đến nỗi em mong muốn mãnh liệt được biết tiểu thư vì em quyến luyến anh ấy; nhưng muốn biết tiểu thư chẳng phải là muốn yêu tiểu thư hay sao?

– Clara quý mến, tôi sợ làm em bực mình khi nói như thế về những người không phải là quý tộc.

– Ôi, xin tiểu thư yên tâm. Ngày nay những loại bàn cãi này chẳng có đối tượng. Còn em, chúng chẳng đụng chạm gì đến em: em ở bên ngoài vấn đề.

Dù câu trả lời này có cầu kỳ, tiểu thư De Fontaine vẫn cảm nhận một niềm vui sâu xa, vì như tất cả những người say mê, cô lý

giải nó như những lời sấm thường được lý giải, theo cái nghĩa hợp với mong muốn của cô, và cô trở lại khiêu vũ vui vẻ hơn bao giờ hết, nhìn chàng Longueville mà thái độ, mà vẻ thanh lịch có lẽ vượt quá kiểu mẫu tưởng tượng của cô. Cô cảm thấy hài lòng hơn nữa khi nghĩ rằng chàng là người quý tộc, đôi mắt đen của cô lấp lánh, cô khiêu vũ với tất cả niềm thích thú khi ta khiêu vũ với sự có mặt của người mình yêu. Chưa bao giờ hai người yêu nhau lại hòa hợp như lúc này; và nhiều lần họ cảm thấy đầu ngón tay rung lên và run rẩy khi luật nhảy đối ghép họ với nhau.

Cái cặp đẹp đôi này bước vào đầu mùa thu giữa các lễ hội và thú vui nông thôn, thả mình êm ả theo một tình cảm dịu ngọt nhất trần đời, củng cố nó bằng hàng ngàn biến cố nho nhỏ mà ai cũng tưởng tượng được; các mối tình luôn giống nhau ở một số điểm. Người này lẫn người kia tìm hiểu nhau, ở mức có thể tìm hiểu khi yêu.

– Vậy là chưa bao giờ tình yêu chốc lát lại xoay chuyển thành hôn nhân vì luyện ái nhanh như vậy, – ông cậu già nói, – mắt dõi theo hai người trẻ tuổi như một nhà tự nhiên học xem xét một con côn trùng bằng kính hiển vi.

Lời nói này khiến bá tước và phu nhân De Fontaine hoảng sợ. Ông già xứ Vendée thôi không thờ ơ với hôn nhân của con gái như ngài đã hứa chưa được bao lâu. Ngài đi Paris tìm kiếm tin tức và không tìm được. Lo lắng vì sự bí hiểm này, và còn chưa biết việc điều tra mà ngài yêu cầu một quan chức hành chính ở Paris tiến hành giúp về gia đình Longueville có kết quả ra sao, ngài nghĩ phải khuyến cáo con gái xử sự cho thận trọng. Việc lưu ý của người cha được tiếp nhận với sự phục tùng giả vờ đầy chế giễu.

– Emilie của cha, nếu con yêu anh ta, ít ra đừng thú nhận với anh ta điều đó.

– Thưa cha, đúng là con yêu chàng, nhưng con đợi cha cho phép mới nói điều đó với chàng.

– Nhưng Emilie, hãy nghĩ rằng con chưa biết gia đình anh ta thế nào, địa vị của anh ta ra sao.

– Nếu con không biết, thì con rất muốn thế. Nhưng thưa cha,

cha đã mong muốn con có gia đình, cha đã cho con tự do lựa chọn; con đã dứt khoát lựa chọn, còn cần gì hơn nào?

– Con yêu, cần phải biết liệu người con chọn có là con của một nguyên lão nghị viên nước Pháp hay không chứ, – ngài quý tộc tôn kính trả lời kháy.

Emilie im lặng một lúc. Cô nhanh chóng ngẩng đầu, nhìn cha mình, và bảo ngài với vẻ lo lắng: – Có phải dòng họ Longueville...

– Đã kết thúc với lão công tước De Rostein-Limbourg, chết trên máy chém năm 1793. Ông là con cháu cuối cùng của chi thứ cuối cùng.

– Nhưng cha ơi, có những dòng họ rất danh giá xuất thân từ con hoang. Lịch sử nước Pháp đầy rẫy những ông hoàng vạch những đường chéo lên gia huy của họ.

– Suy nghĩ của con đã khác quá, – ngài quý tộc già mỉm cười nói.

Hôm sau là ngày cuối cùng gia đình Fontaine ở lại dinh thự Planat. Emilie, mà ý kiến của người cha khiến cho rất lo lắng, vô cùng sốt ruột chờ cái giờ mà chàng trai Longueville thường tới, để có được từ chàng một lời giải thích. Sau bữa tối, cô ra ngoài và đi dạo một mình trong hoa viên, tiến về phía lùm cây tâm tình nơi cô biết là chàng trai ân cần sốt sắng sẽ tìm mình; và vừa chạy, cô vừa nghĩ cách tốt nhất để dò được một bí mật quan trọng đến thế mà không làm phượng hại đến mình: việc khá khó! Cho tới nay, không một lời bộc lộ trực tiếp nào xác nhận tình cảm gần cô với người lạ. Như Maximilien, cô ngấm hưởng sự êm dịu của mối tình đầu; nhưng người này cũng kiêu hãnh như người kia, dường như mỗi người đều sợ thú nhận là mình đang yêu.

Được Clara gợi những mối ngờ có cơ sở về tính cách của Emilie, Maximilien Longueville lần lượt bị lôi cuốn bởi mối say mê mãnh liệt của một chàng trai và bị kìm lại bởi mong muốn hiểu biết và thử thách người phụ nữ mà chàng phải gửi gắm hạnh phúc của mình. Tình yêu của chàng không ngăn chàng nhận thấy ở Emilie những định kiến làm hỏng tính cách trẻ trung; nhưng chàng muốn biết có được Emilie yêu không trước khi đấu tranh

với chúng, vì chàng không muốn mạo hiểm số phận tình yêu của mình cũng như mạo hiểm số phận cuộc đời mình. Thế nên chàng luôn giữ một sự im lặng mà những cái nhìn, thái độ và những hành động nhỏ nhất của chàng phủ định. Về phía kia, lòng kiêu hãnh tự nhiên ở một cô gái, ở tiểu thư De Fontaine còn được tăng thêm bởi tính tự phụ ngu ngốc do dòng dõi và sắc đẹp mang lại, ngăn cô không đón trước một lời tỏ bày mà lòng say mê tăng dần đôi lúc thuyết phục cô hối thúc. Thế nên hai người yêu nhau đã hiểu được tình thế của mình một cách bản năng mà không giải thích cho nhau những lý do thâm kín của họ. Có những lúc trong cuộc đời, những tâm hồn trẻ thích cái mập mờ. Chính vì người này, người kia quá lần lữa nói ra, cả hai dường như biến sự chờ đợi thành một trò chơi nghiệt ngã đối với nhau. Người này tìm cách khám phá xem liệu mình có được yêu hay không, qua sự cố gắng mà lời thú nhận đòi hỏi ở người yêu kiêu kỳ, người kia hy vọng thấy sự im lặng quá thành kính được phá vỡ, vào bất kỳ lúc nào.

Ngồi trên một chiếc ghế dài kiểu nông thôn, Emilie nghĩ về những sự kiện vừa xảy ra trong ba tháng qua đầy vui thú. Những ngờ vực của cha cô là những mối lo cuối cùng có thể chạm tới cô, thậm chí cô còn bác bỏ chúng bằng đôi, ba suy nghĩ của thiếu nữ ít kinh nghiệm mà cô thấy có vẻ thắng thế. Trước hết cô đồng ý với chính mình là cô chẳng thể nhầm. Trong suốt mùa, cô không thể nhận thấy ở Maximilien dù một cử chỉ hay dù chỉ một lời nói cho thấy một nguồn gốc hay những công việc tầm thường; còn hơn thế, cách tranh luận của chàng cho thấy một người bạn tâm tới những quyền lợi cao cả của đất nước. – Vả lại, cô tự nhủ, một người làm bàn giấy, một nhà tài chính hay một người buôn bán sẽ chẳng rỗi rãi ở cả một mùa để tán tỉnh mình giữa những cánh đồng và rừng, thoải mái phân phối thời gian như một nhà quý tộc có cả cuộc đời không lo lắng ở phía trước. Cô đang thả mình theo dòng suy ngẫm thú vị với cô nhiều hơn những ý nghĩ ban đầu, thì tiếng lá xào xạc nhẹ nhàng báo cho cô hay Maximilien chắc đã ngắm cô với lòng ngưỡng mộ từ một lúc rồi.

– Ngài có biết rằng làm các cô gái giật mình như thế là xấu lắm không? – Cô mỉm cười hỏi chàng.

– Nhất là khi các cô đang bận tâm với những bí mật của mình,
– Maximilien tỉnh tể trả lời.

– Sao em lại chẳng có bí mật của mình? Ngài cũng có bí mật của ngài mà!

– Thế tiểu thư đang nghĩ đến bí mật của mình thật sao? –
Chàng cười nói tiếp.

– Không, em nghĩ tới bí mật của ngài. Bí mật của em thì em biết.

– Nhưng, – chàng trai vừa khẽ kêu lên vừa nắm lấy tay tiểu thư De Fontaine và khoác nó dưới cánh tay mình, – có thể bí mật của tôi cũng là của tiểu thư và bí mật của tiểu thư là của tôi.

Sau khi đi vài bước, họ ở dưới một đám cây mà ánh mặt trời lặn như bao trùm một làn mây đỏ và nâu. Sự thần diệu ấy của thiên nhiên truyền một vẻ như trang trọng cho khoảnh khắc này. Cử chỉ linh hoạt thoải mái của chàng trai, và nhất là sự bồn chồn của trái tim sục sôi mà những nhịp đập dồn dập đang thổ lộ bên tay Emilie, khiến cô hứng khởi, niềm hứng khởi càng sâu sắc hơn vì chỉ được kích động bởi những biến cố đơn giản và vô hại nhất. Sự giữ gìn ý tứ trong cuộc sống của các cô gái thuộc giới thượng lưu làm cho sự bùng nổ tình cảm của họ có một sức mạnh khó tin, và đó là một trong những mối nguy hiểm lớn nhất có thể tác động đến họ khi họ gặp một người tình say mê. Chưa bao giờ mắt Emilie và Maximilien lại nói nhiều điều mà người ta không dám nói như vậy. Bị niềm say sưa chi phối, họ dễ dàng quên những quy định nhỏ của lòng kiêu hãnh và những cân nhắc lạnh lùng của sự ngờ vực. Thậm chí lúc đầu họ chỉ bày tỏ được bằng cách xiết tay để thể hiện những vui sướng của mình.

– Thưa ngài, em có một câu hỏi với ngài, – tiểu thư De Fontaine run run nói bằng một giọng xúc động, sau một lúc lâu im lặng và sau khi đi vài bước khá chậm rãi. – Nhưng ngài hãy làm ơn nghĩ rằng câu hỏi này có thể nói là em buộc phải đặt ra do tình thế khá lạ lùng của em đối với gia đình.

Một lúc lặng ngắt đáng sợ đối với Emilie tiếp theo những câu mà cô hầu như lắp bắp này. Trong suốt khoảnh khắc im lặng, cô

gái kiêu kỳ đến thế không dám đương lấy ánh mắt sáng quắc của người mình yêu, vì cô thầm ý thức được sự thấp hèn của những từ mà cô thêm, sau đó: – Ngài có phải là quý tộc không?

Khi những lời cuối này được thốt ra, cô muốn mình ở dưới đáy một cái hồ.

– Thừa tiểu thư, – Longueville mà gương mặt biến sắc mang một vẻ đường hoàng nghiêm nghị, trịnh trọng nói tiếp, – tôi hứa với tiểu thư sẽ đáp ứng thẳng thắn yêu cầu này khi tiểu thư chân thực trả lời câu hỏi mà tôi sẽ đưa ra cho tiểu thư. Chàng rời cánh tay cô gái, người bỗng nhiên ngỡ mình đơn độc trên đời, và nói: – Tiểu thư hỏi về dòng dõi của tôi với ý định gì? Cô đứng im, lạnh và câm lặng. – Tiểu thư, – Maximilien nói tiếp, – chúng ta đừng đi xa thêm nếu chẳng hiểu nhau. Tôi yêu tiểu thư, – chàng nói tiếp bằng một giọng trầm và cảm động. – Vậy thì, – chàng tiếp với một vẻ vui mừng sau khi nghe thấy tiếng thốt lên hạnh phúc mà cô gái không nén được, – tại sao lại hỏi tôi có là quý tộc không?

– Liệu chàng có thể nói vậy nếu chàng không là quý tộc? – Một giọng nội tâm reo lên mà Emilie ngỡ là phát ra từ đáy lòng mình. Cô duyên dáng ngẩng đầu, dường như lấy một sức sống mới trong ánh mắt của chàng trai và chìa tay cho chàng như để tạo một liên kết mới.

– Ngài đã tin là em thiết tha với những phẩm tước lắm, – cô hỏi với vẻ tinh tế láu lỉnh.

– Tôi không có tước vị để tặng cho vợ mình, – chàng trả lời nửa vui nửa nghiêm nghị, – nhưng nếu tôi lấy vợ có địa vị cao và ở trong số những người mà của cải của ông cha làm cho quen với sự xa hoa và thú vui giàu có, tôi biết sự lựa chọn này buộc tôi phải làm gì. Tình yêu đem lại tất cả, – chàng vui vẻ tiếp, – nhưng chỉ với những người yêu. Còn vợ chồng, họ cần nhiều hơn là vom trời và thăm cỏ một chút.

– Chàng giàu có, – cô nghĩ. – Còn tước vị, có lẽ chàng muốn thử mình! Chắc người ta nói với chàng là mình mê quý tộc, và mình chỉ muốn lấy một nguyên lão nghị viên nước Pháp. Các bà chị e thẹn của mình đã chơi mình vố này đây. – Em bảo đảm với ngài,

thưa ngài, – cô nói to, – là em đã có những ý nghĩ thái quá về cuộc đời và thiên hạ, nhưng hôm nay, – cô vừa nói tiếp vừa chủ ý nhìn chàng như thể khiến chàng phát điên, – em biết với một phụ nữ thì cái quý giá thật sự ở đâu.

– Tôi cần phải tin là tiểu thư nói cớ mớ, – chàng trả lời với vẻ trịnh trọng dịu dàng. – Nhưng mùa đông này, Emilie yêu quý, có lẽ chưa đầy hai tháng nữa, tôi sẽ rất tự hào về những gì mình có thể trao tặng tiểu thư, nếu tiểu thư thiết tha với việc hưởng thụ cảnh giàu có. Đó là điều bí mật duy nhất mà tôi giữ ở đây, – chàng vừa nói vừa chỉ tim mình; – bởi hạnh phúc của tôi tùy thuộc vào thành công của nó, tôi không dám nói là hạnh phúc của chúng ta...

– Ôi ngài cứ nói, cứ nói!

Giữa những lời trò chuyện ngọt ngào này, họ lững thững trở lại với toán người ở phòng khách. Chưa khi nào tiểu thư De Fontaine thấy vị hôn phu của mình đáng yêu, hóm hỉnh hơn: đáng mãnh khảnh, điệu bộ dễ thương của chàng dường như duyên dáng hơn từ lúc có cuộc nói chuyện có thể nói là vừa xác nhận việc cô nắm được một trái tim đáng được tất cả phụ nữ khát khao. Họ hát một bài song ca Ý với nhiều ý vị đến nỗi cả đám nhiệt tình hoan hô họ. Lời họ tạm biệt nhau mang sắc thái một quy ước che giấu hạnh phúc của họ. Thế là ngày đó đối với cô gái thành ra như một mối quan hệ gắn chặt cô hơn nữa vào số phận của người lạ. Sức mạnh và vẻ đàng hoàng chàng vừa tỏ rõ trong cảnh họ thổ lộ tình cảm với nhau có lẽ khiến cho tiểu thư De Fontaine phải kính nể, mà không có kính nể thì chẳng có tình yêu thực sự. Khi còn một mình cô ở lại với cha trong phòng khách, con người xứ Vendée đáng kính tiến về phía cô, âu yếm cầm tay cô, và hỏi liệu cô có được sáng tỏ phần nào về của cải và gia đình ngài Longueville chẳng.

– Có cha ạ, – cô trả lời, – con sung sướng hơn là có thể mong muốn. Tóm lại ngài De Longueville là người duy nhất mà con muốn lấy.

– Được rồi, Emilie, – bá tước nói tiếp, – cha biết cha phải làm gì.

– Cha biết trở ngại nào đó? – Cô hỏi với một nỗi lo lắng thực

sự.

– Con yêu quý, chàng trai này hoàn toàn không quen biết; nhưng trừ phi đây là một người gian dối, một khi con đã yêu anh ta thì với cha, anh ta cũng thân thiết như một đứa con trai.

– Một người gian dối? – Emilie tiếp, – con rất yên tâm. Ông cậu, người đã giới thiệu chàng với chúng ta, có thể bảo đảm với cha về chàng. Ông ơi, ông nói xem, chàng có từng là hải tặc, cướp biển, giặc biển hay không?

– Tôi biết rõ là chuyện sẽ tới đó mà, – người thủy thủ già tỉnh dậy kêu lên.

Ngài nhìn vào phòng khách, nhưng cô cháu gái đã biến mất như một vệt sáng Saint-Elme* theo cách ngài thường nói.

– Sao, cậu? – Ngài De Fontaine nói tiếp, – thế nào mà cậu lại có thể giấu chúng cháu những gì cậu biết về anh chàng này? Mà chắc cậu phải nhận ra những lo lắng của chúng cháu. Ngài Longueville có thuộc gia đình danh giá không?

– Tôi chả biết anh ta con cháu nhà ai cả*, – bá tước De Kergarouët kêu lên. – Tin vào tài mẫn cảm của con bé điên này, tôi dẫn tới cho nó anh chàng Saint-Preux của nó bằng cách tôi thường dùng. Tôi biết anh chàng này bắn súng tuyệt vời, săn rất giỏi, chơi bi-a, cờ và trictrac hay tuyệt; anh ta tập kiếm thuật và cưỡi ngựa như hiệp sĩ De Saint-Georges quá cố. Anh ta có một kiến thức uyên bác đậm đà về những vùng nho của chúng ta. Anh ta tính toán như Barême, vẽ, khiêu vũ và hát hay. Chà! Gớm, các anh làm sao thế? Nếu đây chẳng phải là một quý tộc, hãy chỉ cho tôi một người tư sản biết tất cả những thứ đó, tìm cho tôi một người sống cũng quý phái như anh ta xem. Anh ta có làm gì nào? Anh ta có làm tổn hại phẩm cách của mình bằng việc tới các văn phòng, khom lưng trước những kẻ hãnh tiến mà các anh gọi là tổng giám đốc hay không? Anh ta bước đi ngay thẳng. Đây là một con người. Vả lại ta vừa thấy trong túi áo gi-lê của ta tấm thiệp anh ta đưa khi tưởng là ta muốn cắt cổ anh ta, anh chàng ngây thơ tội nghiệp! Tuổi trẻ bây giờ chẳng hề ma mãnh. Đây, đây.

– Phố Sentier, số 1, – ngài De Fontaine vừa nói vừa cố nhớ

trong số những tin tức mà ngài có được đều có thể liên quan tới chàng trai lạ. – Thế nghĩa là quý quái gì nhỉ? Các ngài Palma, Werbrust và công ty mà việc buôn bán chủ yếu là buôn hàng mu-xơ-lin, trúc bầu và vải sơn sống ở đó mà. À, tôi hiểu rồi! Longueville, ngài nghị viên, có quyền lợi trong hãng của họ. Thế nhưng tôi biết Longueville chỉ có một con trai ba mươi hai tuổi, chẳng giống gì người chúng ta biết và được ngài cho năm mươi ngàn phơ-răng lợi tức để kết hôn khiến anh ta lấy được con gái một bộ trưởng. Ngài ấy cũng muốn được phong nguyên lão nghị viên như người khác. Chưa bao giờ mình nghe nói về anh chàng Maximilien này. Ngài có con gái không nhỉ? Cô Clara này là gì? Và lại, nhiều kẻ mảnh khỏe có thể tự xưng là Longueville. Mà hãng Palma, Werbrust và công ty chẳng phải bị sạt mất nửa sản nghiệp vì vụ đầu tư ở Mexique hay Ấn Độ ư? Mình sẽ làm sáng tỏ tất cả chuyện này.

– Anh nói một mình cứ như đang ở trên sân khấu ấy, và anh có vẻ coi tôi là con số không, – ông lão thủy thủ bỗng nói. – Thế anh không biết rằng nếu anh ta là quý tộc thì tôi có không ít tài sản ở cửa boong để đề phòng anh ta không có của cải ư?

– Về việc này, nếu là con của Longueville, anh ta chẳng cần gì cả; nhưng, – ngài De Fontaine vừa nói vừa lắc đầu, – cha anh ta thậm chí không mua phẩm hàm. Trước cách mạng, ngài là quan biện lý và chữ *De* mà ngài dùng từ thời Trùng hưng thuộc về ngài cũng như nửa gia tài của ngài.

– Úi chà chà! Sung sướng thay những người có cha bị treo cổ, – người thủy thủ vui vẻ kêu lên.

Ba, bốn hôm sau cái ngày đáng nhớ đó, vào một buổi sáng đẹp của tháng mười một cho người Paris thấy các đại lộ của mình vắng vẻ bởi cái lạnh buốt của đợt băng giá đầu tiên, tiểu thư De Fontaine, khoác một chiếc áo lông mới mà cô muốn làm thành mốt, ra phố cùng hai bà chị dâu trước đây từng bị cô phóng cho nhiều lời châm chọc nhất. Ba người phụ nữ này bị thôi thúc đi dạo Paris phần nào vì muốn thử một chiếc xe rất lịch sự và những bộ áo chắc phải tạo phong cách cho một mùa đông, song chủ yếu là muốn xem một chiếc áo choàng mà một trong những bà bạn của

họ đã để ý tại một cửa hàng quần áo sang trọng ở góc phố Hòa Bình. Khi ba phụ nữ này bước vào cửa hàng, nam tước phu nhân De Fontaine kéo tay áo Emilie và chỉ cho cô Maximilien Longueville ngồi trong quầy và đang bận trả lại với phong vận nhà buôn, chỗ lẻ của một đồng tiền vàng, cho một cô hàng quần áo dường như đang cùng chàng bàn luận. *Người lạ tuấn tú* cầm trên tay vài mẫu hàng khiến không còn nghi ngờ gì về nghề nghiệp đáng kính của chàng. Emilie rung mình lạnh buốt mà không ai có thể nhận thấy. Nhưng nhờ phép xử thế của giới thượng lưu, cô hoàn toàn che giấu được cơn giận trong lòng, và trả lời bà chị một câu: – Em biết rồi! mà ngữ điệu phong phú và âm sắc không thể bắt chước có lẽ khiến cho diễn viên nổi tiếng nhất của thời đó phải ghen. Cô tiến về phía quầy. Longueville ngẩng đầu lên, đặt các mẫu hàng vào túi và, với một vẻ bình tĩnh đến nỗi lòng chàng chào tiểu thư De Fontaine rồi vừa lại gần cô vừa chiếu vào cô một cái nhìn sắc sảo.

– Thưa cô, – chàng nói với cô hàng quần áo đang theo sau chàng với vẻ lo lắng, – tôi sẽ cho người đi thanh toán khoản này; hăng chúng tôi muốn vậy. Mà này, – chàng vừa nói thêm vào tai cô gái vừa đưa cho cô ta tờ một ngàn phơ-răng, – cầm lấy: đây là việc giữa chúng ta. – Thưa tiểu thư, tôi hy vọng được tiểu thư thứ lỗi, – chàng quay về phía Emilie nói. – Tiểu thư làm ơn bỏ quá cho sự bó buộc vì công việc.

– Nhưng thưa ngài, tôi nghĩ là điều đó chẳng quan hệ gì đến tôi cả, – tiểu thư De Fontaine vừa trả lời vừa nhìn chàng một cách tự tin và với vẻ vô tư lự đầy nhạo báng có thể khiến người ta tưởng là cô nhìn thấy chàng lần đầu.

– Tiểu thư nói nghiêm chỉnh? – Maximilien hỏi với giọng dứt quãng.

Emilie quay lưng lại chàng với vẻ xác xược không ngờ. Những từ ít ỏi, được thấp giọng thốt ra, thoát khỏi sự tò mò của hai cô chị dâu. Sau khi lấy chiếc áo choàng, ba người phụ nữ lên xe, thì Emilie ngồi ở đằng trước không thể kìm mình nhìn bao quát lần cuối phía sâu cái tiệm khảm ốc, cô thấy Maximilien đứng đó, trong tư thế một người ở cao hơn cái tai họa đánh trúng anh đột ngột đến

thế. Mắt họ gặp nhau, chiếu vào nhau hai cái nhìn không nao núng. Mỗi người hy vọng làm tổn thương dữ dội trái tim mình yêu. Phút chốc, cả hai thấy người nọ xa người kia như thể một người đang ở Trung Quốc còn người kia ở Groënland. Tính kiêu căng chẳng phải có một hơi thổi làm khô héo mọi thứ hay sao? Bị giằng xé bởi cuộc đấu tranh dữ dội nhất có thể giày vò trái tim một cô gái, tiểu thư De Fontaine bội thu một mùa đau đớn, những định kiến và những điều nhỏ mọn chưa từng gieo vào tâm hồn con người nhiều đau đớn đến như thế. Mặt cô vừa mới tươi tắn và mượt mà, nay vằn vện sắc vàng, vết đỏ và đôi lúc, nước da trắng trên đôi má bỗng tái đi. Hy vọng che giấu các chị sự bối rối của mình, cô vừa cười vừa chỉ cho họ khi thì một người đi qua, khi thì một cách ăn mặc kỳ cục, nhưng cái cười lại co giật. Cô cảm thấy bị xúc phạm bởi sự đồng cảm lạnh lẽo của các chị hơn là bởi những lời châm chích lẽ ra họ có thể dùng để trả thù. Cô sử dụng toàn bộ trí lực để cuốn họ vào một câu chuyện qua đó cô cố làm thoát cơn giận của mình ra bằng những ý ngược đời rồ dại, tới tấp đổ lên đầu các thương gia những lời chửi rửa chua chát nhất và những lời châm biếm khó nghe. Về tới nhà, cô lên một cơn sốt thoát tiên có cái gì đó nguy hiểm. Sau một tháng, sự chăm sóc của bố mẹ, của thầy thuốc trả cô lại cho nguyện ước của gia đình. Mỗi người đều hy vọng bài học này đủ mạnh để chế ngự tính cách của Emilie đang dần lấy lại những thói quen cũ và lại lao vào giới giao tế. Cô cho rằng sai lầm chẳng có gì đáng xấu hổ. Cô bảo rằng nếu cô có ảnh hưởng nào đó ở nghị viện, như cha cô, thì cô sẽ đề xuất một đạo luật để người buôn bán, nhất là những người bán vải trúc bầu, phải bị đóng dấu ở trán như cừu ở vùng Berri, cho tới đời thứ ba. Cô muốn chỉ người quý tộc mới có quyền mặc y phục xưa kia của nước Pháp rất hợp với triều thần của vua Louis XV. Cứ nghe cô thì có lẽ đó là một tai họa cho nền quân chủ là không có sự khác biệt rõ rệt nào giữa một người bán hàng và một nguyên lão nghị viện nước Pháp. Hàng ngàn câu nói đùa khác dễ đoán ra được, nhanh chóng nối tiếp nhau khi một sự việc bất ngờ đặt cô trước chủ đề này. Nhưng những người yêu quý Emilie nhận thấy trong các lời cười nhạo đó một sắc buồn. Tất nhiên Maximilien Longueville vẫn ngự trị ở đáy con tim không lý giải nổi này. Đôi khi cô trở nên dịu

dàng như trong cái mùa thoáng qua, cái mùa nhìn thấy tình yêu của cô hé nở, và cũng đôi khi cô tỏ ra khó chịu hơn bao giờ hết. Mọi người đều bỏ qua sự thất thường của một tính khí bắt nguồn từ một nỗi đau khổ thầm kín song ai cũng biết. Bá tước De Kergarouët đạt được chút quyền lực đối với cô nhờ tăng thêm những tiêu xài hoang phí, loại an ủi ít khi thiếu hiệu lực đối với các cô gái Paris. Lần đầu tiên tiểu thư De Fontaine đi dự vũ hội là ở chỗ ngài đại sứ Naples. Lúc cô đứng vào nhóm hào hoa nhất trong những nhóm nhảy bộ tứ, cô thấy cách cô vài bước Longueville đang gật nhẹ đầu với bạn nhảy của cô.

– Chàng trai kia ở trong số bạn bè của ngài? – Cô hỏi người bạn nhảy của mình với vẻ coi thường.

– Em tôi đấy, – anh ta trả lời.

Emilie không thể nén rung mình.

– Chà, – anh ta nói tiếp bằng một giọng phấn khởi, – đấy là một tâm hồn đẹp đẽ nhất trên đời...

– Ngài có biết tên họ tôi không? – Emilie hỏi, nóng nảy ngắt lời anh ta.

– Không, thưa tiểu thư. Tôi thú nhận đấy là trọng tội vì đã không nhớ một cái tên ai ai cũng nhắc tới, lẽ ra tôi phải nói ai ai cũng để trong lòng; nhưng tôi có một lý do có thể tha thứ: tôi vừa từ Đức về. Đại sứ của tôi đang nghỉ phép tại Paris phái tôi tới nay đến đây để trông nom bà vợ dễ thương của ngài, mà tiểu thư có thể không thấy ở góc kia kia.

– Một bộ mặt bi thảm thực sự, – Emilie nói sau khi quan sát bà đại sứ.

– Mà đấy là bộ mặt dự vũ hội của bà ấy, – chàng trai cười nói tiếp. – Tôi sẽ phải đưa bà ra nhảy! Vì thế tôi đã muốn có sự đền bù. Tiểu thư De Fontaine nghiêng mình. – Tôi đã rất ngạc nhiên, – viên thư ký đại sứ ba hoa nói tiếp, – thấy em tôi ở đây. Khi từ Vienne về, tôi được biết là cậu chàng tội nghiệp bị ốm và nằm liệt giường. Tôi đã định thăm nó trước khi tới buổi khiêu vũ; nhưng chính trị không phải lúc nào cũng cho ta rảnh rang để có tình cảm gia đình. *Bà chủ nhà* không cho phép tôi tới nhà Maximilien

tội nghiệp.

– Em ngài không ở trong ngành ngoại giao như ngài ư? – Emilie nói.

– Không, – viên thư ký thờ dài nói, – cậu bé tội nghiệp hy sinh cho tôi. Nó và em gái Clara tôi đã từ bỏ tài sản của cha tôi để ông có thể tập trung cho tôi một tài sản thế tập. Cha tôi mơ chức nguyên lão nghị viên như tất cả những người bỏ phiếu cho nội các. Người ta đã hứa phong chức cho ông, – anh ta thấp giọng nói thêm. – Sau khi tập hợp được một số vốn, thế là em tôi hợp tác với một nhà ngân hàng và tôi biết nó vừa làm với Bra-xin một vụ đầu tư có thể khiến nó thành triệu phú. Tiểu thư thấy tôi rất vui vì bằng quan hệ ngoại giao của mình đã góp phần vào thành công. Thậm chí tôi nóng lòng chờ một bức điện của sứ đoàn Bra-xin thuộc loại khiến trán nó giãn ra. Tiểu thư thấy nó thế nào?

– Nhưng tôi thấy mặt em trai ngài không có vẻ là của một người lo lắng vì tiền bạc.

Nhà ngoại giao trẻ đưa mắt dò xét vẻ mặt bề ngoài rất bình thản của người bạn nhảy.

– Chưa, – anh ta mỉm cười nói, – vậy các tiểu thư cũng đoán được những ý nghĩ yêu đương qua những vầng trán câm lặng ư?

– Em ngài đang yêu sao? – Cô hỏi, để lộ một cử chỉ tò mò.

– Vâng, Clara em tôi, mà nó chăm như mẹ chăm con, có viết cho tôi là hè này nó phải lòng một người rất xinh; nhưng từ đó tôi không có tin tức gì về chuyện yêu đương của nó. Tiểu thư có tin là cậu bé tội nghiệp này dậy vào năm giờ sáng, và đi giải quyết nhanh công việc để có thể có mặt ở vùng thôn quê của người đẹp vào bốn giờ không? Vì thế nó đã làm hỏng một con ngựa nòi tuyệt đẹp mà tôi gửi cho. Hãy thứ lỗi cho tạt ba hoa của tôi, thưa tiểu thư: tôi vừa từ Đức về. Từ một năm nay, tôi chẳng được nghe nói tiếng Pháp chuẩn, tôi bị tách khỏi những khuôn mặt Pháp và chán chê mặt Đức, đến nỗi trong cơn cuồng ái quốc, tôi tin là tôi sẽ nói chuyện với những hình quái vật gắn trên một cột đèn ở Paris. Rồi thì nếu tôi nói những chuyện linh tinh không hợp với một nhà ngoại giao thì lỗi là do tiểu thư đấy. Chẳng phải là tiểu

thư đã chỉ em tôi cho tôi? Khi nói về nó, tôi thao thao bất tuyệt. Tôi những muốn nói với cả trái đất là nó tốt và hào hiệp biết bao. Đây là không nói chút nào về một trăm ngàn phơ-răng lợi tức do đất đai nhà Longueville đem lại đấy.

Nếu tiểu thư De Fontaine đạt được những tiết lộ quan trọng này, cũng một phần nhờ cô biết khéo léo gạn hỏi người bạn nhảy cả tin, từ lúc cô biết đó là anh trai của người yêu bị mình chê.

– Liệu ngài có thể nhìn mà không buồn lòng em ngài bán vải mu-xơ-lin và trúc bầu? – Emilie hỏi sau khi hoàn thành bước thứ ba trong điệu nhảy đôi.

– Do đâu mà tiểu thư biết điều đó? – Nhà ngoại giao hỏi cô. – Ồn Chúa! Trong lúc tuần hàng tràng lời lẽ, tôi đã khéo léo chỉ nói những gì mình muốn, như tất cả những nhà ngoại giao tập sự mà tôi biết.

– Ngài có nói với tôi điều này, tôi cam đoan với ngài.

Ngài De Longueville nhìn tiểu thư De Fontaine với vẻ ngạc nhiên đầy sáng suốt. Một mối ngờ gieo vào lòng ngài. Ngài lần lượt đưa mắt dò hỏi em trai và bạn nhảy của mình, ngài đoán ra tất cả, chấp tay, ngược mắt lên trần, cười và nói: – Tôi chỉ là một gã ngốc! Tiểu thư là người đẹp nhất vũ hội, em tôi nhìn trộm tiểu thư, nó khiêu vũ dù bị sốt và tiểu thư vờ như không thấy nó. Hãy làm cho nó hạnh phúc, ngài nói khi đưa cô về cạnh ông cậu của cô, tôi sẽ chẳng ghen đâu; nhưng tôi sẽ luôn rùng mình đôi chút khi gọi tiểu thư là em...

Nhưng đôi người yêu chắc vẫn đều riết róng với bản thân như nhau. Khoảng hai giờ sáng, người ta dọn một bữa ăn nguội tại một gian phòng rộng mênh mông, bàn được xếp như ở hàng ăn để những người cùng hội tự do quây quần. Do một trong những ngẫu nhiên vẫn xảy ra với những người yêu nhau, tiểu thư De Fontaine ngồi ở một bàn cạnh chiếc bàn có những người lịch sự nhất ngồi quanh. Maximilien ở trong nhóm này. Giống một tai chú ý đến lời nói của những người ngồi bàn bên, Emilie nghe được một trong những cuộc trò chuyện hình thành hết sức dễ dàng giữa các phụ nữ trẻ và các chàng trai có dáng vẻ ưu nhã và phong thái của

Maximilien Longueville. Người trò chuyện cùng nhà ngân hàng trẻ là một nữ công tước xứ Naples mắt long lanh và nước da trắng có ánh xa-tanh. Chàng Longueville làm ra bộ thân mật với bà ta khiến tiểu thư De Fontaine bị tổn thương, càng tổn thương hơn vì cô vừa trả lại người yêu gấp hai chục lần niềm thương mến xưa kia cô cho chàng.

– Vâng, thưa ngài, ở nước tôi, tình yêu thực sự biết hy sinh đủ thứ, – nữ công tước vừa nói vừa làm duyên.

– Các bà say mê hơn phụ nữ Pháp, – Maximilien nói và rọi ánh mắt cháy bỏng vào Emilie. Họ rất tự phụ.

– Thưa ngài, – cô gái sôi nổi đối đáp, – phỉ báng tổ quốc mình chẳng phải là một hành động xấu sao? Lòng tận tụy có ở mọi xứ sở.

– Tiểu thư có tin, – người phụ nữ Ý nói tiếp với một nụ cười cay độc, – là một cô gái Paris có thể theo người yêu đi mọi nơi?

– Chà, ta phải hiểu nhau, thưa phu nhân. Người ta tới sa mạc sống trong lều, người ta không tới ngồi trong một cửa hàng.

Cô vừa nói hết câu vừa để buột ra một cử chỉ khinh thường. Như vậy ảnh hưởng của nền giáo dục tai hại đã hai lần giết chết hạnh phúc chớm nở của cô, và khiến đời cô lờ đờ. Vẻ lạnh lùng bề ngoài của Maximilien và nụ cười của một phụ nữ khiến cô bật ra một trong những lời châm chọc mà sự thích thú ác hiểm luôn lôi cuốn cô.

– Thưa tiểu thư, – Longueville nói nhỏ với cô nhờ tiếng ồn của các bà khi đứng dậy khỏi bàn, – chẳng ai nồng nhiệt chúc cho hạnh phúc của tiểu thư hơn là tôi. Cho phép tôi quả quyết điều này khi tạm biệt tiểu thư. Vài hôm nữa tôi sẽ đi Ý.

– Chắc với một nữ công tước?

– Không, thưa tiểu thư, mà có lẽ với một căn bệnh chết người.

– Chẳng phải là chuyện hảo huyền sao? – Emilie vừa hỏi vừa đưa mắt lo lắng nhìn chàng.

– Không, – chàng nói, – có những vết thương không bao giờ lành.

- Ngài sẽ không đi, – cô gái kiêu ngạo mỉm cười nói.
- Tôi sẽ đi, – Maximilien nghiêm trang tiếp lời.
- Ngài sẽ thấy tôi có gia đình khi quay về, tôi báo trước với ngài, – cô đồng đánh nói.
- Tôi mong như vậy.
- Kẻ láo xược, – cô kêu lên, – anh ta trả thù mới độc ác chứ!

Mười lăm ngày sau, Maximilien cùng cô em Clara đi tới những vùng nóng ẩm và nên thơ của nước Ý tươi đẹp, để lại tiểu thư De Fontaine với bao nuối tiếc dày vò dữ dội. Viên thư ký đại sứ trẻ đứng về phía em trai, và biết cách trả thù oanh liệt sự khinh thường của Emilie bằng cách công bố những lý do đoạn tuyệt của hai người. Anh trả lại cô bạn nhảy một cách quá mức những lời châm biếm cô từng trút lên Maximilien, và thường khiến cho nhiều Đức ngài phải mỉm cười khi miêu tả kẻ thù kiêu diễm của các quây hàng, vị nữ trượng phu tuyên truyền một cuộc thập tự chinh chống lại các chủ ngân hàng, cô gái mà tình yêu tan thành mây khói trước hai tác vãi mu-xơ-lin. Bá tước De Fontaine buộc phải sử dụng uy tín của mình để Auguste Longueville được cử sang công cán tại Nga, để con gái thoát khỏi sự lố bịch mà kẻ hành hạ trẻ tuổi và nguy hiểm đó trút đầy xuống cô. Chẳng bao lâu, nội các, buộc phải cử một số nguyên lão nghị viên để ủng hộ tư tưởng quý tộc đang chao đảo trong nghị viện cao quý trước tiếng nói của một nhà văn nổi tiếng, đã phong ngài Guiraudin de Longueville làm nguyên lão nghị viên nước Pháp và làm tử tước. Ngài De Fontaine cũng đạt được chức nguyên lão nghị viên, phần thưởng có được nhờ sự trung thành của ngài trong những ngày đen tối cũng như nhờ tên họ của ngài còn thiếu tại nghị viện thế tập.

Vào thời kỳ này, Emilie đến tuổi trưởng thành chắc có những suy nghĩ nghiêm túc về cuộc đời, vì cô thay đổi rõ rệt giọng điệu và cung cách: thay vì nói năng những lời cay độc với ông cậu mình, cô đem nạng cho ngài với một vẻ dịu dàng bền bỉ khiến những người hay đùa bật cười; cô đưa tay cho ngài vịn, đi trong xe ngài và cùng theo tất cả những lần ngài đi dạo; cô thậm chí còn

thuyết phục ngài là cô ưa mùi tẩu thuốc của ngài và đọc cho ngài tờ *Nhật báo* ngài ưa thích giữa những bụi khói mà người thủy thủ tinh nghịch chủ định nhả vào cô; cô học chơi bài pi-kê để đối đầu với bá tước già; cuối cùng cô gái trẻ hết sức đồng bóng này nhẫn nại nghe những câu chuyện thường kỳ về cuộc chiến của con tàu *La Belle-Poule*, sự vận hành của con tàu *La Ville-de-Paris*, chuyến thám hiểm đầu tiên của ngài De Suffren, hay trận chiến ở Aboukir. Dù người thủy thủ già thường nói ngài biết quá rõ kinh tuyến, vĩ tuyến của mình nên không để cho mình bị một chiếc tàu chiến trẻ tóm bắt, nhưng vào một sáng, các phòng khách ở Paris biết tin cuộc hôn nhân của tiểu thư De Fontaine và bá tước De Kergarouët. Bá tước phu nhân trẻ tuổi tổ chức những buổi hội hè lộng lẫy để khuây khỏa; nhưng chắc bà thấy hư không ở đáy cơn xoáy lốc quay cuồng này; sự xa hoa che đậy không hết cái trống rỗng và nỗi bất hạnh trong tâm hồn đau đớn của bà; phần lớn thời gian, bất chấp vẻ rạng rỡ của một niềm vui giả vờ, khuôn mặt kiêu diễm của bà biểu lộ một mối sầu thâm kín. Ngoài ra Emilie không tiếc lòng chăm chút ông chồng già của mình, người tối tối khi về phòng trong âm thanh của một dàn nhạc vui thường nói: – Tôi chẳng nhận ra mình nữa. Vậy ra tôi phải đợi tuổi bảy mươi hai để lên tàu *Emilie kiêu diễm*, sau hai mươi năm khổ sai chèo con thuyền chồng vợ ư? Cách xử sự của bá tước phu nhân nghiêm nghị đến mức sự chỉ trích sáng suốt nhất cũng chả có gì để quở trách về việc đó. Những người hay quan sát nghĩ rằng ngài phó đô đốc đã giữ quyền tùy ý sử dụng tài sản của ngài để trói buộc vợ chặt hơn: giả thiết này bất công cả với ông cậu lẫn cô cháu. Và chẳng thái độ của hai vợ chồng được tính toán khéo léo đến nỗi những thanh niên quan tâm nhất tới việc phán đoán những bí mật của cặp vợ chồng này cũng không thể đoán được liệu bá tước già đối xử với vợ như chồng hay cha. Người ta thường nghe ngài nói đã đón cháu mình như đón một người đắm tàu, và rằng trước kia, ngài chưa bao giờ lạm dụng việc cho trú ngụ khi ngài phải cứu một kẻ thù khỏi bão tố dữ dội. Dù bá tước phu nhân hy vọng ngự trị Paris và bà cố sánh vai với các nữ công tước De Maufrigneuse, De Chaulieu, các nữ hầu tước D'Espard và D'Aiglemont, các nữ bá tước Féraud, De Montcomet, De Restaud, phu nhân De Camps và

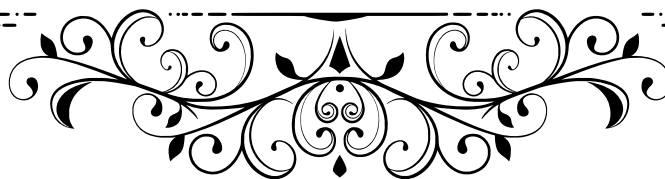
tiểu thư Des Touches, bà không hề nhượng bộ trước tình yêu của tử tước trẻ De Portenduère, chàng coi bà là thần tượng của mình.

Hai năm sau ngày cưới, tại một trong những phòng khách cổ kính khu Saint-Germain, nơi mọi người ngưỡng mộ tính cách xứng với thời xưa của bà, Emilie nghe báo có ngài tử tước De Longueville tới; và trong góc phòng nơi bà chơi pi-kê với giám mục De Persépolis, niềm xúc động của bà không thể bị ai nhận thấy: khi ngoảnh lại, bà nhìn thấy người đeo đuổi mình ngày trước trong toàn bộ vẻ rạng rỡ của tuổi thanh xuân. Cái chết của người cha và cái chết của anh trai do khí hậu khắc nghiệt ở Pétersbourg đã đặt lên đầu Maximilien chòm lông vũ kế thừa của chiếc mũ nguyên lão nghị viên; tài sản của chàng nhiều ngang sự hiểu biết và tài cán nơi chàng; ngay hôm trước, tài hùng biện trẻ trung và sôi nổi của chàng đã soi sáng cuộc nghị hội. Lúc này, trước bá tước phu nhân buồn tủi, chàng hiện ra tự do và có tất cả những ưu thế bà từng đòi hỏi trước đây ở kiểu mẫu lý tưởng của bà. Tất cả các bà mẹ có con cần gả chồng đều sẵn đón cầu thân với một chàng trai được phú bẩm những đức tính mà người ta cho là chàng có khi ngưỡng mộ vẻ duyên dáng của chàng; nhưng hơn ai hết, Emilie biết rằng tử tước De Longueville có sự cứng rắn trong tính cách, ở đó những phụ nữ thận trọng thấy một sự bảo đảm cho hạnh phúc. Bà đưa mắt nhìn đô đốc, người có vẻ theo cách nói quen thuộc của ngài, còn phải trụ được lâu trên tàu, và bà nguyên rủa những lỗi lầm thời niên thiếu của mình.

Lúc này, ngài De Persepolis bảo bà với phong vận giám mục của ngài: – Thừa phu nhân kiêu diễm, bà đã loại mất con K cơ*, tôi thắng. Nhưng bà đừng tiếc số tiền thua, tôi dành nó cho các tiểu chủng viện của mình.

Paris, tháng Mười hai năm 1829

ĐỖ PHƯƠNG MAI
dịch



HỒI KÝ CỦA HAI NGƯỜI VỢ TRẺ

MÉMOIRES DE DEUX JEUNES MARIÉES



Như Balzac đã xác định trong Lời nói đầu của công trình này, ông coi “yếu tố đích thực của Xã hội là Gia đình, chứ không phải cá nhân”. Hồi ký của hai người vợ trẻ (1841), cuốn tiểu thuyết bằng thư chứa đựng những ý tưởng sâu sắc về hôn nhân, chức năng của người phụ nữ và gia đình, chủ đề chiếm vị trí quan trọng trong Tấn trò đời.

Hồi ký của hai người vợ trẻ bao gồm năm mươi bảy lá thư trao đổi tâm tình giữa hai người bạn gái, Renée de Maucombe và Louise de Chaulieu, và những người thân của họ. Những lá thư dựng lại cả quãng đời mười hai năm (từ 1823 đến 1835) nhiều biến động, kể từ khi hai thiếu nữ đầy mơ mộng rời khỏi tu viện dòng Carmélites, chia tay nhau, người sống nơi tỉnh lẻ, kẻ quay lại Paris. Hai số phận hoàn toàn khác biệt đón chờ hai thiếu nữ ở hai nơi.

Tại Paris phồn hoa, nàng Louise tóc vàng khám phá ra vẻ đẹp của một tâm hồn cao thượng ẩn giấu dưới bề ngoài xấu xí của chàng gia sư Henarez. Cô đã có một mối tình lãng mạn, đã có được cuộc hôn nhân vì tình yêu, khác với nàng Julie bất hạnh của Rousseau, và cô trở thành bà nam tước De Macumer vì Henarez xuất thân quý tộc. Nhưng hạnh phúc không được bền lâu, vì cô muốn biến người mình yêu thành kẻ nô lệ của tình yêu, hy sinh tất cả vì cô, cuối cùng dẫn đến cái chết

của chàng hiệp sỹ, nỗi bất hạnh đầu tiên của cô. Bà nam tước De Macumer, bốn năm sau trở thành bà Gaston, biết đến một nỗi bất hạnh khác, với cuộc hôn nhân thứ hai. Lần này, vẫn yêu nồng nàn, vẫn muốn vươn tới cái tuyệt đối, Louise tự biến mình thành kẻ nô lệ vì tình, trước một người đàn ông kém nàng về tuổi tác cũng như địa vị xã hội. Tình yêu mù quáng, lòng ghen tuông ích kỷ đã kết thúc cuộc đời nàng Louise kiêu diễm, mơ mộng.

Nơi tỉnh lẻ, Renée, cô thiếu nữ tóc đen xinh đẹp, có một cuộc sống khác hẳn với bạn. Cô đến với hôn nhân không phải vì tình yêu, nhưng cô hoàn toàn bằng lòng với cuộc sống gia đình của mình. Là một người đầy lý trí và có tham vọng, cô đã hy sinh những mơ mộng thời thiếu nữ để giúp chồng – một người thuộc dòng dõi quý tộc tỉnh lẻ đã sa sút, bị chiến tranh vùi dập – đứng vững và vươn tới tương lai. Những hy sinh đã được đền đáp, Renée có được một gia đình hạnh phúc với những đứa con ngoan ngoãn, và chồng cô với địa vị xã hội ngày càng được nâng cao, trở thành một trong những nhân vật quan trọng của nền quân chủ tháng Bảy.

Renée đã đạt được tất cả những điều cô mong ước, Louise phải gánh chịu những bất hạnh của cuộc đời. Balzac tạo dựng hai nhân vật với hai tính cách trái ngược, từ đó dẫn tới hai số phận hoàn toàn khác nhau. Một nàng Louise đam mê cháy bỏng, mong muốn được yêu và yêu hết mình. Một nàng Louise kiêu hãnh trước cô bạn Renée không được biết những say đắm của tình yêu. Nhưng chính khát vọng mãnh liệt đó đã đẩy Louise đi từ cực này sang cực khác. Hai cuộc hôn nhân, hai kết cục bi thương: những kẻ nô lệ của tình yêu, như nam tước De Macumer và Louise, đã bị ngọn lửa tình tiêu diệt. Louise đã phải thú nhận những sai lầm của mình trước một Renée sáng suốt, một Renée biết hy sinh những ham muốn tình cảm, ý thức được vai trò người vợ trong gia đình và trong xã hội. Vì thế, khác với Louise, cô đã đưa người đàn ông kiệt quệ sau bao nhiêu bất hạnh trở lại với đời, có một tổ ấm gia đình và một sự nghiệp đầy hứa hẹn.

Nhưng hai số phận trái ngược nhau không chỉ do hai tính cách, Balzac để cho Louise thú nhận thất bại của mình với Renée, có nghĩa là công nhận sai lầm của cô về quan niệm hạnh phúc và hôn nhân. Mặc dù nhân vật Louise để lại trong lòng độc giả những tình cảm sâu

sắc, những đam mê tình yêu trong cô thực sự hấp dẫn*, Balzac vẫn muốn Renée là người chiến thắng. Người phụ nữ phải như Renée, nhận thức được vai trò của mình trong gia đình, trong xã hội, biết hy sinh để xây dựng hạnh phúc gia đình bền lâu. Vì theo Balzac thì gia đình là một yếu tố vô cùng quan trọng tạo thành xã hội, là hình ảnh thu nhỏ của xã hội. Trong Hồi ký của hai người vợ trẻ, Balzac còn cho thấy những suy nghĩ, những tư tưởng chính trị của ông. Sự trở lại cuộc đời và những thành công của *De l'Estorade*, không chỉ có ý nghĩa đối với chủ đề hôn nhân và gia đình. Qua đó, Balzac còn thể hiện ước muốn về thành công của những người quý tộc biết thỏa hiệp và theo gương tầng lớp tư sản đang lên, ông hiểu rằng những kỳ vọng đối với tầng lớp quý tộc đã bất lực và một hệ thống chính trị đã lỗi thời là ảo tưởng.

Những chủ đề nghiêm túc được Balzac khéo léo lồng vào trong câu chuyện về Những cảnh đời tư. Với thể loại tiểu thuyết bằng thư, đã rất thành công ở thế kỷ XVIII, Balzac đưa ra suy nghĩ về những vấn đề lớn của xã hội một cách hoàn toàn tự nhiên, qua những trao đổi tâm sự của một tình bạn cao đẹp.

BỨC THƯ THỨ XX

RENÉE DE L'ESTORADE GỬI LOUISE DE CHAULIEU

Tháng Năm

(...) Nếu như tình yêu là sự sống của thế giới, tại sao các nhà triết học khắc khổ lại xóa bỏ tình yêu trong hôn nhân? Tại sao xã hội lại coi là đạo luật tối cao việc hy sinh người Phụ nữ cho Gia đình đồng thời lại tạo một cách tất yếu như vậy một cuộc chiến âm thầm trong hôn nhân? Cuộc chiến đã được xã hội tính trước và nguy hiểm đến mức xã hội đã tạo ra những quyền lực để trang bị vũ khí cho người đàn ông chống lại chúng ta, đồng thời đoán trước rằng chúng ta có thể triệt tiêu được tất cả hoặc bằng sức mạnh của tình thương mến hoặc với sự dai dẳng của lòng thù hận được giấu kín. Vào thời điểm này, tôi nhìn thấy trong hôn nhân hai sức mạnh đối kháng lẽ ra nhà lập pháp phải kết hợp lại với

nhau; khi nào những sức mạnh này sẽ tập hợp lại với nhau? Đây là điều tôi tự nhủ khi đọc thư bạn. Ôi! Bạn thân yêu, chỉ một trong những bức thư của bạn đủ phá đổ tòa nhà được nhà văn lớn xứ Aveyron dựng nên, nơi tôi đã từng trú ngụ với một niềm thỏa mãn êm dịu. Luật pháp được những người già cả tạo dựng ra, những người phụ nữ nhận thức được điều đó; họ đã ra quyết định một cách vô cùng khôn ngoan rằng tình yêu vợ chồng không có nỗi đam mê không hề làm chúng ta trở nên hèn hạ, và rằng một người phụ nữ phải tự dâng hiến hoàn toàn, không tình yêu, một khi luật pháp cho phép người đàn ông coi người phụ nữ là của mình. Bạn tâm tới gia đình, họ bắt chước thiên nhiên, chỉ lo sao duy trì nòi giống. Trước đây, tôi là một con người, và giờ đây tôi là một đồ vật! Tôi đã nuốt nhiều giọt nước mắt nơi xa, một mình cô đơn, tôi đã mong được đổi lấy một nụ cười an ủi. Sự bất bình đẳng của số phận chúng ta sinh ra từ đâu vậy? Tình yêu được phép đang làm tâm hồn bạn thêm lớn lao. Với bạn, đạo đức sẽ có được trong thú vui. Bạn chỉ phải chịu đau khổ vì chính ước muốn của mình. Nghĩa vụ của bạn, nếu như bạn kết hôn với Felipe, sẽ trở thành tình cảm êm dịu nhất, lan tỏa nhất. Tương lai của chúng ta mang nặng lời giải đáp, tôi chờ đợi nó với một nỗi tò mò, lo lắng.

Bạn đang yêu, bạn đang được tôn thờ. Ôi! Bạn thân yêu, bạn hãy hoàn toàn hiến dâng cho ánh thơ đẹp dễ mà chúng ta từng rất quan tâm. Sắc đẹp của người phụ nữ vô cùng tinh tế và đầy chất trí tuệ trong bạn được Chúa tạo ra như vậy để quyến rũ và được yêu mến: Chúa có những dự định của mình. Đúng thế, hỡi thiên thần của tôi, hãy giữ bí mật niềm thương mến của bạn và hãy đưa tới cho Felipe những thử thách tế nhị mà chúng ta sáng tạo ra để được biết người yêu chúng ta mơ tưởng có xứng đáng với chúng ta không. Trước tiên, cần phải biết rõ bạn có yêu chàng không hơn là biết chàng có yêu bạn không: không gì gây lăm lăm hơn cái ảo tưởng sinh ra trong tâm hồn chúng ta bởi sự tò mò, ước muốn và niềm tin vào hạnh phúc. Bạn là người duy nhất trong hai chúng ta, vẫn còn toàn vẹn, bạn thân yêu, đừng có liều mình mà chẳng có bảo đảm trong giao kèo nguy hiểm của một cuộc hôn nhân không thay đổi được, tôi cầu xin bạn đấy! Đôi khi một cử chỉ, một

lời nói, một ánh mắt trong một cuộc nói chuyện không nhân chứng, khi tâm hồn không còn kiểu cách xã giao giả dối, rọi sáng các vực thẳm. Bạn đủ cao quý và tự tin vào mình để có thể mạnh bạo đi trên những nẻo đường nơi các kẻ khác sẽ lạc lối. Bạn không biết được rằng tôi đã theo bạn với nỗi lo âu như thế nào đâu. Mặc dù xa cách, tôi vẫn nhìn thấy bạn, cảm nhận những nỗi xúc động của bạn. Vì thế, nhớ viết cho tôi nhé, đừng bỏ sót điều gì nhé! Những bức thư của bạn sẽ cho tôi có một cuộc sống say mê giữa khung cảnh gia đình rất giản đơn, rất bình lặng, bằng phẳng một màu, như một con đường lớn vào ngày không có nắng. Hỡi thiên thần của tôi, những gì xảy ra ở đây, là một chuỗi các tranh cãi vụn vặt với chính tôi, hôm nay đây tôi vẫn muốn giữ bí mật về chúng, tôi sẽ kể với bạn sau. (...) Những suy nghĩ của tôi, giờ đây tôi suy nghĩ một mình, ngồi dưới chân núi đá trong khuôn viên của tôi, hướng tôi tới việc nghĩ rằng tình yêu trong hôn nhân là một điều ngẫu nhiên, không thể do pháp luật quy định, cái pháp luật phải cai quản tất cả. Nhà triết học xứ Aveyron của tôi có lý khi nhận định gia đình là đơn vị xã hội duy nhất có thể và buộc người phụ nữ phải phục tùng nó như đã từng phục tùng từ trước tới nay. (...) Giải pháp cho vấn đề lớn lao ấy, vấn đề gần như kinh khủng đối với chúng ta, là ở đứa con đầu lòng của chúng ta. Bởi thế tôi muốn làm mẹ, dù chỉ để cung cấp thức nuôi dưỡng cho hoạt động hào hứng của tâm hồn mình. (...)

BỨC THƯ THỨ XLVI

BÀ DE MACUMER GỬI BÀ BÁ TƯỚC DE L'ESTORADE

1829

(...) Ôi! Renée, tai họa này, tôi chỉ có thể nói được với mỗi mình bạn tầm lớn lao của nó. Ý thức về lỗi lầm của mình đè nặng lên tôi, và thật là một sự an ủi cay đắng được thổ lộ với bạn những lỗi lầm ấy, hỡi Cassandre tội nghiệp không được nghe lời. Tôi đã giết chết chàng vì những đòi hỏi, vì những ghen tuông không đúng lúc, vì những điều gây phiền nhiễu liên miên của mình. Tình yêu

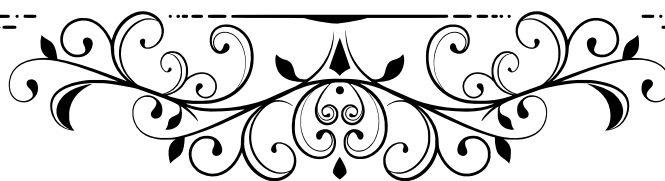
của tôi càng khủng khiếp hơn bởi chúng tôi có cùng một sự nhạy cảm cao nhã, cùng nói một ngôn ngữ, chàng hiểu tất cả một cách đáng khâm phục, và thường xuyên, lời nói đùa của tôi chạm tới tận đáy lòng chàng mà tôi không ngờ tới. Bạn không thể tưởng tượng được người nô lệ thân yêu của tôi tuân lệnh đến như thế nào đâu: đôi khi tôi nói với chàng hãy đi đi và để tôi ngồi một mình, chàng ra đi không hề bàn cãi về cái sự kỳ cục chắc làm chàng đau khổ đó. Cho tới khi trút hơi thở cuối cùng, chàng vẫn ban phúc lành cho tôi, bằng cách nhắc đi nhắc lại với tôi rằng, chỉ một buổi sớm mai thôi, chỉ có chàng với tôi, đối với chàng còn giá trị hơn cả một cuộc đời dài với người phụ nữ khác từng được yêu, dù đó là Marie Hérédia. Tôi khóc khi viết cho bạn những lời này. (...)

(...) Ôi! Renée, nếu như tôi đã không chết được, chắc chắn là vì Chúa đã giữ cho cân đối ý thức về nỗi bất hạnh với sức mạnh của những người đau khổ. Chỉ có phụ nữ chúng ta mới biết được những mất mát to lớn tới mức nào khi chúng ta mất đi một tình yêu không chút giả dối, một tình yêu lựa chọn, một nỗi say mê bền vững, những niềm vui thú của nó thỏa mãn cả tâm hồn lẫn bản chất tự nhiên. Khi nào chúng ta gặp được người đàn ông nhiều phẩm chất đến mức chúng ta có thể yêu không sợ mất phẩm giá? Gặp được người đàn ông đó là niềm hạnh phúc lớn nhất có thể tới với chúng ta, và chúng ta chắc không được gặp tới hai lần. Hỡi những người đàn ông thực sự mạnh mẽ và vĩ đại, mà đạo đức ẩn náu dưới thơ ca, mà tâm hồn có một vẻ đẹp cao cả, sinh ra để được tôn thờ, đừng có yêu, các người sẽ gây bất hạnh cho người phụ nữ và cho mình! Đây là điều mà tôi gào thét trên các lối đi trong khu rừng của tôi. Và không có được đứa con với chàng! Tình yêu không bao giờ cạn kiệt này, tình yêu luôn luôn mỉm cười với tôi, chỉ mang lại cho tôi những bông hoa và những niềm vui, tình yêu này lại không kết trái. Tôi là một kẻ bị nguyên rủa! Tình yêu thuần khiết và mãnh liệt mạnh mẽ như khi nó là tuyệt đối phải chăng cũng không sinh sôi nảy nở được như sự oán ghét, cũng như cái quá nóng của cát sa mạc và quá lạnh của cực địa cầu ngăn cản mọi sự sống? Phải chăng cần phải lấy một Louis

de l'Estorade để có một gia đình? Chẳng lẽ Chúa lại ghen tỵ với tình yêu ư? Tôi lại nói bậy rồi.

Tôi nghĩ rằng bạn là người duy nhất mà tôi có thể chịu được ở gần bên tôi; vậy hãy tới đây, chỉ có bạn mới ở được với một Louise đang có tang. Thật là một ngày khủng khiếp, cái ngày mà tôi phải đội mũ của những người đàn bà góa chồng! Khi tôi nhìn thấy mình trong bộ đồ đen, tôi ngã người xuống ghế và khóc tới tận đêm, tôi vẫn còn khóc khi kể với bạn về cái thời khắc khủng khiếp đó. Tạm biệt, viết cho bạn làm tôi mệt mỏi; tôi có quá nhiều những ý nghĩ, tôi không muốn diễn đạt những ý nghĩ ấy nữa. Hãy dẫn các con bạn tới đây, bạn có thể nuôi đứa bé sau cùng ở đây, tôi sẽ không ghen nữa; chàng không còn ở đó nữa và tôi sẽ vui khi được gặp đứa con đỡ đầu của mình; vì Felipe từng mong muốn có một đứa con giống như bé Armand. Tóm lại, hãy tới chia sẻ với tôi những nỗi buồn đau!...

TRỊNH THU HỒNG
tóm tắt và trích dịch



TÚI TIỀN LA BOURSE



Họa sĩ Hippolyte Schinner, bị ngã trong xưởng vẽ của mình, đã được cứu chữa bởi hai người phụ nữ hàng xóm ở tầng dưới khi họ nghe thấy tiếng người đổ vật xuống. Đó là người mẹ, nữ nam tước De Rouville, và cô con gái, thiếu nữ xinh đẹp Adélaïde. Cuộc sống của hai mẹ con, dường như kẻ cận sự đói khổ, trong một căn hộ tối tăm, nghèo nàn bởi theo lời người mẹ kể lại, thì người cha, nam tước De Rouville đã hy sinh trong khi phục vụ nền Cộng hòa và triều đình Bourbons đã bắt họ phải chờ đợi khoản tiền tuất và phải sống trong một kết cục như vậy.

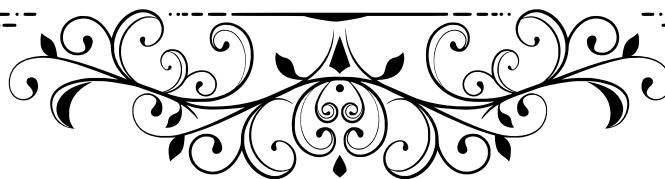
Hàng ngày, vào buổi tối, hai mẹ con được một viên đô đốc già viếng thăm, tháp tùng đô đốc là một ông bạn trung thành. Họ chơi bài và ngày nào cũng thế, các vị khách đều thua bài. Đến lượt mình, họa sĩ Schinner cũng trở thành người khách thường xuyên của căn phòng xoàng xĩnh đó. Nhưng có điều rất quan trọng mà anh không đoán ra và, không hiểu được là: sự giúp đỡ tế nhị bằng cách giả vờ thua bài của hai vị khách thượng lưu kia.

Một tối nọ, chàng họa sĩ ra về để quên trên bàn chơi bài một túi tiền, trong đó có khoảng 15 louis vàng. Chàng quay lại ngay nhưng thiếu nữ bảo rằng cô không thấy túi tiền đó. Chàng họa sĩ bị dày vò bởi sự nghi ngờ: những phụ nữ này là những kẻ đã thường xuyên “kiếm” được trong những ván bài chẳng? Phải chăng họ là những kẻ

xảo quyết, thủ đoạn, những kẻ trộm cắp? Chàng họa sĩ đau khổ vô cùng, bởi anh đã say mê, đã bị choáng váng trước gương mặt rạng rỡ thánh thiện của Adélaïde, đã tin tưởng ở nàng – thế mà anh lại đang bị mất lòng tin ghê gớm. Cuối cùng, chính vì yêu Adélaïde, vì không ngăn nổi lòng mình, anh đã trở lại căn phòng ấy, nơi anh không thể không trở lại: hóa ra là nàng đã làm tặng anh và còn thêm những hột cườm bằng vàng, một cái túi đựng tiền mới tuyệt đẹp (và nàng chỉ giữ cái túi cũ để lấy kiểu mẫu mà thôi). Một kết thúc hạnh phúc: lời cầu hôn đã hoàn tất cuộc phiêu lưu tình cảm của chàng họa sĩ.

Câu chuyện nhỏ thể hiện tinh tế một tình yêu nảy sinh, phát triển, rồi đau khổ, dần vạt... Nơi chốn, cũng như nhân vật, được miêu tả với những sắc thái giàu sức gợi, đưa người đọc vào thế giới chạng vạng của những cuộc đời nhạt nhòa, kín đáo, của những cảnh nghèo âm thầm, che giấu. Hầu như cả câu chuyện là một sự chuẩn bị thật kỹ càng, để gây không khí, sắp đặt các yếu tố tạo nên điều bí ẩn đến trang cuối cùng mới được giải quyết bằng một kết thúc có hậu.

CAO VŨ TRẦN
tóm tắt



MODESTE MIGNON

MODESTE MIGNON



Tiểu thuyết Modeste Mignon dày 241 trang được Balzac sáng tác từ tháng 3 đến tháng 7 năm 1844 trước lúc ông mất sáu năm. Mở đầu là khoảng mười dòng đề: “Tặng một người phụ nữ Ba Lan” khá ồn ào và cuồng nhiệt của Balzac. Câu chuyện xoay quanh tình yêu và hôn nhân của nàng Marie Modeste Mignon – con gái của bá tước đại tá Charles Mignon de la Bastie và người mẹ gốc Đức Bettina Wallenrod – sinh năm 1808. Trong câu chuyện, nàng đang ở vào tuổi hai mươi. Người chị của Modeste, Bettina-Caroline bỏ nhà theo người tình. Chuỗi bất hạnh dồn dập chưa buông tha gia đình Mignon: sự phá sản thình lình ập đến khiến chỉ trong một đêm Charles Mignon đã quyết định lên đường sang vùng Tiểu A buôn thuốc phiện thô để gây dựng lại cơ nghiệp: đó là vào tháng giêng năm 1826. Sau đó, ông không biết rằng Caroline đã chết trong bất hạnh, vợ trở thành mù lòa vì khóc con. Ông gửi gắm vợ cùng con gái cho gia đình Dumay, người chiến binh trung thành mà ông đã kết bạn từ khi gia nhập quân đội năm 1799 và đã gặp lại ở Sibérie năm 1812. Tình bạn của họ khi đó càng sâu nặng hơn bởi Charles Mignon dạy toán, dạy chữ cho Dumay. Sau chiến tranh, Dumay đã trở thành người thủ quỹ thân tín, tận tụy của gia đình Mignon. Trong tiểu thuyết ta sẽ còn gặp nhiều nhân vật lần lượt xuất hiện trong quá trình truyện kể và mỗi nhân vật đều được miêu tả thân thế, sự nghiệp, gia sản, hôn nhân, địa vị, dục vọng...

một cách rất kỹ càng tỉ mỉ. Đặc biệt, yếu tố thời gian để làm tăng tính “trung thành” của tác phẩm được “người thư ký” Balzac theo rất sát. Câu mở đầu của tiểu thuyết là:

“Vào đầu tháng 10 năm 1829, ngài Simon Babylas Latournelle, một công chứng viên..”

Và những dòng cuối khép lại trang tình sử cũng như cuộc hôn nhân của Modeste bằng một chỉ dẫn thời gian: “Vào khoảng cuối tháng 2...”.

Thời gian cốt truyện chỉ diễn ra trong năm tháng từ cuối 1829 sang đầu 1830 cũng là thời gian sau gần bốn năm Charles Mignon đi xa trở về. Diễn tiến câu chuyện chậm rãi với nhiều khúc quanh, rẽ hướng về tiểu sử nhân vật, tài sản, địa điểm, những bình luận ngoại đề về tình yêu, “sinh lý hôn nhân”, về văn chương, về các nhà văn quá khứ cũng như quan niệm của tác giả về tiểu thuyết khác với các nhà văn đương thời với ông ra sao... Đặc biệt, nhân vật trung tâm được soi rọi từ nhiều phía, những nâng niu, trọng vọng, sự giáo dục cũng như vốn hiểu biết về văn chương của Modeste xứng với địa vị và dòng dõi của gia đình, những quan tâm thiết thực và tinh tế của những người thân tín của gia đình Mignon đối với hạnh phúc của cô. Câu chuyện có thể tóm tắt như sau:

Sau khi người cha lên đường, Modeste chăm sóc mẹ bên cạnh sự quan tâm thường xuyên của những người bạn thân của gia đình như Dumay, Latournelle... Mặc dù bị mất đi ánh sáng của đôi mắt, mẹ nàng vẫn thấy được sự chuyển biến trong tình cảm của con gái. Nhưng vấn đề là nàng yêu ai? Lời thề của người lính chiến Dumay về việc giữ gìn danh dự cho nàng trước lúc cha nàng lên đường luôn luôn được ráo riết thực hiện. Bởi vậy, gần ba mươi trang đầu của tiểu thuyết là một mưu mô nhỏ của hai gia đình Latournelle và Dumay đồng lòng hòng tìm ra manh mối người mà Modeste đem lòng yêu. Trên đường đến gia đình Mignon, ngài Latournelle đã căn dặn cậu con trai, Exupère, người ngày mai sẽ lên đường về Paris học luật, rằng sau khi đã chào hỏi khắp lượt mọi người, khi không khí đã ổn định, ngài Dumay sẽ kéo cậu ra một góc, cậu sẽ nhìn Modeste một cách tò mò (điều cha cậu cho phép) trong suốt thời gian ngài nói chuyện với cậu. “Ngài Dumay đáng kính” sau đó sẽ yêu cầu cậu ra ngoài và đi chơi vào

khoảng một tiếng, độ chừng lúc 9 giờ, sẽ trở về với dáng vẻ tất bật; cố bắt chước cách thở của một người dứt hơi, sau đó nói vào tai ngài, khẽ thôi, cách sao đó để Modeste cũng nghe được: – Gã trai trẻ đó đến đấy! Sự việc tiến triển theo đúng kế hoạch.

Dumay vụt đứng dậy với những khẩu súng và ra ngoài... “Nhưng chuyện gì xảy ra thế ạ?”, đó là câu hỏi cực kỳ ngây thơ, trong sáng và chẳng có chút bối rối nào của Modeste. Rồi sau đó, khi được hỏi đi đâu, nàng lại trả lời mẹ không kém phần du dương là đi chuẩn bị giường ngủ cho bà! Vở kịch đã kết thúc bằng chiến thắng của Modeste bởi một lẽ giản dị: nàng đã chứng tỏ rằng nàng chưa hề có ai, ngoài một tình yêu thuần khiết với thơ ca và bản thân người làm ra chúng! Nàng đã “yêu” trước thời điểm này hai tháng: vào đầu tháng 8 khi nàng viết bức thư đầu tiên cho người mà từ đấy cho đến tận bức thư cuối cùng nàng vẫn nghĩ đó là Canalis.

Vai trò ông mai bà mối, chất xúc tác đầu tiên cho một thiếu nữ trong trắng, thơ ngây như Modeste không có ai khác hơn, theo người kể chuyện, là những Lord Byron, Goethe, Schiller, Walter Scott, Hugo, Lamartine... rồi lịch sử, tiểu thuyết, kịch, từ những tiểu luận của Montaigne cho đến Diderot, từ Ngụ ngôn đến Nàng Héloïse mới... Nàng đã yêu một nhà thơ thời danh: nam tước Canalis, qua thư! Chín mươi trang kéo dài trong ba tháng tiếp theo là cuộc tình qua hai mươi lăm lá thư qua lại giữa Modeste và một “Canalis” giả! Balzac đã phục sinh lại một Nàng Héloïse mới từ thế kỷ trước của Rousseau bằng thể loại tiểu thuyết bằng thư, nhưng không suốt mướt, xúc động, thật thà nữa mà đã mang cái tinh ranh, nghịch ngợm của không khí chung của thế kỷ đến sau. Tất nhiên, là thư tình nên vẫn có nhiều yếu tố tình cảm, xúc động.

Modeste yêu Canallis qua bức chân dung bày bán ở các hiệu sách. Riêng về chân dung các thiên tài Balzac có một mối ác cảm đặc biệt, bởi có “biết bao sự dối trá trong các bức họa đó”. “Cái trán của Victor Hugo đã cạo nhẵn thín đi bao nhiêu hộp sọ cũng như vinh quang của Napoléon đã giết chết bấy nhiêu thống chế còn non”. Modeste bắt đầu bằng việc viết một bức thư cho Dauriat, người xuất bản các bài thơ của Canalis, hỏi ông ta, vì lợi ích của một nhà thơ lớn, rằng chàng đã có gia đình chưa? Và yêu cầu ông phúc đáp cho cô

Françoise, gửi đến hộp thư lưu, ở Havre. Dauriat, vốn tinh quái như hết thấy những người làm sách, đã nhờ năm hay sáu nhà báo trong văn phòng của ông ta cấu tạo nên một bức thư trả lời mà mỗi người, viết theo giọng cợt nhả của riêng mình.

“Thưa cô,

Canalis (Nam tước de), Constant Cyr Melchior thành viên của Viện Hàn lâm Pháp, sinh năm 1800, ở Canalis (Corèze), cao năm pied bốn pouce*, tình trạng hiện rất tốt, đã tiêm chủng, nòi thuần khiết...” v.v.

Chân dung, lai lịch, thân thế, tước vị, sự nghiệp của nhân vật nhà thơ Canalis được giới thiệu dưới dạng bông đùa, từ một phía khác, nhưng không phải không chính xác. Sau mỗi bức thư Balzac thường dừng lại một vài trang để bình luận hoặc miêu tả tâm lý, tình cảm của Modeste sau khi đọc thư.

Tuy nhiên, nhận được thư, Modeste vẫn viết cho Canalis với lời lẽ tinh tế rất phụ nữ tỏ lòng ngưỡng mộ tài năng thơ ca của Canalis... Cuối thư nàng yêu cầu được trả lời và ký tên bằng cách viết lộn ký tự: O.d’Este-M. Song, “Canalis chưa đủ lòng chân thành để trở thành Don Quichotte; nhưng lại được đề quá cao nên bao giờ cũng tự đặt mình vào phần tốt đẹp của những nghi vấn”.

Bạn chàng, Ernest de La Brière, hai mươi bảy tuổi, được thưởng Huân chương Bắc đẩu, hiền lành, tử tế, không có tài sản gì ngoài đồng lương ở chức Thẩm tra Thẩm kế viện và làm thư ký không công cho Canalis vì tình bạn. Nhưng chỉ sau mười tám tháng giúp việc, Ernest đã nhận ra sự khô khan, cằn cỗi dưới những biểu hiện thơ ca đó. “Trang phục chẳng làm nên thầy tu”. Ở đây cũng như một vài chỗ khác là cách đánh giá, cái nhìn của Balzac về sự du dương và trống rỗng của thơ ca đương thời. Canalis cho phép bạn mình trao đổi thư từ với Modeste bằng chính tên chàng. Những bức thư ngày càng trở nên thân thiết, mặn nồng. Một nhận xét không phải là không có ý nghĩa sâu xa của người kể chuyện: “Trái tim của Ernest bổ sung cho vinh quang của Canalis” vào phần bình luận sau bức thư thứ XI. Đến thư thứ XXIII, Modeste hẹn gặp “Canalis” ở nhà thờ vào ngày chủ nhật, chàng phải đi lại trong nhà thờ, không được nói chuyện với bất cứ ai,

không được hỏi bất cứ điều gì và phải cài một bông hồng bạch nơi khuyết áo để nàng nhận ra. Sau đó cứ trở về Paris rồi chàng sẽ nhận được câu trả lời. Dĩ nhiên “Canalis” (Ernest) đến với hy vọng có thể nhìn thấy nàng. Còn Modeste, lại mong nhìn ngắm con người “Canalis” thực sự chứ không phải chỉ là ảnh chân dung. Nàng đã hài lòng về vẻ đẹp của con người chàng.

Trong lúc đó bức thư của cha Modeste viết về cho Dumay báo tin công việc trôi chảy và dự định trở về của ông. Dumay giục Modeste viết thư cho cha nàng và vẫn không hề biết chuyện gì đang xảy ra, đồng thời còn bắt nàng khẳng định thêm rằng: “cha nàng sẽ gặp lại con gái của ông không có một tình cảm nào khác nơi trái tim ngoài tình cảm nàng đã dành cho ông khi ông ra đi cũng như dành cho bà mẹ...”. Nàng khẳng định điều đó. Sự việc vỡ lở khi đáng lẽ đưa thư gửi cha cho Dumay, nàng lại đưa nhầm thư gửi Canalis. Theo địa chỉ, với tư cách là người bảo vệ gia đình Mignon, với tính cách dũng cảm của quân nhân cộng với tính khí ương ngạnh xứ Bretagne, Dumay trực tiếp đến gặp Canalis. Dĩ nhiên Canalis không thể biết tới một cô Modeste Mignon nào đó lại có mặt ở trên đời, bởi chính nàng trong các bức thư cũng ký khác đi cho đến tận lá thư cuối cùng mới thổ lộ tên thật. Nhưng lại gửi cho “Canalis” bạn chàng.

Cha nàng trở về, biết hết mọi chuyện, sau những phút đau đớn buồn phiền, ông cho gọi Ernest đến. Ernest công nhận tình yêu của mình với Modeste. Ông đề nghị vào nửa sau tháng mười chàng đến cùng với Canalis để Modeste tự chọn một trong hai người. Người con gái xinh đẹp, dòng dõi giàu sang với sáu triệu phơ-răng khiến cho Canalis trở nên ham hố. Và thêm một người nổi tiếng khác cầu hôn: công tước D’Hérouville.

Trên một trăm trang còn lại của tác phẩm không còn thư từ, không còn những chỉ dẫn thời gian năm, tháng nữa mà thay vào đó là những phân tích tình cảm của cả hai Canalis, của Modeste, của cha nàng... Và những bình luận của người kể chuyện. Những xử sự tinh tế, đầy cơ trí, bình tĩnh của người cha, những câu chuyện thân mật, thẳng thắn giữa hai cha con về vấn đề đang đặt ra... Vấn đề đồng tiền ở đây chỉ làm nền cho biến cố lớn hơn: đó là quá trình hình thành, phát triển tình yêu, sự lựa chọn và cuối cùng đi tới hôn nhân của một người con gái trong

trắng, quý phái. Modeste Mignon có lẽ là gương mặt phụ nữ hạnh phúc, đủ đầy nhất trong những nhân vật phụ nữ của Balzac chẳng, nếu không kể đến những mất mát của gia đình?

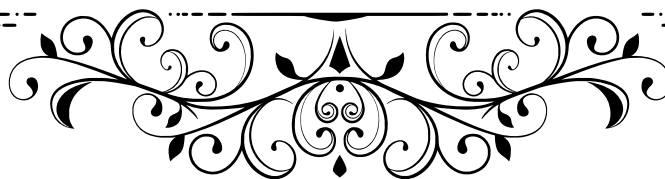
Sự lựa chọn của Modeste Mignon được quyết định khi tất cả những nhân vật chính được mời chuẩn bị dự một cuộc đi săn vương giả do công tước De Verneuil tổ chức. Nghe phong thanh rằng thực ra Modeste không giàu tới mức độ như mình tưởng, nhà thơ Canalis đã quyết định nối lại mối tình với nữ công tước luống tuổi De Chaulieu, người đang lo cho chàng cái Bắc đẩu bội tinh hạng ba và chân bộ trưởng... Còn Modeste đã chọn chính Ernest de La Brière khi nàng có dịp quan sát và so sánh với Canalis thật. Nàng thấy ở người chồng tương lai của mình nhiều nét cương nghị, tốt đẹp của cha mà Canalis không có. Trước danh vọng, tiếng tăm, sự nghiệp của Canalis, Modeste lại chọn La Brière, người bạn hiền lành, đôi khi vụng về của chàng. Ngoài những đức tính Canalis thiếu, Modeste còn nhận ra những tham vọng chính trị bên cạnh tham vọng tiền tài ở chàng. Những dòng gần cuối truyện mang nhiều ý nghĩa:

“Những người khách của công tước De Verneuil ở lại năm ngày tại Rosembray. Ngày cuối cùng, Nhật báo Pháp có thông báo ngài nam tước De Canalis được tặng thưởng Đệ Tam đẳng Bắc đẩu bội tinh, và bổ nhiệm làm đại sứ tại Carlsruhe”.

Người làm chứng cho đám cưới của La Brière là Canalis và vị bộ trưởng mà La Brière đã phục vụ năm năm với tư cách là thư ký riêng; về phía cô dâu có công tước D'Hérouville và Desplein, người thầy thuốc nổi tiếng đã mổ sáng mắt cho mẹ nàng. Balzac chắc có nghĩ đến việc làm xuất hiện lại các nhân vật này khi ông viết những dòng cuối cùng:

“Sau này, có thể người ta sẽ còn gặp lại, trong dòng chảy của câu chuyện dài này về phong hóa của chúng ta, ông và bà De La Bastie-La Brière; tới khi đó, những người hiểu biết sẽ nhận thấy hôn nhân thật êm dịu và dễ đảm trách biết bao cùng với một người phụ nữ am hiểu và có trí tuệ; bởi vì Modeste, đúng như đã hứa hẹn, nàng biết tránh những trò lố bịch thông thái rởm, vẫn đang là niềm kiêu hãnh và hạnh phúc của chồng mình cũng như của gia đình nàng và của tất cả những người giao du với nàng”.

ĐÀO DUY HIỆP
tóm tắt



MỘT BƯỚC KHỞI ĐẦU TRONG ĐỜI

UN DÉBUT DANS LA VIE



Oscar Husson mồ côi cha, mẹ tái giá với một người đàn ông hèn kém. Bà Clapart, mẹ Oscar, đành nhờ cậy Moreau người tình cũ, lo cho tương lai của con trai. Năm 1822, học xong trung học, Oscar được mẹ gửi đến lâu đài Presles của bá tước De Sérisy, nơi Moreau làm quản lý, trên một chuyến xe dò.

Dọc đường, những người khách đồng hành kể đủ thứ chuyện để mua vui. Anh chàng Georges Marest, thư ký của một luật sư, thì kéo mọi người vào những cuộc phiêu lưu bịa đặt có một không hai của anh ta ở Hy Lạp, La Mã, Tây Ban Nha rồi Ai Cập khiến cả chuyến xe thán phục, coi anh ta là đại tá kỵ binh. Còn Oscar bị họ châm chọc, nhạo báng. Sĩ diện, muốn tỏ cho các bạn đồng hành rằng mình biết rất rõ bá tước De Sérisy, người mà họ vừa trầm trồ kính phục vì tài sản và quyền uy, cậu ba hoa kể về những khuyết tật ở ngài, thậm chí lôi cả chuyện phòng the của vợ chồng ngài ra để nhạo báng, Oscar đâu có ngờ rằng trên xe có một người khách giấu tên; đó chính là Bá tước De Sérisy. Tai họa ập xuống.

Moreau bị bá tước sa thải bởi chuyện riêng tư trong gia đình bá tước chỉ có thể do Moreau kể cho mẹ Oscar và lập tức gửi trả Oscar cho bà mẹ đáng thương. Bà Clapart lại nhờ cậy họ hàng giúp đỡ cho

Oscar học luật. Còn Moreau giới thiệu Oscar đến thực tập rồi làm thư ký tại văn phòng của luật sư Desroches. Rồi một hôm, lại vì sĩ diện, Oscar lại làm điều dại dột: ném 500 phơ-răng của Văn phòng luật sư vào cờ bạc và thua sạch. Cậu bị đuổi việc.

Moreau và bà Clapart đành quyết định cho Oscar vào quân đội. Năm 1830, cậu được phong chuẩn úy, trong cuộc Cách mạng tháng Bảy, ngã theo dân chúng, năm 1832 đã là đại úy. Sau khi cứu thiếu tướng tử tước De Sérisy, con trai bá tước De Sérisy, lâm nạn tại châu Phi, Oscar được tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh, thăng trung tá và được bá tước De Sérisy tha thứ cho những điều ngu xuẩn trên chuyến xe đi Presles năm nào.

Câu chuyện khép lại với hình ảnh chiếc xe đồ của Pierrotin. Những người khách đồng hành năm xưa lại gặp nhau trên chặng đường về Presles như thuở nào. Nếu không nghe tiếng nói, chẳng ai nhận ra cậu bé Oscar xanh xao trong người sĩ quan phục viên dạn dày nắng gió, cùng mẹ đến Beaumont, nơi anh sẽ nhận chức quan thu thuế.

Từ một đề tài do cô em Laure gợi ý, câu chuyện viết năm 1842 này vượt xa hơn ý định khuyên răn đơn giản “Chớ nên ba hoa”. Balzac không dừng lại ở trách nhiệm của cá nhân, mà tìm cả nguyên nhân xã hội: những điều dại dột của Oscar vừa do bản tính, vừa do phản ứng trước một thân phận tủi nhục, một bà mẹ hay áp đặt. Chủ đề “chuyến đi xe đồ” quán quýt với những vấn đề chính trị, làm ăn kinh tế, chiến trận... Với tiêu đề Một bước khởi đầu trong đời, dường như câu chuyện thuộc dòng tác phẩm thể hiện sự khai tâm, giáo dục, khám phá cuộc sống. Nhưng câu kết thúc châm biếm “Tóm lại đó là nhà tư sản hiện đại” dường như báo trước tiểu thuyết của Flaubert sau này, và cho thấy một Oscar tầm thường, sau vài sai lầm, đã tìm được chỗ đứng trong một xã hội cũng tầm thường như anh ta.

(...) Tất cả những ai từng đi du lịch đều biết rằng những con người tình cờ ở bên nhau trên cùng một chuyến xe, không mỗi lúc hòa hợp được ngay; và trừ những trường hợp hiếm hoi, họ chỉ nói chuyện với nhau sau khi đã đi được một đoạn đường. Khoảng thời gian im lặng này vừa là để xem xét nhau cũng như để chiếm lĩnh chỗ ngồi. Linh hồn cũng cần lấy thế cân bằng như thể xác vậy. Khi

mỗi người đều tin chắc đã hiểu thấu tuổi tác, nghề nghiệp, tính cách của bạn đồng hành, thì thường người hay chuyện nhất khơi mào và cuộc trò chuyện được bắt vào một cách nhiệt tình, càng nhiệt tình hơn, vì tất cả mọi người đều cảm thấy cần phải tô điểm cho chuyến du hành và giải trừ những nỗi ưu phiền của nó. Mọi chuyện thường diễn ra như vậy trên các chuyến xe của Pháp. Ở các quốc gia khác, phong tục rất khác biệt. Người Anh đặt sự kiêu kỳ của họ vào việc chẳng hé răng, người Đức buồn thiu trong xe, còn người Ý quá thận trọng nên không nói chuyện, người Tây Ban Nha chẳng còn mấy xe đò, và người Nga thì không có đường. Vậy là người ta chỉ đùa vui trên những cỗ xe nặng nề của Pháp, ở cái xứ sở rất hay nói phiếm, rất thiếu kín đáo, nơi mà mọi người sốt sắng cười vui và sốt sắng tỏ ra mình hóm hỉnh, nơi mà lời đùa nhạo làm sinh động mọi thứ, từ những nỗi khốn khổ của các tầng lớp bên dưới đến những lợi ích quan trọng của các nhà tư sản kếch xù. Và chẳng Cảnh sát ở đây ít hạn chế ngôn luận và Tòa án đã khiến tranh biện trở thành một thời thượng. Khi một thanh niên hai mươi hai tuổi, như anh chàng ẩn mình dưới cái tên Georges, có tài trí, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại, anh ta hết sức mong muốn lạm dụng nó. Trước hết, Georges sớm quyết định mình là con người ưu việt trong đám người tị nạn ở đây. Anh ta coi ông bá tước là một người làm dao kéo, một chủ xưởng hạng hai, coi cậu con hai xoàng xĩnh có Mistigris đi cùng là một gã gầy còm bé nhỏ, coi Oscar là một thằng bé khờ khạo, còn ông chủ trang trại to béo là một con người tuyệt vời để lòn bịp. Sau khi tìm cách xử trí cho mình như vậy, anh ta quyết lấy các bạn đồng hành ra làm trò vui.

– Chúng ta hãy xem nào, anh ta tự nhủ trong khi chiếc xe của Pierrotin xuống dốc La Chapelle, băng băng trên đồng bằng Saint-Denis, liệu mình có nên trở thành Etienne hay Béranger chẳng?... Không, những gã kì cục này chẳng biết Etienne cũng chẳng biết Béranger là ai đâu. Đảng viên đảng Carbonari của Ý ư?... Quỷ tha ma bắt! Mình có thể tự làm cho mình bị tóm mắt. Liệu mình có thể là một trong các con trai của thống chế Ney?... Chà! Mình sẽ nói với họ điều gì nhỉ? Cuộc hành hình cha mình ư?

Điều đó chẳng hay ho. Nếu như mình từ Champ-Asile trở về ư?... Có thể họ sẽ xem mình như tên do thám, họ sẽ nghi ngờ mình. Hãy thử làm một hoàng thân Nga trá hình xem nào, mình sẽ lòe họ với những chi tiết trứ danh về hoàng đế Alexandre... Hay bảo mình là Cousin, giáo sư triết học được không?...Ồ! Thế thì mình tha hồ mà nói nhăng nói cuội với họ! Không, mình thấy cái gã gầy gò, nhỏ bé, tóc bù xù có vẻ như đã lê gót giày ở trường Sorbonne. Tại sao mình không nghĩ sớm hơn tới việc làm cho họ tin? Mình bắt chước người Anh y hệt, lẽ ra mình có thể đóng vai nhà quý tộc Byron vi hành du lịch... Ngu thế! Mình để lỡ việc rồi. Làm con trai của đao phủ không được ư?... Đây là một ý nghĩ táo bạo, khiến người khác phải nhường chỗ cho mình trong bữa ăn trưa. À! Tốt rồi, mình có thể đã chỉ huy các đạo quân của Ali, tổng trấn Janina được lắm chứ! (...)

NGUYỄN THUYẾT LOAN
tóm tắt và trích dịch



ALBERT SAVARUS

ALBERT SAVARUS



Rosalie là con gái duy nhất của nam tước De Watteville hiền lành và bà vợ mộ đạo, khô khan, thuộc dòng họ De Rupth danh giá lẫy lừng ở Besançon, một tỉnh miền Đông nước Pháp. Năm 1834 Rosalie mười bảy tuổi, nhan sắc bình thường nhưng có hồi môn rất lớn và triển vọng thừa kế một gia tài đồ sộ. Bá tước Amédée de Soulas, điển trai, phù phiếm, sẵn đón câu hôn cô, ra sức lấy lòng mẹ cô và được bà ưu ái. Bà vốn khắc nghiệt với cô con gái có “tính cách sắt thép”, mang trong người sự quyết đoán, táo tợn, truyền từ một ông tổ phiêu lưu bên nội cộng thêm lòng kiên trì, niềm kiêu hãnh quý tộc của họ ngoại. Việc Soulas theo đuổi Rosalie và thái độ thờ ơ của cô càng chia rẽ hai mẹ con.

Rosalie quan tâm đến Albert Savarus, một luật sư nổi tiếng, mới xuất hiện tại Besançon. Nghe ngài phó giám mục De Grancey, vốn thân thiết với gia đình cô, kể về Savarus mà ngài quý mến, cô ngầm so sánh anh chàng bá tước “to béo, má phính, khỏe như vâm, ba hoa tán tỉnh” với người lạ mặt “u uất, đau ốm, hùng hờn và cần mẫn”. Trong khi theo dõi, tìm hiểu về Savarus, cô đọc được trên tờ báo do chàng làm chủ bút, truyện ngắn Tham vọng vì tình yêu, nội dung như sau:

“Năm 1823, cùng học xong ngành Luật, đôi bạn tri kỷ Rodolphe và Léopold rủ nhau du ngoạn trên đất nước Thụy Sĩ. Rodolphe, con hoang của một nhà quý tộc đã sớm qua đời, có tính tình nồng nhiệt và

tương lai bấp bênh, còn Léopold, điềm đạm, tận tụy, chuẩn bị làm một công chứng viên tại Paris. Qua thị trấn Gersau xinh đẹp, gặp và cảm mến một thiếu nữ lạ mặt kiều diễm, Rodolphe ở lại để bạn tiếp tục cuộc hành trình. Chàng làm quen được với người đẹp, nàng Francesca mười chín tuổi, người Ý lưu vong. Nhưng khi chàng thổ lộ tình cảm, Francesca thẳng thắn cho biết nàng đã lập gia đình và tuy chỉ có lòng quý trọng với người chồng đã sáu mươi lăm tuổi, tình yêu không thể khiến nàng vượt ra ngoài bốn phận. Qua dò hỏi, nghe nói chồng Francesca là một chủ hiệu sách tầm thường, một trong các chỉ huy cuộc cách mạng của những người Ý yêu nước, Rodolphe hứa với nàng sẽ thủy chung, chờ đợi và quyết tâm lập nghiệp để một ngày kia có tài sản, danh vọng, vì hạnh phúc của người yêu. Với ánh mắt khó hiểu, Francesca khuyên Rodolphe hãy theo đuổi tham vọng đó, nhưng “vì hạnh phúc của nhân loại”. Ít lâu sau, vợ chồng Francesca rời Gersau, và Rodolphe cô đơn, mong nhớ, theo đến Genève tìm nàng. Tại đây chàng được biết nàng chính là ái nữ của một vương công, bản thân nàng cũng là bậc mệnh phụ, vương tước phu nhân Gandolphini. “Giờ đây Rodolphe hiểu sự cần thiết phải làm cho mình lẫy lừng danh tiếng để về mặt xã hội, được ngang tầm với thần tượng”. Chàng trở về Pháp, lao vào cuộc chiến đấu, được động viên, nâng đỡ nhờ những bức thư tuyệt vời của người yêu, “lạc thú duy nhất họ tự cho phép”.

Rosalie linh cảm rằng Rodolphe trong truyện chính là “chân dung sống động” của Albert ngoài đời. Còn Francesca là ai? Cô xúc động vì mối tình của Rodolphe-Albert, cô ghen với Francesca, cô yêu Albert và muốn giành chàng của đối thủ không quen biết.

Nắm được tình ý giữa chị hầu phòng của mẹ và người đầy tớ của Albert Savarus, Rosalie tìm cách dọa dẫm, rồi mua chuộc họ, để được đọc trộm thư từ của chàng. Mùa xuân năm 1835, giữa lúc Albert Savarus được phó giám mục De Grancey ngầm ủng hộ, ra tranh cử và chuẩn bị căng thẳng cho cuộc bầu nghị sĩ, chàng bỗng đột ngột biến khỏi Besançon. Năm sau, Rosalie bị mẹ ép lấy Soulas, cô kiên quyết từ chối và được bố đồng tình. Mâu thuẫn gia đình nảy sinh, cha con Rosalie phải rời Besançon về lãnh địa Rouxey. Phó giám mục đến dàn hòa; đoán biết Rosalie yêu Albert Savarus, ngài khuyên cô nghĩ đến chuyện hôn nhân, bởi Albert bắt tin đã hơn một năm nay. Rosalie liền

đưa ra một tờ báo Ý, đăng tin nữ công tước, người yêu của Albert, vừa kết hôn, cô tuyên bố chính mình đã chia rẽ họ và sẽ lấy Albert.

Đúng lúc ấy, xảy ra một tai nạn ghê gớm: nam tước ngã xuống hồ, bị chấn thương nặng, sau đó qua đời. Nam tước phu nhân lên án Rosalie: vì cô mà ông rời Besançon. Rosalie cũng tự kết tội, đồng thời còn lo sợ một tai họa khác, bởi Albert hoàn toàn không tin tức. Trong một lúc ăn năn đến cực điểm, cô thú nhận với phó giám mục hành động đen tối của mình: cô đã hủy các thư Albert gửi cho người yêu, thay bằng những thư do cô giả mạo chữ Albert, cho thấy chàng dần thay lòng đổi dạ. Cô cũng giữ lại hai bức thư tuyệt vời cao thượng của nữ công tước, thông báo tình trạng nguy kịch của chồng nàng, rồi tin nàng góa bụa và phúc đáp bằng tin Albert sẽ kết hôn với chính cô, Rosalie.

Xót thương Albert, muốn giải nỗi oan cho chàng, phó giám mục liên hệ với công chứng viên Léopold, và được biết tin tức: làm tướng chàng phản bội, nữ công tước kiên quyết tránh mặt; sau thời gian dài tìm kiếm, khi Albert gặp được nàng thì đúng là lúc nàng cử hành hôn lễ. Albert gần phát điên, nhưng ngay khi tính mệnh lâm nguy, chàng vẫn không được thanh minh cùng nữ công tước, và cũng không biết mình phạm tội gì. Chàng đi tu, coi như mình đã chết với thế gian.

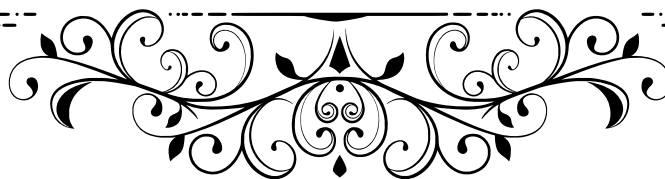
Sau khi liên hệ với ngài tu viện trưởng, phó giám mục nhận được thư của tu sĩ Albert, tha thứ cho Rosalie kẻ đã làm hại Albert thế tục. Năm 1838, Rosalie đến Paris, tìm gặp nữ công tước, trao cho nàng toàn bộ thư từ: của Albert, của phó giám mục và Léopold, cả bức thư cô thú tội cùng phó giám mục. Cô muốn nữ công tước biết sự thật để “đời đời hối hận”, để không chỉ một mình cô đau khổ.

Ba năm sau, một vụ nổ nổi hơi trên tàu thủy khiến Rosalie thành tàn phế, mặt mày biến dạng, cô về ở ẩn tại Rouxey.

Xuất hiện trong tập 1 của Tấn trò đời, năm 1842, Albert Savarus là lời Balzac nhắn gửi nữ bá tước Hanska, là sự chuyển thể mối tình của họ – sự xa cách, những năm chờ đợi với “lạc thú duy nhất” là thư từ, cảm giác thua kém về địa vị xã hội, quyết tâm nổi danh để xứng với thần tượng, thậm chí chân dung Savarus cũng chính là chân dung Balzac: tóc đen và cứng, cổ trắng, vàng trán rạn rỗ, cặp mắt lửa ánh

những tia vàng... Nhưng khác với Albert Savarus, cuối cùng Balzac đã cưới được nữ bá tước của ông, để rồi chết đi, mấy tháng sau khi đạt được tham vọng vì tình yêu (hay tình yêu vì tham vọng?).

ĐƯỜNG CÔNG MINH
tóm tắt



THÙ TRUYỀN KIẾP

LA VENDETTA



Ra đời năm 1830, Thù truyền kiếp giữ một vị trí quan trọng trong Tấn trò đời của Balzac. Là một trong những truyện mở đầu cho Những cảnh đời tư, Thù truyền kiếp gắn liền với quan điểm sáng tác hiện thực chủ nghĩa, thực hiện mong muốn của nhà văn trong lời Tựa: “giới thiệu bức tranh về phong tục tập quán mà các gia đình ngày nay giấu kín trong bóng tối”. Balzac, bằng tài quan sát và đi sâu vào từng chi tiết chân thực, cho chúng ta thấy cái kết thúc vô cùng bi thảm do thù truyền kiếp của tấn bi kịch diễn ra trong gia đình Bartholoméo de Piombo, bi kịch về tình cha con và tình yêu mãnh liệt – những chủ đề sẽ trở thành huyền thoại xuyên suốt Tấn trò đời.

Sau cuộc trả thù đẫm máu đối với gia đình Porta vì đã giết hại các con trai mình, Bartholoméo de Piombo, người đảo Corse, tới Paris năm 1800 cùng vợ và cô con gái nhỏ còn sống sót.

Là người bạn gần gũi của gia đình Bonaparte và đã có công giúp đỡ thân mẫu của Napoléon, Bartholoméo được Napoléon và gia đình giúp lại trong bước gian nan. Ông trở thành một trong những người phụng sự trung thành sự nghiệp của Napoléon.

Bartholoméo rút lui khỏi cuộc sống xã hội sau khi Napoléon sụp đổ. Con người thô cứng và chính trực này chỉ còn nguồn vui duy nhất là được ở bên cô con gái Ginevra vô cùng yêu dấu, với “những buổi tối

tuyệt diệu được nghe Ginevra chon pianô hay ca hát”. Với lòng mong muốn con gái yêu được học hành đến nơi đến chốn, ông đã gửi cô tới học lớp vẽ tại nhà họa sĩ Servin nổi tiếng. Tại đây, nàng Ginevra xinh đẹp bộc lộ năng khiếu hội họa hiếm thấy của mình. Và cũng chính tại đây, cô đã khám phá ra tình yêu mãnh liệt trước khuôn mặt thiên thần của người sĩ quan trung thành với Napoléon đang ẩn trốn ngay sau bốn bức tường của xưởng vẽ. Cha cô, tuy rất buồn với ý nghĩ con gái yêu một người đàn ông khác, nhưng rồi cũng chấp nhận đón tiếp chàng trai đó. Nhưng chẳng một ai có thể ngờ rằng Louis chính là Luigi Porta, con trai của kẻ thù không đội trời chung. Mối thù truyền kiếp khôn nguôi đó khiến cho Bartholoméo, mặc dù vô cùng yêu thương con gái, đã từ bỏ cô khi cô lựa chọn tình yêu. Khác với Roméo và Juliette, Luigi và Ginevra đã đến được với nhau bất kể sự ngăn trở của gia đình. Họ đã tổ chức kết hôn được, nhờ vào luật pháp. Nhưng đôi vai mảnh mai yếu ớt của người nghệ sĩ như Ginevra không thể gánh nổi những khó khăn của nghèo đói. Hai vợ chồng đã cạn kiệt sức lực trong cuộc mưu sinh khốn khó. Ginevra đã từ bỏ cuộc đời sau khi mất đứa con trai bé bỏng và đồng thời kết thúc mong muốn tiếp tục sống của chàng Luigi yêu quý.

Đây cũng là kết thúc của Thù truyền kiếp. Kết thúc thảm thương vì tình yêu quá đẹp và cao cả nhưng không được bền lâu, vì tình cha con quá lớn lao mà vẫn đi tới chỗ phải đoạn tuyệt. Ginevra đã đấu tranh để giành lấy tình yêu, nhưng cô đã không thắng nổi những nghiệt ngã của cuộc đời. Với Thù truyền kiếp, Balzac đã cho độc giả khám phá và thấy được cả sức mạnh lẫn sự hủy hoại của những tình cảm say mê mãnh liệt.

Ginevra cho cha mẹ biết về tình yêu của mình. Sau khi vận động kiên trì và khéo léo, biểu lộ rõ quyết tâm kết hôn, đồng thời khẳng định với cha tình cảm yêu thương tha thiết và lòng biết ơn mà cô vẫn dành cho ông, cô được phép đưa người yêu về gặp cha mẹ.

(...) Vì thế, ngày hôm đó, Ginevra có được niềm hạnh phúc, cùng khoác tay Louis trở lại nhà cha mình. Đây là lần thứ hai, chàng sĩ quan tội nghiệp ra khỏi nơi mình ẩn náu. Những sự cầu xin tích cực của Ginevra đối với công tước De Feltre đã thu được thành công lớn. Louis vừa được phục hồi trong danh sách những

sĩ quan tạm thời nghỉ việc. Đó đã là một bước tiến dài tới một tương lai tươi đẹp hơn. Được người yêu cho biết trước mọi khó khăn đang chờ đón mình bên ngoài nam tước, chàng tiểu đoàn trưởng trẻ tuổi không dám thú nhận nỗi lo sợ mình sẽ làm ông không hài lòng. Chàng trai vô cùng dũng cảm chống lại kẻ thù, vô cùng gan dạ trên chiến trường, lại run sợ khi nghĩ tới việc vào trong phòng khách của gia đình Piombo. Ginevra cảm thấy chàng đang run, và đối với cô niềm xúc động này có căn nguyên từ hạnh phúc của họ, là một bằng chứng mới về tình yêu.

– Anh trông xanh quá! – Cô nói với chàng khi họ tới cửa nhà.

– Ôi Ginevra! Giá như chỉ quan hệ đến cuộc sống của anh mà thôi.

Mặc dù Bartholoméo đã được vợ báo trước cho biết sự ra mắt chính thức của người mà Ginevra yêu dấu, ông cũng không ra đón, cứ ngồi trong chiếc ghế bành ông vẫn thường ngồi, và sự nghiêm khắc trên vầng trán ông mang vẻ lạnh lùng băng giá.

– Thừa cha, – Ginevra nói, – con đưa tới cho cha một người mà chắc chắn cha sẽ thấy vui lòng khi gặp mặt: ngài Louis, một người lính đã từng chiến đấu gần bên hoàng đế tại Mont-Saint-Jean.

Nam tước De Piombo đứng dậy, nhìn lướt qua Louis, rồi nói với chàng giọng cay độc:

– Ngài không được thưởng huy chương ư?

– Cháu không đeo Bắc đẩu bội tinh nữa ạ, – Louis rụt rè đáp lại và vẫn đứng một cách khiêm nhường.

Cảm thấy tổn thương vì thái độ bất lịch sự của cha, Ginevra đưa ra một chiếc ghế. Câu trả lời của chàng sĩ quan làm hài lòng người phụng sự lão thành của Napoléon. Bà Piombo nhận thấy cặp lông mày của chồng giãn ra như thường lệ, liền lên tiếng gợi chuyện:

– Ngài trông giống Nina Porta một cách lạ lùng. Ông không thấy là ngài đây có khuôn mặt giống hệt như những người nhà Porta sao?

– Đương nhiên là thế ạ, – chàng trai đáp lời, – trong khi cặp

mắt rực lửa của ông De Piombo đang nhìn chàng chăm chú. Nina là chị của cháu...

– Anh là Luigi Porta? – Ông già hỏi.

– Dạ đúng ạ.

Bartholoméo de Piombo đứng dậy, lão đảo, buộc phải tựa vào chiếc ghế và nhìn sang bà vợ. Elisa Piombo bước tới bên ông; rồi hai ông bà già lặng lẽ dìu nhau rời khỏi phòng khách, bỏ lại cô con gái với vẻ như ghê sợ. Luigi Porta ngơ ngác nhìn Ginevra, mặt cô trắng bệch như một bức tượng bằng cẩm thạch và mắt cô nhìn đăm đăm vào cánh cửa, về phía cha mẹ cô vừa đi khuất: sự im lặng và việc lui vào này có một cái gì đó rất trang trọng, đến nỗi có thể đây là lần đầu tiên cảm giác lo sợ xâm nhập trái tim cô. Cô bóp chặt hai tay vào nhau và nói với một giọng xúc động đến mức chỉ một người tình mới có thể nghe thấy: – Biết bao nhiêu là bất hạnh trong một từ! (...)

TRỊNH THU HỒNG
tóm tắt và trích dịch



MỘT GIA ĐÌNH KÉP

UNE DOUBLE FAMILLE



Tại một khu phố cổ tối tăm, nghèo khổ của Paris, phố Tourniquet-Saint-Jean, có một cô gái trẻ, xinh đẹp tên là Caroline Crochard, sống cùng người mẹ già. Ngày này qua ngày khác, hai mẹ con sống bằng nghề khâu vá thuê và thú tiêu khiển duy nhất của họ là vừa làm việc vừa thỉnh thoảng nhìn ra ngoài cửa sổ ngắm khách qua đường. Vào một buổi sáng tháng 8 năm 1815, Caroline bất chợt chú ý tới một người khách có vẻ đặc biệt. Đó là một người đàn ông tuổi độ bốn mươi, có vẻ ngoài quý phái, nét mặt cao quý, nghiêm trang, nhưng dường như che giấu một nỗi buồn thầm kín. Người khách lạ kia cũng chú ý tới Caroline. Giữa hai người bắt đầu nảy sinh tình yêu, ban đầu thận trọng, rụt rè, nhưng sau đó ngày một đam mê, đắm thiết. Cuộc phiêu lưu tình ái của họ không chỉ dừng lại ở phố Tourniquet-Saint-Jean, mà sau đó còn diễn ra giữa trung tâm Paris, trong một ngôi nhà đẹp, dường như dành cho những cặp vợ chồng mới cưới hưởng tuần trăng mật. Họ đã có những ngày hạnh phúc, có con với nhau, một trai, một gái tên là Charles và Eugénie. Năm năm sau, độc giả sẽ có dịp gặp lại Caroline, lúc này đã hai mươi tư tuổi ở cùng hai con, vẫn tại ngôi nhà đẹp phố Taitbout. Chỉ có điều giữa Caroline và người khách lạ kia không có quan hệ chính thức, bởi một lý do đặc biệt. Người khách lạ chính là bá tước Roger Granville, quan chức ngành Tư pháp. Ngay từ khi còn trẻ anh đã bị ràng buộc bằng cuộc hôn nhân bất hạnh với một

người vợ mà anh không hề yêu...

Đến đây, người kể chuyện đưa người đọc ngược thời gian trở lại năm 1805. Lúc ấy, Granville, một luật sư xuất sắc, chỉ mới hai mươi sáu tuổi. Do áp lực của người cha nhằm những mối lợi vật chất, Granville buộc phải kết hôn với Angélique Bortems, con gái một người láng giềng mà anh từng biết hồi gia đình còn sống ở nông thôn. Người vợ trẻ xinh đẹp đã không mang đến cho Granville hạnh phúc. Cô là người sùng đạo đến mê muội. Trong nhà của đôi vợ chồng trẻ, sự sùng đạo in dấu khắp mọi nơi, mọi thứ, trong bàn ghế, đồ dùng, tranh treo tường; thậm chí, ngay trong cách nói, trong sự im lặng, và gương mặt Angélique cũng toát ra sự sùng đạo. Không khí gia đình trở nên băng giá. Ngòi bút Balzac tỏ ra sắc sảo, lạnh lùng khi phân tích sự sùng tín thái quá ở Angélique đã giết chết tình yêu, đẩy người chồng đi tìm hạnh phúc dâm ấm ngoài hôn nhân như thế nào.

Rồi một linh mục thân thiết với Angélique đã tiết lộ cho Angélique biết gia đình bất hợp pháp của Granville và Caroline...

Truyện kết thúc ở thời điểm năm 1833, lúc ấy Granville đã gần sáu mươi tuổi, đầu bạc trắng do cuộc đời có quá nhiều phiền muộn. Qua cuộc gặp gỡ tình cờ với bác sĩ Bianchon, Granville biết thêm về đời Caroline. Sau khi chia tay Granville, Caroline đã lao vào cuộc tình đầy bất hạnh với một gã trẻ tuổi có gương mặt đẹp nhưng tâm địa thì xấu xa. Caroline đã để gã tình nhân cờ bạc, rượu chè, trác táng này phung phá hết gia sản do Granville để lại, rồi lao động quần quật để cung phụng cho hắn. Đó là nguyên nhân dẫn đến cảnh đói khát, bệnh tật của nàng, đẩy cả những đứa con vào bi kịch...

Với Một gia đình kếp, Balzac muốn đưa ra một thông điệp: Hạnh phúc gia đình không thể có với những kẻ mê đạo thái quá và cũng không thể đạt được trong những quan hệ không chính thức.

Đoạn trích dưới đây kết thúc tác phẩm với cuộc gặp gỡ giữa Granville và người con trai chính thức, có liên quan đến đứa con ngoài giá thú của ông.

(...) Bá tước Roger de Granville bỏ lại Bianchon bất động như trời trồng, và mất hút hướng về phía phố Saint-Lazare một cách hấp tấp như một chàng trai trẻ, ông nhanh chóng tới được ngôi

biệt thự nhỏ nơi ông ở, và không khỏi ngạc nhiên nhìn thấy ở cửa ra vào một cỗ xe đang đậu.

– Ông Biện lý đến đây đã một tiếng đồng hồ có chuyện cần thưa với ngài, và đang chờ ngài trong phòng ngủ của ngài, – người hầu phòng nói với chủ.

Granville ra hiệu cho người đầy tớ lui.

– Lý do gì đủ quan trọng để buộc anh vi phạm lệnh mà ta đã ra cho các con là không được đến nhà ta khi không được gọi? – Ông già vừa bước vào vừa nói với con trai.

– Thưa cha, con dám mong rằng cha sẽ tha lỗi cho con sau khi cha nghe con nói, – viên quan tòa trả lời bằng giọng run run và với vẻ kính cẩn.

– Anh trả lời được đấy, – bá tước nói. – Anh hãy ngồi xuống đi. – Ông chỉ cho chàng trai một chiếc ghế. – Còn tôi, – ông tiếp tục, – tôi ngồi hay đi lại, anh đừng để tâm đến tôi.

– Thưa cha, – nam tước nói tiếp, – chiều nay vào lúc bốn giờ, một chàng trai rất trẻ, bị bắt tại nhà một người bạn của con, vì đã phạm tội. Đó một vụ trộm tương đối nghiêm trọng, anh ta có nói đến cha, tự nhận là con trai của cha.

– Anh ta tên gì? – Bá tước run run hỏi.

– Charles Crochard.

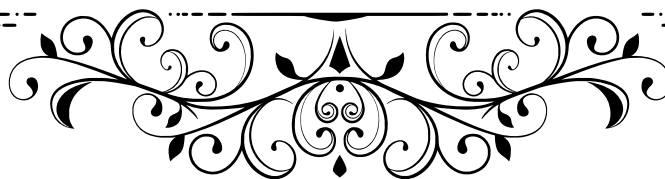
– Đủ rồi, – người cha nói và phác một cử chỉ ra lệnh.

Granville đi đi lại lại trong căn phòng im lặng như tờ, người con cố giữ không phá vỡ sự im lặng đó.

– Con trai của ta... – Những lời này được thốt lên bằng một giọng dịu dàng và thân thiết đến nỗi vị quan tòa trẻ rùng mình. Charles đã nói với anh sự thật. – Cha hài lòng vì con đã đến tối nay, Eugène trung hậu của cha, – ông già nói thêm. – Đây là một số tiền khá lớn, – ông nói và đưa cho anh một xấp ngân phiếu, – con hãy sử dụng nó theo cách con cho là phải, trong vụ này. Cha tin cậy vào con, cha tán thành trước mọi sự sắp đặt của con, hoặc cho hiện tại, hoặc cho tương lai. Eugène, con thân yêu của cha, hãy đến hôn cha đi, có thể đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau.

Ngày mai, cha sẽ kiến nghị nhà vua, xin một kỳ nghỉ. Cha sẽ đi Italia. Nếu như một người cha không phải giải trình đời mình với con cái, ông ta phải để lại cho chúng kinh nghiệm mà số phận đã buộc ông phải trả giá. Phải chăng đó là một phần gia tài họ được thừa kế? Sau này, khi con cưới vợ, – vị bá tước nói tiếp và bất giác run lên, – con đừng thực hiện một cách khinh suất hành vi đó, hành vi quan trọng nhất trong tất cả mọi hành vi mà xã hội buộc ta phải thực hiện. Con hãy nhớ phải tìm hiểu cho kỹ tính cách của người vợ mà con phải kết hợp; song hãy hỏi ý kiến cha, cha muốn tự mình phán xét người đó. Việc không hòa hợp giữa hai vợ chồng do bất kỳ nguyên nhân nào, sẽ dẫn đến những bất hạnh kinh khủng: sớm hay muộn, chúng ta sẽ bị trừng phạt vì đã không tuân thủ luật lệ xã hội. Cha sẽ viết cho con về điều này từ Florence: một người cha, nhất là khi ông ta có vinh dự được chủ tọa một tòa án tối cao, không được hổ thẹn trước con trai của mình. Vĩnh biệt. (...)

TRẦN HÌNH
tóm tắt và trích dịch



YÊN ẨM GIA ĐÌNH

LA PAIX DU MÉNAGE



Chuyện xảy ra tại một cuộc vũ hội tưng bừng náo nhiệt ở nhà bá tước De Gondreville, nơi tập trung những người đàn ông nổi tiếng nhất và những người phụ nữ xinh đẹp nhất Paris.

Trong lúc trò chuyện, đại tá Montcornet và nam tước Martial, ủy viên Tham chính viện, phát hiện ra một thiếu nữ không quen biết vô cùng xinh đẹp và yếu điệu ngồi khuất ở góc và không tham gia khiêu vũ.

Cả hai người đều có ý định hỏi ra tung tích người đẹp. Đại tá Montcornet thất bại trong việc mời nàng khiêu vũ. Nam tước Martial de la Roche-Hugon quyết chinh phục người đẹp lạ mặt, phớt lờ sự có mặt của nữ bá tước Vaudremont, nữ hoàng của vũ hội, người đẹp giàu có, mới bỏ bá tước đại tá Soulanges, theo chàng được khoảng một tuần. Cuối cùng, Martial đã mời được người đẹp khiêu vũ, trở hết tài nghệ với nàng và tặng nàng chiếc nhẫn kim cương chàng đeo nơi tay trái.

Hóa ra chiếc nhẫn đó chính là của người đẹp lạ mặt, vợ của bá tước De Soulanges. Mới lấy nàng được ba mươi tháng, Soulanges đã bỏ nàng âu sầu cô đơn ở nhà để theo đuổi nữ bá tước De Vaudremont xinh đẹp. Để giữ gìn sự yên ấm của gia đình và thực hiện bổn phận của người phụ nữ, nữ bá tước Soulanges khóc thầm lặng lẽ, đóng cửa

không giao du với xã hội bên ngoài. Nghe lời bà cô là nữ công tước De Lansac, lần đó nàng đến dự dạ hội tại nhà bá tước De Gondreville nơi nàng tận mắt chứng kiến sự không chung thủy của chồng, để rồi sau đó, khi về nhà, nàng có dịp đưa lại cho chồng xem chiếc nhẫn nàng kêu “bị mất”.

Đoạn trích dưới đây miêu tả đoạn nam tước Martial, tưởng rằng đã chinh phục được người đẹp lạ mặt, tặng nàng chiếc nhẫn kim cương và cuối cùng biết được sự thật quá bất ngờ về chiếc nhẫn đó.

(...) – Kim cương đẹp quá! – Nàng thốt lên với vẻ ngây thơ của cô gái biểu lộ cảm giác vui thích trước sự cảm dỗ đầu tiên.

Martial, xúc động bởi sự mơn trớn vô tình nhưng khiến chàng mê mẩn khi nữ bá tước rút chiếc nhẫn ra, chàng đưa mắt long lanh sáng tựa kim cương nhìn nàng.

– Nàng hãy giữ lấy, – chàng nói, – để kỷ niệm giây phút tuyệt diệu và vì tình yêu của...

Nàng ngấm chàng ngây ngất đến nỗi chàng không dứt câu, hôn lên tay nàng.

– Ông cho em chứ? – Nàng hỏi vẻ ngạc nhiên.

– Tôi muốn tặng em cả thế giới.

– Ông không nói đùa sao? – Nàng hỏi lại bằng một giọng lạc đi vì quá mẫn nguyện.

– Em chỉ nhận kim cương của tôi thôi ư?

– Ông không bao giờ đòi lại chứ? – Nàng hỏi.

– Không bao giờ.

Nàng đeo nhẫn vào ngón tay. Martial chắc mẩm sắp được thỏa nguyện định choàng tay vào eo lưng nữ bá tước thì nàng bỗng vụt đứng dậy, nói giọng tỉnh táo, không chút xúc động: – Thưa ông, tôi nhận chiếc nhẫn kim cương này không mấy ngại ngùng một khi nó là của tôi.

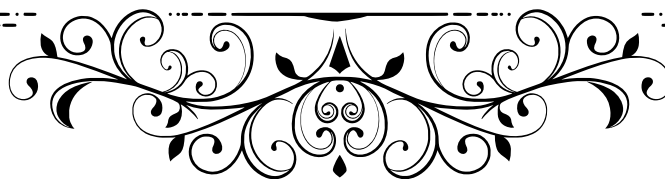
Ngài ủy viên Tham chính viện sững sờ:

– Ông De Soulanges mới đây đã lấy chiếc nhẫn này trong đồ trang sức của tôi và nói là đã đánh mất.

– Thưa bà, bà nhầm rồi, – Martial bực tức nói, – tôi có được nó là do bà De Vaudremont trao cho.

– Đúng như vậy, – nàng vừa giải thích vừa mỉm cười. – Chồng tôi đã mượn tôi chiếc nhẫn này, rồi đem cho bà ta, bà ta lại tặng cho ông, chiếc nhẫn của tôi đã đi chu du, sự thể là như vậy. Có lẽ nó sẽ nói với tôi tất cả những gì tôi còn chưa rõ, và dạy cho tôi bí quyết để được yêu thương mãi mãi. Thưa ông, – nàng nói tiếp, – nếu như chiếc nhẫn này không phải của tôi, ông hãy tin rằng tôi không dám liều lĩnh trả giá đắt như thế, bởi người ta thường nói, phụ nữ trẻ dễ bị nguy hiểm khi ở bên ông. Nhưng ông hãy xem đây, – nàng vừa nói vừa bật chiếc lẫy bí mật dưới mặt nhẫn, tóc của ông Soulanges vẫn còn ở đó. (...)

LỘC PHƯƠNG THỦY
tóm tắt và trích dịch



PHU NHÂN FIRMIANI

MADAME FIRMIANI



Phu nhân Firmiani thuộc hạng người giàu có, với biệt thự lớn, những phòng khách lịch sự, hàng trăm nghìn phiếu lợi tức... Phòng khách của nàng thường mở vào các tối thứ tư, toàn đón những khách sang trọng.

Thế mà có biết bao lời đánh giá, nhận xét khác nhau về nữ chủ nhân ấy. Người thì cho nàng là một phụ nữ đẹp, giàu có, được mời đến các buổi tiếp khách của nàng là một điều vinh dự. Người lại nói đến đó là một việc làm chẳng hay ho gì, có khi lại hại đến thanh danh. Người khen nhà nàng toàn đồ đạc sang trọng, kẻ lại nói thực chất nàng chẳng có xu nào.

Nghे đồn phu nhân Firmiani đã làm khánh kiệt tài sản cháu mình là Octave de Camps, ngài De Bourbonne bí mật lên Paris để xem thực hư ra sao. Đến phòng khách của nàng, chứng kiến cảnh lộng lẫy, rực rỡ của một nữ hoàng giữa vũ hội đầy màu sắc, xung quanh toàn là những người sang trọng, lại trực tiếp nói chuyện với nữ chủ nhân sau khi xưng danh thẳng thắn là bác ruột của Octave, ông điền chủ già thực sự bối rối, không biết đánh giá mọi việc ra sao.

Ngày hôm sau, ông đến nhà Octave. Chàng trai trẻ, thay vì giải thích mọi sự việc, đã đưa ông đọc một bức thư để ông hiểu rõ về một phu nhân Firmiani mà người đời chưa từng biết đến.

Hóa ra là hai người đã cưới nhau vì chồng nàng đã chết từ bốn năm trước. Chính nàng đã giúp Octave hiểu cách làm người lương thiện như thế nào, giúp chàng tìm cách trả nợ cho gia đình Bourgneuf đang nghèo túng do lỗi cha chàng để lại.

Kết thúc câu chuyện thật có hậu: ông bác hiểu đầu đuôi mọi chuyện, sẵn sàng giúp đỡ đứa cháu là người thừa kế duy nhất. Octave trả nợ xong, cứu được thanh danh cho cha, còn nàng Firmiani nhận được di chúc của chồng liên quan đến chuyện thừa kế tài sản sau nhiều năm chờ đợi.

Đoạn trích dưới đây thuộc đoạn đầu câu chuyện, tác giả miêu tả các loại ý kiến đánh giá phu nhân Firmiani:

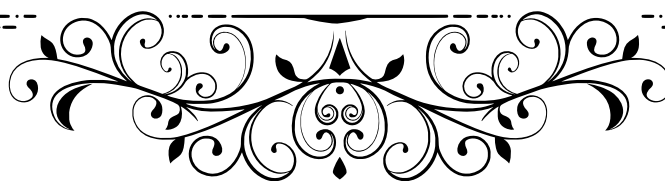
(...) – Bà Firmiani, một vạn livrơ tiền lợi tức ư?... Các ông bà diên chẳng? Thực tế, có những người đưa cho các vị hàng mấy vạn tiền lợi tức một cách hào phóng theo kiểu các nhà văn gán cho các nữ nhân vật của họ và họ nào có mất gì. Nhưng bà Firmiani là một phụ nữ đồng danh, mới đây vừa làm tan cơ nghiệp của một anh chàng và ngăn anh này lấy một đám rất hời. Nếu như bà ta không đẹp, bà ta sẽ chẳng có một xu.

Ôi! Người này, các ông bà nhận ra anh ta thôi, anh ta thuộc loại người ĐỐ KỶ và chúng ta sẽ không phác họa một nét nào của họ. Ai cũng biết, loại đó tựa như là giống mèo nhà. Giải thích sự tồn tại vĩnh cửu của lòng ĐỐ KỶ như thế nào đây? Một tật xấu chẳng mang lại lợi lộc gì!

Giới thương lưu, *giới* văn sĩ, *giới* chính nhân quân tử và người đủ mọi *giới* đã lan truyền, vào tháng giêng năm 1824, nhiều lời nhận xét khác nhau về bà Firmiani, có lẽ đến nỗi ta sẽ phát chán nếu ghi lại tất cả những lời đó ở đây. Chúng tôi chỉ muốn nhận xét rằng một người đàn ông thích làm quen với nàng mà không muốn và không thể đến nhà nàng, sẽ có lý khi tin rằng nàng vừa có thể là góa phụ hoặc đã lấy chồng, gốc nghèo hoặc đầy trí tuệ, đức hạnh hay buông thả, giàu hay nghèo, nhạy cảm hay không có tâm hồn, đẹp hay xấu; cuối cùng đã có từng ấy nàng Firmiani cũng như từng ấy giai cấp trong xã hội, hay từng ấy giáo phái trong Thiên chúa giáo. Ý tưởng thật đáng sợ! Tất cả chúng ta như những

bản khắc li-tô mà vô số bản được sao ra bằng các lời nói xấu. Những bản in thử này hoặc giống như khuôn mẫu hoặc có sắc thái khác biệt khó nhận ra đến mức, không kể đến những lời vu khống từ phía bạn bè và những lời hóm hỉnh của báo chí, thanh danh phụ thuộc vào sự dao động của mỗi người, giữa Sự thật đi khắp khiêng và Dối trá được trí tuệ người Paris chấp thêm đôi cánh. (...)

LỘC PHƯƠNG THỦY
tóm tắt và trích dịch



KHẢO LUẬN VỀ PHỤ NỮ

ÉTUDE DE FEMME



Khảo luận về phụ nữ *truyện ngắn nhất trong Tấn trò đời, từ mô-típ nhằm lần địa chỉ rút trong một vở hài kịch thông tục, đã thể hiện một nét tâm lý phụ nữ vừa rất chung, vừa rất cụ thể về sắc thái thời đại, giai cấp:*

Nữ hầu tước De Listomère là một trong những phụ nữ trẻ được giáo dục theo tinh thần thời Trùng hưng. Nàng kết hôn với hầu tước De Listomère, một nghị sĩ đầy triển vọng, đã được bảy năm. Nàng là người tín mộ và giữ tiết hạnh. Giống như nhiều nghị sĩ thời ấy, ông De Listomère là người vô thưởng vô phạt. Mặc dù hầu như không bao giờ phát biểu trong các cuộc họp, ông là người rất cần mẫn bỏ phiếu.

Cũng như các gia đình quý tộc thời đó, nhà hầu tước De Listomère thường mở các cuộc tiếp khách. Nữ chủ nhân, người cao lớn, cân đối, không xấu, cũng không đẹp, nhưng có duyên và hấp dẫn. Đôi mắt nàng ánh lên vẻ hiền dịu và đôi lúc bất chợt trở nên huyền ảo.

Câu chuyện dưới đây kể về nàng và đã được lan truyền khắp các phòng khách ở Paris.

Một hôm, nữ hầu tước khiêu vũ với một chàng trẻ tuổi tên là Eugène de Rastignac. “Chàng là người đam mê song lại chế giễu sự đam mê, chàng là người có tài song lại giấu tài, chàng tỏ vẻ uyên bác trước những người quý tộc và tỏ vẻ quý tộc trước những người uyên

bác”. Trẻ tuổi và vô tâm, khoảng nửa giờ khiêu vũ và trò chuyện với nữ hầu tước, De Rastignac nhiều lần nhìn nàng với một vẻ khiến nàng bối rối. Sau đó, chàng rời nữ hầu tước và suốt buổi tối, họ không nói chuyện với nhau nữa.

Ngày hôm sau, De Rastignac dậy muộn. Chàng viết hai bức thư, trong đó một bức dài bốn trang, chàng sai đầy tớ mang đến nhà nữ hầu tước De Listomère.

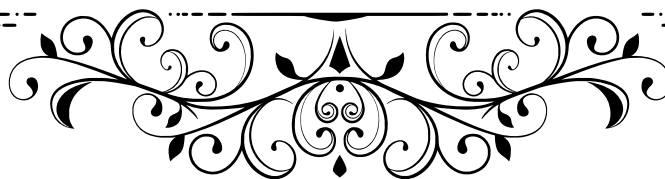
Đáng lẽ phải vứt thư vào lò sưởi ngay khi đọc xong dòng chữ đầu tiên đầy âu yếm, nữ hầu tước lại đọc hết rồi mới hỏi từ đâu đưa đến và cho rằng đó là “một hành động xác xược”.

Nàng cấm cửa De Rastignac, nhưng lại có ý đợi chàng tại buổi tiếp khách tối thứ bảy tại nhà hầu tước Beauséant để “tỏ thái độ lạnh nhạt của mình”. Rất tiếc, chàng trai trẻ không đến.

Bốn ngày sau, De Rastignac mới biết mình đã đề nhầm địa chỉ khi sai đem thư đi. Chàng đến nhà nữ hầu tước để giải thích về chuyện bức thư tình bốn trang kia, do nhầm lẫn, đã bị gửi đến nàng. Nữ hầu tước không muốn tin.

Sau khi biết rõ chuyện nhầm lẫn là thực, nữ hầu tước bị một cơn sốc mạnh. Nàng ở lì nhà hơn nửa tháng, không xuất hiện trong giới giao tế. Hầu tước giải thích với mọi người là phu nhân bị viêm dạ dày.

LỘC PHƯƠNG THỦY
tóm tắt



CÔ NHÂN TÌNH HỒ

LA FAUSSE MAÎTRESSE



Tháng 9 năm 1835, một trong những cô gái thừa tự giàu có nhất Paris, ở khu Saint-Germain, cô Clémentine Du Rouvre, con gái duy nhất của hầu tước Du Rouvre, đã thành hôn với bá tước Adam Laginski, một chàng trai Ba Lan lưu vong sau cuộc khởi nghĩa 1832.

Đôi vợ chồng trẻ chọn ngôi nhà phố Pépinière để ở. Laginski đã mời chiến hữu trước đây của mình, đại úy Thaddée Paz – người bạn gần bó với Laginski đã hầu như anh em ruột thịt – về ở cùng với tư cách là người quản lý cho gia đình; bởi Paz, như Laginski đã nói, là một người năng động và đầy suy nghĩ, một nhà tổ chức nhìn xa trông rộng, một nhà quản lý hoàn hảo.

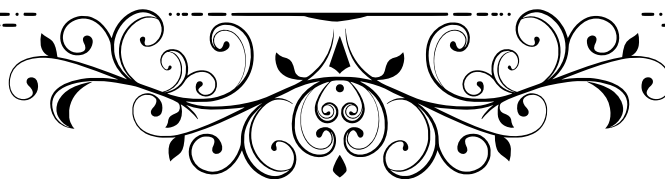
Paz đã từng yêu Clémentine ngay từ cái nhìn đầu tiên, khi Laginski chỉ cho bạn thấy vợ chưa cưới của mình. Nhưng chính bởi sự trung thành tuyệt đối trong tình anh em chiến hữu với người chồng đồng thời là ân nhân của anh, mà Paz đã phải giấu kín, phải kìm nén việc thổ lộ tình yêu đối với Clémentine. Anh đã phải chịu đựng biết bao đau khổ, ngay cả khi tình yêu mãnh liệt nhất trong anh trỗi dậy, ngay cả khi người chồng ấy nhiều lúc bí mật phản bội vợ. Paz héo hắt, buồn bã, sống cách biệt, gần như tránh mặt hoàn toàn Clémentine trong khi vẫn phải ở trong cùng một ngôi nhà với vợ chồng bạn. Một ngày kia, nhận thấy Clémentine có thiện cảm với mình, để khỏi phản bội bạn, để tránh nguy cơ tình yêu của mình truyền sang Clémentine,

anh đã phải đóng kịch bằng cách “bắt nhân tình”, giả vờ yêu Malaga, cô gái biểu diễn ngựa trong rạp xiếc. Nhưng đó chỉ là “cô nhân tình hờ”, còn người bí mật giao du với cô lại chính là Adam. Khi Adam thua bạc, mất tiền, Paz lại nhận với Clémentine rằng số tiền ấy là do mình đem cho Malaga! Anh đã định bỏ ra đi vì bị Clémentine khinh bỉ, lên án cuộc đàn dúi của anh đối với “loại đàn bà tởm lợm” ấy. Nhưng Adam bị bệnh nặng, anh nán lại mấy ngày đêm chăm sóc. Có lúc, các thầy thuốc đã cho là không thể cứu được Adam. Paz bàng hoàng trước khả năng bất ngờ Clémentine có thể góa bụa và anh có thể kết hôn với nàng, anh đau đớn vì đã tự bôi nhọ trong mắt nàng, “đã tự giam mình trong một hố bùn”. Và quả thật, khi anh thoáng hé mở nỗi lòng, Clémentine gán ngay cho anh ý đồ xấu xa hám của, và ý nghĩ thâm kín này bộc lộ qua thái độ vô cùng khinh miệt, nó là “đòn chết người” với Paz. Từ khoảnh khắc định mệnh ấy, Paz làm lì chăm nom bạn và chính nhờ anh, Adam thoát chết.

Adam vừa bình phục, Paz lập tức ra đi, gia nhập quân đội của Nga hoàng Nicolas, đến miền Caucase xa xăm. Được Adam cho biết Paz không hề có quan hệ yêu đương với Malaga, Clémentine vô cùng kinh ngạc. Ngay khi đó, nàng nhận được thư Paz nói hết sự thật vì “ra đi để chết ở Caucase, lại mang theo cả sự khinh bỉ của nàng, điều đó quá đáng”.

Vào đầu năm 1842, nữ bá tước Laginski dường như vẫn vương vấn một mối u hoài. Bá tước La Palférine, một trong những tay chưởng diện nổi tiếng của giới thượng lưu Paris say đắm nữ bá tước, nhờ một người bạn gái xảo quyệt vốn ghen ghét nàng gài bẫy, đưa Clémentine lên một chiếc xe ngựa, vào lúc ba giờ sáng. Giữa lúc ấy, nàng cảm thấy bị hai cánh tay xốc lấy, đem trả vào xe ngựa của mình. “Chàng đã không rời khỏi Paris”, nàng kêu lên khi nhận ra Thaddée, anh chạy đi, sau khi thấy xe ngựa của Clémentine đang đưa nàng yên ổn chạy về nhà. Và từ đó, “bất kỳ giờ phút nào, Clémentine cũng hy vọng được gặp lại Paz”.

CAO VŨ TRÂN
tóm tắt



MỘT NGƯỜI CON GÁI CỦA EVE

UNE FILLE D'ÈVE



Theo Thánh kinh Cơ đốc, Eve là người đàn bà thủy tổ của loài người. “Con gái của Eve” là cách nói bóng bẩy chỉ người đàn bà nói chung. Marie de Vandenesse, nhân vật trung tâm của tiểu thuyết, người phụ nữ ngây thơ, bị cám dỗ, như Eve xưa bị rắn cám dỗ ăn trái cấm. Sinh ra trong một gia đình quý tộc lâu đời và danh giá, Marie cùng với người chị chịu sự giáo dục hà khắc mang màu sắc tôn giáo của bà mẹ. Marie lớn lên trong một gia đình mà những yếu tố cơ bản bị phá vỡ, không có tình ruột thịt gắn bó, chỉ có sự lãng quên, xa cách và thờ ơ. Hai cô gái ngây thơ, trong trắng thiếu những hiểu biết cần thiết về xã hội đương thời, bước vào hôn nhân với những số phận khác nhau. Người chị kết hôn với ông chủ ngân hàng giàu có nhưng khô khan, lạnh lẽo: phu nhân Du Tillet sống giữa nhung lụa, cô đơn như sống giữa hoang mạc. Sau khi kết hôn với Félix de Vandenesse, cô em trở thành một phu nhân quý tộc, hấp dẫn nhất Paris và là đối tượng ghen ghét của các phụ nữ quý tộc thượng lưu. Những mệnh phụ cao sang này đã thuyết phục Marie về vẻ đẹp huyền hoặc của các cuộc ngoại tình. Marie, người đàn bà đức hạnh và ngây thơ đã sa vào bẫy ái tình của Raoul Nathan, một nhà báo hăng tiến, một tay đầu cơ chính trị. Qua chân dung Raoul, Balzac đã phơi bày sự sa đọa về nhân cách, tài năng của một trí thức, một nghệ sĩ, một nhà báo, một chính trị gia.

Raoul sử dụng tiền của Florine, tình nhân thứ nhất, mỗi quen biết của Marie, tình nhân thứ hai, để đầu cơ cho sự nghiệp chính trị của mình. Tờ báo của Raoul bị tan vỡ do thủ đoạn của những người hùn vốn. Để cứu anh ta khỏi tự tử hay tù tội vì nợ nần, Marie đã đại độ ký nhận trả hồi phiếu cho anh ta, nhưng thật may mắn, người chị thân thương và người chồng của Marie đã cứu cô thoát khỏi hiểm họa này. Cùng với sự phát giác ra tình địch – cô diễn viên Florine, Marie-Angélique tỉnh ngộ về Raoul và từ biệt mối tình si.

Balzac đã mô tả làng báo, làng văn với cuộc cạnh tranh quyết liệt, tàn bạo, đầy đổ kỵ và căm ghét. Tiểu thuyết kết thúc với sự đầu hàng của Raoul trước quyền lực và anh ta tiếp tục theo đuổi nghề văn.

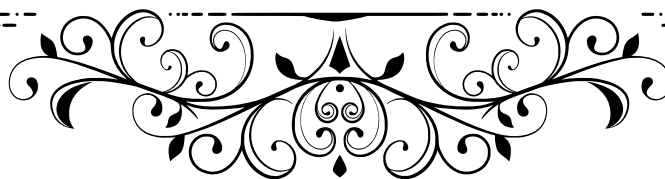
Balzac còn mô tả cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa tầng lớp quý tộc già nua và tầng lớp tư sản mạnh mẽ, và chỉ ra kết thúc tất yếu: sự thỏa hiệp của tầng lớp quý tộc trước sự lớn mạnh của tầng lớp tư sản.

Câu chuyện dung dị: không có những trang đầy kịch tính, những thảm họa khốc liệt. Tác giả đã sử dụng một cấu trúc linh hoạt: với những đoạn quay về dĩ vãng, Balzac miêu tả quá khứ của các nhân vật để làm sáng tỏ tính cách của họ ở thời điểm hiện tại, tiếp đó là cái kết thúc nhanh chóng giống như sự cởi nút ở thời điểm cao trào của kịch.

(...) Cũng giống như đa số những gã trẻ tuổi nhiều tham vọng trong lĩnh vực văn học, ngày hôm qua học được điều gì thì hôm nay anh tuôn ra điều đó. Anh chẳng có thời gian, chẳng có lòng kiên trì để viết; anh không quan sát mà chỉ lắng nghe. Không có khả năng lập một đề cương với bố cục đầy khí thế mạnh mẽ, có lẽ anh tự cứu nhờ sự hăng hái trong miêu tả. Theo cách nói lóng trong văn chương, anh *đóng vai say mê*, bởi về chuyện say mê thì mọi điều đều thật; trong khi sứ mệnh của thiên tài là thông qua những ngẫu nhiên của cái có thật, tìm tòi điều có vẻ có thật đối với tất cả mọi người. Lẽ ra phải khơi dậy những ý tưởng, thì nhân vật của anh lại là những cá thể được khuếch đại, chỉ gọi lên thiện cảm nhất thời; họ không gắn với các lợi ích lớn lao của cuộc sống, và như vậy thì chẳng tiêu biểu cho cái gì hết; nhưng anh đứng vững được nhờ trí tuệ nhanh nhạy, nhờ những thành công tình cờ mà dân chơi bi-a gọi là những cú ngoắc may mắn. Anh là kẻ bản

khéo nhất những tư tưởng sà xuống Paris hoặc do Paris làm cho cất cánh, bắn giữa lúc chúng đang bay. Sự phong phú ở anh không thuộc về anh mà thuộc về thời đại: anh sống nhờ thời cuộc, và để chế ngự thời cuộc, anh cưỡng điệu tầm quan trọng của nó. Cuối cùng, anh không chân thực, câu văn của anh dối trá; đúng như bá tước Félix nói, ở anh có kẻ làm trò ảo thuật. Ngòi bút này lấy mực từ căn phòng riêng của một nữ diễn viên, người ta cảm nhận thấy như vậy. Nathan là một hình ảnh của giới văn sĩ trẻ ngày nay, với những vinh quang giả tạo và những khốn cùng thực sự của họ; anh đại diện cho giới này với những vẻ đẹp trái chuẩn mực và những rơi ngã cay đắng, với cuộc sống sục sôi lên thác xuống ghềnh, khi thất bại bất chợt, khi thắng lợi không ngờ. Đó chính là đứa con của cái thế kỷ bị nung nấu bởi lòng ganh ghét, ở cái thời mà hàng ngàn sự cạnh tranh đối địch núp dưới các hệ thống, nuôi dưỡng chủ nghĩa vô chính phủ để mưu lợi cho mình, bằng mọi mối thất vọng, là kẻ muốn giàu có mà chẳng phải làm việc, muốn được vinh quang mà không cần tài năng, muốn thành đạt mà không cần khổ công; nhưng sau nhiều sự phản kháng, nhiều vụ đụng độ, các thói hư dẫn hẳn tới chỗ nhận Lương bổng dưới sự chuyên chế của Quyền lực. Khi bao người trẻ tuổi đầy tham vọng cất bước ra đi và hẹn gặp nhau ở cùng một điểm, thì đó là cuộc cạnh tranh của ý chí, là khốn khổ cùng cực, là chiến đấu kịch liệt. Trong cuộc chiến khủng khiếp ấy, chủ nghĩa vị kỷ dữ dội nhất hoặc khôn khéo nhất sẽ thắng. Tấm gương được thêm muốn, được biện hộ bất kể lời la lối om sòm, Molière sẽ nói như thế: người ta noi gương ấy. Khi Raoul, với tư cách kẻ thù của triều đại mới, được giới thiệu để lui tới phòng khách của phu nhân De Montcornet, vinh quang bề ngoài của anh đang rục rở. Anh được những De Marsay, những Rastignac, những La Roche-Hugon, đã đạt được quyền lực, chấp nhận là nhà phê bình chính trị. (...)

NGUYỄN THỊ BÌNH
tóm tắt và trích dịch



LỜI TRUYỀN ĐẠT

LE MESSAGE



Một xe ngựa chở khách, trên đường từ Paris đi Moulins, gặp tai nạn. Bị xe chệt, trước khi chết, một chàng trai đã ủy thác cho người bạn đồng hành đích thân truyền đạt tin dữ cho người tình của anh là nữ bá tước Juliette de Monpersan. Dọc đường, trước đó, hai thanh niên có lứa tuổi và phong độ tương đồng, đã chuyện trò, thổ lộ với nhau về tình yêu của mỗi người. Tâm sự cuối cùng của chàng trẻ tuổi hấp hối là muốn tránh cho người anh yêu nỗi đau phải biết tin anh chết một cách đột ngột, qua báo chí.

(...) Tôi kể lại một cách đơn giản, không quá nhấn mạnh những chi tiết làm bà quá đau lòng, biến cố đột ngột đã cướp đi của bà người bạn tình. Tôi kể về ngày đầu chuyến đi của chúng tôi, tràn đầy những kỷ niệm tình yêu của họ. Bà không hề khóc, bà khao khát lắng nghe, đầu nghiêng về phía tôi, như một thầy thuốc sốt sắng đang dò tìm một căn bệnh. Nắm lấy thời điểm mà bà có vẻ đã hoàn toàn cởi mở cõi lòng đón nhận những nỗi đau đớn và muốn đắm mình trong nỗi bất hạnh với tất cả mỗi kích động của cơn tuyệt vọng đầu tiên, tôi nói với bà về những điều e sợ đã dày vò người hấp hối tội nghiệp, kể với bà vì sao anh đã giao cho tôi nhiệm vụ truyền đạt định mệnh này. Lúc đó, mắt bà ráo lệ do ánh lửa u tối toát ra từ những miền thẳm sâu nhất của tâm hồn. Bà càng xanh xao hơn. Khi tôi đưa cho bà những bức thư để dưới gối,

bà cầm lấy một cách máy móc. Sau đó, bà run lên bần bật và nói với tôi bằng giọng trầm đục:

– Còn tôi, tôi đã đốt thư của chàng! Tôi chẳng có gì của chàng hết! Chẳng có gì hết! Chẳng có gì.

Bà đập rất mạnh vào trán. Tôi nói:

– Thưa bà... – Bà nhìn tôi, với động tác co giật – Tôi đã cắt một lọn tóc trên đầu anh ấy, và nó đây!

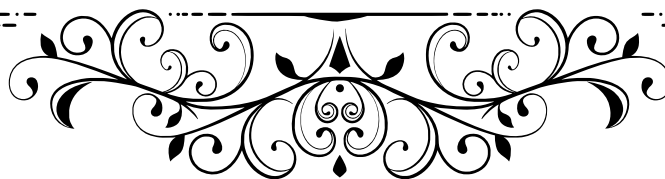
Tôi đưa cho bà lọn tóc, cái mảnh không thể hỏng được của con người mà bà yêu. Ôi, nếu bạn được nhận như tôi, những giọt nước mắt nóng bỏng rơi xuống tay tôi lúc đó, bạn sẽ hiểu được thế nào là lòng tri ân, khi nó gắn với ân huệ đến thế! Bà nắm chặt tay tôi, giọng nghẹn ngào, ánh mắt lấp lánh như đang lên cơn sốt, ánh mắt trong đó niềm hạnh phúc mỏng manh của bà rọi chiếu qua những nỗi đau khổ khủng khiếp.

– Ô, anh đang yêu! – Bà nói. – Hãy luôn luôn hạnh phúc! Đừng bị mất đi con người thân thương đối với anh!

Bà không nói hết và bỏ đi, đem theo báu vật của mình.

Ngày hôm sau, cảnh đêm qua lẫn lộn với những giấc mơ của tôi và tôi có cảm giác như đó là chuyện tưởng tượng. Phải tìm mãi mà không thấy những bức thư dưới đầu giường, tôi mới tin vào sự thật đau xót. (...)

NGUYỄN THỊ THÌN
tóm tắt và trích dịch



THẠCH LỰU TRANG

LA GRENADIÈRE



Vào một ngày xuân, một thiếu phụ cùng người hầu gái và hai con trai – mười ba tuổi và tám tuổi – đến thuê khu nhà vườn xinh đẹp La Grenadière bên kia sông Loire, “một Touraine nhỏ ở giữa lòng Touraine” trù phú, nên thơ.

Cuộc sống giản dị, nền nếp và đầm ấm của họ không được bao lâu. Người mẹ ốm, bệnh ngày càng nặng và cuối năm, bà qua đời. Người phụ nữ từng nổi danh tài sắc ở châu Âu được chôn cất rất âm thầm, “đám tang lẽ ra đã là một tin đăng thật long trọng trên các báo Luân Đôn, một thứ lễ nghi quý tộc, nếu như bà không phạm trọng tội ngọt ngào nhất trong các trọng tội”: bà đã yêu và có con với người yêu.

Tâm sự người phụ nữ cô đơn, người mẹ hải hùng lo cho tương lai các con, giữa khung cảnh êm đềm, khi mùa đông và cái chết đang tiến gần, đã truyền cho câu chuyện nhỏ một sức lay động kín đáo.

(...) Trong đêm chủ nhật, dưới ánh sáng một ngọn đèn và giữa sự yên lặng sâu thẳm, Louis tưởng mẹ đã thiêu thiêu ngủ, bỗng cậu nhìn thấy bà đưa bàn tay trắng trẻo và ướm mồ hôi vén tấm rèm.

– Con ơi! – Bà nói.

Giọng của người hấp hối có một cái gì đó hết sức trang trọng thành thử mãnh lực của nó xuất phát từ một tâm hồn nôn nao, tác động mạnh mẽ lên đứa trẻ, cậu cảm thấy nóng rần rật trong

xương tủy.

– Mẹ muốn gì ạ?

– Con nghe này. Ngày mai, đối với mẹ, mọi sự sẽ chấm dứt. Chúng ta không còn bao giờ thấy nhau nữa. Ngày mai con sẽ thành một người đàn ông, con trai của mẹ ạ. Mẹ phải trù liệu một số điều nhưng cần giữ bí mật giữa hai ta. Con lấy chìa khóa trên bàn, mở ngăn kéo. Ở bên trái có hai chiếc phong bì niêm phong, một cái đề *Louis* còn cái kia là *Marie*.

– Đây rồi mẹ ạ.

– Con trai yêu quý của mẹ, đó là hai giấy khai sinh, sau này các con sẽ cần đến. Con đưa bác Annette giữ hộ, bác ấy sẽ trả khi nào các con cần.

– Bây giờ, – bà lại nói, – con có thấy cũng ở đó có một tờ giấy đã viết mấy dòng không?

– Có mẹ ạ.

Và Louis đọc: “Marie Willemsens sinh ở...”

– Thôi, – bà nóng nảy nói. – Không phải đọc tiếp nữa. Khi mẹ chết, con giao cái này cho bác Annette và bảo bác ấy đưa đến tòa thị chính ở Saint-Cyr để khai tử cho chính xác. Hãy lấy những thứ cần thiết để viết một bức thư, mẹ sẽ đọc cho.

Khi bà thấy cậu con trai đã sẵn sàng và cậu quay lại phía bà ra ý lắng nghe, bà đọc giọng bình tĩnh: Thưa ngài bá tước, vợ ngài, bá tước phu nhân Brandon đã mất ở Saint-Cyr, gần Tours, quận Indre et Loire. Bà đã tha thứ cho ngài.

– Hãy ký tên...

Bà ngừng lại, do dự, xúc động.

– Mẹ đau hơn hay sao? – Louis hỏi.

– Hãy ký tên: *Louis-Gaston!*

Bà thở dài, sau đó nói tiếp: – Con dán phong bì lại và đề địa chỉ: “Gửi ngài bá tước Brandon, Brandon Square, Hyde Park, Luân Đôn – Nước Anh”.

– Được rồi, – bà nhắc lại – Ngày mẹ chết, con đến Tours gửi thư

này đi.

– Bây giờ, – bà mẹ nói sau một lúc yên lặng, – con lấy cái ví nhỏ mà con đã biết rồi đấy, mang đến đây và ngồi cạnh mẹ, con thân yêu!

Khi Louis quay về, bà nói:

– Ở đây có mười hai nghìn phơ-răng. Số tiền này là của các con, than ôi! Lẽ ra các con có thể giàu hơn nếu cha các con...

– Cha con ư? – Cậu bé kêu lên, – cha ở đâu?

– Đã chết, – bà vừa nói vừa đặt một ngón tay lên môi. – Chết để cứu vãn danh dự và cuộc sống cho mẹ.

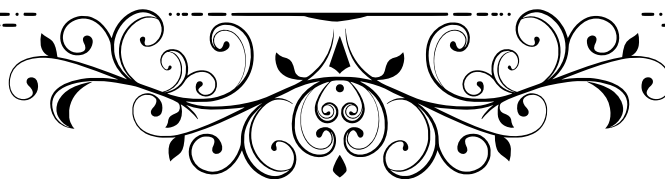
Bà ngước mắt lên trời. Lẽ ra bà đã khóc, nếu bà còn có nước mắt cho những nỗi đau này.

– Louis, – bà nói, – hãy thề với mẹ là con hãy quên tất cả những gì con đã viết và những gì mẹ đã nói với con.

– Vâng, thưa mẹ!

– Hãy hôn mẹ đi, thiên thần của mẹ. (...)

NGUYỄN THỊ THÌN
tóm tắt và trích dịch



NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ BỎ RỜI

LA FEMME ABANDONNÉE



Đây là truyện vừa của Balzac xuất bản năm 1832, trong Những cảnh đời tư kể về cuộc tình của chàng nam tước trẻ tuổi Gaston de Nueil với nữ tử tước Claire de Bauséant.

Trong thế giới nhỏ bé khép kín của giới quý tộc Bayeux vùng Basse-Normandie, chàng nam tước trẻ tuổi Gaston de Nueil đã đến sống một thời gian để nghỉ ngơi, tại nhà họ hàng của chàng. Tại đây, chàng đem lòng say mê với tất cả sự nồng nhiệt của tuổi hai mươi, một nữ tử tước hơn chàng quá mười tuổi, một phụ nữ kỳ diệu. Nàng đã trải qua một nỗi thất vọng lớn trong tình yêu, và sau bi kịch đầu tiên đem lại nhiều cay đắng này, tuy còn trẻ, Claire de Bauséant sống như một ẩn sĩ, xa lánh mọi người. Nàng khước từ và khuyên nhủ Gaston, nhưng rồi trước tình cảm nhiệt thành của chàng, Claire de Bauséant không thể cưỡng lại. Họ yêu nhau và tận hưởng hạnh phúc suốt chín năm trời. Lúc này, Gaston đã ba mươi tuổi, còn Claire de Bauséant đã qua tuổi bốn mươi. Phu nhân De Nueil, mẹ chàng, tìm mọi cách vận động chàng trở về gia đình, thuyết phục chàng lấy một tiểu thư giàu có, trẻ trung. Đoán biết Gaston đã xiêu lòng, nữ tử tước gửi trả bức thư, trong đó chàng thể “chỉ có cái chết mới giải lời nguyên thủy chung”. Bên lề thư, nữ tử tước ghi: “Ngài được tự do, thưa ngài”. Lần thứ hai, Claire de Bauséant giam mình ở ẩn với trái tim tan nát. Hầu như lập

tức hiểu ra mình không thể có hạnh phúc bên người vợ trẻ mờ nhạt, hiền lành, Gaston lại tìm đến với Claire de Bauséant, nàng không cho gặp, chàng viết thư, thư bị trả lại nguyên không mở. Gaston tự sát...

Dưới đây là bức thư tỏ tình của nam tước Gaston de Nueil gửi nữ tước De Bauséant.

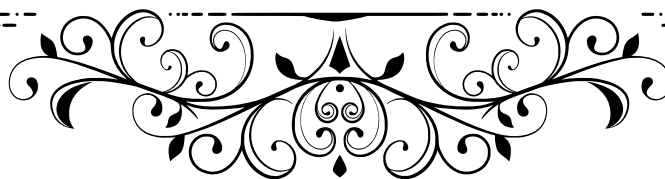
(...) Thưa bà,

Bà đã chế ngự trái tim tôi, tâm hồn tôi, con người tôi mạnh mẽ tới mức, hôm nay, số phận của tôi hoàn toàn tùy thuộc vào bà. Xin đừng ném bức thư của tôi vào lửa. Hãy đọc nó vì lòng khoan dung. Có thể, bà sẽ tha thứ những dòng đầu tiên khi bà nhận ra đó không phải là lời tỏ tình thô thiển, vụ lợi, mà là sự bộc bạch của một điều tự nhiên. Biết đâu, bà sẽ xúc động bởi sự giản dị trong điều nguyện cầu của tôi, bởi sự nhẫn nhục mà cảm giác tự ti gợi lên trong tôi, và bởi ảnh hưởng do quyết định của bà đối với đời tôi. Vào tuổi mình, thưa bà, tôi chỉ biết yêu, tôi hoàn toàn không biết điều gì có thể làm vui lòng một người phụ nữ, điều gì quyến rũ họ; nhưng tôi tự cảm nhận được trong tim, niềm tôn thờ đắm say đối với họ. Bà đã cho tôi cảm nhận một niềm hoan lạc vô tận khiến tôi bị cuốn hút theo bà mà chẳng thể nào cưỡng lại, và tôi nghĩ tới bà với tất cả thói ích kỷ, nó lôi kéo ta tới cái chỗ, vốn dĩ, với chúng ta, là hơi nóng của sự sống. Tôi không tin rằng mình xứng đáng với bà. Không, tôi còn trẻ, rụt rè, dốt nát, nên dường như không thể mang đến cho bà một phần nghìn niềm hạnh phúc mà tôi hít thở được trong lúc nghe bà nói, nhìn thấy bà. Với tôi, bà là người phụ nữ duy nhất trên thế giới này. Không thể tưởng tượng nổi cuộc sống thiếu bà, tôi đã có ý định rời bỏ nước Pháp, đặt cược sự tồn tại của mình cho đến khi nào mất nó vì tiến hành một sự nghiệp bất khả thi nào đó ở châu Phi, hay ở Ấn Độ, tôi không biết ở đâu nữa. Phải chăng tôi cần chống lại một mối tình không bờ bến, bởi một cái gì đó vô thủy, vô chung? Nhưng, nếu bà muốn cho tôi hy vọng, không phải là sẽ được thuộc về bà, mà hy vọng nhận tình bằng hữu của bà, tôi sẽ ở lại. Hãy cho phép tôi được ở bên bà một vài giờ, thậm chí rất ít khi thôi, nếu bà đòi hỏi như vậy, vài giờ giống như những thời khắc tôi từng thừa cơ chiếm hữu. Hạnh phúc mỏng manh kia với những khoái lạc mãnh

liệt chỉ cần một lời lẽ quá nồng nàn là tôi sẽ bị cấm đoán ngay, vậy mà nó cũng đủ để tôi chịu đựng bầu máu nóng đang sôi. Phải chăng tôi đã kỳ vọng quá cao sự độ lượng của bà khi van xin bà cho phép một thái độ đối xử hoàn toàn chỉ có lợi cho tôi? Với xã hội này, cái xã hội vì nó, bà đã hy sinh rất nhiều, bà rất biết cách tỏ cho họ thấy rằng tôi chẳng có nghĩa lý gì đối với bà. Bà là người xiết bao tài trí và kiêu hãnh! Bà sợ gì nào? Còn tôi, lúc này đây, tôi muốn thổ lộ lòng mình để thuyết phục bà rằng lời đề nghị khiêm nhường của tôi không hề có ẩn ý nào. Khi cầu xin bà coi tôi như bạn bè, tôi đâu có nói rằng tình yêu của tôi là vô bờ bến, nếu tôi hy vọng bà chia sẻ với tôi tình cảm sâu xa chôn vùi tận đáy lòng. Không, ở bên bà, bà muốn tôi là gì, tôi sẽ là thế, miễn rằng tôi ở đó. Nếu như bà từ chối tôi, và bà có thể làm điều đó, tôi sẽ không phàn nàn gì hết, và sẽ ra đi. Nếu như sau này có một người phụ nữ khác đi vào cuộc đời tôi vì một điều gì đó, thế nghĩa là bà có lý; nhưng nếu như tôi chết thủy chung với tình yêu của mình, có lẽ bà sẽ có đôi chút thương tiếc. Hy vọng khiến cho bà thương tiếc sẽ làm dịu đi nỗi cay đắng trong tôi, và sẽ là tất cả sự báo thù của trái tim không được đánh giá đúng của tôi...” (...)

TRẦN HÌNH

tóm tắt và trích dịch



HONORINE

HONORINE



Trong các truyện vừa của Balzac, Honorine là một trong những tác phẩm giản dị nhất và cũng cô đọng nhất. Truyện chỉ có ba nhân vật chính, còn các nhân vật khác đều ở bình diện thứ hai.

Maurice de l'Hostal, vị lãnh sự Pháp tại Gênes có vợ là Onorina, một người đẹp thành Gênes, kể cho các vị khách nghe về một đoạn đời mình. Sau khi tốt nghiệp đại học Luật, Maurice trở thành thư ký riêng cho bá tước Octave, một quan chức cao cấp ngành tư pháp, sống một mình, rất buồn bã ở phố Marais. Ngẫu nhiên, Maurice được biết vợ bá tước là Honorine đã bỏ ông từ chín năm nay. Sau khi sống với người tình được mười tám tháng, nàng bị bỏ rơi, bụng mang dạ chửa. Đứa con chết, Honorine sống một mình, làm hoa giả. Vẫn luôn yêu người vợ cũ, bá tước tìm ra tung tích nàng, nghĩ cách giúp đỡ nàng mà không cho nàng biết. Ông cử Maurice đến ở cạnh nhà Honorine, cải trang thành một người trồng hoa. Sau khi đã chiếm được lòng tin của người phụ nữ trẻ, Maurice nói cho Honorine biết sự bảo trợ của Octave. Sau một cuộc đấu tranh nội tâm, Honorine đồng ý gặp lại chồng. Nhưng Maurice đã yêu say đắm Honorine, và để dứt mình khỏi sự cám dỗ, chàng xin đi công cán ở nước ngoài từ đó. Về sau, Maurice biết tin Honorine đã trở về với chồng, họ có một con trai và nàng đã chết vì tuyệt vọng. Bá tước Octave chỉ còn là một tấm thân tàn. Maurice đã lấy Onorina, nhưng vẫn bị ám ảnh bởi những kỷ niệm về Honorine.

Nếu như trong tiểu thuyết Balzac, xã hội và đồng tiền đóng vai trò quyết định thì có thể nói Honorine chứa rất ít “chất Balzac”. Truyện gần gũi với một tác phẩm cổ điển như Quận chúa De Clèves hoặc Bérénice, trong đó ba nhân vật có tâm hồn cao thượng bị định mệnh chi phối, chỉ gặp toàn những bất hạnh.

Tất nhiên, đồng tiền và xã hội không hoàn toàn vắng bóng trong Honorine. Mới vào đời, Maurice nghèo và sau này, cưới con gái duy nhất của một chủ ngân hàng. Honorine tưởng rằng mình sống nhờ chút tiền tự kiếm được, trong khi thực ra, bá tước đã chi một số tiền rất lớn để bí mật cung cấp cho nàng. Tài sản cũng như địa vị xã hội tạo điều kiện cho ông thực hiện được âm mưu đầy thiện chí này.

Tuy thế, vấn đề chủ yếu của truyện lại ở chỗ khác. Theo Pierre Citron, đó là tình yêu về tâm hồn của đôi vợ chồng mà một người không hợp, không thể chịu đựng được người kia trong quan hệ thể chất “một đề tài táo bạo đối với thế kỷ XIX, được Balzac xử lý một cách tế nhị nhưng rõ ràng”.

(...) Sáu tháng sau cuộc cách mạng tháng Bảy, tôi nhận được bức thư sau đây và nó cũng kết thúc câu chuyện của gia đình này.

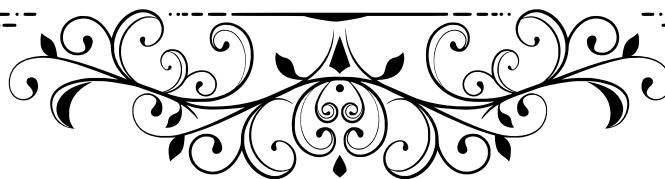
“Ông Maurice, tôi chết mặc dầu tôi là người mẹ và có thể chính vì tôi là mẹ. Tôi đã đóng vai người vợ rất đạt: tôi đã lừa dối chồng tôi, tôi đã vui vẻ cũng thật thà như những giọt nước mắt các nghệ sĩ để rơi trên sân khấu. Tôi chết cho Xã hội, cho Gia đình, cho Hôn nhân, giống như những con chiên đầu tiên chết vì Chúa: Tôi không biết vì cái gì tôi chết, tôi tìm kiếm điều đó thành tâm, bởi vì tôi không phải là kẻ ngoan cố; nhưng tôi cần giải thích cho ông rõ nỗi đau của tôi, giải thích cho ông, người đã đưa đến cho tôi vị bác sĩ phẫu thuật tuyệt vời, bác của ông, tôi đã theo lời khuyên của Người, Người đã nghe tôi xưng tội. Tôi đã trông nom Người trong cơn bệnh cuối cùng của Người; Người đã chỉ cho tôi Thượng giới và đã ra lệnh cho tôi phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình. Và tôi đã thực hiện nhiệm vụ của tôi. Tôi không chê trách những ai hay quên, tôi cảm thấy phục họ như là những bản chất mạnh mẽ, cần thiết; nhưng tôi có nhược điểm là luôn nhớ?... Tình yêu xuất phát từ trái tim khiến ta đồng nhất với người đàn ông yêu dấu, là thứ tôi không thể cảm nhận được hai lần. Cho đến thời

điểm cuối cùng, như ông biết đấy, tôi đã kêu lên trong tấm lòng ông, trong phòng xưng tội, kêu lên với chồng tôi: “Hãy thương lấy tôi!”

Tất cả đều không thương xót. Thôi được rồi, tôi chết. Tôi chết, trong khi phát huy một sự dũng cảm phi thường. Chưa có người kỹ nữ nào vui vẻ hơn tôi. Octave tội nghiệp của tôi rất hạnh phúc, tôi để cho tình yêu của anh ấy thấm đẫm những ảo vọng của trái tim tôi. Trong trò chơi khùng khiếp này, tôi không tiếc sức lực của mình, người nữ diễn viên được hoan nghênh, được chào đón, được tặng rất nhiều hoa; nhưng đối thủ vô hình vẫn hàng ngày tìm kiếm con mồi của nó, một mảnh đời tôi ấy. Lòng tôi tan nát mà tôi vẫn mỉm cười. Tôi mỉm cười với hai đứa con tôi, nhưng đứa lớn, cái đứa đã chết ấy, chiến thắng! Tôi đã nói điều này với ông: thằng bé đã chết sẽ vẫy gọi tôi và tôi đến với nó. Quan hệ thân thiết mà không có tình yêu là tình huống khiến tâm hồn tôi luôn luôn cảm thấy sỉ nhục. Tôi chỉ có thể khóc cũng chỉ có thể buông mình vào mơ mộng khi có một mình. Những yêu cầu của xã hội, những đòi hỏi của gia đình, việc chăm sóc con cái, chăm lo cho hạnh phúc của Octave đã khiến tôi không còn một giây phút nào để tự tôi luyện, để có được một phần sức lực như tôi thường tìm được khi tôi sống một mình. Sự cảnh giác thường trực luôn bất thần ập tới, tôi không hề biết cách cố định trong tôi sự cảnh giác này, với cái tai thính, lời nói dối, với đôi mắt của loài linh miêu. Không phải là cái miệng yêu dấu đang uống những giọt nước mắt của tôi và ban phước cho những mí mắt của tôi mà đó là chiếc khăn tay thấm khô nước mắt; đó là nước làm mát đôi mắt bốc lửa của tôi chứ không phải là đôi môi yêu dấu. Tôi là một diễn viên với tất cả tâm hồn và có thể chính vì thế mà tôi chết. Tôi khép kín nỗi buồn của tôi kỹ càng đến mức nó không thể hiện chút nào ra ngoài, nó cần phải gặm mòn một cái gì đó, nó tấn công cuộc đời tôi. Tôi nói với các bác sĩ, những người đã phát hiện ra bí mật của tôi: – Hãy làm cho tôi chết bởi một bệnh gì chấp nhận được, nếu không tôi sẽ kéo theo cả chồng tôi. Vậy là có sự thỏa thuận giữa các ông Desplein, Bianchon và tôi rằng tôi chết vì bị nhũn một cái xương nào đó tôi không biết, mà khoa học đã mô tả một cách

hoàn hảo. Octave cho rằng mình được yêu tha thiết!... Ông hiểu tôi chứ? Bởi thế, tôi sợ là anh ấy sẽ theo tôi. Tôi viết thư này là để cầu xin ông, trong trường hợp đó, hãy làm người bảo trợ cho con trai tôi, vị bá tước nhỏ tuổi. Ông sẽ thấy kèm theo đây là tờ bổ sung di chúc, trong đó nói rõ mong muốn của tôi: ông sẽ chỉ sử dụng nó trong trường hợp cần thiết, vì có thể là tôi quá hờm mình. Sự hy sinh ngấm ngấm của tôi có thể làm cho Octave không quên được, nhưng anh ấy sẽ sống! Octave tội nghiệp! Tôi cầu chúc cho anh ấy có một người vợ tốt hơn tôi, bởi vì anh ấy xứng đáng được yêu. Vì rằng điệp viên thông minh của tôi đã lấy vợ, xin anh ta hãy nhớ lấy điều người đàn bà trồng hoa ở phố Saint-Maurdi tặng anh ở đây như lời khuyên: hãy để cho vợ ông mau chóng trở thành mẹ! Hãy ném cô ta vào cuộc sống vật chất tầm thường nhất của công việc nội trợ; ngăn cấm cô vun trồng trong tim đóa hoa bí ẩn của Lý Tưởng, sự hoàn thiện tuyệt vời mà tôi đã tin, bông hoa màu nhiệm có màu sắc rực rỡ, và hương thơm của nó gọi lên niềm ghê tởm đối với thực tế. Tôi là một nữ thánh Thérèse, không thể tự nuôi dưỡng bằng sự xuất thần ở sâu trong tu viện với Chúa Giê-xu, với một thiên thần tận thiện tận mỹ, có đôi cánh để có thể đến và đi đúng lúc. Ông đã từng thấy tôi hạnh phúc giữa những bông hoa mà tôi yêu quý. Tôi đã không nói hết với ông: tôi đã thấy một mối tình nở hoa dưới vẻ điên rồ giả tạo của ông, tôi đã giấu ông những ý nghĩ của tôi, thơ ca của tôi, tôi đã không để ông bước vào vương quốc đẹp đẽ của tôi. Cuối cùng, xin ông hãy yêu đứa con nhỏ của tôi vì tình yêu đối với tôi, nếu một ngày nào đó nó không còn người cha tội nghiệp của nó nữa. Xin ông hãy giữ những bí mật này của tôi như nắm mồ sẽ gìn giữ tôi. Xin đừng khóc thương tôi: tôi đã chết từ lâu rồi, nếu như Thánh Bernard đã có lý khi nói rằng không còn sự sống ở nơi không còn tình yêu nữa.” (...)

NGUYỄN THỊ THÌN
tóm tắt và trích dịch



BÉATRIX

BEATRIX



Béatrix, tên truyện, cũng là tên nữ nhân vật chính. Cuốn tiểu thuyết có cốt truyện khá phức tạp, có một số nhân vật thường “tái hiện” trong Tấn trò đời, như các nhà văn, nhà báo Nathan, Claude Vignon, các công tử ăn chơi Maxime de Trailles, La Palférine v.v.

Mở đầu tác phẩm, Balzac cho người đọc làm quen với Bretagne, với những thành phố từng là thủ phủ của các vùng cát cứ phong kiến, rất trung thành với chế độ cũ, với phong tục xưa, và đôi khi như xa rời thời cuộc. Tại đó nổi bật lên thành phố Guérande cổ kính và gia đình nam tước Du Guénic, quý phái nhất miền, vào năm 1836, gồm nam tước, nam tước phu nhân, bà lão chị ruột nam tước, và chàng trai Calyste hai mươi một tuổi “đẹp như một vị thần Hy Lạp”. Cả gia đình chăm lo dạy dỗ người con trai duy nhất theo tinh thần Cơ đốc giáo, mong mỗi chàng có được cuộc đời hạnh phúc êm đềm, thanh bạch, và từ lâu đã nhắm cho chàng người vợ tương lai: tiểu thư Charlotte de Kergarouët trong trắng, cô bạn nhỏ của chàng từ thời thơ ấu.

Nhưng giờ đây, họ rất lo cho Calyste của họ, “kiệt tác của nền giáo dục cao quý và thánh thiện”, bị ảnh hưởng xấu. Chàng thường giao du với tiểu thư Félicité des Touches, một phụ nữ độc thân kiêu diễm thông minh, thuộc dòng dõi quý phái rất lâu đời, đồng thời cũng là một trong số thật ít ỏi các nhà quý tộc may mắn giữ lại được nhiều gia sản sau bao khủng hoảng xã hội. Félicité còn là một nữ văn sĩ nổi

tiếng với bút danh Camille Maupin, người đã khiến “xã hội phải quy phục trước tài năng và sự giàu có, phải phê chuẩn sự độc lập của nàng”. Khi ở Guérande, khi ở Paris, Félicité có một phòng khách văn chương thu hút nhiều nghệ sĩ tên tuổi lẫy lừng. Trái ngược hẳn với dinh cơ Guénic cổ lỗ, tiêu điều, biệt thự Des Touches “rực rỡ những kỳ quan của nền văn minh hiện đại”, và Calyste say mê nữ chủ nhân của thế giới thi ca, âm nhạc, hội họa này. Félicité khước từ mối tình của chàng trai non trẻ – nàng đã hơn bốn mươi tuổi – và hết lòng săn sóc, mở mang trí tuệ cho Calyste.

Năm 1820, Félicité đã gặp gỡ nhà soạn nhạc và ca sĩ Conti, đã yêu Conti, viết cho Conti hai vở nhạc kịch, định gắn bó lâu dài với người tình này. Nhưng năm 1832, bạn của Félicité là Béatrix cướp đoạt Conti của nàng. Béatrix công khai đi theo Conti, đoạn tuyệt với chồng – hầu tước De Rochefide – cũng là đoạn tuyệt với cuộc sống cao sang của một mệnh phụ thượng lưu, gây nên vụ tai tiếng lớn. Sau bốn năm chung sống tại Ý, mệt mỏi và chán ngán, họ trở về Pháp, ghé lại nhà Félicité ở Guérande.

Từng nghe Félicité kể về Béatrix, lòng lại đang khao khát yêu đương, Calyste vừa gặp nữ hầu tước đã bàng hoàng, yêu mê một người đàn bà đầy quyến rũ và có nghệ thuật quyến rũ. Xúc động, xót thương, Félicité cố giúp Calyste chinh phục Béatrix, đồng thời hiểu ra rằng chính mình yêu chàng trai tha thiết. Nàng bộc lộ điều ấy với Béatrix, biết đó là phương kế hiệu nghiệm: bà bạn ích kỷ và hiểu thắng ắt sẽ muốn đoạt lấy Calyste. Đúng lúc hy vọng hé ra với Calyste thì Conti yêu cầu Béatrix cùng rời khỏi Guérande. Lòng kiêu hãnh buộc nữ hầu tước phải trung thành với người tình, bà đã công khai lựa chọn: bà theo Conti ra đi. Calyste đau đớn như điên như dại; chán đời, tương tư, chàng lâm bệnh nguy kịch, dù gia đình tìm mọi cách cứu chữa. Buồn đau và xót thương con, ngài nam tước già qua đời, nhưng trước phút lâm chung của cha, Calyste xúc động hứa với nam tước rằng chàng sẽ sống và sẽ lập gia đình.

Félicité đưa mẹ con Calyste đi Paris, nói rằng để tìm Béatrix cho chàng. Thực ra, nàng tìm cách tác thành cho Calyste, thu xếp cuộc hôn nhân giữa Calyste và Sabine, con gái công tước De Grandlieu, bông hoa xinh đẹp nổi tiếng của khu Saint-Germain quý phái. Nàng

để lại toàn bộ gia sản cho Sabine và sau khi hoàn thành việc gây dựng tương lai cho đôi lứa, Félicité đi tu.

Sabine tha thiết yêu chồng, nhưng hiểu rằng trong lòng Calyste vẫn chưa phai nhạt hình bóng Béatrix. Kết hôn vào mùa xuân 1838, đến cuối năm 1839, họ có con trai, dòng họ Du Guénic đã có người nối dõi. Đầu mùa thu 1840, không muốn tiếng khóc của đứa trẻ đang cai sữa làm phiền Calyste, Sabine khuyên chồng đến rạp Variétés xem diễn một vở mới. Tại đây, Calyste bàng hoàng gặp lại Béatrix, lúc này đã bị Conti rời bỏ. Tình xưa bùng cháy và được đáp ứng, Calyste đắm đuối, hoàn toàn chịu sự chế ngự của Béatrix. Nữ hầu tước tìm mọi cách để Sabine biết là cô bị phản bội, điều đó đề cao bà ta biết mấy: đã ngoại tam tuần, làm cho một người vợ trẻ xinh đẹp, mới qua tuổi hai mươi, bị bỏ rơi!

Đến lượt Sabine gần như phát điên vì đau khổ. Để cứu tính mạng con gái, công tước phu nhân De Grandlieu phải nhờ cậy đến mưu mô của chàng bá tước Maxime de Trailles nổi tiếng xảo quyệt. Được phép sử dụng tiền bạc và thế lực của công tước phu nhân, M. de Trailles sắp xếp kế hoạch: trước hết, chia cắt hầu tước De Rochefide với người đàn bà giang hồ cao cấp mà ông ta gắn bó suốt từ ngày bị Béatrix bỏ. Một chàng quý tộc tỉnh lẻ cầu hôn bà này, đổi lấy chức chánh án tỉnh, và triển vọng thăng tiến. Đồng thời, để chia rẽ Béatrix và Calyste, M. de Trailles lập mưu cho La Palférine, chàng công tử hào hoa ăn chơi nổi tiếng, quyến rũ Béatrix. Sau khi chinh phục được Béatrix, La Palférine đặt điều kiện là bà ta phải quay về với chồng, vì La Palférine chỉ đồng ý làm tình nhân của một mệnh phụ danh giá, có vị thế đàn ông hoàng trong xã hội thượng lưu Paris.

Ghen tuông, phẫn uất, Calyste cố tìm gặp “tình địch” để quyết đấu. La Palférine bèn cho chàng biết rằng anh ta chẳng thiết gì Béatrix, chỉ góp phần giúp vợ chồng De Rochefide đoàn tụ, kéo Béatrix ra khỏi tình thế dở dang. Còn M. de Trailles khuyên Calyste không nên tiếc nuối, bởi Béatrix là “người đàn bà không tim không óc”, chỉ yêu bản thân mình, vì hư vinh mà đồng danh, với thói hư cũng như đức hạnh bà ta đều bất cập. Calyste bàng hoàng tỉnh mộng, quay về với vợ con.



Nhiều người cùng thời với Balzac coi Béatrix là sự chuyển thể câu chuyện tình vang dội giữa nữ bá tước Marie d'Agoult và nhà soạn nhạc Liszt, còn Camille Maupin là hình ảnh nữ văn sĩ George Sand. Thực tế quả có cung cấp nhiều chất liệu quan trọng cho cuốn tiểu thuyết, nhưng những điều đó chỉ là cơ sở để nhà văn sáng tạo nên một tác phẩm có tầm rộng và chiều sâu đáng kinh ngạc. Những thế giới khép kín đối nghịch nhau. – Guérande im lìm, ngưng đọng, hướng về quá khứ, Des Touches đầy âm thanh và biến động, khát khao cái mới; cảnh đời nền nếp trong gia đình và cuộc sống đuổi theo đắm say đông bão v.v... Song mọi điều không hề đơn giản: tỉnh lẻ lạc hậu, đơn điệu nhưng hài hòa với thiên nhiên và mang chất thơ cổ kính, cô gái giang hồ bổng ước ao cuộc sống lương thiện, bậc mệnh phụ đôi khi bị cuốn theo mối tình phóng túng, chàng trai được một phụ nữ ưu việt, rồi một người vợ trẻ hiền thực yêu dấu, nhưng nhất mực say mê một người đàn bà không xứng đáng... sự vật được thể hiện không một chiều, mà với bao mâu thuẫn, với những điều bất ngờ, phức tạp, đôi khi không giải thích nổi bằng lý trí đơn thuần.

(...) Đã mười ngày nay, Calyste chịu đựng uất hận, cơn uất hận càng không sao chế ngự nổi, do được gia tăng bởi một niềm đắm say thực sự. Béatrix đang yêu, cái tình yêu mà Maxime de Trailles miêu tả thật tàn nhẫn, nhưng thật chính xác với nữ công tước De Grandlieu. Có lẽ không ai không cảm thấy một lần trong cuộc đời mình niềm say đắm ghê gớm ấy. Nữ hầu tước thấy mình bị chế ngự bởi một sức mạnh cao hơn, bởi một chàng trai chẳng nể sợ phẩm tước của bà, một con người quý phái ngang với bà, luôn nhìn bà bằng ánh mắt đầy uy lực và bình thản, với người ấy, bà phải thật cố gắng mới nhận được một nụ cười khích lệ. Tóm lại, bà đang bị một bạo chúa áp đảo, kẻ đó chẳng lần nào ra đi mà không để lại nước mắt, sự tổn thương nơi bà, và bà còn cho là mình mắc lỗi. Charles-Edouard đang diễn với hầu tước phu nhân Rochefide tấn trò mà bà ta đã diễn với Calyste từ sáu tháng nay. Béatrix từ cái hôm bị bề mặt trước mọi người ở rạp Italiens thì cứ khẳng khẳng bảo với De Guénic:

– Mình đã quý mọi người và vợ mình hơn tôi, vậy là mình chẳng yêu tôi. Nếu mình muốn chứng tỏ rằng mình yêu tôi thì hãy hi sinh vợ mình và những người khác vì tôi đi. Hãy bỏ Sabine và chúng mình sẽ đến Thụy Sĩ, Ý và Đức sống với nhau đi!

Dựa vào tối hậu thư nghiệt ngã ấy, bà ta thiết lập sự phong tỏa tỏ bày bằng ánh mắt lạnh lùng, bằng cử chỉ ngạo mạn và thái độ cứng rắn như phụ nữ vẫn thường làm. Béatrix tưởng đã rũ bỏ được Calyste vì bà ta nghĩ anh chàng sẽ không đời nào dám cắt đứt với gia đình Grandlieu. Bỏ Sabine, người được tiểu thư Des Touches để lại gia tài có khác nào tự buộc mình vào cảnh nghèo khổ. Nhưng Calyste, điên rồ vì thất vọng đã bí mật làm hộ chiếu và xin mẹ gửi cho một khoản tiền lớn. Trong khi chờ đợi có tiền, chàng theo dõi Béatrix với tất cả sự giận dữ của niềm ghen tuông thường có ở người Bretagne. Chín ngày sau cuộc nói chuyện định mệnh giữa La Palférine và Maxime, chàng nam tước đã được mẹ gửi cho ba mươi ngàn phơ-răng, liền chạy thẳng đến nhà Béatrix, những tưởng sẽ phá tung được sự phong tỏa, đuổi được La Palférine và rời xa Paris cùng với người yêu dấu đã nguôi cơn giận. Những người đàn bà còn giữ được ít nhiều tự trọng, đứng trước sự lựa chọn ghê gớm như vậy, hoặc mãi mãi chìm sâu vào sa đọa, song cũng có thể trở về với đức hạnh. Cho đến lúc ấy, nữ hầu tước De Rochefide vẫn tự nhìn nhận mình như một phụ nữ đức hạnh từng có hai mối tình say đắm; nhưng si mê Charles-Edouard mà lại để cho Calyste yêu mình, bà ta sẽ mất lòng tôn trọng chính bản thân. Bởi vì bắt đầu sự dối trá, tức là bắt đầu sự ô nhục. Bà ta đã cho Calyste có quyền và không một uy lực nào trên đời này có thể cấm được anh chàng Bretagne kia đến quỳ sụp dưới chân bà, tưới ướt đầm đôi bàn chân ấy bằng những dòng nước mắt hối hận, một niềm hối hận tuyệt đối. Nhiều người thường ngạc nhiên trước sự lạnh lùng băng giá mà phụ nữ thường dùng để dập tắt tình yêu của họ, nhưng nếu họ không xóa đi quá khứ như vậy thì cuộc sống sẽ không còn phẩm giá đối với họ, họ sẽ không chống cự được sự suồng sã tai hại đã có lần phục thù. Trong tình huống hoàn toàn mới mẻ của Béatrix, bà ta vẫn có thể được giải thoát nếu như La Palférine đến. Nhưng sự tinh ý của lão bộc Antoine đã làm hại bà.

Khi nghe có tiếng xe dừng lại trước cửa, bà ta nói với Calyste: “Có người đến kìa” rồi chạy đi để tránh bị gây chuyện.

Là người thận trọng, Antoine đã nói với Charles-Edouard: “Hầu tước phu nhân đi vắng rồi.” Anh chàng Edouard đến chỉ cốt để nghe những lời ấy.

Khi lão bộc cho biết rằng chàng bá tước đã đến thăm và câu trả lời ban nãy thì Béatrix thốt lên “Được!”, bà ta trở lại phòng khách và tự nhủ “Ta sẽ đi tu thôi.”

Calyste dám mở cửa sổ ra và phát hiện kẻ tình địch.

- Ai đến thế? – Chàng hỏi.
- Tôi đâu biết, Antoine còn ở dưới kia.
- Đó chính là La Palférine.
- Có thể là như vậy...
- Mình yêu hẳn ta và vì thế mà mình thấy là tôi mắc lỗi, tôi đã nhìn thấy hẳn!...
- Mình nhìn thấy anh ấy ư!
- Tôi đã mở cửa sổ...

Béatrix ngã xuống ghế như một kẻ vô hồn. Rồi bà ta điều đình để hy vọng vào ngày mai. Bà hoãn chuyển đi tám ngày nữa với lý do bận việc và thề sẽ cấm cửa Calyste nếu bà làm được cho La Palférine nguôi giận bởi đó là những tính toán khủng khiếp và những lo âu cháy lòng ẩn chứa trong những cuộc đời trật ra khỏi đường ray trên đó con tàu xã hội đang lăn bánh. (...)

ĐINH THỊ REO
tóm tắt và trích dịch

GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM **GOBSECK**

ĐỖ ĐỨC HIẾU

Gobseck là một kiệt tác hoàn hảo của Balzac. Với Gobseck và những tác phẩm lớn sau này của ông, nghệ thuật tiểu thuyết Pháp đạt đến mức hoàn chỉnh, là mẫu mực cho thể loại văn xuôi này, mẫu mực về cấu trúc, ngôn từ kể chuyện, chân dung, tả cảnh và như mong ước của Balzac, nó để lại dấu ấn lịch sử của thời đại và có tầm cỡ triết học. Bởi vậy, một nhà phê bình Pháp gọi tiểu thuyết balzacien là “tiểu thuyết tuyệt đối” (roman absolu). Balzac vĩ đại, chính vì ông sáng tạo một ngôn từ tiểu thuyết tuyệt vời, ngày nay thường gọi là tiểu thuyết cổ điển.

Người kể chuyện trong tác phẩm Gobseck là một nhân chứng của cuộc đời lão hà tiện và cho vay nặng lãi này, những năm cuối đời lão sống ở Paris; đó là thầy kiện Derville, một đêm khuya mùa đông 1829 – 1830, kể cho gia đình bà bá tước De Grandlieu, cuộc sống và những hành động chiếm đoạt những tài sản khổng lồ của các con nợ; đặc biệt, Derville kể câu chuyện Gobseck chiếm đoạt hộp nữ trang đầy đồ kim cương quý giá nhất của bà bá tước De Restaud như thế nào. Trong mấy tiếng đồng hồ, Derville kể chuyện Gobseck sống ở phố “des Grès”, keo kiệt, ăn cướp tài sản của những người vay nợ, trong khoảng thời gian mười năm trời, kết thúc bằng cái chết của nhân vật trung tâm này. Mâu thuẫn giữa thời gian kể chuyện (hay nghe, hay đọc truyện – nửa đêm) và thời gian câu chuyện cuộc đời khoảng mười năm của Gobseck, được Balzac giải quyết một cách tuyệt vời; ông đã hoàn chỉnh một nghệ thuật kể chuyện của tiểu thuyết lúc đương thời. Ngôn từ người kể chuyện (một nhân chứng) luôn luôn hấp dẫn, bởi những hình tượng tương phản nhau, đối lập nhau thông qua các đối thoại, nét mặt, cử chỉ; bởi đối thoại giữa người kể và người nghe, mỗi đối thoại này đánh dấu một bước ngoặt trong diễn biến của truyện. Người kể truyện lôi cuốn người nghe, mỗi khi ông dừng lại ở những bức chân

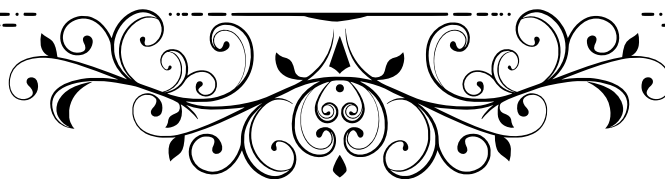
dung nhân vật, ở những bức tranh cảnh vật với các chiều sâu của nó, ở những bình luận có tính triết lý.

Chân dung Gobseck: ở các nhà văn lớn, tên nhân vật thường mang ý nghĩa; ở đây, là Gob (gober: ăn ngấu nghiến, nuốt chửng) và seck (sec: khô, cần); Gobseck nuốt tất cả tài sản, vàng bạc của các con nợ một cách ngon lành; lão giảng cho Derville biết triết lý sống của lão sau hàng nửa thế kỷ bôn ba khắp thế giới: chỉ có VÀNG, vàng, vàng là tất cả giá trị trên đời này, là giá trị của con người; có vàng là có tất cả; các nhà quý tộc, các nhà chính trị, các nghệ sĩ lỗi lạc, đã gõ cửa nhà lão, đều phải phủ phục dưới chân lão và dâng lão những tài sản đồ sộ; lúc sắp chết, lão trông thấy “vàng sinh sống” (l’or vivant) như đi lại, múa may trước mắt lão, cũng như, lúc chết, lão Grandet vô lấy cây thánh giá mạ vàng, như lão Goriot lúc chết trông thấy hai cô con gái bất hiếu đến với bố. Trong nhiều tác phẩm của ông, Balzac vạch ra một chân lý: ham mê phá hoại (passion dévorante). Vì ham mê vàng mà Gobseck là một người cần cỗi, chân tay khẳng khiu như chân hươu, giọng nói khô khốc; biết bao lần Balzac dùng tiếng sec (khô) trong tác phẩm này (le vieillard sec, son bras sec, ses jambes sèches, son ton sec v.v.) để họa bức chân dung Gobseck. Và Balzac đặc biệt miêu tả con mắt; mắt Gobseck là mắt con chồn, mắt ti hí, không có lông mi, sợ ánh sáng; lão nhìn con nợ bằng con mắt lạnh lùng, vô cảm; lão nhìn hộp kim cương của bà De Restaud bằng con mắt sáng lóa, lóng lánh, sáng ngời như món hàng lão sắp gần như cướp không. Lão bảo lão nhìn được thấu trái tim mọi người và đọc được những ý nghĩ của người trước mặt. Song, theo lời kể của Derville, trong Gobseck có hai con người, lão cho vay nặng lãi và con người nhân hậu, nhà triết học và người hà tiện. Đó là dòng máu Do Thái pha trộn với dòng máu Hà Lan, đó là “bố Gobseck” (papa Gobseck) đối với những người chân thực (như Derville mà lão đã giúp đỡ), đối với kẻ yếu đuối (cậu De Restaud, nạn nhân của người mẹ hư hỏng).

Chân dung bà bá tước De Restaud cũng sâu sắc như vậy – một người phụ nữ đẹp tuyệt trần, chỉ so sánh được với người phụ nữ trong tranh Léonard de Vinci, song “hư đốn cực độ”; hình tượng bà De Restaud tương phản dữ dội với cô Fanny Malvaut, cô gái xinh đẹp,

thùy mị, đoan trang, cơ chỉ, sau này sẽ là vợ của thầy kiện Derville, người kể chuyện. Balzac còn sử dụng những hình tượng song song: cái chết đau đớn, giữa một đồng đồ đặc nhem nhuốc, bản thiêu, đồ vỡ, giấy tờ vung vãi, cháy dở của ông bá tước De Restaud; và cái chết của Gobseck, mà xung quanh là những thức ăn hôi thối, đầy giò bì. Hai lần Balzac viết trong tác phẩm này: nơi chốn, đồ vật và con người giống hệt nhau (đó là mối quan hệ con người/môi trường, do ảnh hưởng của Cuvier và Geoffroy Saint-Hilaire, các nhà khoa học tự nhiên vĩ đại thời Balzac). Những cảnh song song, những hình tượng đối lập là một sáng tạo quan trọng của Balzac trong nghệ thuật tiểu thuyết thế kỷ XIX.

Nghệ thuật tiểu thuyết của Balzac đưa tiểu thuyết Pháp lên một đỉnh cao chưa từng thấy trước đó; ông là “bậc thầy của chủ nghĩa hiện thực”. Từ Gobseck cũng như từ các tác phẩm lớn khác của ông, có thể thấy chủ nghĩa hiện thực Balzac vô cùng sinh động và đa dạng; nhân vật của ông hết sức phức tạp; văn phong Balzac đa chiều, mang ý nghĩa đa âm, đa sắc; nó vừa lô-gic, vừa ba-rôc. Ông có một bút pháp kỳ ảo. Ngôn từ của ông tạo nên những hình tượng đạt đến mức phi thường; nó vừa thực vừa ảo. Biết bao lần trong Gobseck, Balzac dùng từ fantastique (kỳ ảo) để chỉ nhân vật và biến diễn truyện của ông: Gobseck, kẻ phiêu lưu khắp châu Á, châu Mỹ, đã từng buôn bán phụ nữ và bí mật quốc gia, đã là cướp biển; quá khứ của lão còn đầy bí ẩn; lão vừa trơ trơ “ngoạm” tất cả mọi gia sản của con nợ, vừa hào hiệp, vừa nhỏ nhen vừa vĩ đại; Gobseck “bí ẩn như mọi con người”, Balzac viết. Nhà tiểu thuyết hiện thực này không “sao chép”, không “phản ánh” xã hội và con người; Balzac là một thiên tài, chính bởi ông có ngôn từ kỳ ảo để kể truyện kỳ ảo, xây dựng nhân vật kỳ ảo, tả cảnh vật kỳ ảo. Người ta bảo lịch sử văn học là lịch sử các kỹ thuật văn chương; kỹ thuật tiểu thuyết Balzac bao gồm chủ yếu các điểm cơ bản trình bày bên trên.



GOBSECK

GOBSECK



KÍNH GỬI NGÀI NAM TƯỚNG BARCHOU DE PENHOEN

Trong tất cả những học sinh ở Vendôme, tôi nghĩ rằng chúng ta là những người duy nhất đã tìm lại được nhau giữa sự nghiệp văn chương, chúng ta, những người được học hỏi về triết học từ cái tuổi mà lẽ ra chúng ta chỉ nên học hỏi về De viris! Đây là công trình tôi đã viết khi chúng ta gặp lại nhau, và trong khi anh đang miệt mài với những kiệt tác của anh về triết học Đức. Thế là cả hai chúng ta đều đã không từ bỏ thiên hướng của mình. Vậy, chắc hẳn rằng khi thấy tên anh ở đây, anh sẽ cảm thấy một niềm vui sướng không kém gì niềm vui sướng được viết tên anh vào đây của*

người bạn cũ thời trung học,

DE BALZAC

1840

Vào lúc một giờ sáng mùa đông 1829 – 1830, trong phòng khách của bà tử tước De Grandlieu vẫn còn hai người khách lạ, không phải người trong gia đình. Nghe tiếng chuông đồng hồ treo tường reo vang, một người đàn ông trẻ đẹp bèn ra về. Khi tiếng xe ngựa đã vang lên ngoài sân, bà tử tước thấy chỉ còn anh trai mình và một người bạn của gia đình đang chơi nốt một ván bài pi-kê*,

bèn tiến về phía con gái mình, cô này đứng trước lò sưởi phòng khách, có vẻ như đang ngắm nghía một cái vành che mắt bằng sứ trong suốt, nhưng lại đang lắng nghe tiếng động của cỗ xe ngựa như để chứng thực cho nỗi sợ hãi của mẹ mình.

– Camille này, nếu cô còn tiếp tục xử sự với cậu bá tước De Restaud như tối hôm nay, thì ta buộc sẽ không tiếp đón cậu ấy nữa. Con ạ, hãy nghe ta, nếu cô tin vào lòng yêu thương của ta, thì cô hãy để ta hướng dẫn cô trong cuộc sống. Ở tuổi mười bảy, chẳng ai phán đoán được về tương lai, về quá khứ, cũng như về một số nhận định xã hội. Ta sẽ chỉ lưu ý cô về một điều nhận xét duy nhất: ngài De Restaud có một người mẹ có thể ngốn hết hàng triệu, một người đàn bà hư đốn, một cô con gái nhà Goriot xưa kia đã từng mang nhiều tai tiếng. Bà ta đã đối xử quá tồi tệ với bố đẻ của mình nên thật không đáng có được một cậu con trai tốt đến thế. Cậu bá tước yêu quý và đỡ dằn mẹ mình thật hiếu thảo, xứng đáng với những lời khen ngợi nhiệt thành nhất; nhất là hết lòng chăm sóc em trai và em gái – Nhưng dù tính nết cậu ấy có đáng khen đến đâu đi nữa, – bà tử tước nói thêm, giọng tế nhị, – chừng nào mẹ cậu còn sống thì mọi gia đình đều sẽ hoảng sợ nếu phải giao phó cho cậu bé Restaud tương lai và tài sản của một người con gái.

– Tôi đã nghe được mấy câu khiến tôi muốn được can thiệp vào câu chuyện giữa bà và tiểu thư De Grandlieu, – ông bạn của gia đình bỗng kêu lên. – Tôi thắng rồi, thưa ngài bá tước, – ông nói với đối thủ của mình. – Ngài ở lại đây, còn tôi phải cấp tốc đi cứu cháu ngài.

– Thế mới gọi là đôi tai thầy kiện chứ, người ta nói chẳng sai, – bà tử tước kêu lên. – Ông Derville thân mến, sao mà ông nghe được điều tôi nói rất khế với Camille?

– Tôi hiểu được những cái nhìn của bà, – Derville vừa trả lời vừa ngồi vào một cái ghế bành ở góc lò sưởi.

Ông bác đến cạnh cháu gái mình, còn bà De Grandlieu thì ngồi xuống một cái ghế ngồi sưởi, giữa con gái và Derville.

– Đã đến lúc, thưa bà tử tước, tôi kể bà nghe một câu chuyện

khiến bà sẽ phải thay đổi cách phán đoán về tài sản của bá tước Ernest de Restaud.

– Một câu chuyện, hay quá! – Camille kêu lên. – Vậy xin ngài bắt đầu nhanh lên!

Derville đưa mắt nhìn bà De Grandlieu khiến bà hiểu rằng câu chuyện đó sẽ làm cho bà phải quan tâm. Bà tử tước De Grandlieu với tài sản và dòng dõi lâu đời của mình, là một trong những phụ nữ đáng chú ý nhất ở ngoại ô Saint-Germain; tuy nhiên, nếu như có vẻ không tự nhiên khi một thầy kiện ở Paris có thể nói năng với bà thân mật đến thế và xử sự ở nhà bà một cách buông tuồng đến thế thì hiện tượng này cũng dễ cắt nghĩa thôi. Bà De Grandlieu khi trở về Pháp cùng với hoàng tộc, đã đến ở tại Paris và lúc đầu chỉ sinh sống nhờ vào tiền cứu tế của Louis XVIII lấy từ ngân quỹ Hoàng gia, một tình huống thật không chịu nổi. Ông thầy kiện đã có dịp phát hiện một vài sai sót về thể thức trong việc phát mại lâu đài De Grandlieu của chính quyền cộng hòa trước kia, và cho rằng nó phải được trả về cho bà tử tước. Ông quyết định lãnh khoán vụ kiện đó và ông đã thắng lợi. Thành công đó khuyến khích ông đệ đơn kiện một dưỡng đường nào đó, tôi cũng không biết nữa, và ông lại tài tình thu hồi được khu rừng Liceney. Rồi ông còn lấy lại được mấy cổ phần về kênh đào Orléans, và một số bất động sản khá quan trọng mà Hoàng đế đã ban cho các công sở. Thành thử, nhờ sự khéo léo của ông thầy kiện trẻ, tài sản của bà De Grandlieu được khôi phục lại đã lên tới một khoản thu nhập khoảng sáu mươi nghìn phơ-răng, vào lúc mà đạo luật về tiền bồi thường đã trả lại cho bà những món tiền kéch xù. Là một người rất mực trung thực, hiểu biết rộng, khiêm tốn và đứng đắn, thế là ông thầy kiện trở thành một người bạn của gia đình. Mặc dù cách xử sự với bà De Grandlieu khiến ông xứng đáng được hưởng sự tín nhiệm và những khách hàng trong những dòng họ có tiếng nhất ở ngoại ô Saint-Germain, ông cũng không lợi dụng sự ưu đãi đó như một kẻ tham lam. Ông từ chối những lời mời mọc của bà tử tước khi bà muốn ông bán lại chức vụ của mình để đưa ông sang ngành thẩm phán và được bà che chở, ông có thể thăng quan tiến chức một cách nhanh chóng nhất. Ngoại trừ một vài tối đến

chơi lâu dài De Grandlieu, ông chỉ tiếp xúc với xã hội thượng lưu để duy trì những mối quan hệ của mình. Ông cảm thấy cực kỳ vui sướng vì những tài năng của mình đã được mọi người thấy rõ nhờ sự tận tâm với bà De Grandlieu, nếu không thế ông đã có thể lâm vào nguy cơ để văn phòng của mình tàn lụi dần. Derville không có một tâm hồn thầy kiện. Từ khi bá tước Ernest de Restaud lên chân được vào nhà bà tử tước và Derville đã phát hiện được cảm tình của Camille với chàng trai trẻ đó, thì ông chăm chỉ lui tới nhà bà De Grandlieu không kém gì một công tử bột ở Chaussée-d'Antin khi mới được kết nạp vào các câu lạc bộ ở ngoại ô quý tộc. Vài ngày trước đây, trong một buổi vũ hội, khi thấy Camille ở bên cạnh mình, ông đã chỉ vị bá tước trẻ tuổi và bảo cô: – Thật đáng tiếc là chàng trai kia không có được hai hoặc ba triệu, phải không cô? – Đó là một tai họa ư? Tôi không nghĩ như vậy, – cô đã trả lời. – Ngài De Restaud có rất nhiều tài năng, anh ấy có học, lại được ở gần ông bộ trưởng và được ông đánh giá cao. Tôi tin chắc rằng anh ấy sẽ trở thành một người lỗi lạc. Khi mà *chàng trai đó* vươn tới được chính quyền thì anh ấy muốn có bao nhiêu tài sản mà chẳng được. – Vâng, nhưng nếu cậu ấy đã giàu rồi thì sao? – Nếu anh ấy giàu rồi, – Camille vừa nói vừa đỏ mặt, – thì tất cả các cô nàng trẻ tuổi có mặt ở đây sẽ tranh nhau giành lấy anh ấy, – cô vừa nói thêm vừa chỉ vào bốn cặp đang khiêu vũ. – Vậy là, – ông thầy kiện trả lời, – cậu ấy sẽ không chỉ nhìn một mình tiểu thư De Grandlieu. Có phải vì thế mà cô đỏ mặt không? Cô thích cậu ấy phải không? Nào, nói đi. Camille đột ngột đứng dậy. – Cô ấy yêu cậu bá tước, – Derville đã nghĩ như vậy. Từ hôm ấy, Camille đã quan tâm một cách khác thường đến ông thầy kiện vì thấy ông tán thành tình yêu của cô với chàng bá tước trẻ tuổi Ernest de Restaud. Cho đến bây giờ, mặc dù không phải cô không biết gia đình đã chịu ơn Derville nhiều, nhưng đối với ông, cô chỉ có lòng kính nể hơn là tình bạn thực sự, nhiều lễ độ hơn là tình cảm; phong cách cũng như giọng nói của cô đã luôn luôn làm cho ông cảm thấy khoảng cách do nghi thức đặt ra giữa hai người. Sự biết ơn là một khoản nợ mà không phải bao giờ trẻ con cũng chấp nhận theo bản kê khai.

Một lúc sau Derville nói tiếp: – Biến cố này làm tôi nhớ lại những trường hợp lãng mạn duy nhất của đời tôi. Bà lại cười rồi, – ông nói tiếp, – khi nghe một anh thầy kiện nói về một cuốn tiểu thuyết trong đời anh ta! Nhưng tôi cũng đã qua cái tuổi hăm nhăm như tất cả mọi người, và ở tuổi ấy tôi đã thấy nhiều cái kỳ lạ. Để bắt đầu câu chuyện, tôi phải nói với bà về một nhân vật mà bà không hề biết được. Đó là một lão cho vay nặng lãi. Bà có biết cái bộ mặt nhợt nhạt và tái mét ấy không, cái bộ mặt mà tôi muốn được viện hàn lâm cho phép tôi được đặt tên là mặt *trắng*, vì nó giống như bạc mạ vàng nhưng đã bong hết vàng? Lão cho vay nặng lãi ấy có một mái tóc dẹt, chải kỹ và màu tro xám. Những đường nét trên khuôn mặt lão lạnh lùng không kém mặt Talleyrand, giống như được đúc bằng đồng đỏ. Mắt lão nhỏ, vàng như mắt một con chồn sóc, gần như không có lông mi và sợ ánh sáng. Nhưng một cái mũi lưỡi trai cũ giống như một cái chao đèn che cho đôi mắt. Mũi lão nhọn, đầu mũi rỗ nhiều đến mức người ta có thể so sánh nó với một cái dùi khoan. Lão có đôi môi mỏng của những nhà luyện đan và của những lão già bé nhỏ vẽ trên tranh của Rembrandt hay của Metz. Lão nói nhỏ nhẹ, giọng êm và không bao giờ nổi nóng. Tuổi lão là cả một vấn đề: ta không thể biết lão đã già trước tuổi, hay lão đã nương nhẹ tuổi trẻ của mình để nó phục vụ lão mãi mãi. Trong buồng lão, cái gì cũng sạch sẽ và được kỳ cọ, từ tấm dạ xanh phủ bàn giấy đến tấm thảm trải giường làm cho căn buồng giống như cái điện thờ lạnh lẽo của những cô gái suốt ngày kỳ cọ đồ đạc của mình. Về mùa đông, những thanh củi cháy trong lò của lão luôn luôn bị vùi trong tro, chỉ bốc khói mà không có lửa. Những hành động của lão, từ lúc ngủ dậy cho đến tận những cơn ho buổi tối, đều tuân thủ sự chuyển động đều đặn của một cái đồng hồ treo tường. Có thể coi như đó là một *người-mẫu* mà giấc ngủ lên dây cót. Nếu bà sờ vào một con một ả đang bò trên giấy, nó sẽ dừng lại và giả chết. Cũng hết như vậy, lão già ấy dừng lại giữa lúc đang nói và im lặng khi một cái xe đi qua, để khỏi phải cố sức nói to. Bắt chước Fontenelle, lão tiết kiệm vận động sinh tồn, và tập trung tất cả tình cảm con người vào cái tôi. Vì vậy dòng đời lão chảy mà không gây nhiều tiếng động hơn dòng cát của một cái đồng hồ cổ đại.

Thỉnh thoảng các nạn nhân của lão hét lên, nổi nóng lên; rồi sau đó lại im lặng như tờ, giống như trong bếp người ta cắt tiết một con vịt. Tối đến, người-phiếu lại biến thành người thường, và kim loại của lão lại hóa thành trái tim người. Nếu lão hài lòng về cái ngày vừa qua, thì lão vừa xoa tay vừa để lộ ra từ những vết nhăn nứt nẻ trên mặt lão một làn khói vui vẻ, bởi vì lão không thể diễn tả bằng cách nào khác sự vận động câm lặng của cơ bắp, người ta thấy một cảm giác hiện lên tựa như tiếng cười trống rỗng của *Bas-de-Cuir**. Cuối cùng trong những lúc thật vui vẻ chợt đến như vậy, lão vẫn nói giống một và vẫn giữ thái độ tiêu cực. Đó là lão già tình cờ ở cùng nhà với tôi hồi tôi còn ở phố “des Grès”, còn làm tùy viên thứ hai và đang học nốt năm thứ ba trường Luật. Cái nhà ấy không có sân, ẩm ướt, tối om. Các căn hộ ở đó chỉ có ánh sáng từ ngoài phố chiếu vào. Ngôi nhà kiểu nhà tu ấy chia thành nhiều buồng rộng bằng nhau, các buồng chỉ có chung một lối ra là một hành lang dài, có những cửa sổ nhỏ che lưới chiếu sáng; như vậy rõ ràng ngôi nhà này xưa kia là một bộ phận của một tu viện. Quang cảnh buồn thảm ấy dập tắt ngay niềm vui của cậu con trai con nhà tử tế trước khi bước vào buồng lão ta: căn nhà và lão chủ nhà giống nhau như hệt. Bà có thể bảo đó là con sò và tảng đá của nó. Lão chỉ giao tiếp, về mặt xã hội mà nói, với một mình tôi; lão đến xin tôi tý lửa, mượn tôi quyển sách, tờ báo, và cho phép tôi, tối đến, được vào buồng riêng của lão, trò chuyện với lão khi lão đang vui. Những dấu hiệu tin cậy đó là kết quả của mối quan hệ hàng xóm bốn năm ròng và cũng do tính nết tôi ngoan ngoãn, lại không có tiền nên rất giống tính nết lão. Lão có họ hàng, bạn hữu gì không? Lão giàu hay nghèo? Không ai có thể trả lời những câu hỏi đó. Tôi không trông thấy tiền bạc ở nhà lão bao giờ. Tài sản của lão chắc chắn là phải ở trong hầm nhà Ngân hàng. Lão tự mình đi nhận những cái phiếu, chạy khắp Paris với cái chân khẳng khiu như chân hươu. Mặt khác, lão cũng là vật hy sinh cho tính khôn ngoan của mình. Một hôm, tình cờ, lão mang theo vàng; một đồng hai napôlêông không biết tại sao lại lọt ra khỏi túi áo lão; một người thuê nhà, đi sau lão trên cầu thang, bèn nhặt đồng tiền ấy và đưa cho lão. – Cái này không phải của tôi, – lão trả lời với một cử chỉ có vẻ ngạc nhiên. – Tôi mà có vàng! Nếu tôi giàu có

thì đời nào tôi lại sống như tôi đang sống? Buổi sáng lão tự hâm lấy cà-phê trên một cái bếp bằng tôn mà lão luôn để trong góc lò sưởi tối om; bữa ăn tối thì một người bán thịt quay mang đến cho lão. Bà già gác cổng của chúng tôi lên quét dọn buồng vào một giờ nhất định. Cuối cùng, thì một điều kỳ cục mà có lẽ Sterne sẽ gọi là tiền định: người đàn ông ấy có tên là Gobseck.

Sau này, khi làm những việc về lão, tôi được biết rằng vào lúc chúng tôi mới quen biết nhau, lão khoảng chừng bảy mươi sáu tuổi. Lão sinh ra khoảng năm 1740 ở ngoại ô Anvers, mẹ là người Do Thái, bố là người Hà Lan, lão tên là Jean-Esther Van Gobseck. Chắc bà biết cả Paris đã xôn xao như thế nào về vụ ám sát một người đàn bà được gọi là *người đẹp Hà Lan*? Khi tình cờ tôi nói về chuyện đó với người hàng xóm cũ thì lão chẳng có vẻ quan tâm chút nào, mà cũng không mấy may ngạc nhiên, lão bảo: – Đó là đứa cháu gọi tôi bằng ông trẻ. Đó là tất cả những gì mà lão đã nhả ra về cái chết của người cháu gái gọi chị lão bằng bà, và là người thừa kế duy nhất của lão. Khi thảo luận, tôi được biết người đẹp Hà Lan đúng tên là Sara Van Gobseck. Hỏi lão tại sao có chuyện lạ lùng là cháu gọi lão bằng ông trẻ lại mang họ của lão như thế: – Phụ nữ trong gia đình chúng tôi không bao giờ lấy chồng, – lão mỉm cười trả lời tôi. Người đàn ông kỳ cục ấy chưa bao giờ muốn gặp một người nào của bốn thế hệ nữ trong họ hàng bà con lão. Lão ghét cay ghét đắng những người thừa kế của mình và không tưởng tượng nổi là tài sản của mình có lúc lại có thể thuộc quyền sở hữu của những người khác ngoài lão, ngay cả sau khi lão chết. Mẹ lão đã cho lão lên tàu vượt biển, từ khi lão mới mười tuổi, với tư cách là thủy thủ nhỏ, đi đến những thuộc địa của Hà Lan trong quần đảo Nam Dương và lão đã lặn lội suốt hai mươi năm trời ở đây. Vì vậy, những nếp nhăn trên cái trán vàng ệch của lão vẫn còn giữ lại bí mật của những sự kiện khủng khiếp, những trận khủng bố bất thần, những sự tình cờ không mong đợi, những chuyến vượt biển lãng mạn, những niềm hân hoan bất tận: cái đói phải chịu đựng, tình yêu bị chà đạp, tài sản bị tổn thất, mất đi rồi lại tìm thấy, cuộc sống nhiều lần gặp nguy hiểm, rồi lại được cứu thoát, có lẽ nhờ những quyết định ác độc dễ được bỏ qua vì tình

hình quá khẩn trương. Lão đã quen biết đô đốc Simeuse, ngài De Lally, ngài Kergarouët, ngài D'Estaing, quan tòa De Suffren, ngài De Portenduère, đức ông Cornwallis, đức ông Hastings, bố đẻ của Tippo-Saeb và bản thân Tippo-Saeb. Con người xứ Savoie đó đã từng phục vụ Madhadjy-Sindiah, vua xứ Delhy, và đã góp sức nhiều vào việc xây dựng thế lực của dòng họ Marhattes, cũng đã cùng làm ăn với lão. Lão đã từng có quan hệ với Victor Hughes và nhiều tên cướp biển nổi tiếng, vì lão đã cư trú lâu ngày ở Saint-Thomas. Lão đã tìm mọi cách làm giàu, đã thử đi tìm vàng cả ở cái bộ lạc người dã man nổi tiếng quanh vùng Buenos-Ayres. Sau cùng, lão không xa lạ gì với bất cứ sự kiện nào trong cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ. Nhưng khi lão nói về Ấn Độ hay về Mỹ – điều này lão chưa nói với ai bao giờ, và tôi cũng rất ít được nghe – thì hình như đó là đã sơ hở và lão có vẻ hối hận. Nếu như lòng nhân đạo, nếu tính thích hòa nhập với xã hội, là một tôn giáo, thì có thể coi lão như một kẻ vô thần. Mặc dù tôi đã trù tính khảo sát con người lão, tôi phải xấu hổ mà thú thật rằng cho đến phút cuối cùng tôi cũng không thâm nhập được trái tim lão. Đôi khi tôi tự hỏi lão thuộc giới tính nào? Nếu tất cả những kẻ cho vay nặng lãi đều giống lão ta, thì tôi nghĩ rằng tất cả bọn họ đều là trung tính. Lão có còn trung thành với tôn giáo của mẹ mình và coi những người cơ đốc như miếng mồi của mình không? Lão đã theo đạo Thiên chúa, đạo Hồi, đạo Bà-la-môn, hay đạo Tin lành? Tôi chưa bao giờ biết gì về tín ngưỡng của lão. Lão có vẻ thờ ơ hơn là không tin đạo. Một buổi tối, tôi vào nhà người đàn ông hiện thân cho vàng, người đã gọi những nạn nhân của mình là khách hàng, thế mà, không biết để nói ngược lại hay để giễu cợt, họ lại gọi lão là “bố Gobseck”. Tôi thấy lão đang ngồi trên ghế bành, im lìm như một pho tượng, hai mắt chăm chú nhìn vào cái bệ lò sưởi, hình như đang đọc lại những bản kê khai chiết khấu ở đó. Một cái đèn bọc khói, chân đèn trước kia màu xanh, tỏa sáng mà không làm mặt lão hồng hào, trái lại còn nổi bật vẻ xanh xao. Lão lặng lẽ nhìn tôi và chỉ cho tôi một cái ghế dựa dành cho tôi. – Con người kia nghĩ đến cái gì? – tôi tự hỏi. Liệu lão có biết rằng có một Thượng đế, một tình cảm, những phụ nữ, một hạnh phúc không? Tôi thấy thương hại lão như thương hại một người ốm. Nhưng tôi

cũng thừa hiểu rằng nếu lão có hàng triệu gửi Ngân hàng thì lão cũng có thể chiếm hữu, trong tư tưởng, đất đai mà lão đã đi qua, lục lợi, cân nhắc, ước lượng, khai thác. – Chào bố Gobseck, – tôi nói với lão. Lão quay đầu về phía tôi, cặp lông mày to, đen hơi nhúu lại; ở lão, nét uốn éo đặc trưng ấy tương đương với cái cười vui vẻ nhất của một anh chàng miền Nam. – Trông bác buồn, giống cái hôm người ta đến báo với bác tin anh hàng sách đã bị phá sản, chính anh chàng mà bác từng khen là khéo léo mặc dù bác là nạn nhân của anh ta. – Nạn nhân ư ? – lão nói, vẻ ngạc nhiên. – Để có bản thỏa ước, anh ta đã chẳng thanh toán món tiền vay của bác bằng những cái phiếu mang chữ ký của nhà buôn đang phá sản, và sau khi hồi phục, anh ta đã chẳng bớt xén những phiếu đó theo đúng bản thỏa ước là gì? – Anh ta ranh mãnh đấy, – lão trả lời, – nhưng tôi đã kẹp anh ta lại rồi. – Vậy là bác có lập chứng thư kháng nghị về một vài cái phiếu? Tôi nghĩ hôm nay là ngày ba mươi. Đây là lần đầu tiên tôi nói về chuyện tiền nong với lão. Lão ngược mắt nhìn tôi bằng một động tác giễu cợt; rồi với tiếng nói dịu dàng mà giọng điệu giống âm thanh phát ra từ một ống sáo mà một học sinh khi thôi đã quên không lắp miệng sáo: – Tôi đùa đấy, – lão nói. – Vậy ra thỉnh thoảng bác cũng đùa? – Thế cậu tưởng chỉ những người có thơ in mới là những nhà thơ chẳng? – lão vừa hỏi tôi vừa nhún vai và nhìn tôi có vẻ thương hại. – Có thơ trong cái đầu kia! Tôi nghĩ vậy vì tôi vẫn còn chưa biết tí gì về cuộc đời của lão. – Cuộc sống nào có thể huy hoàng bằng cuộc sống của tôi? – Lão nói tiếp, và mắt lão linh động hẳn lên. – Cậu còn trẻ, cậu có những ý nghĩ của dòng máu cậu, cậu trông thấy những khuôn mặt đàn bà trong những mẩu củi cháy dở của cậu, tôi thì tôi chỉ thấy than trong những mẩu củi cháy dở của tôi. Cậu tin mọi thứ, tôi thì chẳng tin cái gì. Cậu hãy giữ lấy những ảo ảnh của cậu, nếu có thể giữ được. Tôi sẽ giúp cậu làm bản chiết khấu của cuộc đời. Hoặc là cậu đi du lịch, hoặc là cậu cứ ngồi ở góc lò sưởi với vợ cậu, rồi cũng sẽ đến một cái tuổi mà cuộc đời chỉ còn là một thói quen được rèn luyện trong một môi trường ưa thích nào đó. Thế là hạnh phúc chẳng qua là sự rèn luyện những năng lực của chúng ta áp dụng vào thực tại. Ngoài hai chân ngôn đó ra, tất cả là giả dối. Những nguyên tắc của tôi, cũng như của mọi

người, đã có thay đổi, tôi đã phải thay đổi theo từng vĩ độ. Cái mà châu Âu khâm phục thì châu Á lại trừng phạt. Có cái là một thói xấu ở Paris thì lại là một sự cần thiết khi người ta đi khỏi quần đảo Açores. Không có gì là cố định dưới hạ giới này, chỉ có những quy ước thay đổi theo khí hậu. Đối với ai đã bị bắt buộc phải gò ép mình vào trong mọi khuôn mẫu xã hội thì niềm tin và luân lý chỉ còn là những từ vô giá trị. Trong chúng ta chỉ còn lại một tình cảm duy nhất có thật mà tạo hóa đã đặt vào: đó là bản năng sinh tồn. Trong các xã hội châu Âu của cậu, bản năng đó được gọi là *lợi ích cá nhân*. Nếu cậu đã sống nhiều bằng tôi, cậu sẽ biết rằng chỉ có một vật chất duy nhất có giá trị khá rõ ràng khiến một người phải bận tâm. Vật chất đó... là VÀNG. Vàng đại diện cho tất cả sức mạnh của con người. Tôi đã đi du lịch, tôi đã thấy khắp nơi có đồng bằng hoặc núi non: đồng bằng làm nhàm chán, núi non làm mệt mỏi; vậy chẳng nơi nào có ý nghĩa gì. Còn về phong tục, thì con người ở đâu cũng thế: ở đâu cũng có sự chiến đấu giữa người nghèo và người giàu, không đâu tránh khỏi; vậy thà làm kẻ bóc lột còn hơn làm người bị bóc lột; khắp nơi ta có thể gặp những người vai u thịt bắp đang lao động và những người ẻo lả yếu ớt đang bứt dứt không yên; khắp nơi thú vui đều như nhau, vì khắp nơi giác quan đều hao mòn, và chỉ còn sót lại một tình cảm duy nhất, đó là tính khoe khoang! Tính khoe khoang, đó vẫn là cái *tôi*. Tính khoe khoang chỉ có thể tự thỏa mãn bằng những đợt sóng vàng. Những sở thích riêng của chúng ta đòi hỏi phải có thời gian, có những phương tiện vật chất hay những sự chăm sóc. Thế thì vàng chứa đựng mầm mống của mọi thứ, và biến mọi thứ thành hiện thực. Chỉ có những người điên hoặc những người ốm mới có thể tìm thấy hạnh phúc trong việc tối tối đánh bài để xem có kiếm được vài xu không. Chỉ có những kẻ ngu ngốc mới có thể dùng thời gian của mình để tự hỏi xem điều gì đang diễn ra, xem bà nào đó đã nằm trên ghế tràng kỷ một mình hay nằm với ai, xem bà ấy có nhiều máu đỏ hơn máu trắng không, có đa dâm hơn đức độ không. Chỉ có những kẻ dễ bị lừa bịp mới có thể nghĩ rằng mình có ích cho đồng loại, khi họ luôn chăm lo vạch ra những nguyên tắc chính trị hòng cheo lái những biến cố luôn luôn bất ngờ. Chỉ có những kẻ ngớ ngẩn mới có thể thích nói về các diễn viên và

nhắc lại những lời của họ; mới có thể thích ngày ngày dạo chơi như một con vật trong cái chuồng của nó, khác chẳng là trên một không gian rộng hơn; mới có thể thích mặc vì những người khác, ăn vì những người khác; mới có thể tự hào vì có một con ngựa hoặc một cái xe sớm hơn người hàng xóm ba ngày. Đó chẳng phải là cuộc sống của những người dân Paris của cậu diễn đạt bằng vài câu đó ư? Ta hãy nhìn cuộc sống từ một điểm cao hơn họ. Hạnh phúc là những cảm xúc mãnh liệt làm hao mòn đời sống, hoặc là những công việc vạch sẵn làm cho đời sống giống như một bộ máy Anh, vận chuyển theo những kỳ đều đặn. Bên trên những hạnh phúc đó, có một thứ được coi là cao quý, đó là sự tò mò tìm hiểu những bí mật của thiên nhiên hoặc mô phỏng được đến mức nào đó các hiệu quả của nó. Đó chẳng phải là bằng hai từ, Nghệ thuật hoặc Khoa học, Ham mê hoặc Yên lặng đó ư? Vậy thì tất cả những ham mê của con người, được phóng đại lên bằng sự vận động của những lợi ích xã hội, thao diễn trước mặt tôi là người sống trong yên lặng. Rồi tính tò mò khoa học của cậu, đó là loại hình chiến đấu trong đó con người luôn luôn thua kém, tôi thì tôi thay nó bằng sự thấu triệt tất cả các nguyên động lực làm chuyển động Nhân loại. Nói tóm lại, tôi chiếm hữu thế giới mà không mệt sức, và thế giới không làm gì nổi tôi. Cậu hãy nghe đây, – lão nói tiếp, – nghe tôi kể những sự việc buổi sáng hôm nay, cậu sẽ đoán ra được những thú vui của tôi. – Lão đứng dậy, đẩy cái then cửa, kéo cái màn che bằng vải cũ làm cho các cái vòng rít lên trên thanh sắt, rồi lại ngồi xuống. – Sáng nay, – lão nói với tôi, – tôi chỉ nhận có hai kỳ phiếu, những cái khác đã được trả bằng tiền mặt hôm qua cho khách hàng. Cũng lắm không kém! Bởi vì khi chiết khấu, tôi đã trừ đi tiền một chuyến xe ngựa tưởng tượng là bốn mươi xu. Thật buồn cười nếu một khách hàng bắt tôi phải đi xuyên suốt Paris để lấy sáu phơ-răng chiết khấu, tôi là người không tuân thủ cái gì hết, tôi là người chỉ trả có bảy phơ-răng tiền thuế. Cái phiếu thứ nhất, giá trị một nghìn phơ-răng, đã do một chàng trẻ tuổi xinh trai đem đến, anh ta mặc áo gi-lê có vảy lấp lánh, mang kính kẹp mũi, đi xe ngựa trần, ngựa Anh v.v.; phiếu có chữ ký của một trong những phụ nữ đẹp nhất Paris, vợ một nghiệp chủ giàu có nào đó, một ông bá tước. Tại sao cái bà bá tước

này lại ký nhận trả một hồi phiếu vô giá trị về mặt pháp lý, nhưng tuyệt vời về mặt thực tế; tại vì những phụ nữ khốn khổ đó sợ tai tiếng do một chứng thư cự tuyệt có thể gây ra cho gia đình họ, cho nên họ thà hy sinh thân mình để trả nợ còn hơn là không trả nợ. Tôi đã muốn tìm hiểu giá trị bí mật của tờ hồi phiếu đó. Đó là sự ngu ngốc, sự dại dột, tình yêu hay lòng từ thiện? Cái phiếu thứ hai, cũng giá trị ngần ấy, có chữ ký của Fanny Malvaut, đã do một người hàng vải đang sạt nghiệp đem đến. Không ai, nếu có một khoản tín dụng nào đó ở Ngân hàng lại chịu đến cửa hàng tôi; ở đây bước chân đầu tiên đi từ cửa vào đến bàn giấy của tôi nói lên là đã tuyệt vọng, là sắp phá sản và nhất là không một ngân hàng nào chịu cho vay tiền. Vì vậy tôi chỉ nhìn thấy những con hươu cùng đường, bị cả một bầy chủ nợ vây dồn. Bà bá tước ở phố Le Helder, còn Fanny của tôi ở phố Montmartre. Khi từ nhà ra đi sáng hôm nay, tôi đã phỏng đoán biết bao nhiêu điều. Nếu hai người đàn bà ấy không có khả năng trả tiền, họ sẽ kính trọng tôi quá tiếp bố đẻ của họ. Vì một nghìn phơ-răng, bà bá tước sẽ giở ra biết bao trò nỡm. Bà ta sẽ làm ra vẻ âu yếm, sẽ nói với tôi bằng cái giọng mơn trớn dành cho người ký vào mặt sau hồi phiếu, sẽ phung phí những lời vuốt ve tôi, có lẽ sẽ van xin tôi nữa, còn tôi... – Nói đến đây, lão già ngược nhìn tôi, nhìn mà như không nhìn gì cả. – Còn tôi, không ai lay chuyển nổi! – lão nói tiếp, – tôi đến đó như một kẻ thù, tôi có dáng vẻ như một niềm hối hận. Ta hãy gác các giả thuyết lại đã. Tôi đã tới nơi. – Bà bá tước đang nằm nghỉ, – một chị hầu phòng bảo tôi. – Bao giờ có thể gặp được bà? – Đến trưa. – Bà bá tước ốm chẳng? – Thưa ngài, không, nhưng bà mới ở vũ hội về lúc ba giờ sáng. – Tôi là Gobseck, hãy nói tên tôi với bà, tôi sẽ đến đây trưa nay. Và tôi vừa đi ra vừa đánh dấu sự có mặt của tôi lên tấm thảm phủ đá lát cầu thang. Tôi thích trát bùn lên những tấm thảm của người giàu, không phải vì nhỏ nhen, mà vì muốn để họ cảm nhận thấy móng vuốt của Túng thiếu. Tới phố Montmartre, đến một ngôi nhà bên ngoài không có gì đặc biệt, tôi đẩy một cánh cổng cho xe đi đã cũ, và trông thấy một cái sân tối tăm, ánh nắng không bao giờ rọi tới. Phòng ông gác cổng tối om, có cái cửa kính trông giống ống tay một chiếc áo khoác dùng đã lâu đời, nó nhờn, màu nâu, nứt nẻ. – Tiểu thư Fanny Malvaut có

nhà không? – Cô vừa đi khỏi nhưng nếu ngài đến vì cái phiếu, thì có tiền kia. – Tôi sẽ quay lại, – tôi nói. Chính khi ông gác cổng đã có số tiền, tôi lại muốn biết mặt cô gái; tôi hình dung là cô ấy xinh xắn. Suốt cả buổi sáng tôi đi xem những bức tranh bày trên đại lộ; rồi đúng mười hai giờ trưa, tôi bước qua phòng khách ngay trước buồng bà bá tước. – Bà vừa rung chuông cho tôi, – chị hầu phòng nói, – tôi không nghĩ rằng ngài có thể gặp bà bây giờ. – Tôi sẽ đợi, – tôi vừa trả lời vừa ngồi xuống một cái ghế bành. Cánh cửa chớp bỗng mở ra, chị hầu chạy lại và bảo tôi: – Mời ngài vào. Nghe giọng nói dịu dàng của chị ta, tôi đoán chắc là bà chủ không có khả năng trả tiền.

Người phụ nữ tôi trông thấy lúc bấy giờ thật là đẹp tuyệt. Bà đã khoác vôi lên đôi vai trần của mình một cái khăn quàng bằng vải ca-sơ-mia trùm khít người bà và làm nổi lên những đường nét thân thể bà thấp thoáng như trần truồng. Bà mặc một cái áo choàng trang trí xếp nếp tổ ong trắng như tuyết; tiền công trả cho cô thợ giặt hàng cao cấp mỗi năm tốn tới khoảng hai nghìn phơ-răng. Mái tóc đen của bà từng lộn lộn ra ngoài một cái khăn xinh xắn buộc lỏng lẻo trên đầu bà theo kiểu các cô gái da trắng sống ở thuộc địa. Cái giường của bà là cả một cảnh lộn xộn, chắc là sau một giấc ngủ không yên. Một họa sĩ có lẽ đã muốn trả tiền để được ở lại một lúc giữa quang cảnh này. Dưới lớp màn trướng buộc một cách gợi tình, một cái gối bị ấn sâu xuống một cái chăn lông vũ bọc lụa xanh da trời và có những trang trí bằng ren nổi bật trên nền xanh ấy; còn lại dấu vết những hình hài mờ mờ khêu gợi trí tưởng tượng. Trên một tấm da gấu rộng rải dưới chân những con sư tử chạm trổ trong gỗ đào hoa tâm của cái giường, sáng rực lên hai chiếc giấy bằng sa-tanh trắng, ném xuống đấy một cách chệnh mảng do một mối sau vũ hội. Trên một cái ghế dựa có một tấm áo dài nhàu nát, tay áo chạm cả xuống đất. Những chiếc bút tất dài, chỉ một làn gió nhẹ cũng có thể thổi bay đi, vạn vẹo dưới chân một cái ghế bành. Những chiếc nịt trắng bập bênh dọc theo một cái ghế tràng kỷ. Một cái quạt đắt tiền, xòe ra một nửa, lấp lánh trên mặt lò sưởi. Các ngăn kéo tủ commost vẫn để mở. Những bông hoa, những hạt kim cương, những đôi găng tay,

một bó hoa, một dây lưng nằm rải rác dây dợ. Tôi ngửi thấy thoang thoảng mùi nước hoa. Tất cả đều là xa xỉ và lộn xộn, đẹp mà không hài hòa. Nhưng đối với bà ta hoặc kẻ tôn thờ bà, con ma nghèo khổ ẩn nấp dưới kia đã ngóc đầu dậy và làm cho họ cảm nhận thấy những cái răng sắc nhọn của nó. Bộ mặt mệt mỏi của bà bá tước giống hệt căn buồng rải rác những phế thải của buổi dạ hội. Những vật nhỏ rơi vãi đó làm tôi thấy thương hại; tập hợp lại chúng đã tạo nên, trong ngày hôm trước, một sự cuồng nhiệt nào đó. Những tàn tích của một tình yêu đã bị niềm hối hận làm cho choáng váng đó, cái hình ảnh một cuộc sống phóng đảng, xa hoa và âm ỉ đó, đã tiết lộ những cố gắng như của Tantale nhằm ôm lấy những thú vui thoảng qua. Màu đỏ loáng thoảng trên khuôn mặt người thiếu phụ chứng tỏ làn da đẹp mịn màng của bà; nhưng các đường nét có vẻ như to ra, và cái quầng nâu dưới mắt bà hình như đậm nét hơn thường ngày. Tuy nhiên, ở bà, tạo hóa có khá nhiều nghị lực khiến cho những dấu hiệu cuồng loạn đó không làm hồng được nhan sắc của bà. Mắt bà long lanh. Giống như một trong các bà Hérodiades dưới nét bút của Léonard de Vinci (tôi đã từng buôn tranh cũ), bà tràn trề nhựa sống và sức mạnh; không có gì tầm thường trong những dáng vẻ và đường nét của bà. Bà kêu gọi tình yêu, và theo tôi, có vẻ còn mạnh hơn cả tình yêu. Bà đã chiếm được cảm tình của tôi. Từ lâu trái tim tôi đã không đập. Vậy là tôi đã được trả tiền! Tôi sẵn sàng cho một nghìn phở-răng để được hưởng một cảm giác làm cho tôi nhớ lại thời trẻ của mình. – Thưa ngài, – bà ta vừa nói với tôi vừa đưa ra một cái ghế dựa, – ngài có thể vui lòng chờ được không ạ? – Cho đến trưa mai, thưa bà, – tôi vừa trả lời vừa gấp lại cái phiếu tôi đã đưa ra, – tôi chỉ có quyền lập chứng thư cự tuyệt vào giờ đó. Rồi tôi tự nói với chính mình: – Hãy trả tiền cho sự xa xỉ của người, trả tiền cho họ tên người, trả tiền cho hạnh phúc của người, trả tiền cho sự độc quyền mà người đang được hưởng. Để bảo đảm cho tài sản của mình, những người giàu đã phát minh ra những tòa án, những quan tòa, và cả cái máy chém kia, một thứ nển để những kẻ dốt nát đến tự thiêu mình. Nhưng đối với các người nằm trên nhung lụa và dưới nhung lụa, thì có những hối hận, những cái nghiêng răng che giấu dưới một nụ cười, và những hàm sư tử quái dị nó

cắn vào tận trái tim các người. – Một chứng thư cự tuyệt! Ngài nghĩ đến cái đó ư? – Bà ta vừa kêu lên vừa nhìn tôi, – chẳng lẽ ngài lại chiếu cố đến tôi ít đến thế! – Nếu Đức Vua nợ tôi, thưa bà, và nếu Ngài không trả tôi, thì tôi sẽ đưa Ngài ra tòa còn nhanh hơn bất cứ con nợ nào khác. Đúng lúc này chúng tôi nghe thấy có tiếng gõ nhẹ vào cửa buồng. – Tôi bận, không tiếp được! – Người thiếu phụ nói, giọng hách dịch. – Anastasie, nhưng tôi rất muốn gặp bà. – Không phải lúc này, anh thân yêu ạ, – bà ta trả lời bằng một giọng ít cứng rắn hơn, nhưng vẫn không dịu dàng. – Cứ đùa! Bà đang nói chuyện với ai đó mà; một người đàn ông, chỉ có thể là ông bá tước, vừa trả lời vừa bước vào. Bà bá tước nhìn tôi, tôi hiểu bà, bà đã trở thành nô lệ của tôi. Có một thời, khi còn trai trẻ, có lẽ tôi đã khá ngốc nghếch nên không lập chứng thư cự tuyệt. Năm 1763, ở Pondichéry, tôi đã tha cho một người đàn bà và ả đã cho tôi một trận nhừ tử. Nhưng thật đáng đời, ai bảo tôi đã tin lời ả? – Ông đây muốn gì? – Ông bá tước hỏi tôi. Tôi trông thấy người phụ nữ run rẩy từ đầu đến chân, làn da trắng trẻo và óng ả ở cổ bà trở nên thô ráp, nói kiểu dân dã thì bà ta đã nổi da gà. Tôi thì đã cười mà không một cơ bắp nào của tôi rung chuyển. – Ông đây là một trong những người cung ứng hàng cho tôi, – bà nói. Ông bá tước quay lưng về phía tôi, tôi rút một nửa cái phiếu ra khỏi túi. Trước cử chỉ ngiệt ngã đó, người thiếu phụ bèn đến chỗ tôi, đưa tôi một hạt kim cương: – Ông cầm lấy, – bà ta nói, – và ông đi ngay cho. Chúng tôi trao đổi hai vật giá trị, rồi tôi vừa chào bà ta vừa đi ra. Hạt kim cương thực sự đáng giá một nghìn hai trăm phơ-răng. Ra đến sân tôi thấy một đám đông đầy tớ đang chải quần áo, đánh xi những đôi ủng của họ, hoặc cọ rửa những cỗ xe lộng lẫy. Tôi tự bảo: – Đó là cái đưa các vị ấy đến nhà tôi. Đó là cái đẩy họ đi đến ăn cắp hàng triệu một cách tế nhị, đi đến phản bội Tổ quốc. Để khỏi vấy bùn khi đi bộ, ngài đại lãnh chúa, hoặc kẻ nào bắt chước ngài, sẽ phải có lần tắm trong bùn! Đúng lúc này, cửa lớn mở ra, dành lối cho một cái xe ngựa đi qua, ngồi trên xe là chàng trai trẻ đã đưa tôi cái phiếu. – Thưa ngài, – tôi nói với anh ta khi anh đã xuống xe, – đây là hai trăm phơ-răng, xin ngài trả lại cho bà bá tước và lưu ý bà rằng trong vòng tám ngày tôi sẽ sẵn sàng trả lại vật bảo chứng bà đã đưa tôi sáng nay. Anh ta cầm lấy hai trăm

phơ-răng và nở một nụ cười giấu cợt như thể muốn nói: – A! Bà ấy đã trả tiền. Thật tình, như vậy càng hay! Tôi đã đọc được trên cái điện mạo ấy tương lai của bà bá tước. Anh chàng quý tộc xinh trai, tóc vàng, lạnh lùng, bán trời không văn tự ấy sẽ khánh kiệt, sẽ làm cho bà kia khánh kiệt, sẽ làm khánh kiệt người chồng và những đứa con, sẽ ngốn hết của hồi môn của họ và sẽ gây ra, tại các phòng khách, nhiều tàn phá hơn cả một pháo đội của một trung đoàn. Tôi tới phố Montmartre, vào nhà tiểu thư Fanny. Tôi trèo lên một cầu thang nhỏ dốc đứng. Tới tầng sáu, tôi được dẫn vào một căn hộ có hai buồng, ở đây cái gì cũng sạch sẽ như một đồng tiền vàng mới. Tôi không nhận thấy một vết bụi nào trên đồ đạc trong căn buồng thứ nhất; tiếp tôi ở đây là tiểu thư Fanny, một cô gái Paris, ăn mặc giản dị: khuôn mặt lịch sự và tươi trẻ, vẻ duyên dáng, tóc màu hạt dẻ chải kỹ, vén lên ở hai bên thái dương như hai cánh cung, khiến đôi mắt xanh, trong như pha lê của cô đầy vẻ tinh anh. Ánh sáng chiếu qua những rèm nhỏ căng trên các ô kính, dịu dàng tỏa lên khuôn mặt khiêm nhường của cô. Xung quanh cô, nhiều mảnh vải đã được cắt ra cho tôi biết công việc quen thuộc của cô, cô làm hàng may mặc. Cô ở đó như nữ thần cô đơn. Khi đưa cô cái phiếu, tôi nói rằng sáng nay tôi không thấy cô. – Nhưng, – cô nói, – tiền đã để ở nhà chị gác cổng. Tôi vờ không nghe thấy. – Hình như tiểu thư đi từ sớm? – Tôi ít khi ra khỏi nhà; nhưng khi làm việc về đêm, thì thỉnh thoảng cũng phải tắm chứ. Tôi nhìn cô. Chỉ nhìn qua, tôi đã đoán ra tất cả. Đây là một cô gái bắt buộc phải lao động vì nghèo khổ, và thuộc một gia đình tá điền lương thiện nào đó, bởi vì cô có một vài vết tàn nhang mà chỉ những người sinh ra ở nông thôn mới có. Tôi không biết có một vẻ đức hạnh nào đó toát ra từ nét mặt cô. Tôi thấy hình như được ở trong một bầu không khí thành thật, ngây thơ, hai lá phổi của tôi được tươi mát. Cô bé ngây thơ tôi nghiệp! Cô tin vào một cái gì đó: một cây thánh giá trang điểm bằng hai cành hoàng dương được đặt bên trên cái giường giản dị bằng gỗ sơn. Tôi gần như xúc động. Tôi cảm thấy như đã sẵn sàng mời cô vay tiền, chỉ lấy lãi mười hai phần trăm thôi để cô có thể dễ dàng mua một cửa hàng tốt. – Nhưng, – tôi tự bảo mình, – biết đâu cô ấy lại chẳng có một cậu anh em họ nào đó có thể xoay tiền bằng chữ ký của cô và sẽ bòn

rút cô bé đáng thương. Vậy là tôi bỏ đi, cảnh giác với những ý nghĩ cao thượng của mình; vì tôi thường có dịp nhận thấy rằng khi sự ban ơn không làm hại đến người ban ơn, thì nó giết chết kẻ chịu ơn. Lúc cậu vào đây, tôi đang nghĩ rằng Fanny Malvaut có thể sẽ là một cô vợ bé nhỏ, tốt nết; tôi so sánh cuộc sống trong sạch và cô đơn của cô và cuộc sống của bà bá tước, bà này đã ngã vào chuyện hồi phiếu, thì rồi sẽ lăn xuống tận đáy vực thẳm hư hỏng! Thế nào, lão nói tiếp sau một lúc im lặng sâu lắng, trong lúc đó thì tôi quan sát lão, cậu tưởng rằng không là cái gì cả khi luôn lách được vào những uẩn khúc bí mật nhất của trái tim con người, khi thâm nhập được vào cuộc sống của những người khác và trông thấy nó trần trụi ư? Các cảnh tượng luôn luôn thay đổi: những vết thương ghê tởm, những nỗi buồn chết người, những cảnh yêu đương, những khổ cực mà dòng nước sông Seine đang chờ đợi, những cuộc vui của chàng trai trẻ đưa đến máy chém, những tiếng cười tuyệt vọng và những lễ hội tưng bừng. Hôm qua, một bi kịch: một ông bố khốn khổ nào đó tự tử bằng hơi ngạt vì không nuôi nổi lũ con. Ngày mai, một hài kịch: một chàng trai trẻ sẽ thử diễn với tôi màn kịch ông Dimanche với những dị bản của thời đại chúng ta. Cậu đã nghe thấy người ta ca ngợi tài hùng biện của các nhà thuyết giáo gần đây, tôi cũng đôi lần mất thì giờ đi nghe họ nói, họ đã làm cho tôi thay đổi ý kiến, nhưng về cách ăn ở thì không đời nào, như ai đó đã nói, tôi không biết. Này, những thầy tu tốt bụng ấy, Mirabeau, Vergniaud của cậu và những người khác chỉ là những kẻ nói lắp bên cạnh các nhà hùng biện của tôi. Thường thường một cô gái đang yêu, một nhà buôn già trên đà phá sản, một người mẹ muốn che giấu tội lỗi của con trai mình, một nghệ sĩ chết đói, một ông lớn không còn được sủng ái như trước, và vì không có tiền, sắp mất hết thành quả những cố gắng của mình, đã làm cho tôi phát hoảng với những lời nói mạnh mẽ của họ. Những diễn viên trác tuyệt ấy chỉ diễn cho mình tôi xem thôi, và không đánh lừa được tôi. Cái nhìn của tôi giống như cái nhìn của Thượng đế, tôi nhìn thấu những con tim. Không có gì che giấu được tôi. Người ta không từ chối cái gì đối với kẻ nào buộc, mở túi tiền. Tôi đủ giàu để mua được lương tâm của những kẻ có thể làm lay chuyển các ông bộ trưởng, từ các anh thư ký đến các cô nhân tình

của họ: đó không phải là Quyền lực ư? Tôi có thể có những người đàn bà đẹp nhất và những cái vuốt ve êm ái nhất của họ, đó không phải là Khoái lạc ư? Quyền lực và Khoái lạc chẳng phải là tóm tắt tất cả cái trật tự xã hội của cậu ư? Chúng tôi vào khoảng một chục người như thế ở Paris này, tất cả đều là những ông vua im lặng và vô danh, những trọng tài của vận mệnh tất cả mọi người. Cuộc sống chẳng phải là một cái máy mà tiền bạc làm cho chuyển động đó ư? Phương tiện bao giờ cũng hòa lẫn với kết quả, cậu phải biết thế: cậu sẽ không bao giờ tách được tâm hồn ra khỏi cảm giác, tinh thần ra khỏi vật chất. Vàng là học thuyết tâm linh của các xã hội hiện tại. Ràng buộc với nhau vì cùng một lợi ích, chúng tôi thường tụ tập vào một số ngày trong tuần ở tiệm cà-phê Thémis, cạnh Cầu Mới. Ở đó chúng tôi tiết lộ cho nhau những bí mật về nền tài chính. Không một tài sản nào có thể lừa dối được chúng tôi, chúng tôi nắm được bí mật của mọi gia đình. Chúng tôi có một loại *sách đen* trong đó ghi chép những điều quan trọng nhất về tín dụng công cộng, về Ngân hàng, về Thương mại. Như những nhà Thần học của Thị trường Chứng khoán, chúng tôi họp thành một Giáo đoàn Thánh tín, phán đoán và phân tích những hành động vô nghĩa nhất của tất cả những ai có một tài sản nào đó, và chúng tôi luôn luôn đoán đúng. Người này coi khối tư pháp, người kia coi khối tài chính, có người coi khối hành chính, có người coi khối thương mại. Tôi thì tôi để mắt tới những con trai nhà gia thế, các nghệ sĩ, những người của giới thương lưu, và những kẻ ham mê cờ bạc, bộ phận làm xúc động lòng người nhất của Paris. Mỗi người nói với chúng tôi những bí mật của người hàng xóm. Những ham muốn bị lừa dối, những sĩ diện bị tổn thương thường hay bép xép. Những thói xấu, những nỗi thất vọng, những cuộc trả thù là những viên cảnh sát tài giỏi nhất. Cũng như tôi, tất cả các đồng hội của tôi đều đã được hưởng mọi thứ, chán ngấy mọi thứ, và đều đã đi đến chỗ chỉ yêu quyền lực và tiền bạc vì chính quyền lực và tiền bạc. Ở đây, lão vừa nói vừa chỉ vào cái buồng trần trụi và lạnh lẽo của lão, anh chàng người yêu hung hăng nhất, ở chỗ khác thì sẽ tức giận chỉ vì một câu nói và sẽ rút gươm ra chỉ vì một tiếng nói, thế mà ở đây anh ta chấp hai tay lại để cầu xin! Ở đây gã lái buôn kiêu căng nhất, ở đây người đàn bà hãnh diện nhất vì nhan

sắc của mình, ở đây nhà quân sự kiêu hùng nhất, tất cả đều cầu xin, nước mắt lã chã, hoặc vì điên dại, hoặc vì đau đớn. Ở đây, nghệ sĩ danh tiếng nhất và nhà văn có tên tuổi hứa hẹn truyền lại cho hậu thế cũng cầu xin. Ở đây, sau cùng, lão vừa nói thêm vừa đưa bàn tay lên trán, có một cái cân để cân những di sản và những lợi tức của toàn bộ Paris. Bây giờ thì cậu có nghĩ rằng làm gì có sự hưởng thụ dưới cái mặt nạ trắng này không? Cái mặt nạ với vẻ im lìm đã nhiều lần khiến cậu ngạc nhiên này? Lão vừa nói vừa vênh cái mặt xanh xao sặc mùi tiền về phía tôi. Tôi sững sờ trở lại nhà. Lão già gầy guộc bé nhỏ đó đã lớn lên. Trước mắt tôi lão đã biến thành một hình ảnh kỳ quái, hiện thân cho quyền lực của vàng. Cuộc sống, những con người đã làm cho tôi kinh sợ. – Vậy ra cái gì cũng phải giải quyết bằng tiền bạc ư? – tôi tự hỏi. Tôi nhớ là muộn lắm tôi mới ngủ được. Tôi trông thấy những đồng vàng xung quanh tôi. Bà bá tước xinh đẹp làm tôi bận tâm. Tôi phải xấu hổ thú thực rằng bà ta đã làm lu mờ hoàn toàn người con gái giản dị và trong trắng chỉ biết có lao động và bóng tối; nhưng sáng hôm sau, xuyên qua đám mây dày đặc lúc thức dậy, nàng Fanny dịu dàng lại hiện ra trước mắt tôi với tất cả vẻ đẹp của nàng, và tôi chỉ còn nghĩ đến nàng.

– Ông có muốn uống một cốc nước ngọt không? – Bà bá tước ngắt lời Derville và nói.

– Rất vui lòng, – ông trả lời.

– Nhưng tôi không thấy trong đó có cái gì có thể liên quan đến chúng tôi, – bà De Grandlieu vừa rung chuông vừa nói.

– Sardanapale*! – Derville bật ra tiếng chửi thề của mình và kêu lên, hẳn là tôi sẽ làm cho tiểu thư Camille phải tỉnh ngủ khi nói với cô ấy rằng hạnh phúc của cô trước kia tùy thuộc vào bố Gobseck, nhưng vì lão vừa chết ở tuổi tám mươi chín, ngài De Restaud sắp được làm chủ một tài sản lớn. Điều này còn phải giải thích. Còn về Fanny Malvaut, thì bà biết đấy, đó là vợ tôi!

– Chàng trai tội nghiệp, – bà tử tước tiếp lời, – với tính thật thà thường ngày, sẽ có thể thú nhận điều đó trước mặt hai mươi người.

– Tôi có thể hô to điều đó với tất cả vũ trụ, – ông thầy kiện nói.

– Uống đi, uống đi, ông Derville tội nghiệp của tôi. Bao giờ ông cũng sẽ là người sung sướng nhất và tốt nhất trong tất cả mọi người.

– Tôi đã để ông ở lại phố Le Helder, tại nhà một bà bá tước, ông bác đã thiu thiu ngủ, bỗng ngừng đầu dậy và kêu lên. Ông đã làm gì ở đó?

– Vài ngày sau cuộc nói chuyện với lão già Hà Lan, tôi đã làm luận án, – Derville nói tiếp. – Tôi đã đỗ cử nhân luật, rồi luật sư. Lão hà tiện lại càng tin tôi hơn trước. Lão xin ý kiến tôi, miễn phí, về những việc gai góc mà lão bắt tay vào làm theo những dữ kiện chắc chắn, những việc có vẻ chẳng ngon lành gì đối với tất cả những luật gia lành nghề. Người đàn ông mà có lẽ không ai chi phối được ấy đã nghe theo những lời khuyên của tôi một cách thành kính. Đúng là lão đã luôn luôn thấy công việc suôn sẻ. Sau cùng, vào ngày tôi được bổ nhiệm làm tùy viên trưởng ở văn phòng nơi tôi đã làm việc được ba năm, tôi đã từ giã cái nhà ở phố “des Grès” để dọn đến nhà ông chủ tôi, ông ấy đã cho tôi ăn, ở và một trăm năm mươi phơ-răng mỗi tháng. Đó là một ngày tốt đẹp! Khi tôi chào từ biệt lão cho vay nặng lãi, lão chẳng tỏ ra lưu luyến hay buồn rầu gì cả, lão cũng không yêu cầu tôi đến thăm lão; lão chỉ nhìn tôi bằng một cái nhìn hình như tiết lộ tài thiên nhân của lão. Tám ngày sau, lão hàng xóm cũ đến thăm tôi, đem cho tôi một việc không dễ làm, một vụ trưng dụng; lão tiếp tục xin ý kiến tôi, miễn phí, thoải mái như thể lão có trả công cho tôi vậy. Đến cuối năm thứ hai, từ năm 1818 đến 1819, ông chủ tôi, một người ăn chơi và tiêu xài dữ, lâm vào tình cảnh túng bấn ghê gớm, buộc phải bán chức vụ của mình. Mặc dù lúc đó các văn phòng chưa có cái giá quá đáng như hiện nay, ông chủ tôi nhượng lại văn phòng của mình, chỉ đòi có một trăm năm mươi nghìn phơ-răng. Một người năng động, có học thức, thông minh, có thể sống vẻ vang, trả lãi cho số tiền đó và được giải phóng trong mười năm, chỉ cần anh ta chiếm được lòng tin. Tôi là con thứ bảy trong một gia đình tiểu tư sản ở Noyon, tôi không có nổi một số tiền dù nhỏ nhất và trên thế giới này tôi không quen nhà tư bản nào khác ngoài bố

Gobseck. Một ý tưởng tham vọng, và một tia hy vọng le lói, tôi không biết từ đâu, khiến tôi đã có can đảm đến gặp lão. Vậy là một buổi chiều tối, tôi đi chậm chậm đến phố “des Grès”. Tim tôi đập mạnh khi tôi gõ cửa căn nhà tối tăm. Tôi nhớ lại tất cả những điều lão hà tiện đã nói với tôi trước kia, vào cái thời tôi chưa hề biết gì về những nỗi lo âu ghê gớm khi bước chân lên bậc thềm của nhà này. Vậy là tôi sắp phải cầu xin lão như biết bao người khác. – Ấy! Không, – tôi tự bảo, – một người lương thiện ở đâu cũng phải giữ tư cách. Tài sản không thể trả giá bằng hèn nhát, ta hãy tỏ ra thiết thực không kém lão. Từ khi tôi đi khỏi đấy, bố Gobseck đã thuê căn buồng của tôi để khỏi phải có hàng xóm; lão còn cho đặt một cái cửa ló chẳng lưới ở giữa cửa ra vào và chỉ mở cửa này sau khi đã nhận rõ mặt tôi. – Thế nào! – Lão bảo tôi, – giọng nhỏ nhẹ như tiếng sáo, ông chủ cậu bán văn phòng? – Sao bác biết? Ông ấy mới chỉ nói với một mình tôi thôi. Hai môi của lão già kéo về hai góc mép hết như những cái màn gió, và cùng với nụ cười câm lặng đó là một cái nhìn lạnh lùng. – Phải có việc đó thì tôi mới được gặp cậu ở nhà tôi chứ, – lão nói thêm bằng một giọng khô khan và sau một lúc im lặng; trong lúc đó tôi thật lúng túng. – Ngài hãy nghe tôi, thưa ngài Gobseck, – tôi nói tiếp, cố gắng làm ra vẻ bình tĩnh trước mặt lão già đang nhìn tôi chằm chằm bằng con mắt thần nhiên có lửa sáng làm tôi luống cuống. Lão làm một động tác như để bảo tôi: – Nói đi. – Tôi biết là thật khó làm cho ngài vui lòng. Vì vậy tôi sẽ không phí công hùng biện hòng diễn tả với ngài hoàn cảnh của một tùy viên không một xu dính túi. Anh ta chỉ còn hy vọng ở ngài; trên thế giới này, anh ta không thấy trái tim nào khác ngoài trái tim ngài có thể hiểu được tương lai của mình. Ta hãy gác trái tim lại. Công việc là công việc, chứ không phải những cuốn tiểu thuyết ủy mị. Việc là thế này, văn phòng ông chủ tôi hàng năm đem về cho ông khoảng hai mươi nghìn phơ-răng; nhưng tôi nghĩ về tay tôi, nó sẽ đáng giá bốn mươi nghìn. Ông ấy muốn bán năm mươi nghìn ê-quy. Tôi cảm thấy ở đây, tôi vừa nói vừa đập tay lên trán, rằng nếu ngài có thể cho tôi vay số tiền cần thiết để mua văn phòng ấy, tôi sẽ trang trải được sau mười năm. – Nói được đấy, – bố Gobseck vừa trả lời vừa giơ tay bắt tay tôi. – Từ khi tôi làm việc, chưa bao giờ, – lão nói

tiếp, – chưa có ai trình bày rõ ràng hơn cậu về lý do họ đến thăm tôi. Thế còn vật bảo đảm? – Lão vừa nói vừa ngắm nhìn tôi từ đầu đến chân. Không có gì, ngừng một lát lão nói thêm. – Cậu bao nhiêu tuổi rồi? – Mười ngày nữa thì tôi tròn hai mươi năm tuổi, – tôi trả lời; – nếu không thế tôi sẽ không thể thương nghị được. – Đúng! – Vậy thế nào? – Có thể được. – Quả thật là ta cần phải làm nhanh; nếu không thì sẽ có những người trả giá cao hơn. – Sáng mai cậu mang đến cho tôi bản trích lục khai sinh của cậu, và chúng ta sẽ bàn về việc của cậu, tôi sẽ suy nghĩ về việc này. Tám giờ sáng hôm sau, tôi đã ở nhà lão già. Lão cầm tờ giấy khai sinh, lấy kính đeo, ho, khạc nhổ, lấy cái áo choàng đen trùm lên người rồi đọc toàn bộ bản trích lục sổ gốc của tòa thị chính. Rồi lão lật đi lật lại tờ giấy, nhìn tôi, rồi lại ho, tựa mình trên ghế dựa, và bảo tôi: Đây là một công việc chúng ta sẽ cố gắng dàn xếp. Tôi rùng mình. – Tôi thường bỏ vốn ra lấy lãi năm mươi phần trăm, – lão nói tiếp, – có khi một trăm, hai trăm, năm trăm phần trăm. Nghe những tiếng đó, tôi tái mặt. – Nhưng nể chỗ quen biết, tôi sẽ chỉ lấy mười hai phần trăm năm phần trăm tiền lãi một... – Lão do dự. – À phải, đối với cậu tôi sẽ chỉ lấy mười ba phần trăm một năm. Cậu thấy có được không? – Vâng, được, – tôi trả lời. – Nhưng nếu như thế là nhiều quá, – lão lại nói, – thì cậu hãy cãi cho mình đi, Grotius*! – Lão gọi đùa tôi là Grotius. – Đòi cậu mười ba phần trăm là tôi làm theo nghề của tôi; cậu xem liệu có thể trả ngần ấy được không? Tôi không thích người nào cái gì cũng ừ. Có nhiều quá không? – Không, – tôi nói, – tuy có khó khăn một chút nhưng tôi sẽ thanh toán xong. – Đúng rồi! Đúng rồi, – lão vừa nói vừa liếc xéo tôi một cách ranh mãnh, – khách hàng của cậu sẽ trả mà. – Không, thế có quý thần, – tôi kêu lên, – tôi sẽ trả. Thà tôi tự chặt tay mình đi còn hơn lột da người khác! – Xin lỗi cậu, – bố Gobseck nói với tôi. – Nhưng các khoản thù lao đều có quy định mà, – tôi nói tiếp. – Làm gì có quy định, – lão nói tiếp, – cho những việc giao dịch, những việc khất nợ, những việc hòa giải. Thế là cậu có thể thu về hàng nghìn phơ-răng, hàng sáu nghìn phơ-răng nữa, tùy theo lợi ích nhiều hay ít, cho những bài diễn văn, những chuyến đi, những dự án chứng thư, những bản báo cáo và những lời ba hoa của cậu. Cần phải biết cách tìm kiếm những loại việc như thế.

Tôi sẽ tiến cử cậu như là ông thầy kiện thông thái nhất và tài giỏi nhất trong các ông thầy kiện, tôi sẽ gửi đến cậu rất nhiều vụ kiện loại đó, làm cho nhiều đồng nghiệp của cậu phải ghen tức đến nổ ruột. Werbrust, Palma, Gigonnet, các đồng hội của tôi sẽ cho cậu những vụ trưng dụng của họ; và có trời mới biết họ có bao nhiêu vụ như thế! Vậy là cậu sẽ có hai đám khách hàng, một đám mà cậu mua được và một đám mà tôi sẽ tạo ra cho cậu. Có thể cậu sẽ phải trả lãi cho tôi mười lăm phần trăm của số tiền một trăm năm mươi nghìn phơ-răng của tôi. – Được, nhưng không hơn, – tôi nói, với vẻ cương quyết của một người không muốn đồng ý thêm tý nào nữa. Bố Gobseck dịu lại và có vẻ hài lòng. – Chính tôi sẽ tự tay, – lão nói tiếp, – trả tiền cái chức vụ cho ông chủ của cậu, để dành cho mình một quyền ưu tiên chắc chắn về giá cả và tiền ký quỹ. – Ồ, tất cả những gì ngài muốn để bảo đảm. – Rồi, thay vào trị giá số tiền, cậu sẽ làm cho tôi mười lăm hối phiếu không chỉ, mỗi phiếu cho một số tiền là mười nghìn phơ-răng. – Miễn là trị giá nhân đôi ấy phải được ghi nhận. – Không, – Gobseck ngắt lời tôi và kêu lên. – Tại sao cậu lại muốn tôi tin cậu nhiều hơn là cậu tin tôi? Tôi im lặng. Lão nói tiếp, giọng hiền lành: – Và rồi cậu sẽ làm những công việc của tôi mà không đòi tiền thù lao chừng nào tôi còn sống, có phải không? – Được, miễn là không có vốn đặt trước. – Đúng thế! – Lão nói. – À này, – lão nói tiếp, bộ mặt làm ra vẻ hiền lành một cách khó khăn, – cậu sẽ cho phép tôi đến thăm cậu chứ? – Tôi sẽ luôn luôn vui sướng được đón tiếp bác. – Phải, nhưng buổi sáng thì khó lắm đấy. Cậu có việc của cậu và tôi có việc của tôi. – Mời bác đến vào buổi tối. – Ồ! Không, – lão trả lời một cách mạnh mẽ, – cậu phải giao du với xã hội thượng lưu, thăm khách hàng. Tôi, tôi có bạn bè, ở tiệm cà-phê. – Bạn bè của lão! – Tôi nghĩ bụng. – Này, – tôi nói, – tại sao không hẹn vào giờ ăn tối nhỉ? – Đúng thế, – Gobseck nói. – Sau Thị trường Chứng khoán, lúc năm giờ. Vậy thì cậu sẽ gặp tôi vào tất cả các ngày thứ tư và thứ bảy. Chúng ta sẽ nói chuyện về công việc như một đôi bạn. A! A! Thỉnh thoảng tôi cũng thấy vui vui. Cậu cho tôi một cánh chim đa đa và một cốc rượu sâm-banh, chúng ta sẽ trò chuyện. Tôi biết nhiều cái ngày nay người ta có thể nói ra và sẽ dạy cậu hiểu biết những người đàn ông và nhất là những người đàn bà. – Được rồi, sẽ có chim đa đa

và cốc rượu sâm-banh. – Đừng có làm những chuyện điên rồ, nếu không, tôi sẽ không tin cậu nữa đâu. Đừng có học đòi xa hoa kiểu nhà giàu. Kiếm lấy một bà già giúp việc, chỉ một bà thôi. Tôi sẽ đến thăm cậu để biết rõ tình hình sức khỏe của cậu. Tôi sẽ có một số vốn đặt trên đầu cậu, ê! ê! tôi cần phải biết rõ về việc làm ăn của cậu. Thôi nhé, mời cậu tối nay cùng đến với ông chủ cậu. – Bác có thể nói cho tôi biết, nếu không phải là quá tò mò, – tôi nói với lão già bé nhỏ khi chúng tôi ra đến bậc thềm cửa, – bản trích lục khai sinh của tôi có một tầm quan trọng như thế nào trong công việc này không ạ? Jean-Esther Van Gobseck nhún vai, mỉm cười ranh mãnh rồi trả lời:

– Tuổi trẻ sao mà ngốc nghếch đến thế! Vậy thì ngài phải biết, thưa ngài thầy kiện, vì ngài cần biết để khỏi bị lừa, rằng trước tuổi ba mươi thì tính trung thực và tài năng vẫn còn thuộc loại tài sản có thể thế chấp được. Quá tuổi đó thì không thể trông mong ở một người được nữa. Và lão đóng cửa lại. Ba tháng sau, tôi đã là thầy kiện. Chẳng bao lâu, tôi được vui sướng, thừa bà, là có thể bắt tay vào những việc đòi trả lại tài sản cho bà. Các vụ kiện này thắng lợi khiến mọi người biết đến tôi. Mặc dù những khoản lãi kèch xù tôi phải trả cho Gobseck, không đầy năm năm tôi đã thoát khỏi mọi ràng buộc. Tôi cưới Fanny Malvaut, người tôi yêu rất thành thực. Số phận chúng tôi, công việc, thành đạt của chúng tôi rất phù hợp với nhau, khiến chúng tôi càng yêu nhau thêm thiết. Một ông bác của cô ấy, một tá điền trở nên giàu có, đã chết, để lại cho cô bảy mươi nghìn phơ-răng, giúp tôi trả được hết nợ. Kể từ ngày ấy, đời tôi chỉ còn là hạnh phúc và thịnh vượng. Vậy thôi, không nói về tôi nữa, chẳng gì khó chịu bằng một người sung sướng. Hãy trở lại với các nhân vật của chúng ta. Một năm sau khi đã có văn phòng, tôi đã bị lôi kéo, gần như bất đắc dĩ, vào một bữa ăn trưa của chàng trai trẻ. Có bữa ăn này là do một người bạn tôi đã thua cuộc một chàng trai lúc đó đang nổi danh trong giới thanh lịch. Ngài De Trailles, tinh hoa của *mốt trướng diện* thời đó, đang danh tiếng lẫy lừng...

– Nhưng hiện nay ông ta vẫn còn nổi tiếng đấy chứ, – bá tước De Born nói, ngắt lời ông thầy kiện. – Không ai mặc lễ phục đẹp

hơn ông, điều khiển một xe song mã giỏi hơn ông. Maxime có tài chơi, ăn và uống duyên dáng hơn bất cứ ai trên đời này. Ông thông thạo về ngựa, về mũ, về tranh vẽ. Tất cả phụ nữ đều cuồng lên vì ông. Ông luôn luôn tiêu khoảng một trăm nghìn phơ-răng mỗi năm, mà không ai được biết một sản nghiệp nào hoặc một phiếu lợi tức nào của ông. Người mẫu của giới hiệp sĩ lang thang, của các phòng khách, của các phòng khuê, của các đại lộ, một loại lưỡng thể vừa là đàn ông, vừa là đàn bà, bá tước Maxime de Trailles là một con người kỳ quặc, làm được mọi việc mà chẳng thích hợp với việc gì, bị người ta sợ hãi và khinh bỉ, biết mọi thứ mà cũng chẳng biết gì cả, vừa có khả năng làm việc thiện, vừa có khả năng phạm tội ác, khi thì hèn nhát, khi lại cao cả, mình phủ đầy bùn hơn là vấy máu, lo lắng nhiều hơn là hối hận, bận rộn về nhậu nhẹt hơn là về tư duy, vờ như ham mê nhưng chẳng cảm thấy gì. Như một cái khâu bóng bẩy có thể nối liền Ngục tù với xã hội thượng lưu, Maxime de Trailles là một người thuộc cái tầng lớp thông minh tuyệt vời, ở đó đôi khi xuất hiện một Mirabeau, một Pitt, một Richelieu, nhưng thường thường chỉ cung cấp những bá tước De Horn, những Fouquier-Tinville và những Coignard.

– Này! – Derville nói tiếp, sau khi đã lắng nghe những lời của ông anh bà tử tước, – tôi đã được nghe bố Goriot tội nghiệp, một khách hàng của tôi, nói nhiều về nhân vật đó, nhưng khi gặp ông ta trong giới thượng lưu, tôi đã nhiều lần né tránh cái vinh dự nguy hiểm là làm quen với ông. Song anh bạn tôi cứ nài nỉ tôi đến dự bữa ăn trưa của ông ta khiến tôi không thể từ chối mà không sợ bị coi là *quá giữ kẽ*. Bà khó mà tưởng tượng nổi một bữa ăn trưa của chàng trai trẻ, thừa bà. Đó là một cảnh lộng lẫy và kiểu cách hiếm có, cung cách xa xỉ của một gã hà tiện chỉ vì khoe khoang đã trở thành xa hoa cho một ngày. Thoạt vào, người ta phải ngạc nhiên vì vẻ trật tự ngự trị trên một cái bàn choáng lộn những đồ bạc, những đồ pha lê, những khăn bàn khăn ăn cải hoa. Ở đó là cuộc sống đang tuổi hoa niên: các chàng trai trẻ thật là duyên dáng, họ mỉm cười, nói khẽ và giống như những cô dâu trẻ, xung quanh họ cái gì cũng còn trinh nguyên. Hai giờ sau, bà sẽ bảo đây

là một bãi chiến trường sau một trận đánh: khắp nơi là những chiếc cốc vỡ, những khăn ăn bị giày xéo, bị vò nhàu, những món ăn dở dang trông thật ghê tởm, rồi những tiếng kêu nhức óc, những lời mời rượu buồn cười, những bài thơ trào phúng và những câu pha trò nhạt nhẽo ngùn ngụt bốc lên, những bộ mặt đỏ tía, những con mắt bốc lửa không nói lên điều gì nữa, những lời tâm sự vô tình lại nói ra tất cả. Giữa tiếng huyên náo kinh khủng ấy, những người này đập vỡ chai, những người kia cất tiếng hát; người ta thách thức nhau, người ta ôm hôn nhau hoặc người ta đánh lộn nhau; một mùi gì đó thật đáng ghét bốc lên, gồm hàng trăm mùi khác nhau và những tiếng kêu cất lên gồm hàng trăm giọng khác nhau; không ai còn biết mình ăn gì, uống gì, hay nói gì nữa; những người này thì buồn bã, những người kia lại nói huyên thuyên; người này trong đầu óc chỉ có một thứ gì đó nên cứ nhắc đi nhắc lại mãi một từ khác nào một cái chuông người ta vừa rung; người kia lại muốn chỉ huy đám ồn ào; người khôn ngoan nhất đề nghị một cuộc truy hoan. Nếu có người nào đủ bình tĩnh vào đây lúc này, anh ta sẽ nghĩ đây là một hội tế thần Rượu. Chính giữa một không khí huyên náo như thế, ngài De Trailles tìm cách tranh thủ sự giúp đỡ của tôi. Tôi gần như vẫn còn tỉnh táo, tôi cảnh giác. Còn ông ta mặc dù đã làm ra vẻ say rượu đúng mức, ông ta rất bình tĩnh và đang suy nghĩ về công việc của mình. Quả vậy, tôi không biết sự việc đã diễn ra như thế nào, nhưng khi đi ra khỏi các phòng khách ở Grignon, vào khoảng chín giờ tối, ông ta đã làm cho tôi hoàn toàn mê mẩn, tôi đã hứa là hôm sau sẽ đưa ông đến nhà bố Gobseck. Những từ: danh dự, đạo đức, bà bá tước, phụ nữ lương thiện, tai họa, nhờ miệng lưỡi ngọt ngào của ông đã được ông nói ra như có một ma lực. Sáng hôm sau, khi thức dậy và muốn nhớ lại những gì mình đã làm hôm trước thì khó nhọc lắm tôi mới chấp nối được những ý nghĩ của mình. Rốt cuộc, tôi thấy hình như cô con gái một khách hàng của tôi đang lâm vào nguy cơ mất hết thanh danh, lòng quý trọng và tình yêu của chồng, nếu cô ta không kiếm được dăm chục nghìn phơ-răng nội trong buổi sáng. Có những món nợ tiền đánh bạc, nợ tiền đóng xe, rồi tiền mất về những khoản nào đó nữa, tôi không rõ. Người ngồi cùng bàn tiệc tài tình của tôi đã cam kết với tôi rằng cô ta khá

giàu và sau vài năm tiết kiệm cô có thể cứu vãn được tình thế đe dọa tài sản của mình. Chỉ đến lúc ấy tôi mới bắt đầu đoán ra được nguyên nhân những lời năn nỉ của anh bạn tôi. Tôi phải xấu hổ mà thú thật rằng tôi biết chắc chắn là bố Gobseck cũng rất muốn làm lành với anh chàng hào hoa ấy. Tôi vừa đứng dậy, thì ngài De Trailles bước vào. – Thưa ngài bá tước, – tôi nói với ông ta sau khi cả hai người đã trao đổi những lời chúc tụng thường lệ, – tôi thấy ngài không cần tôi đi cùng ngài đến nhà ông Van Gobseck, con người lễ phép nhất, con người vô hại nhất trong các nhà tư bản. Ông ấy sẽ đưa ngài tiền nếu ông ấy có, hay nói đúng hơn, nếu ngài trình cho ông ấy xem những vật bảo đảm đủ tin cậy. – Thưa ngài, – ông ta trả lời tôi, – tôi không hề nghĩ đến việc cưỡng ép ngài phải giúp đỡ tôi, ngay cả khi ngài đã hứa giúp tôi. – Sardanapale! – tôi nghĩ thầm, liệu tôi có để cho con người kia nghĩ rằng tôi nuốt lời hứa không? – Hôm qua, tôi đã có vinh dự thưa với ngài rằng tôi đã giận dữ với bố Gobseck rất không đúng lúc, – ông ta nói tiếp. – Thế mà, vì ở Paris, hầu như chỉ có một mình ông ấy là có thể một lúc khắc ra, và ngay hôm sau ngày cuối tháng, khoảng một trăm nghìn phơ-răng, nên tôi đã cầu xin ngài giúp tôi làm lành với ông ấy. Nhưng thôi, chúng ta không nói chuyện ấy nữa... Ngài De Trailles nhìn tôi với một vẻ lễ độ xỏ xiên và định bỏ đi. – Tôi xin đưa ngài đi, – tôi bảo ông ta. Khi chúng tôi đến phố “des Grès”, con người hào hoa ấy nhìn xung quanh, vẻ chăm chú và lo ngại, khiến tôi lấy làm lạ. Mặt ông ta trở nên xanh xám, rồi hết đỏ lại vàng, và vài giọt mồ hôi xuất hiện trên trán ông khi ông nhìn thấy cánh cửa nhà Gobseck. Đúng lúc chúng tôi xuống xe thì một cỗ xe ngựa hòm đi vào phố “des Grès”. Con mắt chim ưng của người trẻ tuổi làm cho ông ta nhận ra một người đàn bà ngồi ở trong cùng cỗ xe. Mặt ông sinh động hẳn lên, biểu lộ một sự vui mừng gần như man rợ, ông gọi một cậu bé đi qua và đưa ngựa cho cậu bé giữ. Chúng tôi trèo lên nhà lão già nhận chiết khấu. – Thưa ngài Gobseck, – tôi nói với lão, – tôi đưa đến gặp ngài một người bạn thân nhất của tôi (mà tôi ngờ vực như ngờ vực loài ma quỷ, – tôi nói thêm vào tai lão). Theo tôi nhận xét, ngài sẽ gia ân giúp ông ấy (với lãi suất thông thường) và đưa ông ấy ra khỏi cảnh khó khăn (nếu điều đó hợp với ngài). Ngài De Trailles cúi mình trước lão

cho vay nặng lãi, ngồi xuống, rồi lắng nghe lão nói, dáng điệu quy lụy đáng yêu dễ làm xiêu lòng người như dáng điệu một kẻ nịnh thần; nhưng Gobseck của tôi vẫn ngồi trên ghế dựa ở góc lò sưởi, bất động, thản nhiên. Trông Gobseck giống pho tượng Voltaire, nhìn vào buổi tối, dưới hàng cột của Nhà hát Pháp; như để chào, lão khẽ nhắc cái mũ lưỡi trai cũ che đầu, và để lộ ra một ít sọ màu vàng, khiến cho lão hoàn toàn giống pho tượng đá. – Tôi chỉ có tiền cho khách hàng của tôi, – lão nói. – Vậy chắc ngài giận tôi lắm vì tôi đã đi phá sản ở nơi khác chứ không phải ở nhà ngài? – Ông bá tước vừa trả lời vừa cười. – Phá sản! – Gobseck nói tiếp, giọng mỉa mai. – Ngài sắp nói rằng không ai có thể làm phá sản một kẻ chẳng có gì trong tay chứ gì? Nhưng tôi thách ngài tìm được ở Paris một cái nào khá hơn cái vốn này đây, – con người lịch sự vừa kêu lên vừa đứng dậy, rồi xoay người trên gót chân. Trò hề gần như nghiêm chỉnh ấy không tài nào lay chuyển được Gobseck. – Tôi chẳng phải là bạn thân của các ông Ronquerolles, các ông De Marsay, các ông Franchessini, hai ông Vandenesse, các ông Ajuda-Pinto, tóm lại của tất cả các người trẻ tuổi hợp thời trang nhất ở Paris là gì? Trong đám bạc, tôi là đồng minh của một hoàng thân và một đại sứ mà ngài cũng biết. Tôi có lợi tức ở Luân Đôn, ở Carlsbad, ở Baden, ở Bath. Đây chẳng phải là một nghề danh giá nhất hay sao? – Đúng. – Ngài biến tôi thành một miếng bọt biển, chết cha! Và ngài xúi giục tôi căng phồng lên giữa đám thượng lưu; để rồi sẽ vắt kiệt tôi trong những lúc khủng hoảng; nhưng các ngài cũng là những miếng bọt biển, và cái chết sẽ vắt kiệt các ngài. – Có thể. – Nếu không có những kẻ phá của, ngài sẽ trở thành cái gì? Hai chúng ta là linh hồn và thể xác. – Đúng. – Thôi nào, bố già Gobseck ơi, một cái bắt tay và tấm lòng hào hiệp, nếu thế là đúng, công bằng và có thể được. – Ngài đến với tôi, – lão cho vay nặng lãi lạnh lùng trả lời, – bởi vì Girard, Palma, Werbrust và Gigonnet đã có đầy trong bụng các hối phiếu của ngài mà họ nhượng lại khắp nơi, chịu lỗ năm mươi phần trăm; thế mà chắc vì các phiếu đó chỉ cung cấp được một nửa giá trị nên nó không đáng giá hai mươi lăm phần trăm. Xin làm đầy tớ cho ngài! Liệu tôi có thể lịch sự, – Gobseck nói tiếp, – cho một người còn nợ ba mươi nghìn phơ-răng và không còn nổi một đơ-ni-ê vay nữa

không, dù chỉ một ô-bôn? Ngài đã thua mười nghìn phơ-răng hôm kia trong buổi khiêu vũ ở nhà nam tước Nucingen. – Thưa ngài, – ông bá tước vừa trả lời một cách xác xược khác thường, vừa khinh bỉ nhìn lão già, – việc của tôi không liên quan gì đến ngài. Đã có kỳ hạn là không nợ gì hết. – Đúng! – Các hối phiếu của tôi sẽ được thanh toán. – Có thể! – Và trong lúc này vấn đề giữa chúng ta chỉ còn là xem tôi có xuất trình được những vật bảo đảm đủ tin cậy cho số tiền tôi đến vay ngài hay không thôi. – Đúng. Tiếng động của cỗ xe ngựa đang dừng lại trước cửa dội vào trong buồng. – Tôi sẽ đi kiểm một vật gì đó có lẽ sẽ làm ngài thỏa mãn, – chàng trai trẻ kêu lên. – Ô, con trai của ta! – Gobseck vừa kêu lên, vừa đứng dậy và dang hai cánh tay về phía tôi, khi người vay tiền đã đi khỏi, – nếu anh ta có được những vật bảo đảm tốt, thì là con cứu sống ta đó! Tý nữa thì ta chết. Werbrust và Gigonnet chắc đã tưởng chơi khăm được ta một vố. Nhờ có con, tối nay ta sẽ cười vào mũi họ. Niềm vui của lão già có một cái gì đó thật đáng sợ. Đó là giờ phút cởi mở duy nhất của lão với tôi. Mặc dù niềm vui đó đã qua đi nhanh chóng, nó sẽ chẳng bao giờ ra khỏi ký ức tôi. – Cậu hãy vui lòng ở lại đây, – lão nói thêm. – Mặc dù tôi có được vũ trang và tin chắc ở miếng đòn của mình, như một người xưa kia đã từng sẵn hổ và đã tham gia trận đánh trên boong thượng một tàu biển khi phải quyết định hoặc thắng hoặc chết, tôi thấy vẫn phải coi chừng thằng nhãi lịch sự đó. Lão lại ngồi xuống chiếc ghế bành trước bàn giấy. Mặt lão trở lại xanh nhợt và điềm tĩnh. – Ô, ô! – lão vừa nói tiếp vừa quay lại phía tôi, – chắc chắn là cậu sắp được trông thấy người đẹp mà tôi đã nói chuyện với cậu trước kia, tôi nghe thấy trong hành lang một bước chân quý tộc. Quả vậy, chàng trai trẻ đã trở lại, tay dắt một người đàn bà mà tôi nhận ra là bà bá tước, một trong hai người con gái của ông già Goriot chất phác; chính là bà bá tước trước kia Gobseck đã tả tôi nghe cảnh ngủ dậy. Thoạt đầu, bà ta không nhìn thấy tôi, vì tôi đứng trong khuôn cửa sổ, mặt sát vào ô kính. Khi bước vào căn buồng ẩm ướt và tối tăm của lão cho vay nặng lãi, bà ngược nhìn Maxime, vẻ ngỡ vực. Trông bà đẹp quá, nên mặc dù bà có lầm lỗi, tôi vẫn thấy thương hại. Một nỗi lo âu ghê gớm nào đó hẳn đang làm rung động trái tim bà, nên những đường nét quý phái và kiêu kỳ vẫn có

một vẻ co giật không che giấu được hết. Chàng trai trẻ kia đã trở thành một hung thần đối với bà. Tôi thấy thán phục Gobseck là người từ bốn năm trước đã biết được định mệnh hai con người ấy qua một tờ hồi phiếu đầu tiên. – Hẳn là, – tôi tự bảo, – con ác quỷ có bộ mặt thiên thần kia đã thống trị bà ấy bằng mọi thủ đoạn: khoe khoang, ghen tuông, khoái lạc, sự lôi cuốn của xã hội thượng lưu.

– Nhưng, – bà tử tước kêu lên, – ngay cả những đức tính của người đàn bà ấy cũng đã trở thành những thứ vũ khí của ông ta, ông ta đã làm cho bà ấy phải giàn giụa nước mắt tận tâm, ông ta đã biết khơi dậy ở bà ấy lòng cao thượng vốn là một thiên tính của giới chúng tôi, và đã lạm dụng tính dịu dàng của bà để bán cho bà những thú vui tội lỗi với giá quá đắt.

– Thú thật với bà, – Derville nói, không hiểu rằng bà De Grandlieu đã ra hiệu cho mình, – tôi không khóc cho số phận con người khốn khổ ấy, con người thật vẻ vang trước mắt những người khác, nhưng thật kinh khủng cho ai đọc được trong trái tim bà ấy; không, tôi ghê sợ đến run lên khi ngắm nhìn kẻ giết bà, cái chàng trẻ tuổi có vầng trán thanh cao đến thế, cái miệng tươi tắn đến thế, nụ cười đáng yêu đến thế, những hàm răng trắng đẹp đến thế, và trông thật giống một thiên thần. Cả hai lúc này đang ở trước quan tòa, lão đang quan sát họ như một thầy tu già dòng Đô-mi-ních của thế kỷ XVI rình xem cuộc tra tấn hai tên Maures dưới đáy hầm Tòa án Tôn giáo. – Thưa ngài, có cách nào để tôi được nhận tiền bán những hạt kim cương này mà vẫn dành cho mình quyền chuộc lại không? – Bà ta vừa nói bằng một giọng run run, vừa đưa cho lão một hộp đồ nữ trang. – Thưa bà, có đấy, – tôi vừa nhô ra can thiệp vừa trả lời. Bà nhìn tôi, nhận ra tôi, bà rung mình, vừa đưa mắt về phía tôi, cái đưa mắt đó, ở bất cứ lúc nào cũng có nghĩa là: – *Ngài hãy im đi cho!* – Cái này, – tôi nói tiếp, – lập thành một chứng thư mà chúng tôi gọi là bán đỡ, một quy ước để nhượng lại và vận chuyển một động sản hoặc bất động sản trong một thời gian nhất định; hết thời gian đó người ta có thể thu hồi vật tranh tụng với điều kiện là phải trả một số tiền đã định. Bà ấy thấy dễ thở hơn. Bá tước Maxime cau mày, nghi rằng lão cho vay

nặng lãi sẽ hạ giá những hạt kim cương thì giá trị khó tránh khỏi bị hạ thấp. Gobseck ngồi yên, cầm kính lúp, lặng lẽ ngắm nghía hộp nữ trang. Có sống đến trăm tuổi có lẽ tôi cũng không quên được bức tranh về bộ mặt lão lúc ấy. Đôi má nhợt nhạt đã khởi sắc, những viên đá lấp lánh hình như được lặp lại trong đôi mắt lão khiến cho mắt lão sáng lên một ánh lửa siêu nhiên. Lão đứng dậy, ra chỗ có ánh sáng, cầm những hạt kim cương lại gần cái miệng móm mém của lão như thể muốn ngấu nghiến ăn chúng. Lão vừa lẩm nhẩm cái gì đó vừa lần lượt nhắc xem những vòng tay, hoa tai, vòng cổ, vành đầu, đưa ra ánh sáng để xét đoán ánh nước, màu trắng trong, cách gọt giũa của chúng; lão lấy chúng ra khỏi hộp, rồi lại bỏ vào, rồi lại lấy ra lần nữa, làm cho chúng phải tỏa ra tất cả những tia sáng, giống như một đứa bé hơn là một ông già, hay nói đúng hơn, vừa là đứa bé, vừa là ông già. – Những hạt kim cương đẹp! Trước cách mạng, phải tới ba trăm nghìn phơ-răng. Cái ánh nước mới đẹp làm sao! Đây là những hạt kim cương thứ thiệt của châu Á, ở Golconde, hoặc ở Visapour! Các ngài có biết giá của nó không? Không, không, Gobseck là người độc nhất ở Paris biết đánh giá những thứ ấy. Dưới thời đế chế cũng còn phải đến hơn hai trăm nghìn phơ-răng mới làm được một món trang sức tương tự. Lão làm một cử chỉ chán ngán và nói thêm: – Hiện nay kim cương mất giá từng ngày, từ ngày hòa bình kim cương của Brésil đè nặng lên chúng ta, khắp nơi đều có, nhưng không trắng bằng của Ấn Độ. Phụ nữ chỉ còn đeo kim cương trong cung đình. Bà cũng đến đó chứ? – Vừa tung ra những lời nói ghê gớm đó, lão vừa xem xét từng viên đá với một niềm vui khó tả. – Không có vết, – lão nói. – Đây một cái vết. Đây một tý vết. Một hạt kim cương đẹp. Những viên đá quý đó tỏa sáng lên bộ mặt tái nhợt của lão khiến tôi thấy mặt lão có thể so sánh được với những tấm gương cũ xanh nhạt thường thấy trong các quán trọ tỉnh lẻ, chỉ tiếp nhận ánh sáng mà không lặp lại, làm cho người du khách dừng cảm nào dám soi vào đấy sẽ chỉ thấy hình ảnh một người đang bị trúng phong. – Thế nào? – Ông bá tước vừa nói vừa đập vào vai Gobseck. Thằng bé già nua rùng mình. Nó bỏ đồ chơi của mình ra, rồi đặt lên bàn giấy, ngồi xuống và lại trở thành lão cho vay nặng lãi, tàn nhẫn, lạnh lùng và nhẫn bóng như một cái cột đá

hoa: – Ngài cần bao nhiêu? – Một trăm nghìn phơ-răng, trong ba năm, – ông bá tước nói. – Có thể được! – Gobseck vừa nói vừa rút ra khỏi một cái hộp bằng gỗ đào hoa tâm một cái cân vô giá vì rất chính xác, một thứ hộp tư trang của lão! Lão cân những viên đá, nhìn xung quanh để ước lượng (có trời biết vì sao) trọng lượng của những giá đỡ. Trong khi thao tác, vẻ mặt của lão nhận chiết khấu đấu tranh giữa niềm vui thích và tính nghiêm khắc. Tôi để ý thấy bà bá tước như bị chìm đắm, sững sờ, hình như bà ấy đang đo chiều sâu của cái vực thẳm bà đang rơi xuống. Hãy còn nhiều hồi hận trong tâm hồn người phụ nữ ấy; có lẽ chỉ cần một cố gắng, một bàn tay từ thiện giơ ra là cứu được bà, tôi thử xem sao. – Những hạt kim cương này là của bà phải không, thưa bà? – Tôi hỏi bà giọng nói rõ ràng. – Thưa ngài, vâng, – bà trả lời và nhìn tôi, vẻ kiêu hãnh. – Hãy làm giấy bán đợ đi, anh chàng ba hoa! – Gobseck vừa nói với tôi vừa chỉ cho tôi chỗ ngồi của lão ở bàn giấy. – Chắc bà đã có chồng? – tôi hỏi thêm. Bà nhanh nhẹn nghiêng đầu. – Tôi sẽ không làm chứng thư đâu, – tôi kêu lên. – Thế tại sao? – Gobseck hỏi. – Tại sao ư? – Tôi vừa nói tiếp vừa kéo lão già vào trong khuôn cửa sổ để nói khẽ với lão. Người đàn bà này sống dưới quyền của chồng, giấy bán đợ sẽ không có giá trị, bác sẽ không thể nói không biết một sự kiện được thừa nhận ngay trong chứng thư. Vậy bác sẽ phải đại diện cho những hạt kim cương gửi lại nhà bác, mà trọng lượng, giá trị, hay cách gọt giũa phải được miêu tả rõ. Gobseck gật đầu ra hiệu cho tôi dừng lại, rồi quay về phía hai kẻ phạm tội: – Ông ấy nói phải, – lão nói: Tất cả đã thay đổi. Tám mươi nghìn phơ-răng trả tiền ngay, và bà sẽ để lại những hạt kim cương cho tôi, – lão nói thêm bằng một giọng đục và nghe như tiếng sáo. Về động sản, chiếm hữu có giá trị như chứng thư. – Nhưng, – chàng trai trẻ cãi lại. – Cầm đi hay để lại, – Gobseck vừa nói tiếp vừa trao lại hộp nữ trang cho bà bá tước, – tôi chịu quá nhiều bất trắc. – Tốt hơn hết là bà về phủ phục dưới chân chồng bà, – tôi vừa nghiêng mình về phía bà ta vừa nói vào tai bà. Lão cho vay nặng lãi nhìn môi tôi mấp máy, chắc hiểu tôi nói gì, lão nhìn tôi về lạnh lùng. Chàng trai trẻ tái mặt. Bà bá tước thì rõ ràng tỏ ra do dự. Ông bá tước lại gần bà, và mặc dù ông ta nói khẽ lắm, tôi vẫn nghe thấy: – Thôi vĩnh biệt Anastasie yêu quý, chúc em

hạnh phúc! Về phần anh, từ mai anh sẽ không phải lo nghĩ gì nữa.
– Thưa ngài, – người thiếu phụ vừa hướng về Gobseck vừa kêu lên,
– tôi đồng ý với đề nghị của ngài. – Vậy thế nhé! – Lão già trả lời, –
bà khó xứng tội thật đấy, quý bà kiêu diễm của tôi ạ. Lão ký một
ngân phiếu năm mươi nghìn phơ-răng, rồi trao cho bà bá tước. –
Bây giờ, – lão nói và nở một nụ cười gần giống nụ cười của
Voltaire, – tôi sẽ bổ sung cho đủ số tiền của bà bằng ba mươi
nghìn phơ-răng hối phiếu loại tốt không cài vào đâu được. Thật là
vàng thoi. Ngài đây vừa mới nói với tôi: *những hối phiếu của tôi sẽ
được thanh toán*, lão vừa nói thêm vừa đưa ra những hối phiếu có
chữ ký của ông bá tước, tất cả đã được lập chứng thư phản kháng
ngày hôm trước theo đơn của một bạn đồng hội của lão, chắc là
người đã bán rẻ những phiếu đó cho lão. Chàng trai trẻ găm lên
một hồi trong đó nổi lên mấy tiếng: – Thằng già xỏ lá! Bố Gobseck
không cau mày, lão rút từ một hộp các-tông ra một cặp súng lục,
và nói giọng lạnh tanh: – Với tư cách người bị lăng mạ, tôi sẽ bắn
trước. – Maxime, anh phải xin lỗi ngài đây, – bà bá tước run lên và
kêu se se. – Tôi không định xúc phạm ngài, – chàng trai trẻ ấp úng
nói. – Tôi biết rõ điều đó, – Gobseck trả lời bình thản, – ý định của
ngài chỉ là không trả tiền cho những hối phiếu của ngài thôi. Bà
bá tước đứng lên, chào và đi biến, chắc hẳn đang bị một cơn hải
hùng ghê gớm giằng xé. Ngài De Trailles bắt buộc phải đi theo bà,
nhưng trước khi ra: – Nếu để hở điều gì ra, thưa các ngài, – ông ta
nói, – tôi sẽ lấy máu các ngài, hoặc các ngài sẽ lấy máu tôi. – *A-*
men, – Gobseck vừa trả lời ông vừa cất hai khẩu súng lục. – Muốn
chơi nhau bằng máu, thì phải có máu đã, con ạ, mà con thì chỉ có
bùn trong tĩnh mạch thôi. Khi cửa ra vào đã đóng lại và hai cỗ xe
ngựa đã lên đường, Gobseck đứng dậy, vừa nhảy múa, vừa nhắc đi
nhắc lại: – Ta có kim cương! Ta có kim cương! Những hạt kim
cương đẹp, những hạt kim cương thế này chứ! Và lại không đắt. A!
À! Werbrust và Gigonnet, chắc các ngài tưởng đã tóm được bố già
Gobseck! *Ego sum papa**! Ta là chủ của tất cả các người! Ta đã
được trả toàn bộ! Tối nay, giữa hai ván bài đô-mi-nô, họ sẽ sống
sở biết bao khi nghe ta kể lại việc này. Phấn khích vì chiếm được
vài hòn sỏi trắng, niềm vui sướng âm ỉ, vẻ hung dữ đã man
ấy khiến tôi rùng mình. Tôi im lặng, sống sờ. – A, a! Kia, con trai, –

lão nói. – Chúng ta sẽ ăn tối cùng nhau. Chúng ta sẽ vui đùa ở nhà con, ta không có gia đình mà. Tất cả những tên chủ hiệu ăn ấy, với nước thịt hầm, nước xốt, rượu vang của chúng, chúng đầu độc cả ma quỷ ấy chứ. Về mặt của tôi làm cho lão bỗng trở lại thản nhiên, lạnh lùng. – Cậu không hiểu cái đó, – lão vừa nói với tôi vừa ra ngồi ở góc lò sưởi, đặt cái chảo bằng sắt tây đầy sữa lên bếp. – Cậu có muốn ăn trưa với tôi không? – Lão nói tiếp, – có lẽ có đủ cho hai người đấy. – Cảm ơn, – tôi trả lời, – tôi chỉ ăn trưa vào mười hai giờ. Đúng lúc này những bước chân vội vàng vang lên trong hành lang. Người lạ mặt đột ngột dừng lại trên thềm cầu thang buồng Gobseck, và gõ cửa liên hồi có vẻ đang giận dữ. Lão cho vay nặng lãi ra chỗ cửa sổ chẳng lưới để nhận mặt, rồi mở cửa cho một người đàn ông trạc ba mươi lăm tuổi, chắc là có vẻ vô hại mặc dù đang giận dữ. Người đến đột ngột ăn mặc giản dị, nom giống cố quận công De Richelieu, đó là ngài bá tước chắc bà cũng đã gặp, ông ta mong bà bỏ ngoài tai cách nói của tôi, có cái dáng vẻ quý phái của những chính khách vùng ngoại ô ta. – Thưa ngài, – ông ta hỏi Gobseck lúc này đã bình tĩnh, – vợ tôi vừa ra khỏi đây phải không ạ? – Có thể. – Thưa ngài, sao kia! Ngài không hiểu tôi ư? – Tôi không có vinh dự được biết bà nhà, – lão cho vay nặng lãi trả lời. – Sáng nay, tôi đã tiếp nhiều người: các bà, các ông, các cô trông giống như các cậu, và các cậu trông giống như các cô. Tôi thật khó mà... – Xin ngài đừng đùa nữa, tôi nói về người đàn bà vừa mới ra khỏi nhà ngài. – Làm sao mà tôi biết bà ấy có phải là vợ ngài hay không? – lão cho vay nặng lãi hỏi, tôi chưa bao giờ được hân hạnh gặp ngài. – Ngài nhầm rồi, thưa ngài Gobseck, – ông bá tước nói bằng một giọng mỉa mai sâu sắc. – Chúng ta đã gặp nhau trong buồng vợ tôi, vào một buổi sáng. Ngài đã đến để nhận tiền một hối phiếu mà vợ tôi đã ký nhận trả, mặc dù bà ấy chẳng nợ nần gì cả. – Không phải việc của tôi là tìm hiểu bằng cách nào bà nhà đã nhận được giá trị tờ hối phiếu, – Gobseck vừa cãi lại vừa nhìn bá tước một cách ranh mãnh. Tôi đã chiết khấu phiếu đó cho một bạn đồng hội. Vả lại, thưa ngài, nhà tư bản không mủi lòng mà cũng không vội vàng, – lão vừa nói vừa rót cà-phê vào bát sữa, – ngài cho phép tôi được lưu ý ngài rằng không có gì chứng thực với tôi là ngài có quyền quở trách tôi ở ngay nhà tôi: tôi đã đến

tuổi thành niên từ năm sáu mươi một của thế kỷ trước. – Thưa ngài, ngài vừa mới mua với giá rẻ mạt một số kim cương của gia đình, không thuộc quyền sở hữu riêng của vợ tôi. – Mặc dù không ai buộc được tôi phải tiết lộ bí mật nhà nghề ra với ngài, tôi cũng xin nói với ngài, thưa ngài bá tước, rằng nếu những hạt kim cương của ngài đã bị bà nhà lấy mất, thì lẽ ra ngài đã phải ngăn ngừa bằng một thông báo, không để các nhà buôn kim hoàn mua phải, bà nhà đã có thể bán lẻ từng thứ một. – Thưa ngài! – Ông bá tước kêu lên, – ngài đã biết vợ tôi. – Thật không? – Bà ấy sống dưới quyền của chồng. – Có thể. – Bà ấy không có quyền định đoạt về số kim cương ấy... – Đúng. – Vậy thì, thưa ngài? – Vậy thì, thưa ngài, tôi biết bà nhà, bà ấy sống dưới quyền của chồng, tôi rất muốn như vậy, bà ấy sống dưới nhiều thứ quyền; nhưng tôi không biết những hạt kim cương của ngài. Nếu bà bá tước ký được hối phiếu, chắc bà ấy cũng có thể buôn bán, mua kim cương, nhận kim cương để bán đi, điều đó rõ quá! – Vĩnh biệt ngài, – bá tước giận tái mặt, kêu lên, – còn có tòa án. – Đúng. – Ngài đây, – lão chỉ vào tôi và nói thêm, – đã chứng kiến việc mua bán. – Có thể. Ông bá tước sắp đi ra. Đột nhiên, cảm thấy tầm quan trọng của sự việc, tôi bèn xen vào giữa hai bên tham chiến. – Thưa ngài bá tước, – tôi nói, – ngài nói phải, và ngài Gobseck cũng không sai trái gì. Ngài sẽ không thể truy tố người mua mà không làm liên lụy đến bà nhà; và cái bở ỉ của việc này sẽ không chỉ rơi vào đầu bà nhà mà thôi đâu. Tôi là thầy kiện; vì bản thân tôi hơn là vì chức trách của tôi, tôi thấy cần phải tuyên bố với ngài rằng số kim cương ngài nói đã được ngài Gobseck mua trước sự hiện diện của tôi; nhưng tôi nghĩ rằng ngài sẽ sai nếu ngài tranh cãi về tính hợp pháp của việc mua bán này; chưa kể vật mua bán còn khó nhận biết. Về lẽ công bằng, ngài có thể đúng; nhưng về công lý ngài sẽ thua kiện. Ngài Gobseck là người lương thiện sẽ không phủ nhận việc mua bán này có lợi cho mình, nhất là khi lương tâm và nhiệm vụ của tôi buộc tôi phải nói ra điều đó. Nhưng nếu ngài khởi tố, thưa ngài bá tước, kết quả sẽ thật đáng ngờ. Vậy tôi khuyên ngài hãy thương lượng với ngài Gobseck, ông ấy có thể viện cớ là mình thực tâm, nhưng ngài vẫn phải trả giá cho việc mua bán này. Ngài chịu khó làm một giấy bán đợ từ bảy đến tám tháng, đến một năm nữa

cũng được, thời gian cần thiết để ngài có thể trả số tiền bà bá tước đã vay, trừ khi ngài muốn chuộc lại ngay từ hôm nay bằng cách đưa ra những vật bảo đảm cho việc trả tiền. Lão cho vay nặng lãi nhúng bánh mỳ vào tách sữa và ăn, thái độ hoàn toàn thờ ơ; nhưng khi nghe thấy hai tiếng thương lượng, lão đã nhìn tôi như muốn nói: – Anh chàng bẻm mép! Nó biết sử dụng những bài học của ta. Về phía tôi, tôi đã đập lại bằng một cái liếc mắt và lão đã hiểu một cách tuyệt vời. Sự việc thật là đáng ngờ, bí ối; cần phải cấp tốc thương lượng. Gobseck sẽ không có cách nào chối cãi, chẳng qua là tôi đã nói ra sự thật. Ông bá tước cảm ơn tôi bằng một nụ cười đôn hậu. Sau một cuộc tranh luận trong đó thủ thuật ngoại giao của cả một đại hội có lẽ cũng phải thua tài khéo léo và lòng tham lam của Gobseck, tôi chuẩn bị một chứng thư, tóm tắt như sau: Ông bá tước thừa nhận là đã nhận của lão cho vay nặng lãi số tiền tám mươi lăm nghìn phơ-răng, kể cả lãi; khi nào ông bá tước trả lại đủ số tiền này, Gobseck cam kết sẽ trao lại những hạt kim cương cho ông. – Phung phí quá đáng! – Người chồng vừa ký vừa kêu lên. – Làm sao lao được cái cầu qua vực thẳm này? – Thừa ngài, – Gobseck nghiêm trang nói, – ngài có đông con cái không ạ? Câu hỏi đó làm ông bá tước rùng mình, như thể, giống như một thầy thuốc giỏi, lão cho vay nặng lãi đột nhiên đặt được ngón tay vào đúng chỗ đau của ông. Người chồng không trả lời. – Này! – Hiểu rõ sự im lặng đau đớn của ông bá tước, Gobseck nói tiếp, – tôi thuộc lòng lịch sử của ngài. Người đàn bà ấy là một con quỷ mà có lẽ ngài vẫn còn yêu; tôi tin chắc điều đó, bà ấy đã làm tôi cảm động. Có lẽ ngài cũng muốn cứu vãn tài sản của ngài, dành nó cho một hoặc hai đứa con. Vậy thì ngài hãy lao mình vào cơn lốc của xã hội thượng lưu, chơi bời đi, để mất tài sản đi, và năng tìm gặp Gobseck. Thiên hạ sẽ bảo rằng tôi là một tên Do Thái, một tên Ả Rập, một lão cho vay nặng lãi, một tên cướp biển, rằng tôi đã làm cho ngài phá sản! Tôi bất cần! Nếu có đứa nào chửi tôi, tôi sẽ hạ sát nó ngay, không ai sử dụng súng lục và kiếm giỏi bằng đầy tớ của ngài đây. Họ biết đấy! Rồi ngài hãy tìm lấy một người bạn, nếu ngài có thể tìm thấy được, và giả vờ bán cho người ấy những tài sản của ngài. – Có phải như vậy gọi là ủy thác di sản không? – Lão vừa quay lại phía tôi vừa hỏi. Ông bá tước có vẻ

hoàn toàn bị cuốn hút vào những suy nghĩ của mình, ông vừa từ biệt chúng tôi vừa nói: – Thưa ngài, ngày mai ngài sẽ nhận được tiền của ngài, ngài phải có ngay trong tay những hạt kim cương đó. – Đúng là ngọc như một tay phong nhã, – khi ông bá tước đã ra về, Gobseck lạnh lùng nói với tôi. – Bác phải nói là ngọc như một người đam mê mới đúng. – Ông bá tước phải trả cậu tiền lệ phí, – lão kêu lên khi tôi chào tạm biệt lão. Cảnh trên kia đã là một bài học vỡ lòng cho tôi về những bí mật kinh khủng của cuộc đời một phụ nữ thời thượng. Mấy hôm sau, vào một buổi sáng, tôi thấy ông bá tước vào văn phòng tôi. – Thưa ngài, – ông nói, – tôi đến xin ý kiến ngài về một số quyền lợi quan trọng; tôi xin tuyên bố với ngài là tôi hoàn toàn tin cậy ở ngài, và hy vọng ngài sẽ thấy những bằng chứng. Chẳng lời khen nào bằng cách đối xử của ngài đối với bà De Grandlieu.

– Bà thấy đấy, thưa bà, – ông thầy kiện nói với bà tử tước, – bà đã trả tôi gấp nghìn lần cái giá của một hành động đơn giản. Tôi đã lễ phép nghiêng đầu, và trả lời rằng tôi đã chỉ làm tròn nhiệm vụ một người lương thiện. Này, thưa ngài, tôi đã lượm được rất nhiều thông tin về nhân vật kỳ dị đã giúp ngài có được chức nghiệp này, – ông bá tước nói với tôi. – Theo tôi biết, Gobseck là một nhà triết học theo trường phái khuyến nhơ*. Ngài nghĩ gì về tính trung thực của ông ta? – Thưa ngài bá tước, – tôi trả lời, – Gobseck là ân nhân của tôi... với mức mười lăm phần trăm, – tôi vừa cười vừa nói thêm. – Nhưng tính keo kiệt của ông ấy không cho phép tôi miêu tả ông đúng như thật khiến một người lạ có thể lợi dụng.

– Cứ nói đi, thưa ngài! Ngài nói thật thì cũng không có hại gì cho Gobseck hay cho ngài đâu. Tôi chẳng dám mong một lão cho vay theo vật thế chấp lại tốt như một thiên thần.

– Bố Gobseck, – tôi nói tiếp, – tin tưởng sâu sắc vào một nguyên tắc nó chi phối cách đối xử của ông ấy. Theo ông ấy, tiền bạc là một thứ hàng, người ta có thể bán đắt, hoặc bán rẻ, tùy theo trường hợp mà lương tâm hoàn toàn yên ổn. Theo cách nhìn của ông, nhà tư bản là người cho vay với lãi suất cao và xin gia nhập trước hạn những doanh nghiệp và những vụ đầu cơ có lợi. Ngoài

những nguyên tắc tài chính và những nhận xét triết học về bản chất loài người làm ông xử sự như một lão cho vay nặng lãi, trong thâm tâm, tôi tin chắc rằng, khi ra khỏi công việc, ông là người tế nhị nhất và trung thực nhất ở Paris. Trong ông, có hai con người: lão hà tiện và nhà triết học, tiểu nhân và vĩ nhân. Nếu tôi chết đi và để lại con cái, thì ông ấy sẽ là người giám hộ của chúng. Thưa ngài, đó là diện mạo của Gobseck theo kinh nghiệm của tôi. Tôi không biết gì về quá khứ của ông ấy. Có thể ông đã là cướp biển, có lẽ ông đã bôn ba khắp thế giới, buôn kim cương hay buôn người, buôn phụ nữ hay những bí mật quốc gia, nhưng tôi thề rằng tôi chưa thấy một tâm hồn con người nào được tôi luyện kỹ hơn hoặc được thử thách nhiều hơn. Hôm tôi đem đến trả số tiền tôi nợ ông, tôi đã hỏi ông, không khỏi có chút thận trọng trong lời nói, rằng tình cảm nào đã thôi thúc ông bắt tôi phải trả nhiều tiền lãi đến thế, và ông muốn giúp đỡ tôi, người bạn của ông, thì vì lẽ gì, ông đã không làm một nghĩa cử trọn vẹn. – Con trai ạ, ta đã miễn cho con lòng biết ơn, để con có quyền được nghĩ rằng con chẳng nợ gì ta hết, vì thế chúng ta sẽ là hai người bạn tốt nhất trên đời này. Câu trả lời đó, thưa ngài, sẽ giải thích cho ngài về con người ấy rõ hơn bất cứ lời nói nào. – Tôi quyết định rồi, không thay đổi nữa đâu, – ông bá tước nói với tôi. – Ngài hãy chuẩn bị những chứng thư cần thiết để chuyển giao cho Gobseck quyền sở hữu tài sản của tôi. Tôi chỉ nhờ cậy một mình ngài, thưa ngài, để soạn thảo cái phản chứng thư trong đó ông ấy sẽ tuyên bố rằng việc bán tài sản của tôi chỉ là giả tạo, và ông ấy cam kết sẽ trao trả tài sản của tôi do ông quản lý, mà ông biết cách quản lý, vào tay con trai cả của tôi, khi nào nó đến tuổi thành niên. Bây giờ, thưa ngài, tôi cần nói với ngài điều này: tôi sợ, không muốn giữ văn kiện quý giá đó ở nhà tôi. Con trai tôi rất quyến luyến mẹ nó nên tôi ngại không dám giao cho nó giữ cái phản chứng thư. Không biết tôi có dám xin ngài giữ hộ không? Trong trường hợp ông ấy chết, Gobseck sẽ để ngài thừa thụ di tặng tài sản của tôi. Thế là cái gì cũng đã dự kiến. – Ông bá tước im lặng một lúc, có vẻ rất xúc động. Nghỉ một lát, ông lại nói: – Xin lỗi ngài trăm nghìn lần, thưa ngài, tôi đau yếu nhiều, và tình trạng sức khỏe của tôi khiến tôi sợ hãi ghê gớm. Những nỗi buồn gần đây làm rối loạn cuộc sống của

tôi một cách ác nghiệt, nên tôi thấy cần phải áp dụng biện pháp mạnh mẽ này. – Thưa ngài, – tôi nói với ông ta, – trước hết cho phép tôi được cảm ơn ngài đã tin cậy tôi. Nhưng để xứng đáng được ngài tin cậy, tôi xin lưu ý ngài rằng bằng những biện pháp đó ngài sẽ truất hết quyền thừa kế tài sản của những đứa... con khác. Chúng mang họ của ngài. Dù chúng chỉ là những đứa con của một người vợ trước kia được tin yêu, nay không còn được như thế nữa, chúng vẫn có quyền hưởng một cuộc sống nào đó. Tôi xin tuyên bố với ngài rằng tôi không nhận cái trọng trách mà tôi vinh dự được ngài giao cho, nếu số phận của chúng không được định rõ. Những lời nói của tôi làm ông bá tước rùng mình dữ dội. Ông rỏ mấy giọt nước mắt, vừa bắt tay tôi vừa nói: – Trước kia tôi còn chưa hiểu ngài đầy đủ. Ngài làm cho tôi vừa vui lại vừa buồn. Chúng ta sẽ định rõ phần của những đứa con khác bằng những điều khoản trong phản chứng thư. Tôi tiễn ông ra tận cửa văn phòng, và tôi thấy hình như nét mặt ông rạng rỡ vì đã hài lòng về hành vi công bằng ấy.

– Cô Camille, cô thấy đấy, có những thiếu phụ đã sa xuống vực thẳm như thế nào. Đôi khi chỉ một điệu vũ đối diện, một bài hát đệm piano, một cuộc đi chơi dã ngoại, có thể dẫn đến những tai họa khủng khiếp. Người ta lao đến đó, theo tiếng gọi tự phụ của tính khoe khoang, của niềm kiêu hãnh, do lòng tin vào một nụ cười, hoặc vì điên rồ, vì khờ dại? Xấu hổ, Hối hận và Khốn cùng là ba nữ hung thần, những người đàn bà nào vượt qua giới hạn, nhất định sẽ rơi ngay vào tay chúng...

– Camille tội nghiệp của tôi buồn ngủ quá rồi, – bà tử tước vừa ngắt lời ông thầy kiện vừa nói. – Thôi, con gái, đi ngủ đi, trái tim con chẳng cần đến những bức tranh hải hùng kia, mà vẫn mãi mãi trong sạch và đức độ.

Camille de Grandlieu hiểu ý mẹ, cô đi ra.

– Ông đã đi hơi quá xa, ngài Derville thân mến ạ, – bà tử tước nói, – các ông thầy kiện không phải là những người mẹ trong gia đình, cũng chẳng phải là những nhà thuyết giáo.

– Nhưng báo chí còn nghìn lần...

– Ông Derville tội nghiệp! – Bà tử tước vừa ngắt lời ông thầy kiện vừa nói, – tôi không nhận ra ông đấy. Vậy ra ông tưởng con gái tôi có đọc báo ư? Ngừng một lúc, bà nói thêm: – Ông kể tiếp đi.

– Ba tháng sau khi việc ông bá tước đồng ý bán tài sản có lợi cho Gobseck được phê chuẩn...

– Ông có thể gọi đích danh bá tước De Restaud, vì con gái tôi không còn ở đây, – bà tử tước nói.

– Được! – Ông thầy kiện nói tiếp. – Đã lâu tôi vẫn chưa nhận được cái phản chứng thư mà đáng lẽ đã ở trong tay tôi. Ở Paris, các thầy kiện thường bị cuốn hút vào một trào lưu khiến họ chỉ quan tâm đến công việc của khách hàng bằng mức độ quan tâm của chính khách hàng, trừ một số trường hợp ngoại lệ, chúng tôi có cách xử lý. Song, một hôm, lão cho vay nặng lãi ăn tối ở nhà tôi; khi ăn xong, tôi hỏi lão xem lão có biết tại sao tôi không thấy ai nói gì về ngài De Restaud nữa không. – Về việc này, có nhiều lý do xác đáng, – lão trả lời tôi. – Ngài quý tộc sắp chết. Đó là một tâm hồn đa cảm, không biết cách giết chết cái buồn mà luôn luôn để cái buồn giết chết mình. Cuộc sống là một công việc, một nghề, mà ta phải chịu khó học hỏi. Khi một người đã hiểu cuộc sống, do đã đau khổ nhiều, trở nên chắc chắn thêm và có một độ dẻo dai nào đó, khiến anh ta có thể chèo lái được cảm xúc của mình; anh ta làm cho những dây thần kinh của mình trở thành những thứ lò xo bằng thép, chỉ cong lại mà không gãy; nếu có dạ dày tốt, một người được chuẩn bị như vậy phải sống lâu bằng những cây bách hương ở Liban là những cây nổi tiếng thế giới. – Bá tước đang hấp hối chăng? – Tôi nói. – Có thể, – Gobseck nói. – Về di sản của ông ấy, cậu sẽ có một việc làm béo bở đấy. Tôi nhìn lão và nói để thăm dò: – Xin hãy giải thích cho tôi, tại sao ông bá tước và tôi, chúng tôi lại là những người duy nhất được bác quan tâm? – Bởi vì các ngài là những người duy nhất đã nhờ cậy tôi mà không giở trò ma mãnh, – lão trả lời. Mặc dù câu trả lời đó làm tôi nghĩ rằng Gobseck sẽ không lạm dụng địa vị của lão, trong trường hợp các phản chứng thư bị thất lạc, tôi vẫn quyết định đến thăm ông bá tước. Tôi viện cớ có việc và chúng tôi ra đi. Tôi đến ngay phố Le Helder. Tôi được đưa vào một phòng khách; bà bá tước đang chơi

với con. Nghe báo tôi đến, bà ấy vùng dậy, đến gặp tôi và, chẳng nói chẳng rằng, vừa ngồi xuống vừa lấy tay chỉ cho tôi một cái ghế bành cạnh lò sưởi. Bà đeo lên mặt một cái mặt nạ không ai có thể nhìn qua được; các phụ nữ giới thượng lưu thường dùng thứ đó để che giấu xúc động của mình. Nhiều nỗi buồn đã làm tàn phai khuôn mặt bà; chỉ còn lại những đường nét tuyệt vời xưa kia để chứng thực cho sắc đẹp của bà. – Thưa bà, tôi rất cần nói chuyện với ngài bá tước... – Vậy chẳng lẽ ngài lại được ưu đãi hơn cả tôi, – bà vừa ngắt lời tôi vừa trả lời. – Ngài De Restaud không muốn gặp ai, ngay cả thầy thuốc đến thăm bệnh cho ông, ông cũng như không muốn, và khước từ mọi việc chăm sóc, ngay cả của tôi nữa. Người ốm có những sở thích sao mà kỳ cục đến thế! Họ giống như trẻ con, họ không biết họ muốn gì. – Có lẽ, giống như trẻ con, họ biết rất rõ họ muốn gì. Bà bá tước đỏ mặt. Tôi gần như ân hận đã cãi lại bà không khác gì Gobseck. – Nhưng, – tôi nói tiếp sang chuyện khác, – ngài De Restaud, thưa bà, không thể cứ nằm một mình mãi mãi được. – Ông ấy có thằng con cả bên cạnh, – bà nói. Tôi lại nhìn bà bá tước, nhưng lần này bà không đỏ mặt nữa; bà có vẻ như đã quyết tâm hơn, không để cho tôi đi sâu được vào những bí ẩn của mình. – Bà cần hiểu, thưa bà, tôi đến đây hoàn toàn không có ý thóc mách gì cả, – tôi nói tiếp. – Tôi đến đây với những lợi ích to lớn... Tôi cần môi, cảm thấy mình đã đi nhầm đường. Vì vậy, bà bá tước lập tức lợi dụng sự khinh suất của tôi. – Lợi ích của tôi hoàn toàn không tách rời lợi ích của chồng tôi, thưa ngài, – bà nói. – Ngài cứ nói với tôi, không có gì sai trái cả... – Tôi đến đây vì một việc chỉ liên quan đến ngài bá tước, – tôi trả lời một cách cương quyết. – Tôi sẽ báo cho chồng tôi là ngài muốn gặp ông ấy. Giọng nói lễ phép, dáng điệu bà khi nói câu đó không đánh lừa được tôi, tôi đoán ngay là bà ấy sẽ chẳng bao giờ để tôi được gặp chồng mình. Tôi nói một lúc về những chuyện tầm phào để có thể quan sát bà bá tước; nhưng, như tất cả những người đàn bà đã tự vạch cho mình một kế hoạch, bà biết che giấu một cách hoàn hảo hiểm cớ, mà ở nữ giới thì đó là mức độ cuối cùng của sự nham hiểm. Tôi dám nói rằng tôi sợ bà có thể làm bất cứ cái gì, kể cả một tội ác. Cảm nghĩ đó xuất phát từ một cái nhìn về tương lai bộc lộ qua những cử chỉ, những ánh mắt, những dáng điệu, và ngay cả

những giọng nói của bà. Tôi từ biệt bà ấy. Bây giờ tôi xin kể bà nghe những sự việc cuối cùng của biến cố này, tôi sẽ thêm thắt vào đó những hoàn cảnh nhờ thời gian tôi được biết rõ hơn, và những chi tiết do bộ óc tinh tường của Gobseck hay của tôi đoán ra được. Từ khi bá tước De Restaud dường như lẫn lộn trong cuộc truy hoan và muốn phung phí của cải, giữa hai vợ chồng đã có những vụ cãi cọ ngấm ngấm không ai biết; và ông bá tước lại càng đánh giá vợ mình tệ hại gấp mấy lần trước đó. Ngay sau khi bị ốm, và phải nằm liệt giường, ông đã tỏ rõ là ông căm ghét bà bá tước và hai đứa con sau; ông cấm họ không được vào buồng ông; khi họ định không tuân theo lệnh của ông, thì ông đã bị những cơn khủng hoảng nguy hiểm đến tính mạng; bởi thế, ông thầy thuốc phải khẩn cầu bà bá tước dừng vi phạm mệnh lệnh của chồng. Bà De Restaud thấy đất đai, gia sản và ngay cả lâu đài bà đang ở, lần lượt rơi vào tay Gobseck; ông này như đóng vai trò quái dị – một con yêu tinh đến cướp tài sản của họ; chắc bà hiểu ý định của chồng. Ngài De Trailles bị các chủ nợ săn đuổi quá gắt gao, đã sang Anh du lịch. Mà chỉ có một mình ông ta là có thể cho bà bá tước biết những cách phòng ngừa bí mật do Gobseck gợi ý cho ngài De Restaud chống lại bà. Người ta nói rằng bà bá tước đã cưỡng lại khá lâu, không chịu ký, chữ ký của bà lại cần thiết, theo luật của ta, trong việc bán tài sản. Tuy vậy ông bá tước cũng đã lấy được chữ ký của vợ. Bà bá tước nghĩ rằng chồng bà đã chuyển tài sản làm vốn, khối lượng phiếu bé nhỏ có được có thể đã được cất giấu ở một nơi nào đó, tại nhà ông công chứng viên, hay có lẽ ở Ngân hàng. Theo tính toán của bà, ngài De Restaud chắc phải nắm giữ một chứng thư cần thiết để con trai cả của ông có thể lấy lại những tài sản nào ông coi trọng. Vậy nên bà quyết định thiết lập xung quanh buồng chồng mình sự giám sát chặt chẽ nhất. Bà thống trị một cách chuyên chế trong nhà mình và còn hoạt động như một nữ gián điệp. Suốt ngày bà ngồi trong phòng khách, sát cạnh buồng chồng; bà có thể nghe thấy những lời nói khê nhất và những cử động nhẹ nhất của ông. Ban đêm, bà cho căng một cái giường trong phòng, và phần lớn thời gian bà không ngủ. Ông thầy thuốc hoàn toàn làm theo lợi ích của bà. Sự tận tâm đó có vẻ thật đáng khâm phục. Vốn khôn khéo như mọi kẻ nham hiểm, bà

biết cách che giấu mọi chuyện ngài De Restaud tỏ vẻ ghê tởm bà; bà diễn trò đau đớn hoàn hảo đến mức gần như được nổi tiếng. Một vài phụ nữ giả đoan trang còn cho là như vậy bà đã chuộc được những lỗi lầm xưa. Nhưng bà luôn luôn thấy trước mắt hình ảnh cảnh khốn cùng chờ đợi bà khi ông bá tước chết, nếu bà không nhanh trí. Như vậy là người đàn bà ấy, bị đuổi ra khỏi giường người chồng đau ốm đang rên siết, đã vạch được một vòng tròn kỳ diệu ở xung quanh. Xa chồng, mà cũng gần chồng, bị thất sủng mà vẫn đầy quyền uy, là người vợ bề ngoài có vẻ tận tụy, bà đang rình đợi cái chết và tài sản, giống như con sâu ngoài đồng ruộng, dưới đáy cái hố cát của nó được đào theo hình tròn xoay tròn ốc, đang vừa đợi con mồi không thoát nổi, vừa lắng nghe từng hạt bụi rơi xuống. Người phê phán nghiêm khắc nhất cũng không thể không thừa nhận rằng bà bá tước đã có tình mẫu tử khá sâu sắc. Người ta nói rằng cái chết của cha bà là một bài học cho bà. Bà tôn sùng những đứa con của mình nên đã giấu chúng cảnh sống bừa bãi của bà; vì chúng còn ít tuổi, bà đã đạt được mục đích và được chúng yêu quý; bà đã giáo dục chúng một cách tốt nhất và xuất sắc nhất. Thú thật là tôi không thể không khâm phục bà và thông cảm với bà, chính vì vậy mà Gobseck đã chế nhạo tôi. Vào thời kỳ này bà bá tước nhận rõ tính dè hèn của Maxime, bà rõ máu mắt để chuộc lại lỗi lầm trong cuộc đời đã qua. Tôi nghĩ như vậy. Để chiếm lại tài sản của chồng, dù bà có dùng những thủ đoạn bỉ ổi gì đi nữa, thì phải chăng cũng chỉ là xuất phát từ tình mẫu tử và ý muốn sửa chữa những sai lầm của mình đối với con cái? Thêm nữa, như nhiều phụ nữ đã trải qua bão táp của đam mê, có lẽ bà cũng cảm thấy cần thiết phải trở lại đức độ. Có lẽ bà chỉ biết đến giá trị của đức hạnh vào lúc thu lượm một vụ gặt buồn thảm vì đã gieo rắc những sai lầm. Mỗi khi cậu bé Ernest ra khỏi buồng cha, cậu phải chịu đựng một cuộc tra hỏi gay gắt về tất cả những gì ông bá tước đã làm và đã nói. Đứa con chiều theo ý muốn của mẹ, nó cho là do mẹ thương yêu cha; nó thường trả lời trước những câu hỏi. Việc tôi đến thăm ông bá tước là một tia sáng cho bà vợ, bà tưởng tôi là người thi hành lệnh trả thù của ông chồng, và quyết tâm không để tôi được đến gần người sắp chết. Tôi như bị một linh cảm buồn thảm thúc đẩy mạnh mẽ; tôi muốn

tìm cách gặp và nói chuyện với ngài De Restaud, vì tôi không khỏi lo ngại cho số phận các phản chứng thư; nếu rơi vào tay bà bá tước, bà có thể lợi dụng, và sẽ nổi lên những vụ kiện không bao giờ chấm dứt giữa bà và Gobseck. Tôi hiểu khá rõ lão cho vay nặng lãi và tôi biết rằng lão sẽ chẳng bao giờ trả lại tài sản cho bà bá tước; có nhiều yếu tố kiện cáo trong nội dung các chứng thư đó và hiệu lực chỉ có thể do tôi thực hiện. Tôi muốn ngăn ngừa rất nhiều tai họa, và lần thứ hai, tôi đến nhà bà bá tước.

– Tôi nhận thấy, thưa bà, – Derville nói với bà tử tước De Grandlieu, giọng tâm sự, – rằng có một số hiện tượng tinh thần chưa được chúng ta trong giới thượng lưu chú ý đúng mức. Vốn là người hay quan sát, mà trong những vụ kiện tranh chấp quyền lợi do tôi tiến hành, các dự vọng thường xung đột kịch liệt với nhau, nên tôi đã vận dụng óc phân tích tuy không cố ý. Thế mà tôi vẫn luôn luôn phải ngạc nhiên và khâm phục khi thấy rằng những ý định thâm kín và ý nghĩ của hai đối thủ thường được cả hai đoán đúng cả. Đôi khi có hai kẻ thù cùng có một lý lẽ sáng suốt như nhau, một thị lực trí tuệ như nhau, giống như hai con người đang yêu nhau đọc được trong tâm hồn của nhau. Cũng như thế, khi cả hai chúng tôi đã có mặt, bà bá tước và tôi, tôi bỗng nhiên hiểu tại sao bà có ác cảm với tôi, mặc dù bà đã ngụy trang những tình cảm của mình dưới hình thức lễ phép và nhã nhặn đáng yêu nhất. Bà ấy buộc phải để lộ chuyện riêng tư khiến tôi thông tỏ; và khi một phụ nữ bị bắt buộc phải tỏ mặt trước một người đàn ông thì bà ta không thể nào không ghét người đàn ông đó được. Về phía bà ta thì bà đoán rằng dù tôi là người được chồng bà tin cậy, ông ấy cũng chưa trao tài sản cho tôi. Tôi không muốn để bà phải nghe câu chuyện trao đổi giữa hai chúng tôi, câu chuyện đến nay vẫn còn lại trong ký ức tôi như một cuộc đấu tranh nguy hiểm nhất mà tôi từng chịu đựng. Bà bá tước được tạo hóa ban cho những đức tính cần thiết để có thể dùng những thủ đoạn quyền rũ khiến người ta không cưỡng lại được; bà đã lần lượt tỏ ra mềm mỏng, kiêu hãnh, vuốt ve, tin cậy; bà còn đi đến chỗ thử nhóm lên ngọn lửa tò mò trong con người tôi, đánh thức tình yêu trong trái tim tôi nhằm chế ngự tôi: bà đã thất bại. Khi từ biệt bà, tôi bất ngờ

nhìn thấy mắt bà biểu lộ một sự thù ghét và giận dữ khiến tôi run lên. Chúng tôi đã chia tay nhau như hai kẻ thù. Có lẽ bà ấy đã muốn tiêu diệt tôi, còn tôi thì cảm thấy thương hại bà; một số cá tính nào đó coi tình cảm thương hại như lời chửi rửa độc địa nhất. Tình cảm này đã lộ ra trong những nhận xét cuối cùng của tôi khi nói chuyện với bà. Tôi nghĩ rằng tôi đã để lại trong tâm hồn bà một nỗi khiếp sợ ghê gớm khi tôi tuyên bố với bà rằng dù làm cách nào, bà cũng nhất thiết bị phá sản. – Nếu tôi được gặp ngài bá tước thì ít ra tài sản của các con bà... – Thì cái thân tôi sẽ phải phó mặc cho ngài định đoạt, – bà nói ngắt lời tôi với một cử chỉ chán ngán. Một khi các vấn đề đã được đặt ra giữa chúng tôi một cách thẳng thắn đến thế, tôi quyết định cứu vớt gia đình ấy khỏi cảnh khốn cùng đang chờ đợi họ. Tự xác định là phải phạm vào những điều bất hợp pháp nhưng cần thiết để đạt mục đích, sau đây là những sự chuẩn bị của tôi. Tôi cho truy tố ngài De Restaud vì một số tiền giả định là nợ Gobseck, và ông ấy sẽ bị lên án. Bà bá tước tất phải che giấu vụ kiện này, nhưng thế là tôi đã có quyền cho đóng dấu niêm phong khi ông bá tước qua đời. Tôi mua chuộc một người trong nhà và được anh ta hứa là khi nào chủ anh sắp tắt thở, anh sẽ đến báo cho tôi biết, dù đang giữa đêm, để tôi có thể bất thành lình can thiệp, dọa bà bá tước là sẽ đột ngột đóng dấu niêm phong, khiến bà sợ, và như vậy là cứu được các phản chứng thư. Sau này, tôi được biết là người phụ nữ ấy vừa nghiên cứu luật vừa nghe tiếng rên rỉ của ông chồng sắp chết. Linh hồn của những người vây quanh giường người chết sẽ đưa ra những bức tranh kinh khủng như thế nào nếu ta có thể vẽ được những ý nghĩ của họ? Và tài sản luôn luôn là động cơ của những âm mưu đang được chuẩn bị, của những kế hoạch đang được hình thành giống như trên khung cửi, những sợi ngang đang được chằng mắc! Bây giờ ta hãy tạm gác về một bên những chi tiết chán ngắt về bản chất nhưng lại khiến ta đoán ra được nỗi đau khổ của người đàn bà đó, của chồng bà ta; khiến ta nhìn thấy được những bí mật trong một vài gia đình tương tự gia đình này. Từ hai tháng nay, bá tước De Restaud cam chịu số phận của mình, ông nằm liệt giường, một mình, trong buồng. Một căn bệnh hiểm nghèo làm yếu dần thể xác và tinh thần ông. Những sở thích kỳ cục hình như

không cắt nghĩa được của người ốm già vò ông, ông không để cho ai quét dọn căn buồng, từ chối mọi việc chăm sóc, ngay cả việc sắp xếp giường đệm cho ông. Sự lãnh đạm cực đoan ấy để lại dấu vết quanh ông: đồ đạc trong buồng bừa bãi. Bụi bặm, mạng nhện phủ đầy những đồ vật tinh tế nhất. Xưa kia ông giàu có và kiêu cách về thị hiếu, lúc này ông lại thích thú với quang cảnh buồn thảm của căn buồng; lò sưởi, tủ bàn giấy và các ghế dựa bừa bộn những đồ vật cần cho người bệnh: những cái lọ rỗng không hoặc còn đầy thuốc, hầu hết đều bẩn; khăn lau rải rác, những chiếc đĩa vỡ, một cái lồng ấp há hốc trước ngọn lửa, một cái bồn tắm còn đầy nước khoáng. Cảm giác về hủy hoại biểu lộ trong mỗi chi tiết của đông hỗn độn nhếch nhác này. Thần chết hiện ra trong các đồ vật trước khi xâm chiếm con người. Ông bá tước sợ ánh sáng, các cánh chớp cửa sổ đều đóng kín, và bóng tối lại làm tăng thêm vẻ ảm đạm của nơi buồn thảm này. Người ốm đã gây đi nhiều. Mắt ông còn sáng, hình như sự sống đã ẩn náu ở đó. Mặt ông màu trắng tím tái trông thật kinh khủng, lại càng thêm kinh khủng với mái tóc quá dài; ông chưa bao giờ muốn để cho người ta cắt tóc, nên tóc ông rủ xuống hai bên má thành từng mớ dài và dẹt. Trông ông giống những cư dân cuồng tín ở sa mạc. Đau buồn đã dập tắt tất cả những tình cảm con người ở người đàn ông chưa đầy năm mươi tuổi này; vậy mà tất cả Paris trước đây đều biết tiếng ông, con người thật hào hoa và thật sung sướng. Vào đầu tháng 12 năm 1824, một buổi sáng, ông nhìn cậu con trai Ernest của mình đang ngồi ở chân giường ông và đang đau đớn ngắm nhìn ông. – Cha có đau không? – Tử tước trẻ tuổi hỏi ông. – Không! – Ông nói và nở một nụ cười đáng sợ, tất cả là ở *đây và xung quanh trái tim!* Và sau khi đã chỉ vào đầu mình, ông ấn những ngón tay trở xương lên cái ngực lõm của mình, bằng một cử chỉ khiến Ernest phát khóc. – Tại sao ta không thấy ngài Derville đến? – Ông hỏi người hầu phòng mà ông tưởng là rất gần bó với ông, nhưng lại đã hoàn toàn phục vụ cho quyền lợi của bà bá tước. – Thế nào, Maurice, – người sắp chết vừa nhồm dậy vừa kêu lên, ông có vẻ như đã lấy lại được tất cả sự nhanh trí của mình, – đã bảy, tám lần ta sai anh đến nhà ông thầy kiện, từ mười lăm hôm nay rồi, mà ông ấy vẫn chưa đến ư? Anh hãy đi tìm ông

ấy ngay, ngay bây giờ, và đưa ông ấy đến đây. Nếu anh không thi hành lệnh của ta, tự ta sẽ dậy và chính ta sẽ... – Thưa bà, – người hầu phòng nói lúc ra ngoài, – bà đã nghe thấy ngài bá tước nói đấy, tôi phải làm gì đây? – Anh giả vờ đến nhà ông thầy kiện, rồi trở về đây nói dối với ngài rằng người được ngài ủy nhiệm đã đi cách xa đây bốn mươi dặm vì một vụ kiện quan trọng. Anh nói thêm là cuối tuần ông ấy sẽ về. – Người ốm thường nhầm lẫn về số phận của mình, – bà bá tước nghĩ, – ông ấy sẽ đợi ông thầy kiện về. Ông thầy thuốc, hôm trước, đã tuyên bố rằng ông bá tước khó lòng qua nổi một ngày. Hai giờ sau, khi người hầu phòng đem lại cho ông chủ câu trả lời làm nản lòng ấy, người sắp chết tỏ ra rất bồn chồn. – Trời ơi! Trời ơi! Ông nói đi, nói lại, nhiều lần, ta chỉ trông cậy vào anh. Ông nhìn con trai mình một lúc lâu, cuối cùng, ông nói với con, giọng yếu ớt: – Ernest, con ơi, con còn quá trẻ; nhưng con có tấm lòng tốt, chắc là con hiểu tính chất thiêng liêng của một lời hứa với một người sắp chết, với người cha của mình. Con có cảm thấy giữ được một điều bí mật, giấu kín nó trong người con, làm thế nào cho ngay cả mẹ con cũng không nghi ngờ gì không? Hôm nay, con ạ, chỉ còn mỗi mình con trong nhà này là cha có thể tin cậy được. Con sẽ không phản lại sự tin cậy của cha chứ? – Thưa cha, vâng ạ. – Vậy thì, Ernest này, chốc nữa cha sẽ trao cho con một gói có gắn xi thuộc quyền ngài Derville, con sẽ bảo quản nó, làm thế nào để không ai biết được là con có gói ấy, con sẽ lén ra khỏi lâu đài và bỏ nó ở trạm bưu điện nhỏ đầu phố. – Thưa cha, vâng ạ. – Cha có thể trông cậy vào con chứ? – Thưa cha vâng ạ. – Đến ôm hôn cha đi. Như vậy là con làm cho cái chết của cha đỡ cay đắng, con yêu quý ạ. Sáu, bảy năm nữa, con sẽ hiểu tầm quan trọng của bí mật này; lúc đó con sẽ được thưởng đích đáng vì sự khôn khéo và lòng trung thành của con, lúc đó con sẽ biết cha yêu con biết chừng nào. Hãy để cha được ở đây một mình một lúc, và ngăn đừng cho bất cứ ai vào đây. Ernest đi ra; cậu trông thấy mẹ đứng trong phòng khách. – Ernest, – bà ta bảo con, – lại đây. Bà vừa ngồi xuống vừa giữ con trai giữa hai đầu gối của mình, và ghì mạnh cậu bé vào ngực mình, bà ôm hôn con. – Ernest, cha con vừa nói chuyện với con. – Thưa mẹ, vâng ạ. – Cha con đã nói gì với con? – Thưa mẹ, con không thể nhắc lại được. –

Ồ! Con yêu quý của mẹ, – bà bá tước vừa ôm hôn con một cách phấn khởi vừa kêu lên, – con kín đáo thế làm cho mẹ vui sướng biết bao! Không bao giờ nói dối và luôn luôn trung thành với lời nói của mình là hai nguyên tắc mà ta không bao giờ được quên. –Ồ! Mẹ đẹp quá, mẹ ơi! Mẹ chưa bao giờ nói dối, mẹ nhỉ! Con tin chắc như vậy. – Ernest yêu quý của mẹ ạ, một vài lần, mẹ đã nói dối. Phải, mẹ đã không giữ lời nói của mình trong một số trường hợp mà mọi luật lệ đều phải bỏ qua. Con hãy nghe đây, Ernest của mẹ, con đã khá lớn, khá hiểu biết, nên có thể nhận thấy rằng cha con hắt hủi mẹ, không muốn để mẹ chăm sóc, điều đó là không hợp lý, vì con biết mẹ yêu cha con biết chừng nào. – Thưa mẹ, vâng ạ. – Tội nghiệp con tôi, – bà bá tước vừa nói vừa khóc, – tai họa này là kết quả của những lời bóng gió nham hiểm. Có những kẻ độc ác đã tìm cách chia rẽ mẹ với cha con, mục đích là để thỏa mãn lòng tham của họ. Họ muốn tước đoạt, chiếm lấy tài sản của chúng ta. Nếu cha con còn khỏe mạnh, thì sự chia rẽ giữa cha mẹ chẳng bao lâu sẽ chấm dứt, cha con sẽ nghe mẹ; và vì cha con là người tốt, biết yêu thương người khác, cha con sẽ nhận ra sai lầm của mình; nhưng lý trí cha con không còn sáng suốt nữa, và những thành kiến của cha con về mẹ đã trở thành định kiến, như thể điên rồ, cũng là do ốm đau. Cha con đặc biệt yêu quý con, đó là một bằng chứng mới về sự rối loạn năng lực của cha con. Chưa bao giờ con thấy, trước khi lâm bệnh, cha con không yêu Pauline và Georges bằng con. Tính cha con bây giờ rất thất thường. Vì thương yêu con, cha con có thể bắt con phải thi hành những mệnh lệnh. Nếu con không muốn làm gia đình mình khánh kiệt, thiên thần yêu quý của mẹ ạ, nếu con không muốn thấy mẹ của con, một ngày nào đó, phải đi ăn xin một mẩu bánh mỳ như một mụ khố rách, thì con phải nói hết với mẹ... – A! A! – Ông bá tước vừa mở cánh cửa ra vào, kêu lên, và đột ngột hiện ra gần như trần truồng, khô và róc hết thịt chẳng khác gì một bộ xương. Nghe tiếng kêu không thành tiếng của chồng, bà bá tước không cử động được, bà sững sờ, chết lặng. Chồng bà mảnh khảnh quá, xanh xao quá, tưởng như vừa ở dưới mồ chui lên. – Cô đã làm cho đời tôi tràn ngập đau khổ, cô còn muốn làm vãn đục cái chết của tôi, làm sai lệch lý trí con trai tôi, biến nó thành một người hư hỏng, – ông

kêu lên, giọng khàn khàn. Bà bá tước đến phủ phục dưới chân chồng, nước mắt đầm đìa; khi đó những xúc động cuối cùng của cuộc sống làm cho người sắp chết nom gớm ghiếc. – Xin hãy xá tội! Xin hãy xá tội! – Bà vợ kêu lên. – Thế đã khi nào cô thương tôi chưa? – Ông chồng hỏi. – Tôi đã để cô phá hết tài sản của cô, bây giờ cô còn muốn phá hết tài sản của tôi, làm khánh kiệt con trai tôi! – Vâng thôi! Không phải thương tôi, ông không cần mủi lòng, – bà nói, – nhưng còn những đứa con! Ông cứ xử tôi người vợ góa của ông, bắt nó phải sống trong một tu viện, tôi xin vâng lời; để chuộc tội, tôi sẽ làm tất cả những gì ông ra lệnh cho tôi; tôi chỉ mong các con được sung sướng! Ôi! Các con! Các con! – Tôi chỉ có một đứa con, – ông bá tước vừa trả lời, vừa thất vọng giơ cánh tay gầy guộc về phía con trai mình. – Tôi xin lỗi! Tôi hối hận rồi, hối hận rồi!... – bà bá tước vừa kêu lên vừa ôm lấy đôi chân ẩm ướt của chồng. Bà khóc nức nở, không nói nên lời, từ cổ họng cháy bỏng của bà chỉ thốt lên những tiếng mơ hồ, không ăn nhập gì với nhau. – Cô đã nói với Ernest những lời như thế mà còn dám nói đến hối hận! – Người sắp chết vừa nói vừa lấy chân hất ngã bà bá tước. – Cô làm tôi lạnh toát cả người! – Ông nói thêm bằng một giọng thản nhiên đáng sợ. – Cô đã là một đứa con gái hư, cô đã là một người vợ hư, cô sẽ là một người mẹ hư. Người đàn bà khốn khổ ngã xuống, ngất xỉu. Người sắp chết quay trở về giường, nằm xuống, và vài giờ sau đó, không biết gì nữa. Các linh mục đến làm thánh lễ cho ông. Đúng nửa đêm, ông tắt thở. Cảnh tượng ban sáng đã làm cạn kiệt chút sức lực còn lại của ông. Cũng lúc nửa đêm, tôi cùng đến với bố Gobseck. Nhờ quang cảnh lộn xộn, chúng tôi đã vào được tận phòng khách nhỏ ở ngay trước buồng người chết; chúng tôi thấy ba đứa trẻ đang khóc, giữa hai linh mục chắc là sẽ phải qua đêm bên cạnh xác chết. Ernest lại gần tôi và nói với tôi rằng mẹ cậu muốn được ở một mình trong buồng ông bá tước. – Xin các ngài đừng vào, – cậu bé nói với một giọng điệu và một cử chỉ thật tuyệt diệu, – mẹ cháu đang cầu nguyện! Gobseck bật cười, vẫn cái cười căm lạnh đặc biệt của lão. Tôi thì quá xúc động trước tình cảm bộc lộ trên khuôn mặt trẻ thơ của Ernest, nên không thể đồng tình với nụ cười mỉa mai của lão hà tiện. Khi thấy chúng tôi đi về phía cửa ra vào, cậu bé bèn đến đón

mình vào cửa và kêu lên: – Mẹ ơi, các ngài áo đen đang tìm mẹ đấy! Gobseck sẽ nhắc cậu bé ra như thể ta nhắc một cái lông chim, rồi mở cửa. Trước mắt chúng tôi, cảnh tượng sao mà kỳ lạ đến thế! Một cảnh lộn xộn đáng sợ ngự trị trong căn buồng. Đầu tóc xõa xượi vì thất vọng, hai mắt nẩy lửa, bà bá tước đang đứng sững sờ giữa đống quần áo cũ, giấy tờ, giẻ lau xáo trộn lung tung. Có mặt người chết ấy, cảnh lộn xộn nom thật kinh khủng. Ông bá tước vừa thở hắt ra thì bà vợ đã phá ngay tất cả các ngăn kéo và cái tủ bàn giấy; xung quanh bà, trên thảm đầy những mảnh vụn; một vài đồ đạc và nhiều cặp giấy đã bị phá vỡ; tất cả mang dấu vết những bàn tay táo toan của bà. Có thể lúc đầu bà chưa tìm thấy gì, nhưng đáng diệu và vẻ bồn chồn của bà khiến tôi cho rằng cuối cùng bà đã tìm thấy các giấy tờ bí mật. Tôi đưa mắt nhìn lên cái giường; vốn có bản năng và thói quen hành nghề, tôi đoán được điều gì đã xảy ra. Thi hài ông bá tước nằm trong khe giường, gần như nằm ngang, mũi quay về phía chân đệm, chắc là đã bị ném quăng lung tung, giống như một cái phong bì đang nằm dưới đất; vì chính ông cũng chỉ còn là một cái phong bì. Chân tay ông cứng đờ và không chuyển động được khiến cho ông có một cái gì đó lơ lửng, khủng khiếp. Chắc là lúc sắp chết ông đã giấu cái phản chứng thư xuống dưới gối như thể ông muốn bảo vệ nó, không để ai xâm phạm, cho đến khi ông chết. Bà bá tước đã đoán được ý nghĩ của chồng, vả lại ý nghĩ này hình như đã được viết ra trong cử động cuối cùng của ông, trong những co giật của các ngón tay khoằm. Cái gối đã bị ném xuống dưới giường, vẫn còn in dấu chân bà bá tước; ở chân giường, trước mặt bà, tôi trông thấy một tờ giấy có nhiều chỗ đóng dấu huy hiệu ông bá tước, tôi nhanh tay nhặt lên, đọc dòng chữ ghi địa chỉ mới biết là đáng lẽ nội dung đã phải được trao cho tôi. Tôi nhìn chòng chọc vào mặt bà bá tước, vẻ nghiêm khắc sáng suốt như một quan tòa đang hỏi cung một phạm nhân. Ngọn lửa trong lò sưởi đang thiêu hủy các giấy tờ. Khi nghe tiếng chúng tôi đến, bà bá tước mới đọc được những điều quy định đầu tiên của tôi chiếu cố đến các con bà, bà đã vội ném những giấy tờ vào lò sưởi, tưởng là đã thiêu hủy được bản di chúc truất quyền thừa hưởng tài sản của những đứa con. Như những kẻ phạm tội khác, bà bị lương tâm cắn rứt và sợ hãi một

cách vô ý thức, nên đã mất khả năng suy nghĩ. Khi thấy bị bắt quả tang có lẽ bà đã trông thấy máy chém và cảm nhận thấy gương nung đỏ của dao phủ. Người đàn bà ấy vừa đợi những lời nói đầu tiên của chúng tôi vừa thở hổn hển, bà nhón nhác nhìn chúng tôi.

– A! Thưa bà, – tôi vừa nói vừa rút từ lò sưởi ra một mẫu giấy lửa chưa bén đến, – bà đã làm các con bà khánh kiệt! Các giấy tờ này là những giấy chứng nhận quyền sở hữu của bọn trẻ. Miệng bà động đậy, như thể bà sắp bị một cơn liệt. – Ê! Ê! – Gobseck kêu lên, tiếng kêu đó giống như tiếng rít của một bó đồng khi bị đẩy trên một tảng đá hoa. Ngừng một lát lão nói với tôi bằng một giọng bình tĩnh: – Chẳng lẽ ngài lại muốn cho bà bá tước tưởng rằng tôi không phải là chủ sở hữu hợp pháp những tài sản ngài bá bá tước đã bán cho tôi? Cái nhà này thuộc về tôi được một lúc rồi. Một ngọn chùy bất ngờ quất vào đầu tôi có lẽ cũng không làm tôi đau đớn và ngạc nhiên bằng. Bà bá tước nhận thấy tôi đã nhìn lão cho vay nặng lãi có vẻ do dự. – Thưa ngài, thưa ngài! – Bà nói với lão, rồi không tìm thêm được lời nào nữa. – Ngài có giấy ủy thác di sản không? – Tôi hỏi lão. – Có thể. – Vậy chẳng lẽ ngài lại lạm dụng tội ác bà đây đã phạm? – Đúng. Tôi bỏ đi, để lại bà bá tước ngồi cạnh giường chồng, khóc sụt sùi. Gobseck ra theo tôi. Khi đã ở ngoài phố, tôi không đi cùng với lão nữa; nhưng lão lại đến gần tôi, nhìn tôi bằng một cái nhìn sâu kín lão thường dùng để thăm dò lòng người, rồi nói với tôi, vẫn cái giọng nói nghe như tiếng sáo của lão, nhưng âm thanh cao: – Con cũng học đòi xét xử ta ư? Từ đó, chúng tôi ít gặp nhau. Gobseck đã cho thuê tòa lâu đài của ông bá tước, lão về đồng ruộng nghỉ hè, sống kiểu lãnh chúa, xây dựng trang trại, sửa chữa cối xay, đường sá, và trồng cây. Một hôm, tôi gặp lão trên một lối đi ở điện Tuileries. – Bà bá tước sống một cuộc sống anh hùng, – tôi nói với lão. – Bà ấy đã toàn tâm giáo dục và nuôi dạy các con thật là hoàn hảo. Cậu con cả là một người dễ thương... – Có thể. – Nhưng, – tôi nói tiếp, – chẳng lẽ bác không phải giúp đỡ Ernest à? – Giúp đỡ Ernest! – Gobseck kêu lên, – không, không. Tai họa là ông thầy giỏi nhất của chúng ta, tai họa sẽ dạy nó biết giá trị của tiền bạc, giá trị của những người đàn ông và giá trị của những người đàn bà. Nó phải chèo chống trên biển Paris! Bao giờ nó trở thành một hoa tiêu

giỏi, chúng ta sẽ cho nó một con tàu. Tôi từ biệt lão, cũng chẳng buồn tự lý giải ý nghĩa những lời lão nói. Mặc dù ngài De Restaud, do ảnh hưởng của bà mẹ, cũng chán ghét tôi và không thêm hỏi ý kiến tôi, tuần trước tôi đã đến nhà Gobseck để cho lão biết về tình yêu của Ernest với tiểu thư Camille và giục lão hoàn tất việc đã được ủy nhiệm, vì cậu bá tước đã đến tuổi thành niên. Từ lâu, lão già nhận chiết khấu đã phải nằm liệt giường vì một căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng lão. Lão bảo để lúc nào ngồi dậy làm việc được, lão sẽ trả lời, chắc là vì lão không muốn vứt bỏ một tý gì chừng nào lão vẫn còn một hơi thở; kế hoãn binh của lão không có lý do nào khác. Thấy lão ốm nặng hơn là lão tưởng, tôi ở lại bên lão khá lâu và nhận thấy càng già con người đam mê càng dễ biến thành một loại người điên. Để không có một ai trong nhà mình ở, lão làm người thuê chính và để tất cả các buồng trống không. Trong căn buồng lão ở, không có gì thay đổi. Các đồ đạc tôi biết rõ từ mười sáu năm nay giống như được bảo quản trong khung kính, vẫn y nguyên như trước. Bà gác cổng già và trung thành của lão lấy một thương binh, mỗi khi bà lên hầu ông chủ, thì ông chồng gác thay; bà vẫn luôn là người nội trợ của lão, người đàn bà tin cẩn của lão, người đưa dẫn bất cứ ai đến gặp lão, và làm tròn nhiệm vụ một hộ lý bên cạnh lão. Mặc dù đau yếu, Gobseck vẫn đích thân tiếp khách hàng, đích thân nhận lợi tức; lão đã đơn giản hóa mọi việc đi nhiều nên chỉ cần sai người thương binh đi một vài việc để điều hành ở bên ngoài. Khi Pháp ký hiệp ước thừa nhận nước cộng hòa Haïti, những hiểu biết của Gobseck về tình hình những tài sản cũ ở Saint-Domingue và về những người thực dân hay những người được quyền kế tục họ, là những người được nhận tiền bồi thường, tất cả những hiểu biết đó đã khiến lão được chỉ định là thành viên của ban thanh toán tiền nợ và phân chia tiền phải trả của Haïti. Thiên tài của Gobseck khiến lão phát minh ra một hãng đại lý có nhiệm vụ nhận chiết khấu về những khoản tiền trả cho thực dân hay những người thừa kế; hãng mang tên Werbrust và Gigonnet chia lãi cho lão mà lão không phải bỏ vốn trước vì những tri thức của lão đã được coi là vốn lão đặt trước rồi. Cái hãng đó giống như một lò cất rượu, nơi ép ra những khoản tiền trả cho những kẻ dốt nát, những người hoài nghi, hay những

người mà quyền lợi có thể bị tranh cãi. Là nhà thanh toán, Gobseck biết cách đàm phán với các nghiệp chủ lớn; vì thế, hoặc để lão định giá quyền lợi của mình với tỷ suất cao, hoặc để được lão thừa nhận nhanh chóng, họ thường biếu lão những món quà tỷ lệ thuận với tầm quan trọng của tài sản. Thành thử quà biếu tạo thành một loại chiết khấu trên những món tiền mà lão không có cách nào làm chủ được; rồi thì hãng đại lý còn giao cho lão, với giá rẻ mạt, những khoản nhỏ, những khoản còn nghi vấn, và những khoản của những người muốn được trả ngay, dù ít đến mấy, còn hơn là đợi chờ, không chắc chắn, tiền của nhà nước cộng hòa rớt xuống. Vậy là trong vụ làm ăn lớn này, Gobseck như một con trăn ăn bao nhiêu cũng không biết chán. Sáng sáng lão tiếp nhận, liếc nhìn đồ cống nạp giống như quan thượng thư của một vương công Ấn Độ trước khi quyết định ký một lệnh ban ơn. Gobseck lấy tất, từ cái sọt của kẻ bán cùng đến những cân nển của những người kỹ tính, từ bộ bát đĩa của những nhà giàu đến những hộp đựng thuốc lá bằng vàng của những bọn đầu cơ. Chẳng ai biết những quà biếu đó về sau ra sao. Tất cả đi vào nhà lão cho vay nặng lãi, không có cái gì đi ra cả. – Thú thật với ngài, tôi, – một người đàn bà lương thiện, bà già gác cổng, là chỗ tôi quen biết lâu ngày, nói với tôi, – tôi cho rằng ông ấy đã nuốt chửng tất cả, ấy vậy mà cũng chẳng béo ra được tý nào, người vẫn khô và gầy như con chim trên cái đồng hồ của tôi. Cuối cùng, thứ hai vừa rồi, Gobseck đã sai người thương binh đến tìm tôi; ông này vừa đi vào văn phòng vừa nói với tôi: – Mời ngài đến mau, thưa ngài Derville, ông chủ tôi sắp sửa xuất trình sổ sách lần cuối cùng; ông ấy đã vàng như một quả chanh, ông ấy đang sốt ruột muốn được nói chuyện với ngài ngay, cái chết đang làm ông lo lắng, và cái nấc lâm chung đang muốn bật ra từ cổ họng ông. Khi vào buồng người sắp chết, tôi bất chợt nhìn thấy ông đang quỳ trước lò sưởi; lò sưởi không có lửa, nhưng có một đồng tro to tướng. Gobseck đã lê từ giường ra đấy, nhưng không còn đủ sức để trở lại giường nằm, cũng không còn đủ sức để cất tiếng phàn nàn nữa. – Ông bạn già ơi, – tôi vừa nói vừa nhấc lão dậy và giúp lão trở lại giường, – ông bị lạnh đấy, sao không đốt lửa? – Ta không thấy lạnh tý nào, – lão nói, – không đốt lửa! Không đốt lửa! Ta đi, không biết đi đâu,

chàng trai ạ, – lão vừa nói tiếp, vừa đưa mắt nhìn tôi, cái nhìn cuối cùng của lão, nhìn mà như không nhìn gì cả, và không có hơi ấm, – nhưng ta sẽ đi khỏi đây! Ta đang bị chứng *tay bắt chuồn chuồn*, – lão nói, dùng một từ chứng tỏ trí thông minh của lão vẫn còn rõ ràng và chính xác biết bao. – Ta đã tưởng như trông thấy trong buồng đầy vàng sống động và ta đã ngồi dậy để nắm bắt lấy. Tất cả vàng của ta sẽ vào tay ai? Ta không hiến cho chính phủ, ta đã làm một bản di chúc, tìm xem nó đâu, Grotius. Người đẹp Hà Lan có một đứa con gái, ta đã trông thấy, không biết ở đâu, trong phố Vivienne, vào một buổi tối. Hình như con bé có biệt danh là *Ngư lôi*, nó xinh đẹp như mộng, đi tìm nó nhé, Grotius? Con là người thi hành di chúc của ta; con muốn cái gì con cứ lấy; con ăn đi; có pa-tê gan béo, những kiện cà-phê, đường, những thìa vàng, cầm lấy bộ Odiot cho vợ con. Nhưng còn những hạt kim cương thì cho ai? Con có hít thuốc không, hả chàng trai? Ta có khối thuốc lá đây, đem đến Hambourg mà bán, kiếm được một *đơ-mi* đấy. Rốt cuộc, ta có tất cả và phải từ bỏ tất cả! Thôi nào, bố Gobseck, – lão tự nói với mình, – không được yếu đuối, hãy là chính người. Lão ngồi dậy, mặt lão in nét rõ ràng trên cái gối như thể nó bằng đồng đỏ; lão duỗi cánh tay khô đét và bàn tay trơ xương lên cái chăn; lão nắm chặt lấy cái chăn như để ghì mình lại; lão nhìn lò sưởi, cũng lạnh như con mắt có ánh kim loại của lão; rồi lão chết với tất cả lý trí của mình, để lại cho bà gác cổng, cho bác thương binh và cho tôi, hình ảnh những ông già La Mã chăm chú của Lethière vẽ đằng sau các Quan Chấp chính, trong bức tranh ông họa cái chết của những đứa con của Brutus. – Ông già Lascar nom táo tợn chưa! – Bác thương binh nói với tôi bằng ngôn ngữ lính tráng của bác. Tôi thì vẫn còn văng vẳng bên tai bản liệt kê quái dị những của cải phong phú của người sắp chết, và cái nhìn của tôi, dõi theo cái nhìn của lão, vẫn dừng lại trên đồng tro to tướng đáng chú ý. Tôi cầm cái cặp than, thọc sâu vào đồng tro thì đập phải một đồng vàng, bạc, chắc là những khoản thu nhập trong thời gian lão ốm mà vì yếu ớt, lão chưa cất giấu được, hoặc vì không tin, lão chưa gửi ngân hàng. – Bác hãy chạy đến nhà quan tòa tạp tụng, – tôi nói với ông già thương binh, nhờ ông ấy nhanh chóng cho người đóng dấu niêm phong vào đây! Ngạc nhiên vì những lời nói cuối cùng

của Gobseck và vì điều bà gác cổng mới nói, tôi cầm những chìa khóa các buồng tầng hai và tầng ba, lên đó xem sao. Sau khi mở cửa căn buồng thứ nhất, tôi đã được giải thích về những lời nói cứ tưởng là điên rồ; tôi trông thấy hiệu quả của một tính hà tiện chỉ còn lại là cái bản năng không lô-gic; ta đã thấy biết bao thí dụ về bản năng này trong những người hà tiện tỉnh lẻ. Trong căn buồng ngay bên cạnh buồng người chết, tôi thấy những tảng pa-tê thối, một đồng thực phẩm đủ loại, có cả sò, ốc, những con cá có râu, và đủ thứ mùi hôi thối toát ra khiến tôi suýt chết ngạt. Khắp nơi lúc nhúc giòi bọ và côn trùng. Những quà biếu mới nhận được đó nằm lẫn lộn với những hộp đủ mọi hình dáng, những hòm chè, những kiện cà-phê. Trên mặt lò sưởi, trong một cái liễn súp bằng bạc có những tờ yết thị về hàng đến, ký gửi dưới tên lão ở Le Havre, những kiện bông, những thùng đường, thùng rượu rum, cà-phê, chà, thuốc lá, thật là cả một cửa hàng thực phẩm thuộc địa! Căn buồng này bừa bộn những đồ gỗ, đồ bạc, đèn, tranh, lọ, sách, những bức tranh khắc đẹp được cuộn lại, không có khung, và nhiều cửa lậ. Có lẽ đồng của cái ketch xù đó không phải tất cả đều là quà biếu, mà có những vật cầm cố bị giữ lại vì chưa có tiền trả. Tôi thấy những hộp đồ nữ trang có vẽ huy hiệu hoặc đánh số, những bộ khăn ăn đẹp, những vũ khí quý giá, nhưng không có nhãn hiệu. Khi mở một quyển sách hình như đã bị chuyển chỗ, tôi thấy có những tờ giấy bạc một nghìn phơ-răng. Tôi tự hứa với mình là sẽ xem xét kỹ cả những vật nhỏ nhất, dò tìm cả dưới sàn, trên trần, các gờ, tường để có thể tìm ra tất cả số vàng của người Hà Lan hám vàng đến say mê kia; lão thật xứng đáng với bút vẽ của Rembrandt. Trong suốt cuộc đời hành nghề tư pháp của tôi, tôi chưa bao giờ thấy những hiệu quả như thế của tính hà tiện và tính kỳ quặc. Khi tôi trở lại buồng lão, thì tôi tìm ra, trên bàn giấy của lão, nguyên nhân tại sao đồ vật mỗi ngày một thêm lộn xộn và tại sao của cải lại chất đống như thế. Dưới một cái chặn giấy, có một số thư từ trao đổi giữa Gobseck và những nhà buôn chắc là thường hay mua những quà biếu của lão. Thế thì, hoặc vì họ là nạn nhân của lão Gobseck khôn khéo, hoặc vì Gobseck đã muốn bán thực phẩm, hàng chế tạo với giá quá cao, nên mỗi cuộc mua bán đều bị treo lại. Lão không bán thực phẩm cho Chevet bởi vì

Chevet cứ muốn lão phải chịu lỗ ba mươi phần trăm mới chịu lấy lại số thực phẩm đó. Gobseck thường kỳ kèo vì một vài phơ-răng chênh lệch, và trong khi kỳ kèo thì hàng hóa bị hư hỏng, về đồ bạc của lão, thì lão từ chối, không muốn trả phí tổn giao hàng, về cà-phê thì lão không muốn bảo đảm phần hao hụt. Rốt cuộc, mỗi đồ vật đều gây ra những cuộc cãi cọ; như vậy rõ ràng là Gobseck đã có những triệu chứng đầu tiên của trò trẻ con, của trạng thái ương ngạnh không sao hiểu được của tất cả những người già; họ đều phải đi đến cái mốc ấy và niềm ham mê mạnh mẽ của họ sống dai hơn trí óc họ. Tôi tự bảo, cũng như lão đã tự nói với chính mình: – Tất cả những của cải đó sẽ về tay ai?... Nghĩ đến điều chỉ dẫn kỳ cục của lão về người thừa kế độc nhất của lão, tôi thấy mình phải đi lục soát tất cả các nhà khả nghi ở Paris và vớt cho một người đàn bà hư hỏng nào đó một tài sản kếch xù. Trước hết, xin bà biết cho rằng, bằng những chứng thư đúng thể thức, bá tước Ernest de Restaud, trong ít ngày nữa, sẽ có quyền sở hữu về một tài sản khá lớn, khiến ngài có thể cưới tiểu thư Camille, mà vẫn lập được cho bà bá tước De Restaud, mẹ ngài, cho em trai và cho em gái ngài, những khoản hồi môn và những phần tài sản đủ dùng.

– Thế thì, thưa ngài Derville thân mến, chúng tôi sẽ suy nghĩ về điều đó, – bà De Grandlieu trả lời. – Ngài Ernest phải giàu lắm mới có thể làm cho một gia đình, như gia đình chúng tôi, chịu chấp nhận mẹ ngài. Ngài hãy nghĩ rằng con trai tôi một ngày kia sẽ trở thành công tước De Grandlieu, cậu ấy sẽ hợp nhất tài sản của hai gia đình De Grandlieu, tôi muốn cậu sẽ có một người em rể hợp với sở thích của cậu.

– Nhưng, – bá tước De Bom nói, – Restaud *mang huy hiệu màu đỏ, có thanh ngang màu bạc, kèm theo bốn cái khiên nhỏ màu hoàng kim, mỗi cái có một chữ thập màu đen*, và đó là một huy hiệu rất cổ.

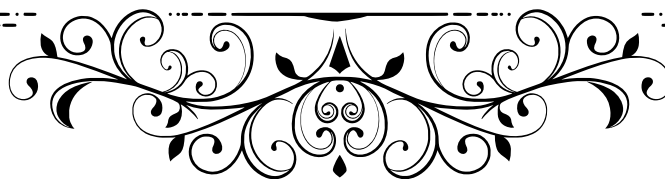
– Đúng thế, – bà tử tước nói, – vả lại Camille có thể sẽ không gặp mẹ chồng cô ấy là người đã làm cho phương châm RES TUTA* trở thành sai bét!

– Bà De Beauséant có tiếp bà De Restaud đấy, – ông bác già nói.

– Ô, trong những đại yến hội của bà ấy chứ gì! – Bà tử tước cãi lại.

Paris, tháng Giêng năm 1830

NGUYỄN VĂN ĐOAN
dịch



NGƯỜI ĐÀN BÀ TUỔI BA MƯƠI

LA FEMME DE TRENTE ANS



Người đàn bà tuổi ba mươi là tiểu thuyết được xuất bản năm 1834 sau nhiều lần in từng phần rải rác và có sửa chữa để thành một tác phẩm hoàn chỉnh. Đây là sáu câu chuyện không liên kết chặt chẽ, kể lại những thời điểm khác nhau trong đời một người đàn bà, Julie. Năm 1813, cô gái ngây thơ say mê một sĩ quan trẻ của quân đội Napoléon là Victor, bá tước d'Aiglemont. Cha Julie biết con gái mình có tâm hồn tinh tế và cũng hiểu rõ sự tầm thường trong con người chàng thanh niên thành đạt đó nên ông phản đối cuộc hôn nhân mà ông biết trước sẽ không mang lại hạnh phúc cho con. Nhưng Julie vẫn lấy người nàng yêu. Cuộc sống vợ chồng đã nhanh chóng làm cho Julie thất vọng vì chồng nàng là người hời hợt mà lại quá mạnh mẽ về thể xác. Victor, một con người tầm thường, một đại tá của Napoléon bị thất thế nay lại phục vụ chế độ Trùng hưng, được chế độ này trọng dụng và được giữ hàm tướng với tước hiệu hầu tước. Họ có được một đứa con gái đầu lòng, Hélène. Cuộc sống vợ chồng không nhờ thế mà tốt hơn. Tình hình càng trầm trọng thêm khi một tình yêu lý tưởng nảy sinh giữa Julie và chàng quý tộc Anh, người đã chữa khỏi bệnh cho nàng và một lần, khi đến nhà nàng vừa lúc chồng nàng trở về, chàng đã trốn ngoài hiên lạnh để bảo vệ danh dự cho nàng. Sự hy sinh đó đã dẫn chàng tới cái chết. Đau khổ vì mất người yêu, Julie cương quyết cự

tuyệt chồng để giữ chung thủy với người tình đã khuất. Tất cả tình cảm của nàng dành cho Hélène, đứa con gái, dần dần cũng trở lỵ. Nàng chịu đựng sự dằn dúi của chồng với những người đàn bà khác. Thậm chí nàng còn đồng lõa với chồng để thực hiện những tham vọng chính trị của anh ta. Tới năm ba mươi tuổi, nàng gặp Charles Vandenesse, một nhà ngoại giao lịch thiệp, Julie gần như sống lại và nàng đã có với Charles một đứa con trai, đứa con của tình yêu đồng thời cũng là đứa con của tội lỗi. Từ đây, bất hạnh liên tiếp đổ xuống đầu Julie. Sự dằn vặt trong tâm hồn, nỗi đau khi mất đứa con trai – đứa con trai của tình yêu – bị chệch nó vì ghen tức mà đẩy xuống nước, khiến Julie lại rơi vào tâm trạng thất vọng. Và nỗi khổ của nàng lên đến cực điểm khi mười năm sau, Hélène lại ra đi với một tên tội phạm mà định mệnh đã run rủi y trong đêm chạy trốn vào nhà chỉ trong hai tiếng đồng hồ. Một nhà hồi đoái bị phá sản, kéo theo sự khánh kiệt của D'Aiglemont, chồng Julie. Định kinh doanh để cứu vãn gia sản, ông lại thất bại, rơi vào cảnh nghèo khổ và sang châu Mỹ để tìm lại vận may.

Sau sáu năm, trên đường trở về Pháp, con tàu của ông bị bọn cướp biển tấn công, ông thoát chết được là do tên thuyền trưởng cướp biển nhận ra ông chính là bố vợ hắn! Nhưng Hélène vẫn say mê người mà cô đã chọn hơn bao giờ hết và từ chối không trở về nhà cùng cha.

Sau khi trở về và cơ nghiệp vực lại rồi, hầu tước kiệt sức mà chết. Người mẹ mang Moïna con gái út đi thay đổi không khí ở vùng Pyrénées. Họ trọ ở cạnh một gian phòng đêm đêm cứ nghe thấy tiếng rên rĩ. Cuối cùng, hóa ra người đàn bà cùng đứa con sắp chết ở phòng bên cạnh lại chính là Hélène và đứa con út của nàng – đứa duy nhất nàng cứu được trong vụ đắm tàu. Hélène nhìn thấy bộ đồ tang của mẹ, trước khi chết còn kêu lên những lời tuyệt vọng vì không gặp lại cha và trách móc mẹ.

Rồi hai đứa con sau cũng lần lượt rời bỏ bà hầu tước Julie D'Aiglemont: đứa chết vì dịch tả, đứa chết trận. Tất cả tình cảm và của cải, Julie dồn cho đứa con gái út, Moïna, nay đã trở thành nữ bá tước Saint-Héreen. Chồng đi vắng xa, nữ bá tước ở nhà lại đang bị quyến rũ bởi Alfred Vandenesse (con trai của chính người tình xưa của mẹ nàng). Muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình con gái, Julie đã tìm cách cảnh báo Moïna về Alfred, người mà bà cho là không tốt, trong khi

chồng của Moïna là một người xứng đáng, đầy năng lực. Nhưng đứa con gái cứng không hề biết ơn mẹ, mà lại tìm cách xúc phạm mẹ: “Con tưởng mẹ chỉ ghen với bố anh ta chứ”...

Người mẹ đau đớn gượng lê ra tới ngoài vườn, ngất đi. Câu cuối cùng mà Julie nói với người hầu khi họ gọi cấp cứu là: “Đừng làm con gái tôi phải hoảng sợ”.

Khi cả nhà quây quanh người đã chết, Moïna mới hiểu hết sự mất mát của mình, và chỉ còn nói được một câu: “Tôi đã mất mẹ rồi!”

Mặc dù Balzac đã cố gắng tạo mối liên hệ, tính thống nhất cho các câu chuyện, song tác phẩm vẫn rời rạc. Trong khi ba truyện sau có vẻ ly kỳ một cách hơi dễ dãi, với một chuỗi tai họa và bất hạnh, thì ba truyện đầu hết sức tinh tế, bộc lộ tài năng phân tích tâm lý tuyệt vời, đặc biệt là tâm lý phụ nữ. Chính những truyện này khiến Balzac nổi tiếng là nhà văn đã “sáng tạo nên người đàn bà tuổi ba mươi”. Và nữ nhân vật cũng nổi tiếng đến mức ngày nay, ở Braxin, từ balzaciana chỉ người phụ nữ ba mươi tuổi, còn ở Nga, женщина бальзаковского возраста (người đàn bà ở tuổi của Balzac) chỉ người phụ nữ từ ba mươi đến bốn mươi tuổi.

LÊ PHONG TUYẾT

tóm tắt

**CẢM ƠN BẠN ĐÃ ĐỌC XONG TÁC PHẨM TẤN TRÒ
ĐỜI *TẬP 1* CỦA HONORÉ DE BALZAC**

**E-BOOK ĐƯỢC XUẤT BẢN ĐIỆN TỬ BỞI
absentMeow THUỘC ©vctvegroup**

— HOÀN THÀNH 3/2022 —